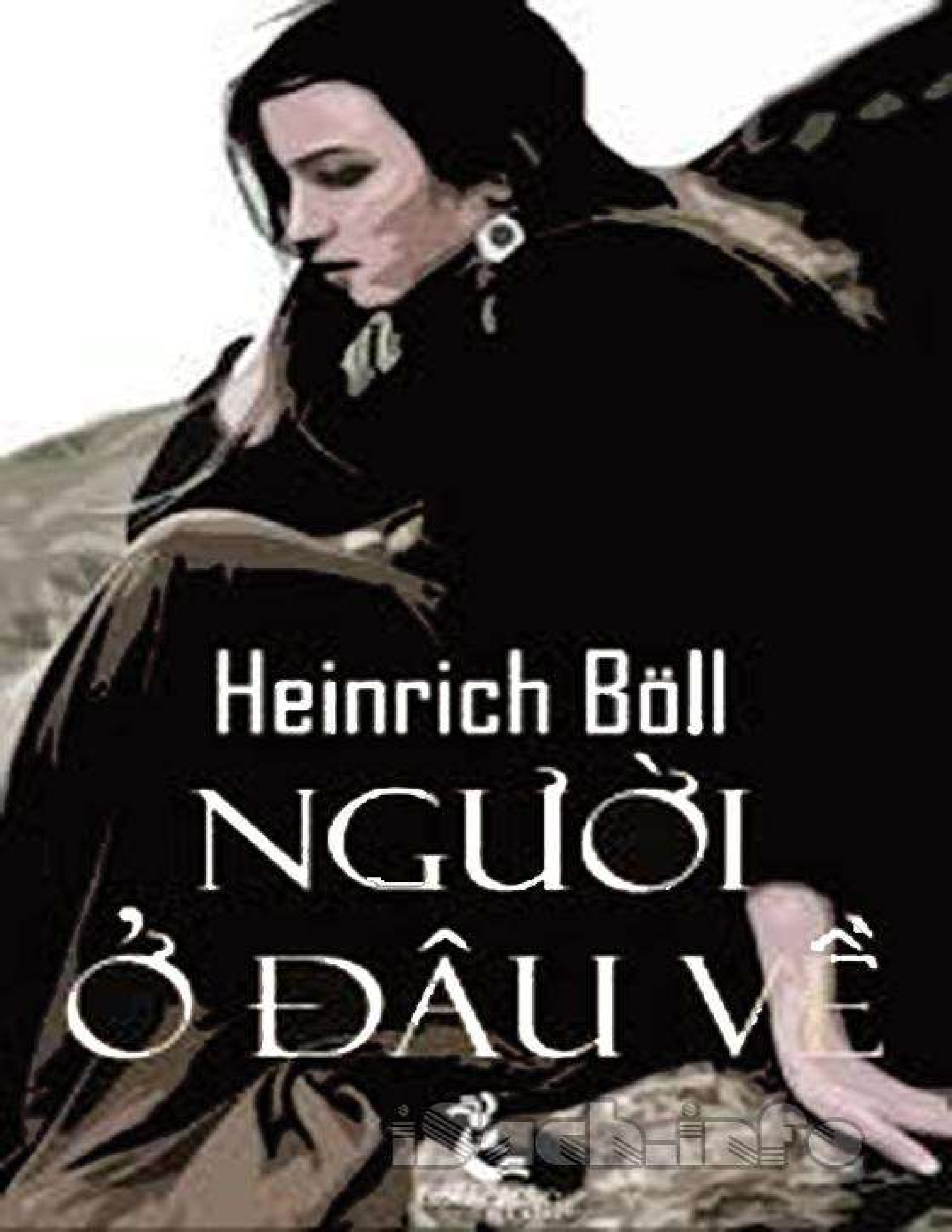




Heinrich Böll

NGƯỜI
Ở ĐÂU VẺ



HÌNH

NGƯỜI Ở ĐÂU VỀ

Heinrich Boll

www.dtv-ebook.com

Giới Thiệu Tác Giả

Heinrich Böll là nhà văn Tây Đức được trao tặng giải thưởng Nobel về văn chương năm 1972. Ông sinh năm 1917 tại vùng Cologne trong một gia đình lao động, cha làm thợ chạm và đóng tủ. Bị gọi nhập ngũ dưới thời Quốc xã, ông chiến đấu ở mặt trận miền Đông trong Thế chiến II với cấp bậc hạ sĩ và bị thương bốn lần. Sau 1945 ông về nối lại nghiệp nhà, nhưng rồi chuyển sang việc viết truyện. Tính đến nay ông đã có bốn mươi cuốn sách xuất bản, vừa tuyển tập truyện ngắn vừa tiểu thuyết.

H

Theo đúng truyền thống của Giáo hội La Mã (Thư của Phao Lô gửi người La Mã - Roma: I3: I-2) là tôn trọng thế quyền vì đó là sự sắp đặt của Chúa và ai chống sẽ bị đọa đầy, tác giả ngoan ngoãn gia nhập guồng máy chiến tranh khi vừa hai mươi tuổi. Bộ mặt ghê tởm của chế độ độc tài cuồng tín Hitler nhúm cả thế hệ thanh niên vào lò lửa để thỏa mãn tham vọng đế quốc, và sát hại trên sáu triệu người Do Thái vô tội, là một vết ô nhục lớn của nước Đức. Kinh nghiệm chiến tranh cũng như việc sống gần gũi với đám dân đen nạn nhân đã khiến cho tác giả mở mắt ra và xét lại lập trường của mình. Không thể chấp nhận lời phán dạy phản động của Phao Lô, ông trở thành một nhà trí thức Thiên chúa giáo tả phái trời bật để đứng về phía những người nghèo khó, bị áp bức; ông từ chối đóng thuế cưỡng bách cho Giáo hội và thách thức cha chánh địa phận Cologne trục xuất ông khỏi hàng ngũ con chiên.

Văn nghiệp qua trên một phần tư thế kỷ của ông là một lời xưng tội thống thiết của nước Đức. Dù muốn dù không, dân Đức không thể trút hết tội lên một mình Hitler hay đám bộ hạ cuồng tín của hắn. Chính đa số những thanh niên quá ngoan ngoãn, quá kỷ luật như Heinrich Böll năm 1938, đã thi hành những gì con người điên cuồng kia sai bảo, mà không một lời tự vấn lương tâm. Heinrich Böll trở thành lương tâm của cả nước Đức.

Qua hai lần gây chiến với cả Châu Âu và hai lần bại trận nhục nhã, dân Đức như vừa trải qua một cơn ác mộng kinh hoàng. Đa số tìm cách đổ vấy trách nhiệm lên đầu một cá nhân hay một tập thể nhỏ, để lương tâm yên ổn mà sống, mà hùng hục sản xuất tạo ra một “phép lạ kinh tế” thời hậu chiến. Nhưng những nhà nghệ sĩ không thể làm ngơ và chạy trốn trước một kinh nghiệm đau thương như thế. Tiếng nói trung thực của dân tộc Đức tìm thấy những đại diện chân chính qua các nhà văn lớn như Erich Maria Remarque với các tác phẩm: “Mặt trận miền tây vẫn yên tĩnh”, “Một thời để yêu, một thời để chết”, “Ba người bạn”, “Bừng tia sống” ; như Hermann Hesse với các tác phẩm: “Đường về nội tâm”, “Câu chuyện của dòng sông”, “Tuồng ảo ảnh” ; như Gunter Grass với các tác phẩm như: “Chiến thùng thiếc” và “Những năm chó má”.

Heinrich Böll là một khuôn mặt lớn nằm trong trào lưu đó. Tiểu thuyết của ông chịu ảnh hưởng kỹ thuật của nhà văn Ái Nhĩ Lan James Joyce với mỗi nhân vật là một chủ chỉ đạo đức gọi lên trong đồng loại sự cam kết và tình bác ái trước thử thách lớn lao. Trong các nhà văn xã hội của Đức ông có uy thế hơn cả, các tác phẩm chính của ông là:

- 1950: Người ở đâu về (Wo warst du, Adam): mô tả sự giác ngộ của một kiến trúc sư về bản chất của Quốc xã, nhất là nguồn máy chiến tranh của nó, qua mối tình với một thiếu phụ Hung Gia Lợi gốc Do Thái.

- 1954: Từ độ xa người (Haus ohne Huter): mô tả những gia đình thiếu bóng người chồng, người cha sau chiến tranh. Được giải truyện ngoại quốc

hay nhất của Pháp năm 1955.

- 1959: Bida lúc chín rưỡi (Billiard um, halb zehn): mô tả một gia đình theo thể ký sự trong đó ông tổ xây một nhà thờ nổi tiếng, để rồi đưa con là một đặc công khi chiến tranh gần kết liễu lại cho nổ tung vì bức bối sao Giáo hội lại khoan dung với bọn Quốc xã, và nhiều người lo bảo vệ một thắng tích hơn là sẵn sàng cho các nạn nhân chiến tranh.

Kinh nghiệm của Việt Nam, sau ba mươi năm làm bãi chiến trường cho các đế quốc đã có biết bao thế hệ thanh niên bị biến thành kiếp thiêu thân, chắc chắn sẽ là một đề tài lớn trong những ngày hòa bình sắp tới. Tác phẩm của Heinrich Böll là sự phản tỉnh của một dân tộc thời hậu chiến có nhiều vấn đề, nhiều trình tự tương ứng với hoàn cảnh nước ta ngày nay.

Một tai họa toàn cầu có thể dùng cho nhiều mục đích. Cũng có thể là cơ nài ra để gỡ tội. Hồi ấy, anh ở đâu hở, Adam? - “Hồi ấy tôi đang dự đại chiến”

TH. Haecker.

Xưa kia, tôi đã sống nhiều cuộc phiêu lưu: nào là vụ đặt đường bưu điện, nào là vụ Sahara ly khai, nào là vụ Nam Mỹ - nhưng chiến tranh không phải là một cuộc phiêu lưu thực sự, nó chỉ là một thứ tạm thế cho phiêu lưu. Chiến tranh là một bệnh tật. Như bệnh chấy rận vậy.

A. De Saint-Exupéry.

NGƯỜI Ở Đâu VỀ

Heinrich Boll

www.dtv-ebook.com

Chương 1

Trước hết, đó là một khuôn mặt lớn, vàng vọt và bi đát, lướt qua trước mặt họ. Đó là bộ mặt của ông tướng. Ông tướng có vẻ mệt nhọc. Ông ta vội vàng mang ra trước mặt một ngàn người này cái đầu ông với quầng mắt thâm, tròng mắt vàng vì sốt rét, cái miệng nhẽo, cặp môi mỏng của những người đang hồi đen đui. Khởi đầu từ gốc tay phải của đám quân tập hợp đầy bụi bặm, ông ta lần lượt nhìn họ từng người, thẳng vào mắt họ, một cách buồn rầu; ông ta đổi hướng uể oải, không có vẻ gì hăng hái, và tất cả bọn họ đều ngẫm chú ý tới một điểm: trên ngực ông thì đủ cả các huy chương, chẳng thiếu chiếc nào, lấp lánh ánh vàng, ánh bạc, nhưng nơi cổ ông không đeo gì cả, không có huy chương gì cả. Và tuy rằng họ đã biết là một tấm bội tinh ở nơi cổ một ông tướng chẳng có quan trọng mấy nổi, họ cũng thấy hơi khó chịu là ông ta không có. Cái cổ nhà tướng vàng vọt và thiếu huy chương ấy làm họ liên tưởng tới những trận đánh thua, những cuộc rút lui không nổi, những lời nói nặng nề và chua chát mà các sĩ quan cao cấp trao đổi với nhau, những cuộc điện đàm bóng gió, những vụ thay đổi chỉ huy. Cái cổ ấy khiến họ liên tưởng tới một ông già mắt nhìn mệt mỏi và tuyệt vọng, lúc chiều tối, cởi áo khoác ra, ngồi ghé xuống giường với đôi cẳng gầy guộc và thân hình kiệt quệ vì cơn sốt, để uống một chút rượu mạnh. Bọn họ gồm có ba nghìn ba trăm ba mươi ba người để họ tới thanh tra; họ cùng có một cảm giác kỳ quặc lẫn lộn buồn, thương, lo, giận: giận khi nghĩ đến cuộc chiến tranh này đã kéo dài quá lâu, quá lâu đến nỗi cái cổ một ông tướng mà dám để trần không đeo huy chương thường lệ.

T

Ông tướng giơ tay lên chào chạm cái mũ bạc màu, nhưng tay cũng khá cứng cáp. Đến góc trái của đám quân tập hợp, ông ta hướng một cách mạnh mẽ hơn, tới giữa cạnh trống của hàng quân ông dừng lại, và đám sĩ quan đông đảo xúm lại quanh ông ta, thành hàng thưa nhưng đều đặn: nom ông thật là tội nghiệp vì cái cổ không bội tinh, trong khi có những người khác, cấp bậc kém ông, mà bội tinh lấp lánh dưới ánh mặt trời.

Thoạt đầu, ông tướng ra vẻ như muốn nói gì, nhưng rồi lại chỉ đột ngột đưa tay lên chạm mũ, và đồng thời quay ngoắt lại, bất ngờ đến nỗi đám sĩ quan sau ông phải hoảng hốt tách ra để lấy lối cho ông đi. Tất cả bọn họ thấy con người mảnh khảnh ấy lên xe, các sĩ quan giơ tay chào một lần nữa, và một đám bụi trắng xóa tung bay cho họ biết là ông tướng đi xe về hướng tây, về phía mặt trời đã lặn xuống khá thấp, gần sát tới các mái nhà trắng phẳng. Ông tướng đi về một nơi không có mặt trận.

Thế rồi, cứ từng đoàn ba trăm ba mươi ba người một, xếp hàng ba, họ đi về phía kia của thành phố, về phía nam, qua các quán cà phê cửa hàng vừa đom đàng, vừa lem luốc, qua các rạp chiếu bóng, các nhà thờ, qua các khu đông đúc, ở đó gà chó nằm ườn trên ngưỡng cửa, ở đó có những người đàn bà vừa đẹp, vừa bẩn, đứng tì khuỷu tay nơi cửa sổ phô bày bộ ngực trắng bong, và ở đó từ những quán cơm nhỏ, dơ dáy, đưa ra tiếng hát đều đều của những chàng say, nghe khó chịu lạ. Có những chuyến xe điện chạy nhanh như gió, kêu diếc con ráy. Sau hết họ tới một khu yên tĩnh với những ngôi biệt thự có vườn xanh rờn lá bao quanh; có những chiếc xe nhà binh đỗ trước cổng đá xây. Họ vượt qua một chiếc cổng đồ và họ xếp hàng thành từng đội hình vuông ba cạnh nhỏ hơn mỗi cạnh một trăm mười một người, trong một khu vườn được giữ gìn rất cẩn thận.

Họ xếp đặt quân trang ở cuối khu vườn, chụm súng, và khi họ đã đứng nghiêm người rã rời, bụng đói, miệng khát, giận dữ và chán nản vì cuộc chiến tranh thổ tả này khi họ đã đứng nghiêm rồi, thì một bộ mặt nhỏ nhắn và tuấn tú đi qua trước mắt họ: đó là gương mặt của ông đại tá, một người

trắng xanh, mắt nghiêm, môi mím và mũi dài. Tất nhiên là cái cổ dưới khuôn mặt ấy có đeo một chiếc bội tinh, nhưng chiếc bội tinh ấy cũng không làm cho họ vui lòng. Ông đại tá ngoắt theo góc thẳng, bước đi vững vàng và từ tốn, không bỏ sót một cặp mắt đội viên nào. Đến lúc để chấm dứt ông ta đổi hướng đến cạnh trống và thấy trước mặt ông một hàng sĩ quan, thì họ đều biết là ông ta sẽ nói vài lời, và họ đều tự nhủ là họ đang thèm uống một chút gì, thèm ăn, thèm uống hoặc thèm ngủ, hoặc thèm một liều thuốc. Bằng một giọng nói to và rõ ràng ông ta nói:

- Các chiến hữu, tôi xin chào các chiến hữu. Tôi cũng không có nhiều điều phải nói, trừ có điều là chúng ta phải đánh đuổi lũ rợ, xua chúng về rừng. Các chiến hữu hiểu chưa?

Tiếng nói ngừng lại một lát, quăng nghỉ thật nặng nề, gần như chết người. Họ đều thấy rằng mặt trời đã đỏ hết, một màu đỏ sậm, và cái ánh thể lương ấy thu cả vào chiếc bội tinh lung lẳng ở cổ ông đại tá, nó rút lại còn có ánh lấp lánh của bốn cánh. Và chính lúc đó họ mới nhận thấy chiếc có trang trí lá sồi, mà họ gọi là “hoa lá cành”. Ra ông đại tá có “hoa lá cành” ở cổ. Ông ta gằn giọng:

- Các anh đã hiểu chưa?

Vài người lính đáp bằng một giọng ồ ồ, uể oải thiếu cảm tình.

- Dạ hiểu, thưa đại tá.

Tiếng đại tá lại nói, nhưng nó the thé như thể vút lên trời, như một con chim sơn xa nổi giận tìm mồi, muốn bay lên hái lấy một vì sao.

- Tôi hỏi các anh có hiểu không?

Một vài người khác trả lời:

- Dạ hiểu, thưa đại tá.

Nhưng họ không có nhiều, và những người lên tiếng trả lời ấy nhọc mệt, khản cổ và thờ ơ, mà giọng nói của ông đại tá này không có cái gì có thể làm họ đỡ khát, đỡ đói và đỡ thèm thuốc lá.

Giận dữ, ông đại tá lấy roi chỉ huy quất vào không khí: họ thoảng nghe có tiếng: “Thật là lũ ngợm”, rồi ông đại tá bỏ đi, với bước đi nhanh nhẹn và bức bối, theo sau là viên sĩ quan tùy tùng, một Trung úy trẻ, cao mà gầy, cao quá và trẻ quá khiến họ không khỏi mỉm lòng.

Vùng dương vẫn ở đó, ngay trên các nóc nhà, giống như một quả cầu sắt đỏ rực lặn trên các mái bằng nhọt nhọt; nền trời bốc cháy đã ngả sang một màu xám hơi nhạt và hàng cây buông thông đám lá còm còi. Họ tiếp tục đi, bây giờ thẳng về phía tây, qua các khu ngoại ô, qua các ngôi nhà nhỏ, trên các mặt vỉa hè rộng, qua các sạp tre chai gần một khu nhà bán, giống như những trại lính và hoàn toàn kệt cỡ so với cảnh chung quanh, gần những kho đồ phế thải, lan qua những mảnh vườn dưa chín ửng, và có những trái cà chua chín nâu lắt lẻo nên những thân cây bụi bặm, những thân cây cao một cách kỳ dị, cũng kỳ dị như ruộng ngô đầy bắp lớn, ở đó một đàn chim đen sì đến mổ ăn; đàn chim lười lĩnh bay đi khi đoàn người nhọc mệt bước lần tới, bay thành đám, lượn lờ một lát rồi lại đậu xuống mổ ngô.

Bây giờ, họ chỉ còn có một trăm lẻ năm người, một trung đội nhọc mệt, đầy bụi bặm, chân phỏng, mặt vã mồ hôi, với một viên Trung úy dẫn đầu, một Trung úy mang nổi chán chường ghi trên mặt. Ngay khi viên Trung úy này nhận chức chỉ huy, họ đã biết rằng ông ta thuộc loại nào rồi. Ông ta chỉ nhìn họ một lượt, thế là đủ. Mặc dù đói, mặc dù khát, nhất là khát, họ cũng đọc thấy trong ánh mắt ông ta ý nghĩ này: “Thối! Thối thật! Nhưng chúng ta không thể làm sao được”. Và với một vẻ thờ ơ rõ rệt, bất chấp mọi cách chỉ huy thông thường, ông ta nói: “Đi!”.

Thế rồi họ dừng lại ở gần một ngôi trường học bán thiêu, chung quanh có cây mọc mà lá úa quá nửa rồi. Có những vũng nước đen, hôi thối trên đó ruồi nhặng vo ve bu kín; các vũng nước hình như nằm lẳng đó hàng bao

tháng rồi, giữa một vĩa hè hư nát và cầu tiểu vệ phẩn lầy nhằng, từ đó bốc lên một mùi khai khùng khiếp.

- Đứng lại!

Viên Trung úy nói vậy, rồi đi vào trong một tòa nhà với dáng đi uể oải mà tao nhã của một người tràn đầy chán nản.

Người ta không bắt họ xếp thành đội hình vuông nữa, và viên Đại úy thị sát họ cũng không thềm cất tay lên mũ để chào nữa. Ông ta cũng không đeo dây lưng, ông đang nhăm nhăm một cọng rơm, và bộ mặt to béo của ông cũng có vẻ hiền lành. Ông ta chỉ gật đầu, “hừ” một tiếng, tự giới thiệu, rồi nói: “Thưa các bạn, chúng ta không còn thì giờ nữa. Tôi sẽ phái thượng sĩ đến đây, anh ta sẽ phân phối các bạn vào các đại đội”. Nhưng gương mặt lành mạnh của ông Đại úy đã không làm cho họ quên không chú ý tới các chiến xa năm kia, đã trang bị sẵn sàng, tới các quân cụ để xung phong sẵn sàng trên các thành cửa sổ đầy bùn đất: những gói xanh xanh, gọn ghẽ, với dây lưng, với đủ các thứ cần dùng như túi dết, bao đạn, xẻng đào đất và mặt nạ phòng hơi độc.

Khi họ tiếp tục hành quân, chỉ còn có hai mươi tư người; họ lại băng qua ruộng ngô, đến dãy nhà rẽ tiền, xéo qua về hướng đông và tới một đám nhà xây trong khu rừng thưa, giống như một cư xá nghệ sĩ: những căn nhà vuông vắn, một tầng, có mái bằng và cửa sổ lớn lắp kính.

Có những chiếc ghế mây ở trong vườn, và khi họ dừng bước và quay lại, họ thấy rằng mặt trời đã khuất sau các căn nhà. Ánh đỏ vô biên tràn khắp vòm trời với một màu đỏ tươi quá, khiến người ta phải nghĩ tới màu máu loang lỗ, đằng sau họ, về phía đông, đã là bóng ảm của hoàng hôn.

Trước mặt các ngôi nhà nhỏ, binh lính ngồi bệt xuống đất trong bóng tối, các chùm súng dựng lên khắp nơi, có chừng một tá. Họ nhận thấy mọi

người đã khóa dây nịt đạn, mũ sắt của họ, ngoắc vào các cây súng trường, phản chiếu ánh đỏ nhạt.

Viên Trung úy, từ trong một ngôi nhà đó đi ra, cũng không buồn kiểm điểm họ nữa. Ông ta dừng lại ngay trước bọn họ, ngay chỗ giữa. Họ thấy rằng ông ta chỉ có mỗi một huy chương, một chiếc huy chương nhỏ, đen sì, đúng ra cũng chẳng ra một huy chương, một cái mề đay nhỏ xíu, một miếng tôn mỏng đen dát thành, chứng tỏ rằng ông ta đã đổ máu vì tổ quốc. Viên Trung úy có một gương mặt nhọc mệt và buồn rầu, và khi ông ta nhìn họ, thì mắt ông ta để vào huy chương của họ trước đã, rồi mới nhìn đến mặt họ. Ông ta nói: “Được”, và một lát sau, nhìn vào đồng hồ rồi mới nói: “Các anh mệt rồi, tôi biết, nhưng tôi không thể làm sao được. Chúng ta phải khởi hành trong mười lăm phút nữa”.

Rồi, nhìn người Trung sĩ ở bên cạnh ông ta, ông nói tiếp: “Không cần phải lấy tên, bảo thu hết số tùy thân, và cho họ hành quân tác chiến. Phân phối mau mau để họ có thì giờ uống nước”. Ông ta lại nói lớn với hăm tư binh sĩ: “Lấy nước đây bi đông vào!”

Viên Trung sĩ, đứng bên cạnh ông ta, ra vẻ vừa bức tức vừa vênh váo. Hắn có nhiều huy chương hơn viên Trung úy gấp bốn lần. Gật đầu, hắn quát to: “Nào, đưa số ra!”

Hắn đặt chồng số lên trên một cái bàn khập khiễng, bắt đầu lựa và, trong khi đếm và phân chia ra, họ đều cùng có một ý nghĩ: đoạn hành trình vừa qua thật là mệt, chán buồn mửa, nhưng chưa có gì là nghiêm trọng. Tất cả, ông Tướng, ông Đại tá, Đại úy và cả Trung úy, họ đều ở xa và không đòi hỏi ở họ được gì cả. Chính những người này, đang ở trước mặt họ đây, mới là chủ họ: viên Trung sĩ lêu đêu, hể chào là giơ tay lên mũ và đập gót giày đúng kiểu động tác cơ bản cách đây bốn năm, hoặc viên Thượng sĩ thô bỉ kia, có khi chụp mình từ phía sau, quăng mẩu thuốc và sửa lại dây lưng, đấy là những người làm chủ họ cho đến lúc hoặc họ bị bắt làm tù binh, hoặc họ ngã xuống ở đâu đó, bị thương hoặc bị chết.

Trong số một ngàn người, chỉ còn có một người đang đứng trước mặt viên Trung sĩ, nhìn quanh, hoang mang vì chẳng còn ai cả, chẳng còn ai ở bên cạnh, ở đằng sau, ở đằng m trước. Khi anh ta gặp lại người Trung sĩ, anh ta nhớ ra là anh ta khát, khát lắm và với mười lăm phút gia cho, đã mất đứt tám phút.

Viên Trung sĩ cầm cuốn sổ tùy thân trên bàn, mở ra xem, và ngừng lên nhìn anh, hỏi:

- Anh tên là Feinhals, hả?
- Vâng, thưa Trung sĩ.
- Anh là kiến trúc sư và biết vẽ hả?
- Vâng, thưa Trung sĩ.
- Trung đội chỉ huy đại đội có thể được việc cho ta đây, thưa Trung úy.

Viên Trung úy đáp: “Được”, vừa nói vừa nhìn về phía thành phố, và Feinhals cũng đưa mắt theo về hướng đó đã thấy một cảnh nó thu hút hết tâm trí anh: ở phía sau, đằng kia, mặt trời đã xuống cuối đường phố, sát mặt đất, giữa khoảng hai ngôi nhà, nom kỳ cục như một quả táo, sáng bóng giẹp lép và méo mó; mặt trời đã đậu xuống đó một cách dớ dẩn, giống như một quả táo càng ngày càng dẹp xuống, mất dần hào quang và gần như đắm vào trong bóng tối của nó. Viên Trung úy nhắc lại:

- Được!

Và Feinhals không biết ý nghĩ đến mặt trời khi nói thế, hay đó chỉ là một tiếng quen miệng nói ra mà thôi. Feinhals nghĩ bụng rằng anh đã ra đi được bốn năm, đã bốn năm rồi. Tám bưu thiếp mà anh ta nhận được hồi đó nói rằng anh sẽ bị gọi tái ngũ trong vài tuần, thế rồi đột nhiên chiến tranh bùng nổ. Viên Trung sĩ bảo Feinhals:

- Anh đi uống nước đi.

Feinhals chạy lại chỗ lúc này mọi người đã chạy tới và anh ta tìm ra nước uống ngay: một cái vòi nước sắt rỉ như người ta thường thấy trong các vườn hoa, một thứ vòi dài tồi tàn dựng giữa đám thông gầy. Dòng nước chảy ra vừa bằng nửa ngón tay út, nhưng tệ hại hơn nữa là bọn họ hàng chục người xô đẩy, chửi bới nhau mà thò gà mèn lấy nước.

Nhìn thấy nước Feinhals suýt phát cuồng; trong óc anh ta chỉ còn có một tiếng, một tư tưởng, một ý nghĩa: nước. Anh ta giật cái gà mèn ở trong túi dết của anh ra, giơ khuỷu tay hích để chen vào và bỗng nhiên thấy mình khỏe vô cùng. Anh ấn cái gà mèn vào giữa các gà mèn kia, ở giữa đám miệng gà mèn luôn luôn chuyển động kia, và không còn biết cái nào của anh ta nữa; anh ta nhìn theo cánh tay, thấy rằng cái gà mèn trắng men sẫm là của anh, đẩy nó vào một cái mạnh và có một cảm giác làm anh ta run lên: cái gà mèn nó nặng trĩu dần. Anh ta tự hỏi không hiểu được uống hay cảm thấy nước vào nặng gà mèn, đằng nào hơn. Anh ta vụt rút nó ra vì cánh tay anh đã chồn và đang rung rung, trong khi đằng sau lưng anh có tiếng kêu: “Tập hợp! Tiến lên, tiến!”. Anh ta ngồi xuống, kẹp cái gà mèn giữa hai đầu gối mà anh không còn đủ sức nâng lên nữa, rồi cúi mình như một con chó trước cái âu, anh ta đã dùng những ngón tay run rẩy của anh để đẩy nó nghiêng đi mà uống. Nước chạm vào môi anh, và khi làn môi trên của anh đã thực sự ướt rồi, và anh bắt đầu hớp nước vào, lúc đó anh thấy trước mắt anh một hàng chữ đủ màu nhảy múa lung tung: NƯỚC, NƯỚC, NƯỚC, một hàng chữ tưởng tượng, nhưng rõ rệt lạ lùng. NƯỚC! Hai cánh tay anh lại khỏe lại, anh đã có thể nhấc cái gà mèn lên mà uống.

Có người kéo anh đứng dậy, đẩy anh, anh trông thấy cả đại đội với viên Trung úy quát: “Tiến lên, tiến!” và rồi, súng vác lên vai, anh đứng vào hàng phía trước, ở chỗ mà viên Trung sĩ đã ra hiệu cho anh đi tới.

Thế rồi họ tiến thẳng vào đêm tối. Feinhals di chuyển một cách miễn cưỡng. Anh ta sẵn sàng ngã lăn ra đó, những cứ phải đi. Chính cái thân xác

anh làm đầu gối anh gập xuống, và một khi đầu gối đã gập xuống, đôi chân đau như tự nó lê về phía trước, những đôi chân ấy phải vằn theo một khối đau, một khối đau lớn hơn nó nhiều quá: nó không đủ sức mang nổi, và khi nó lê đôi chân ấy về phía trước, thì chính cái khối ấy gồm cặp hông, đôi vai, hai cánh tay và cái đầu, nó chuyển đi và bắt anh ta phải khụy gối, và một khi đôi đầu gối đã gập xuống rồi, đôi chân đau lại bắt đầu làm việc trở lại.

Ba tiếng đồng hồ sau, mệt rũ rời, nằm xoài ra ở chỗ nào đó trong đám cỏ mỏng rừng thưa, anh ta đưa mắt nhìn theo một cái hình người xa dần, bò trong bóng xám. Cái hình đó đã mang lại cho anh hai mẫu giấy, một chút bơ thừa, một mẫu bánh mì, một thỏi kẹo chua chua, sáu liều thuốc lá và nói với anh:

- Có biết khẩu hiệu không?
- Không.
- Chiến thắng. Khẩu hiệu là: Chiến thắng.

Và anh ta, anh ra đã khẽ nhắc lại: “Chiến thắng. Khẩu hiệu là chiến thắng”, và trên lưỡi anh, câu đó có hiệu lực như một chút nước ấm.

Anh bèn xé giấy bọc kẹo ra, đút một viên vào miệng và chút vị chua hóa học đã làm anh ứa nước miếng. Anh nuốt cho hết đợt nước miếng đầu tiên có vị chua chua ngòn ngọt ấy. Rồi đột nhiên, những quả đạn trọng pháo, trong hàng giờ trước đây vẫn nhờn nhờ ở một lần xa hơn về phía trước, nay anh thấy nó đi qua trên đầu anh, dò dẫm, âm ỉ rung chuyển, như những cái hòm đóng đinh không kỹ, rơi xuống đất uỳnh oàng. Loạt đạn thứ hai rớt xuống phía trước chỗ họ một chút: những đám bụi cát bay tung, in lên trời phía đông mờ nhạt như những cây nấm tan ngay ra nước. Anh ta nhận thấy rằng đằng sau họ trời tối mịt. Loạt đạn thứ ba, anh ta không nghe thấy: nó như thể giữa bọn họ, người ta dùng búa lò rèn đập vỡ gỗ ghép âm âm, gần

gọi một cách nguy hiểm. Bùn và khói đạn là mặt đất; chỉ còn kịp úp xấp xuống, bám chặt lấy đất, chúi đầu vào chỗ trũng bên ụ, và anh ta nghe thấy lệnh truyền tới: “Chuẩn bị tiến, nấp theo từng chặng”. Thế rồi có một tiếng vèo vèo từ bên phải tới, một tiếng rít xuyên qua không khí, như tiếng lửa xì và đáng sợ của một ngòi lửa, rớt cuộc bùng cháy bên tay trái. Đúng lúc anh sắp sửa nai nịt để xung phong thì một tiếng nổ xé không khí ngay bên cạnh anh. Anh có cảm giác như có ai đập vào bàn tay anh và lắc mạnh cánh tay anh. Cả cánh tay trái của anh như nhúng vào một chỗ hơi nóng ẩm ướt và, cất mặt lên khỏi vũng bùn, anh ta gọi: “Tôi bị thương rồi!” Tiếng gọi ấy cũng không tới tai anh, chỉ nghe thấy một giọng nói khe khẽ: “Cút chó!”

Giọng nói văng vẳng, như ngăn cách với anh bằng nhiều lớp kính dày, rất gần mà lại xa xa. “Cút chó!” Tiếng ấy yếu ớt, uy nghi, xa vắng, phơn phớt. “Cút chó! Đại úy Bauer, nghe” thế rồi, trong phút im lặng hoàn toàn, tiếng ấy lại nói: “Thưa đại tá, tôi nghe đây”. Ngừng một lát; im lặng tuyệt đối, trừ một tiếng sùng sục ở đằng xa, một tiếng veo véo, một tiếng ì ầm, như nước sôi tràn. Anh ta nhận thấy là mắt anh ta nhắm và anh ta mở mắt ra: anh ta nghe được tiếng viên Đại úy rõ hơn, và thấy đầu ông ta hiện ra trong khung cửa sổ đen, bẩn, bộ mặt mệt mỏi, buồn thiu, râu ria lởm chởm; nheo cặp mắt, viên Đại úy nhắc lại ba lần, cách quãng nhau rất ngắn: “Vâng, thưa đại tá... vâng, thưa đại tá... vâng, thưa đại tá”.

Rồi, ông ta đội mũ sắt vào, và cái đầu to tướng đen trũi và hiền lành của ông có vẻ thật tức cười khi ông nói với một người nào ở bên cạnh ông: “Hồng, thùng tuyến cút chó ba, bắn sẻ bốn, tôi lại phải ra mặt trận đây”. Một giọng nói khác cất lên trong ngôi nhà: “Lái xe máy dầu cho Đại úy nhé!” tiếng gọi truyền đi như một tiếng vang, như một tiếng xì xào vòng quanh, mỗi lúc một nhỏ đi và xa ra: “Lái xe máy dầu cho Đại úy, lái xe máy dầu cho Đại úy”.

Rồi anh ta nghe thấy tiếng nổ của chiếc xe, vánh tai nghe tiếng nổ ròn lại gần và trông thấy chiếc xe máy dầu từ từ lượn qua góc, đi chậm lại để

đứng dừng trước mắt anh, nổ phình phịch và đầy bụi bặm, trong khi đó người lái xe, với khuôn mặt nhọc mệt và thờ ơ, vẫn ngồi trên xe nổ máy mà gọi to: “Xe máy dầu sẵn rồi, thưa Đại úy!” Viên Đại úy lạch đạch bước ra, thông dong, miệng ngậm xì gà, đội mũ sắt, y như một cục nắm đen khổng lồ, ông ta uể oải trèo vào chiếc xe thùng bên hông, nói: “Đi”, và chiếc máy chồm lên, nổ phình phịch mà đi, vội vàng lật đật, tiến lại phía vùng tiếng ục ịch, mơ hồ, phía trước.

Feinhals tự hỏi không biết đã bao giờ anh ta cảm thấy sung sướng hơn bấy giờ không. Gần như là không đau: chỉ hơi ngượng cánh tay trái kia, nó ở gần anh được băng bó lớn tướng, cứng nhắc và dây máu, âm ẩm, như một vật lạ; ngoài cái đó ra, anh ta không thấy gì nữa và cũng lành lặn: anh ta có thể giơ từng chân một lên, ngo nguẩy ngón chân xoay tròn trong giày ủng, cất đầu cao, nằm dài hút thuốc lá, nhìn mặt trời sáng đặng trước mặt ngón tay ở phía đông, cao độ một tấc trên đám bụi xam xám. Tiếng động nào cũng như xa xăm và êm nhẹ; anh cảm thấy như đầu anh được bọc một lớp bông dày, và chợt nghĩ ra rằng đã hai mươi bốn giờ qua anh ta chưa được ăn uống, trừ một viên kẹo có mùi hóa chất, và một chút nước âm ẩm, có vị rỉ sắt và hơi cát.

Khi thấy người ta nhắc anh ta lên và không đi thì anh ta lại nhắm mắt lại, nhưng vẫn còn nhìn thấy. Cảnh đó không mới mẻ gì với anh ta, anh cũng không biết đã sống qua nó lúc nào: người ta mang anh qua những làn hơi thoát từ một cái xe nổ máy ra, đưa anh vào một nơi sặc sụa mùi dầu xăng, cái cẳng kêu ken két vào rãnh thép, rồi có tiếng máy giần giật, tiếng nổ phía ngoài xa dần, xa dần mãi từng tí một, cũng như tối hôm trước nó lại gần dần dần từng tí một, chỉ còn vài trái đạn trọng pháo rơi vào ngoại ô, đều đặn, êm đềm. Anh ta vừa cảm thấy mình sắp ngủ thiếp đi, vừa tự nhủ: “Tốt, chuyến này nó qua mau, mau lắm”. Chỉ hơi khát, đau chân, và hơi sợ một chút thôi.

Chiếc xe dừng lại đột ngột khiến anh ta sức tỉnh, cửa xe mở bung ra, cái cáng lại ken kết trong rãnh thép, và người ta đưa anh ta vào một căn phòng lớn mát mẻ, trắng toát, yên tĩnh hoàn toàn; dài cáng sắp thành hàng làm người ta nghĩ tới những chiếc ghế dài trên một boong tàu chật hẹp. Anh ta trông thấy trước mặt anh một cái đầu tóc rậm và đen, bất động, rồi một cái đầu hói cựa quậy mạnh và ngay đằng trước, trên cáng thứ nhất, một cái đầu trắng băng bó đầy cộm, một cái đầu kinh khủng, nhỏ quá. Từ cái đám vải băng đó phát ra một giọng nói gọn gàng oang oang, rõ ràng, trở thẳng lên trần nhà, vừa hoảng hốt, vừa láo xược, đó là tiếng của viên đại tá hét to: “Sâm banh đâu!”

- Nước đáì thì có. Đáì ra mà uống. - Cái đầu hói thùng thảng đáp lại.

Ở đằng sau, người ta cố nín cười. Cái giọng kia la hét điên cuồng:

- Sâm banh! Sâm banh ngâm đã nhé!

Cái đầu hói lại bình tĩnh nói:

- Im cái mồm. Im cái mồm đi chứ.

Giọng nói lại đòi nữa, nhưng lần nay có vẻ van vỉ khóc mếu:

- Sâm banh! Tôi muốn uống sâm banh.

Và cái đầu trắng hạ xuống thẳng ngang; từ đám vải băng đầy thò ra một cái mũi nhọn, và giọng nói lại cao bổng hơn:

- Một em... một em bé...

Cái đầu hói đáp lại:

- Ngủ một mình thôi.

Cuối cùng, người ta mang cái đầu băng trắng ấy đi, biến mất sang tấm cửa và gian phòng trở nên im lặng.

Trong bầu khí yên lặng này, họ chỉ còn nghe thấy có tiếng đạn trọng pháo rơi từng quả một, nổ trong các khu phố xa xôi bằng những tiếng nổ âm nhẹ, tựa như tiếng phong cầm sờn sờ dạo lên bên lề cuộc chiến. Và khi người ta đã mang trở lại cái đầu trắng của viên đại tá, bây giờ bị bắt nằm im và nghiêng về một bên rồi, và khi đã bỏ lò cái đầu hói rồi, thì có tiếng xe hơi lại gần: một tiếng máy rên nhẹ, nhanh và gần như đe dọa, mỗi lúc một gần lại hơn và sẵn sàng xông vào tòa nhà trắng lạnh lẽo. Thế rồi, đột nhiên tiếng động tắt hẳn, người ta nghe thấy bên ngoài có tiếng ai nói gì đó, và khi họ ngoảnh lại, giật mình mất cả mệt nhọc và buồn ngủ, thì họ thấy ông tướng đi qua trước dãy cáng, lẳng lặng đặt lên trên bụng mọi người nằm cáng những bao thuốc lá. Cái im lặng càng lúc càng nặng nề theo bước chân con người nhỏ bé ấy tới gần từ phía sau. Và, đột nhiên, Feinhals trông thấy mặt ông tướng sát tận nơi bộ mặt vàng, lớn, buồn rầu, lông mày bạc, thoáng chút bụi đen ở vành môi mỏng. Trên khuôn mặt ấy, người ta thấy rằng trận đánh vừa qua cũng lại thua.

NGƯỜI Ở ĐÂU VỀ

Heinrich Boll

www.dtv-ebook.com

Chương 2

Y nghe thấy một giọng nói “Bressen - Bressen, nhìn tôi đây” và y biết rằng đó là giọng của Kleewitz, ông y sĩ trưởng sư đoàn được phái tới chắc là để hỏi về việc hãn trở về, nhưng y nhất định không ngoảnh lại, không muốn nghe nói gì đến cái trung đoàn đó, và y không nhìn Kleewitz. Y cứ khẳng khẳng chú mục vào bức tranh treo ở hãn về phía tay phải y, gần như trong bóng tối của góc tường: một đàn cừ, vẽ màu xám và màu lục ở giữa có một người chăn chiên quần áo lông xanh đang thổi sáo.

Y

Y đang nghĩ tới những cái mà không ai ngờ được và y vui thích mà nghĩ tới tuy rằng những cái đó xấu lắm. Y không biết y có nghe thấy tiếng Kleewitz không, hiển nhiên là y nghe thấy, nhưng y không chịu nhận và cứ chú mục vào người chăn cừu thổi sáo, thay vì ngoảnh đầu lại nói: “Ông Kleewitz đấy à, ông đến đây thật là tử tế quá!”

Thế rồi, nghe thấy tiếng lật hồ sơ, y đoán là người ta đang xét trường hợp của y. Y dán mắt vào gáy người chăn cừu, và nhớ lại là trước kia y đã từng một thời gian, làm đầu bếp trong một khách sạn thượng hạng. Vào giờ điểm tâm, khi các ông ấy vào, y bước đi trong phòng ăn, thẳng người, nghiêng mình bên phải, nghiêng mình bên trái, và ngạc nhiên là thấy mau lẹ và chính xác làm sao. Y biết giữ đúng các mức độ cúi chào, cúi ngắn, cúi dài, khẽ gật đầu thôi, gật đầu cũng biến hóa vô cùng, có khi chỉ là một cái gật đầu nhẹ, nó thực ra không phải là cúi chào mà là một cái nháy mắt. Tất cả cái đó không khó khăn gì với y, cũng như các cấp bậc trong

quân đội, cả một chuỗi ngù vai có dây tết, hoặc trơn, có ngôi sao hoặc không có ngôi sao, đi kèm cầu vai, nhiều hay ít biểu chương. Vả lại, cấp bậc các cái chào tương đối cũng giản dị. Vì nó căn cứ vào túi tiền, vào con số tính tiền.

Không phải là y đã tỏ ra đặc biệt đáng yêu: ít khi mỉm cười, bộ mặt y, ngay cả khi cố làm ra hết sức bình thản, vẫn luôn luôn giữ một vẻ cứng cỏi và tất cả những người bị y nhìn đều cảm thấy trong lòng tràn ngập không phải một niềm kính nể y mà là một cảm giác có lỗi lầm; tất cả mọi người đều biết là bị y quan sát, đánh giá và chẳng bao lâu y khám phá ra rằng có loại khách ăn, vì bị bối rối trước mặt y, mà cắm đầu vào cắt khoai tây ăn lia lịa, hoặc sợ sệt nắn ví tiền khi đã đi khỏi. Mà y lấy làm lạ là đều trở lại nữa, ngay cả loại sau ấy. Họ trở lại, chịu đựng cái gật đầu và con mắt soi mói, như là ưu điểm của các hiệu ăn sang. Còn về phần y chẳng bao lâu mặt y cũng mang một vẻ sang trọng, y học được nghệ thuật bận áo dài và, ngoài việc ăn lương cao, còn được hưởng những bữa ăn không mất tiền nữa.

Tuy nhiên, mặc dù cố gắng cách nào để lấy một điệu bộ ngạo mạn, cũng có lúc y thấy rất là bối rối. Có những ngày y cảm thấy mồ hôi y đọng trên làn da và đổ ra từng đám. Hơn nữa, chủ quán lại là một anh chàng quê mùa; cũng tốt đấy, nhưng kiêu ngạo vì đã thành công và, vào lúc đêm khuya, khi quán ăn bắt đầu vơi khách và Bressen toan về, thì thường có tật thò những ngón tay chuỗi mẩn vào trong hộp xì gà và đút vào túi áo y ba bốn điếu, mặc dù y chối đây đấy. Ông chủ quán lấp bắp, gượng mỉm cười mà nói: “Trời ơi! Cứ giữ lấy mà; xì gà ngon đấy!” Y nghiện xì gà, đêm về cùng hút với Veiten, là người ở chung nhà với y, và Veiten cứ trầm trồ khen là xì gà ngon quá. Veiten bảo: “Bressen, Bressen, sao mày hút thuốc ngon quá trời vậy mày”. Y lặng yên không trả lời và thẳng thắn để cho Veiten mời y một chai rượu ngon. Gã Veiten này làm đại lý cho một lò nấu rượu, và dạo nào làm ăn được thì gã thường đem về một chai sâm banh.

- Sâm banh! Sâm banh ngâm đá nhé!

Bressen lớn tiếng nói vậy. Ông y sĩ trạm cứu thương đứng bên cạnh y, giải thích:

- Đấy, ông ta chỉ nói có thể thôi.

Kleewitz vẫn tắt hỏi:

- Ông nói về ông đại tá đây hả?

- Thưa vâng, tôi nói chuyện ông đại tá Bressen đây, thỉnh thoảng ông ta chỉ nói có mấy tiếng ấy: “Sâm banh! Sâm banh ngâm đá nhé!” Thế rồi, đôi khi, ông đại tá lại đòi gái, đòi em bé.

Y đã ghét lệ phải ăn cơm tại ngay khách sạn ấy, ở trong một căn buồng sau hơi bẩn, trên một tấm khăn bàn vải đã sờn, cơm do một mụ bếp cẩu cọ, mũi, mồm, cổ, đầy hơi bếp, hơi mỡ lộn mửa, và mụ chẳng hề để ý gì tới tính thích ăn bánh bông lan của y, lại còn bị quấy rầy vì ông chủ quán cứ lui tới luôn luôn, đến ngồi bên y, ngồi bệt xuống đó một lúc, mồm ngậm điều xì gà, rót ly rượu mà lẳng lặng uống từng hớp.

Sau đó, y mở lớp dạy phép lịch sự. Thành phố đó cũng thuận lợi cho ngành học này lắm. Ở đó có nhiều nhà giàu xụ không hề biết rằng cách ăn cá khác cách ăn thịt, cả đời vẫn ăn bốc, nay có vợ đẹp xe hơi nhà lầu rồi muốn trút lốt. Y dạy họ lễ lối xã giao; y đến tận nhà, thảo luận về món ăn, về cách đối xử với đầy tớ thế nào cho phải phép, và đến tối, y ăn cơm với họ: lúc ấy, y đi vào chi tiết từng động tác một, tỉ mỉ quan sát họ, bắt bẻ họ, biểu diễn cho họ thấy rằng họ có thể tự mở lấy một chai sâm banh được.

Y nói to:

- Sâm banh! Sâm banh ngâm đá nhé!

Kleewitz kêu lên:

- Trời ơi! Nhìn tôi đây, Bressen!

Nhưng Bressen không có ý định nhìn Kleewitz, y không muốn biết gì nữa về cái trung đoàn ấy, tan rã trong tay hăn như bột; Cút chó, Bắn sẻ, đường phèn, chỉ huy bởi một bộ tham mưu bí danh là lều tranh, thôi những cái đó, bỏ! Một lát sau, Kleewitz đã đi rồi.

Bấy giờ Bressen có thể rời mắt khỏi đàn cừu với tên chăn cừu ngớ ngẩn; bức tranh, treo hơi quá về phía tay phải một chút, bắt đầu làm y sái cổ. Một bức tranh nữa treo gần ngay thẳng trước mặt y và y đành ngấm nó vậy, mặc dù y cũng chẳng ưa gì nó hơn bức kia: bức tranh vẽ Thái tử Michael đang hỏi chuyện một nông dân Lỗ Ma Ni, bên cạnh có Thống chế Antonescu và Hoàng hậu. Thái độ của người nông dân nom bức mình lạ: chân chụm quá, như dính vào nhau, người như xô về phía trước, sẵn sàng quăng món quà hăn cầm trong tay xuống dưới chân Thái tử. Món quà ấy, người ta không nhận rõ ra lắm; chắc là muối và bánh mì hoặc phô mát sữa dê. Dù là gì nữa thì vị thiếu quân cũng mỉm cười với gã nông phu tất cả trong tranh, Bressen không còn trông thấy từ lâu rồi; nhưng hăn hài lòng là có một điểm để chú mục vào mà không sợ bị sái cổ.

Trong các bài học y dạy, cái điều làm y sửng sốt, cái điều mà từ trước đến giờ y vẫn không biết và không chịu chấp nhận, đó là y nghĩ rằng đây mà có cái phải dạy rằng người ta có thể học làm bộ tịch với con dao và cái nĩa. Nhiều phen y ngăn người ra mà thấy rằng, sau ba tháng, bọn ngợm ấy với vợ họ đối với y có vẻ lễ phép, như người ta thường giữ lễ với một ông thầy giỏi, tuy giỏi trong phạm vi nào đó thôi: họ trao cho y một tấm chi phiếu đồng thời với một nụ cười niềm nở. Cũng phải nói là có những kẻ không bao giờ tập được, tay họ vụng quá, họ không bao giờ gọt nổi lớp ngoài phô mát mà không vụn cả miếng trong tay, cũng không biết cầm chân ly rượu cho đúng kiểu. Còn một hạng thứ ba nữa không thành công nhưng cũng chẳng cần, và sau rốt là còn bọn y có nghe nói tới nhưng không hề giao thiệp, mà họ cũng cho là chẳng cần phải học y.

Hồi ấy, cái thú nhất là y thỉnh thoảng có dịp giảng nhện với vợ bọn học làm sang ấy; những cuộc tình duyên ngăn ngủi, không có gì làm y thất vọng, nhưng hình như làm cho các bà hơi gớm. Hồi ấy y lãng nhãng với đủ mọi hạng đàn bà, nhưng không một người nào sau đó lại tìm y nữa, hoặc ngủ với y tuy rằng y vẫn mời họ uống sâm banh luôn.

- Sâm banh! Sâm banh ngâm đá nhé!

Dù có một mình, y cũng nhắc lại mấy tiếng đó như thế tốt hơn. Rồi y nghĩ đến chiến tranh, đến cục diện chiến tranh diễn tiến, nhưng y không có thì giờ nghĩ đến lâu, vì lại có hai người nữa bước vào. Y chú mục nhìn cái khối tròn khó hiểu mà gã nông dân Lỗ dâng lên vua Michael, và một giây sau, y thấy giữa khoảng mặt y và bức tranh xen vào bàn tay hồng hào của ông y sĩ trưởng, nghiêng mình trên chỗ y nằm để gỡ băng ghi nhiệt độ. Bressen gọi to:

- Sâm banh! Sâm banh ngâm đá nhé!

Ông y sĩ trưởng ôn tồn nói:

- Ông Bressen, ông Bressen này!

Rồi, im lặng một lát, ông ta bảo với ông y sĩ khác ở bên cạnh ông:

- Phải đưa về Viện bằng chuyển xe tản thương; sư đoàn rất tiếc là phải bỏ đại tá Bressen, nhưng...

Ông y sĩ trưởng trầm trả lời: “Dạ, được”.

Rồi Bressen không nghe thấy gì nữa, nhưng chắc hai người vẫn ở cạnh y, vì cửa phòng vẫn mở. Lại thấy tiếng giờ hồ sơ, người ta xem lại tướng mạo quân vụ của y. Không ai nói gì cả.

Sau hồi đó, người ta bỗng nảy ra ý kiến là chắc y có thể dạy được những điều mà có dạy cũng không phải là phi lý: quân kỷ mới; y đã biết rõ rồi vì vẫn nhận được đều đều. Y bèn phụ trách các khóa giảng cho đội Mũ thép và Tổ chức thanh niên trong khu và y nhớ lại, việc bổ nhiệm vào một chức vụ vinh hàm ấy phù hợp với lúc y nhận ra trong người y một thói ưa của ngọt vô độ, trong khi tính trăng hoa cũng giảm đi. Suy đi tính lại, đối với y, có được một con ngựa cũng là điều hay - chỉ phải cái tối đi năm người đau như dầm - bởi vì sáng sớm những ngày tập quân sự, y có thể đi ra ngoài cánh đồng, thảo luận với thuộc cấp, xem xét kỹ chương trình trong ngày ấy, và nhất là có dịp biết rõ mọi người như y chưa từng biết hồi còn hiện dịch: các cựu chiến binh của cuộc chiến trước, hoặc bọn thanh niên vừa thực tế vừa ngây thơ lạ lùng, bọn này có lúc dám cãi lại cả y. Điều phiền cho y là một chút sòm sỡ khiến y không thể dẫn đầu bộ đội mỗi khi bọn đó cười ngựa về thành. Nhưng trong lúc tập, mọi sự cũng như xưa: chiến thuật ở cấp tiểu đoàn y thuộc kỹ, và không có điều gì phải chê trách những chỉ thị mới vì nó đã biết rút tía kinh nghiệm chiến trường mà không tìm cách làm đảo lộn tất cả. Các bài, mà y cho thực tập không biết chán và y cho là quan trọng đặc biệt, là thao diễn hành quân, đứng nghiêm chào, đổi hướng tuyệt đối chính xác. Cái ngày mà y thấy là khá nguy hiểm ngay trong thời bình với các bộ đội đã huấn luyện kỹ: đó là các cuộc thao diễn cấp tiểu đoàn.

Vả lại, ít lâu sau, sự sòm sỡ cũng biến mất, rồi có luyện tập hằng ngày và, một ngày kia, khi y thấy mình chỉ huy thực sự một tiểu đoàn thì y cũng chẳng thấy có gì khác.

Vào giờ này không biết y có trở mình thực không, hay là động tác ấy đã là một trong những động tác mà y không kiểm soát nổi nữa? Ngay lúc đó y cũng không dám quyết, nhưng hiển nhiên là y có trở mình, và y thấy buồn lòng là lại có thể có gì xảy ra cho y mà y không ý thức được: y cảm thấy người ta lật y lại. Họ nâng y lên, cẩn thận xoay người y ra khỏi giường, đặt vào một cái cang trước mặt. Thoạt tiên, đầu y ngả ra đằng sau và y nhìn chăm chú cái trần nhà trong giây lát, rồi người ta luồn vào dưới đầu y một

cái gối và, mắt y đặt đúng ngay vào bức tranh thứ ba treo trong phòng. Bức tranh treo gần cửa ra vào, y chưa hề để ý tới nó trước đây và, lúc đầu, y cũng hài lòng là có thể chú mục vào nó để tránh nhìn hai viên y sĩ ở hai bên. Chắc là ông y sĩ trưởng sư đoàn đã đi khỏi rồi. Ông y sĩ trạm cứu thương đang nói chuyện với một ông y sĩ khác mà y chưa gặp bao giờ; ông y sĩ trưởng trạm, người béo, lùn đọc cho ông kia nghe một đoạn hồ sơ của y và đang giải thích điều gì đó. Bressen không hiểu họ nói gì, không phải là vì y ngẩn ngơ y cũng khá bận khoản là chưa đến nỗi thế, nhưng chỉ vì họ đứng xa quá mà lại nói thầm. Trong hành lang, y nghe thấy hết, tiếng gọi nhau, tiếng thương binh kêu la, và tiếng máy nổ ở bên ngoài. Y nhận thấy cái lưng của anh khiêng cáng phía trước và nghe anh khiêng ở đằng sau nói:

- Thế nào, đi chứ?

Anh phu khiêng phía trước nói với ông y sĩ trưởng trạm:

- Còn hành lý, thưa Thiếu tá, còn phải có ai mang hành lý nữa chứ.

- Đi tìm vài người nữa.

Hai anh khiêng cáng biến mất vào hành lang. Bressen cái đầu bất động, nhìn kỹ bức tranh thứ ba; gạt đầu hai ông y sĩ ra hai bên. Nhưng bức tranh này đến đây làm cái gì? Y không biết tòa nhà này là một ngôi trường học, hay một nhà tu kín, nhưng có điều mới lạ cho y là ở Lỗ Ma Ni mà lại có người Công giáo. Ở Đức quốc thì có, y đã nghe thầy nói đến, nhưng mà ở Lỗ Ma Ni mới lạ chứ! Vậy mà, hình Đức mẹ Đồng trinh Maria treo ngay kia. Bị bó buộc phải nhìn bức hình ấy, hẳn thấy khó chịu, nhưng không làm sao được. Y bắt buộc phải ngắm bức hình kia người đàn bà bận tấm áo khoác màu thiên thanh kia với một bộ mặt nghiêm trang lạ lùng; lưng lơ trên quả địa cầu, bà ngược mắt nhìn một bầu trời đầy mây trắng toát và bà cầm một chuỗi hạt bằng gỗ nâu, quấn vào tay. Y khẽ lắc đầu, tự nghĩ: “Khả ố”, và bỗng nhận ra rằng các viên y sĩ đã nhìn thấy y. Họ nhìn y trước, rồi

theo ánh mắt y mà nhìn bức tranh, rồi từ từ tiến gần y. Thật khó mà len nổi mắt qua hai khuôn mặt ấy, qua bốn con mắt nhìn thẳng vào y ấy, để mà chú mục vào bức tranh khả ố vẽ Thánh nữ Mari. Y tìm cách chuyển hướng ý nghĩ, lôi nó về những năm mà vừa lúc này đây nó còn la cà ngừng lại, những năm tháng dẹt bằng những sự việc làm nên vũ trụ của y, và trong ý thức suy nhược của y bây giờ, đang dần dần sống lại, nào là giao thiệp với các sĩ quan tham mưu, nào là chuyện sầm sì nơi đồn trú, nào là quan hầu, nào là tạp dịch, không, y không tài nào nghĩ được tới những cái ấy; y bị mắc kẹt trong khoảng không gian ở giữa hai cái đầu kia, hai mươi phân mét choán bởi bức hình. Tuy nhiên, y nhẹ nhõm người mà thấy khoảng đó rộng ra vì các ông y sĩ đang tiến lại gần và sau cùng dừng lại bên y.

Y chỉ còn trông thấy áo choàng trắng của họ bên đuôi mắt. Nhưng lời họ nói thì y nghe rõ lắm:

- Thế ông không nghĩ là cái đó liên quan tới vết thương à?

Viên y sĩ trạm vừa giờ lại tập hồ sơ mà y nghe thấy các trang giấy lật, vừa nói:

- Gạt hẳn, gạt hẳn. Vô nghĩa lý, một vết thương tí xíu ở da đầu, năm ngày thì khỏi ấy mà! Không có, tuyệt đối không có một triệu chứng quen thuộc nào của chấn động não. Nhiều lắm tôi chỉ nhận giả thuyết là có một chút va chạm thần kinh thôi, hoặc là... - Ông ta chợt im bặt.

- Ý ông muốn nói gì?

- Thôi, tôi tránh.

- Cứ nói đi!

Cái im lặng giữa hai viên y sĩ thật nặng nề. Hình như họ chỉ ra hiệu cho nhau, rồi đột nhiên ông y sĩ lạ kia cất tiếng cười. Bressen chẳng nghe thấy gì cả, và kìa cả hai người họ cùng cười. Sau hết hai người khiêng cáng trở

lại, theo sau có một người thứ ba đeo cánh tay bị thương, ông y sĩ trưởng trạm nói với người này:

- Feinhals, mang cái cặp ra xe.

Thế rồi ông ta nói thêm với hai người kia:

- Người ta sẽ mang hành lý nặng đến sau.

Viên y sĩ lạ mặt hỏi:

- Ông nói thật đấy à?

- Thật lắm chứ.

Bressen cảm thấy người ta nâng y lên và khiêng đi hình ảnh thánh nữ Maria lướt qua bên trái, bức tường sát lại gần, rồi khuôn cửa hành lang, người ta lại khiêng xoay y góc chín mươi độ, y thấy suốt chiều dài của hành lang rồi một khúc ngoặt làm y nhắm mắt lại: ánh nắng bên ngoài khiến y bị chói lòa. Y hài lòng khi thấy cửa xe đóng lại sau y.

NGƯỜI Ở ĐÂU VỀ

Heinrich Boll

www.dtv-ebook.com

Chương 3

Bộ đội Đức, thuở đó, có vô vàn trung sĩ. Chỉ nguyên phù hiệu của họ cũng đủ kết thành sao cho sáng vắng vặc cả vòm trời của một vương quốc phi lý nào nơi Âm phủ. Và trong số vô vàn trung sĩ ấy, một phần quan trọng mang họ Schneider. Rồi trong số Schneider ấy có khá nhiều người mang tên là Alois. Nhưng lúc chuyện này đang xảy ra chỉ có độc một trung sĩ mang tên họ Schneider Alois trú đóng tại vùng Szokarhely, một vùng quê hẻo lánh của nước Hung Gia Lợi. Đất Szokarhely này là một thị trấn nhỏ bé, bán thừa lương địa, bán lâm tuyền. Lúc đó trời đang mùa hè.

B

Phòng văn của Schneider là một gian chật chội, tường dán giấy vàng. Ngoài cửa phòng có treo một biển nhỏ bằng bìa màu hồng trên có ghi hàng chữ mực Tàu: Giấy xuất Viện Trung sĩ Schneider. Bàn giấy được kê cốt cho Schneider ngồi làm việc, lưng quay ra cửa sổ. Khi chẳng có chuyện gì làm, chàng đứng lên, ngoảnh đầu lại là tha hồ ngắm nghía con đường nhỏ bụi bặm, bên phía trái thì dẫn đến ngôi làng và bên phía phải thì đưa đi ra vùng rừng, qua các cánh ruộng ngô và vườn mơ. Công việc của chàng không có gì là bận bịu. Bệnh viện chỉ còn lưu lại những người thương tích trầm trọng. Các thương binh khác, những người ai cũng thấy còn chịu đựng nổi sự di chuyển, thì đều đã được di tản rồi những người còn lết nôi thì được trang bị lại, dẫn đến một trung tâm lựa bệnh. Nên Schneider có quyền bỏ hàng giờ ra ngó qua khung cửa sổ. Trời bên ngoài thì nặng nề, không khí thì ẩm ướt. Phương thuốc công hiệu nhất giúp chịu đựng khí hậu này là rượu mơ vàng nhạt pha vào nước Sen. Rượu mơ hơi cay cay, không đắt đỏ

là bao, lại thực hạt nên ngon. Và ngồi lì cạnh cửa sổ hết nhìn đất lại nhìn trời, để nghe mình dần ngấm hơi men, cũng không phải không thú vị. Mà muốn ngà ngà say chẳng phải là chuyện chốc lát đâu. Schneider thường phải chiến đấu cam go mới đạt tới được tình trạng ấy. Ngay vào buổi sáng, lúc còn thanh tâm, cũng cần tới một số lượng rượu mơ nào đó mới đủ đạt tới trạng thái khiến người ta chịu đựng nổi sự trì độn. Schneider có một phương sách riêng; trong ly thứ nhất, chàng chỉ đổ một đốt rượu mơ thôi. Sang ly thứ hai, mức rượu đã được gia tăng. Đến ly thứ ba thì mức rượu lên đúng nửa ly. Ly thứ tư gồm rượu nguyên chất. Về ly thứ năm thì lại rượu một nửa, nước Sen một nửa. Ly thứ sáu giống hệt ly thứ nhì về độ rượu, mức nước. Và đến ly thứ bảy, rượu lại chỉ còn ít, y như ở ly đầu. Không bao giờ, Schneider uống quá bảy ly. Cứ lối mười rưỡi là chàng đã hoàn tất cuộc độc ẩm theo nghi thức ấy rồi. Và, khi đó tinh thần chàng lâm vào một trạng thái được chàng mệnh danh là sáng suốt khủng khiếp. Một niềm hăng say lạnh lùng xâm chiếm toàn thân và chàng cảm thấy thừa sức chịu đựng áp lực làm trì độn của cả một ngày dài. Lối mười một giờ, đứng ra thì là vào mười một giờ mười lăm, thường có vài ba chuyến xuất viện phải ghi chép. Nhưng ngay khi ấy, chàng cũng vẫn còn dư cả gần một giờ để ngắm nghĩa con đường, con đường mà rất họa hoằn, rất đặc biệt mới có lấy một chiếc xe, do những con ngựa gầy gơ xương kéo, phóng như bay về ngôi làng trong bụi bốc thành mây. Hay chàng có thừa thời giờ để bắt ruồi, để theo đuổi những cuộc đàm thoại hóm hỉnh với những thượng cấp vô hình, trong những cuộc đàm thoại này, chàng luôn luôn có những câu đối đáp đã chua cay lại hàm xúc, để sắp xếp lại những hộp mực dấu vút lê la trên mặt bàn và sửa vị trí của một tài liệu nào đó cho ngay ngắn lại.

Cũng hôm ấy, lối mười rưỡi, bác sĩ Schmitz đang ở trong phòng hai bệnh nhân ông mới vừa giải phẫu xong ngay buổi sáng. Bên trái là trung úy Moll, hai mươi thuộc lòng chữ ấy. Schmitz liên ghé tai vào miệng bệnh nhân. “Bjeljogorsche”. Bệnh nhân đọc thế. Và, tinh thần căng thẳng, Schmitz lắng tai nghe. Mặc dầu tuyệt không hiểu ý nghĩa chữ này, ông lặng nghe mà lòng vui vui vì thấy rằng chữ đó đẹp, bằng một vẻ đẹp huyền bí.

Bốn bề đều vắng lặng. Vị bác sĩ nghe rõ hơi thở của viên đại úy chăm chú nhìn vào tròng mắt trắng của ông và gán như nín hơi chờ đợi chữ “Bjeljogorsche”. Liếc nhìn đồng hồ đeo tay, ông thấy chiếc kim giây nhỏ xíu trên mặt đồng hồ đang di chuyển với một tốc độ, theo ông, quá chậm chạp. Năm mươi giây rồi. Tiếng “Bjeljogorsche” lại vang lên. Với ông thời gian đã trở thành vô cùng tận trước khi năm mươi giây nữa qua hết đi. Có tiếng nhiều xe vào sân. Ngoài hành lang, có tiếng gọi ai ới ới. Schmitz sức nhớ rằng viên y sĩ trưởng đã có cho người tới yêu cầu mình thay thế ông ta đi khám các bệnh nhân. Lại một chiếc xe nào nữa vào sân. “Bjeljogorsche” viên đại úy lên tiếng. Schmitz tự nhủ: “Một lần nữa, mình gắng chờ nghe lần nữa”. Nhưng cánh cửa buồng bị một viên thượng sĩ nóng nảy xô toang. Schmitz vẩy tay làm hiệu cho hẵn im tiếng, mắt vẫn không rời chiếc kim giây. Ông thở phào một hơi dài khi chiếc kim chỉ đúng số 30. Viên đại úy thốt lên: “Bjeljogorsche”.

- Chuyện gì đó? - Schmitz hỏi.

- Thưa đã tới giờ đi khám bệnh. - Viên thượng sĩ đáp.

- Tôi đi liền. - Schmitz bảo.

Ông buông tay áo xuống cho phủ kín mặt đồng hồ đúng lúc kim nhỏ chỉ số 20. Viên đại úy lại nằm bất động. Schmitz thì vẫn đứng yên, mắt chăm chăm nhìn miệng viên đại úy. Vừa lúc cặp môi bệnh nhân mấp máy, vị bác sĩ cầm cổ ống tay áo nâng lên rồi, thật nhanh, lật cổ ống tay áo giơ đồng hồ lên xem khi thanh âm “Bjeljogorsche” vang lên. Chiếc kim giây chỉ vừa ngay đúng số 10.

Hôm đó, chẳng có một vụ xuất viện nào để phải vào sổ cả. Schneider chờ tới mức mười một giờ mười lăm rồi bỏ đi kiểm thuốc lá. Chàng dừng bước trước một cửa sổ của hành lang: trong sân có người đang rửa xe của vị y sĩ trưởng. Schneider nghĩ thầm: “Thế là thứ Năm rồi”. Bao giờ xe của xếp lớn cũng đem rửa vào thứ Năm.

Các trại của bệnh viện xây theo một hình vuông trống ở một phía là phía quay ra sau, về hướng đường xe lửa. Cánh Bắc dành cho khu giải phẫu. Trại giữa là khu quản lý và quang tuyến. Cánh Nam gần nhà bếp, cư xá nhân viên và, ở tít đầu mồm, là gia cư viên hiệu trưởng cũ của trường học gồm sáu gian nối nhau thông thống. Trước đây, toàn cơ sở này là một trường nông học. Ở phía sau, trong khu vườn khoảng khoát chạy nối dài ra ngoài bằng phía không xây cất, có dăm phòng tắm, vài chuồng ngựa và vài khoảnh vườn kiểu mẫu, góc cạnh được kẻ vạch trên đất thật ngang bằng so ngay. Khu có giồng cây ăn quả chạy dài ra mãi đến sát đường xe lửa. Thỉnh thoảng, người ta thấy bà hiệu trưởng có thằng bé con trai đeo sát tập cưỡi ngựa ở đó. Thằng con trai, nhóc tí lồi sáu tuổi, luôn mồm kêu the thé từ trên lưng chiếc ngựa con của nó. Bà hiệu trưởng còn trẻ và đẹp. Và mới khi thôi rờn với con ở cuối vườn, bà lại đến phòng quản lý, kêu ca về chuyện có một viên đạn đại bác thối nằm ì cạnh hố phân. Theo bà, viên đạn đại bác ấy là một hiểm họa chết người. Lần nào thì người ta cũng đoan quyết sẽ tìm phương sách nhưng rồi đâu cũng vẫn hoàn đó.

Đứng ở cửa sổ, Schneider nhìn người tài xế của xếp lớn cẩn trọng làm công việc của mình. Dù đã lái và bảo trì chiếc xe từ cả hai năm trường, anh ta vẫn tuân theo từ li từng tí quy tắc bảo trì, theo đó đồ bản chỉ dẫn cách tuần tự tra dầu mỡ phải được trải ra, đặt trên một thùng gỗ trong khi anh tài, mặc quần choàng chéo go, lách tới lách lui giữa các thùng nước và bình dầu mỡ. Xe xếp lớn được bao bên trong bằng da thuộc màu đỏ và thấp lè tè. Schneider bụng bảo dạ: Thứ Năm, thế mà đã thứ Năm rồi. Chẳng là trong thời gian biểu những thói quen của chàng, thứ Năm là ngày rửa xe xếp lớn. Schneider chào một nữ y tá tóc vàng hồi hả xẹt qua gần chàng rồi đứng đĩnh đi qua dăm thước ngăn cách chàng với câu lạc bộ. Nhưng cửa câu lạc bộ khóa chặt cứng. Có hai cam nhông tiến vào sân, đến đậu cạnh xe xếp lớn. Schneider đứng im tại chỗ. Vừa khi ấy, cô bé bán quà tới. Vắt vẻo ngồi lên một chiếc thùng úp sấp, cô nàng đích thân dong chiếc xe độc mã nhỏ thận trọng lách giữa các xe đậu, tìm đường vào bếp. Tên cô ta là Szarka. Thứ Tư nào cô cũng từ một làng lân cận đem hoa quả và rau đậu tới. Vẫn

hay ngày nào cũng có nhiều người mang hoa quả rau đậu tới đây (viên quản lý có nhiều nhà cung cấp lắm) nhưng hôm thứ Tư thì luôn luôn chỉ có độc Szarka tới thôi và Schneider nhớ rõ điều này như chôn vào ruột. Đã nhiều bận, cứ thứ Tư là chàng ngưng công việc vào lúc mười một giờ rưỡi ra ngồi khur khur ở cửa sổ chờ cho kỳ đến lúc đám bụi mù mà chiếc xe độc mã khơi lên, hiện ra trên đường dẫn tới nhà ga. Chàng chờ thấy cô ta tới gần, ban đầu mờ mờ dáng con ngựa nhỏ với một vầng bụi bao quanh rồi cuối cùng, nhìn tỏ tường cô thiếu nữ, nét mặt xinh xắn mà sắc sảo với một nụ cười nở ở góc môi. Schneider châm điếu thuốc lá còn sót, ngồi lên khung cửa sổ. Chàng tự nhủ: Hôm nay thì phải ngỏ lời với em bằng được trong khi chàng vẫn nhớ rằng thứ Tư trước nào chàng cũng đều luôn luôn tự nhủ có một điều ấy. Nhưng hôm nay chàng quyết ý ngỏ lời. Szarka có một vẻ đặc thù, chỉ tại nơi đây, chàng mới nhận ra, so với các thiếu nữ khác của vùng rừng, theo các phim ảnh diễn tả, đều chỉ biết nhảy như chơi chơi với một vẻ hăm hở thực ngu xuẩn. Szarka có vẻ lạnh lùng, vẻ lạnh lùng khiến khó mà đoán ra được niềm trù mến của nàng đối với con ngựa và đối với hoa quả mơ và cà chua, mận và táo, dưa chuột với hồ tiêu chất đầy trong các thúng. Sau khi dong chiếc xe diêm dúa lách qua đám thùng cáu ghét và các bi đông dầu mỡ, thiếu nữ ngừng lại trước nhà bếp, dùng roi ngựa gõ vào kính cửa.

Thời thường thì đó là lúc yên tĩnh trong bệnh viện. Cuộc đi khám bệnh tiếp tục kèm theo một không khí kinh sợ thiêng liêng: mọi sự được sắp đặt ngăn nắp và một niềm căng thẳng bàng bạc bao trùm các hành lang. Nhưng riêng hôm đó, chỗ nào cũng ồn ồn, nào tiếng cửa sập, nào tiếng gọi, tiếng kêu của những người sốt tiết. Schneider nhận thấy điều đó một cách thật lơ mờ, như ở bên lề ý thức của chàng. Và chàng vẫn tiếp tục hút điếu thuốc cuối cùng, mắt không rời, Szarka đang tranh biện với viên thượng sĩ hỏa thực. Theo thông lệ, đúng ra, nàng phải tranh biện với phát ngân viên và anh này tìm đủ cách véo mông nàng. Nhưng thượng sĩ hỏa thực Pratzki, dáng mảnh khảnh, hơi bản gắt lại là người rất trầm mặc, nổi danh là đầu bếp cừ khôi và là người tuyệt nhiên không thèm lưu tâm đến nữ sắc. Szarka tranh luận thực hăng say, đồng thời làm thật nhiều điệu bộ, nhất là điệu bộ

đếm tiền. Nhưng tay đầu bếp chỉ nhún vai, đưa ngón tay chỉ về khu trại chính, đúng về hướng Schneider. Thiếu nữ ngoảnh đầu lại, nhìn gần như thẳng vào mặt Schneider. Chàng liền từ trên bờ cửa sổ phóng mình xuống thì lại nghe có tiếng ai gọi tại hành lang “Schneider ơi! Schneider” Rồi sau một giây im lặng, tiếng gọi lại vang lín: “Trung sĩ Schneider ơi!”

Một lần nữa, Schneider đảo mắt nhìn khắp sân: tay cầm cương dong con ngựa nhỏ. Szarka đánh xe lên phía trại chính trong khi người tài xế của xếp lớn đứng giữa vùng nước rộng, đang gấp đồ bản tra dầu mỡ lại. Schneider chậm chậm đi về phía phòng thư ký, đầu ngổn ngang: hôm nay thế nào chàng cũng phải ngỏ lời với thiếu nữ, thứ Tư không phải là ngày rửa xe xếp lớn thế nhưng, nghĩ cho kỹ, thứ Năm lại chẳng thể là ngày Szarka mang rau, trái tới...

Chàng đứng đầu với toán đi khám bệnh. Rồi bỏ căn phòng lớn gần hoàn toàn trống rỗng, vài nữ y tá, những nam y tá, viên thượng sĩ quản lý họp thành một đám áo choàng trắng lạng cộm, dẫn đầu không phải bởi xếp lớn mà bởi Schmitz, bác sĩ phụ tá giám đốc Schmitz, một người ít ai có dịp nghe nói tới xưa nay. Dáng người thấp lùn phục phịch, vẻ người tầm thường, Schmitz có đôi mắt xám với cái nhìn thật sâu sắc. Có khi ông hạ rèm mi, trong giây lát, như để định nói điều gì nhưng rồi lại chẳng bao giờ nói gì hết. Schneider đến phòng thư ký thì đám khám bệnh rã ra. Lúc ấy, vì Schmitz vừa tới gần, Schneider bèn mở cửa cho ông bước vào trước.

Viên chánh quản cầm điện thoại áp vào tai. Khuôn mặt to của hắn biểu lộ vẻ bức bối. Hắn nói: “Không, thưa bác sĩ y sĩ trưởng”. Trong ống điện thoại có tiếng xếp lớn ọ ẹ. Viên thượng sĩ chánh nhìn Schneider và viên bác sĩ phụ tá, quơ tay ra hiệu mời Schmitz ngồi trong khi chỉ mỉm cười với Schneider. Rồi anh ta lại nói: “Vâng, thưa bác sĩ y sĩ trưởng” và gác điện thoại lên máy.

- Chuyện gì thế? - Schmitz hỏi - Chúng mình cuốn gói phải không?

Có một tờ nhật báo vút trên bàn. Schneider giở báo rồi gấp mạnh lại bằng một điệu bộ hơi xẵng. Rồi sau khi nhìn chằm qua vai họa viên Feinhals ngồi gần đấy, chàng lạnh lùng nhìn thẳng vào mặt viên thượng sĩ chánh. Chàng vừa nhận ra rằng Feinhals đang vẽ một bản đồ vị trí hiện tại. Trên đầu tờ giấy vẽ có ghi: Điểm tựa Szokarhely.

- Vâng - Viên quản đáp - Chúng ta vừa được lệnh di tản vị trí.

Nét mặt anh ta cố làm ra bình tĩnh nhưng đôi mắt lại bộc lộ một niềm bối rối rõ rệt mỗi khi anh nhìn Schneider và đôi bàn tay anh run run. Anh ta nhìn suốt lượt các thùng xanh xám kê dọc theo bốn bức tường. Những thùng này được biến chế thành tủ treo quần áo hay bàn giấy tùy theo nắp đóng hay mở. Anh ta vẫn không mời Schneider ngồi.

- Cho xin một liều thuốc lá, Feinhals. - Schneider bảo.

Feinhals nhồm dậy, mở một bao xanh chuyển cho chàng. Schmitz cũng lấy một liều. Schneider, lưng dựa vào tường, bắt đầu châm thuốc.

Tiếng chàng vang lên trong im lặng:

- Chắc chắn tôi sẽ ở đội hậu tập. Lúc tới đây, tôi đã ở tiểu đội tiên phong rồi mà.

Anh quản đồ mặt. Ở phòng bên có tiếng máy chữ lách cách. Chuông điện thoại lại reo. Anh quản nhắc ống lên, xưng danh và nói:

- Vâng thưa bác sĩ y sĩ trưởng, tôi xin đệ ký liền.

Anh ta gác máy.

- Feinhals, - Anh ta bảo - chạy đi xem nhật lệnh đã xong chưa?

Schmitz và Schneider nhìn nhau. Rồi Schmitz cúi mình xuống mặt bàn, giở tờ báo. Vừa đọc thấy: Phiên xử các công dân phản quốc đã khai mạc,

ông liền gấp tờ báo lại.

Feinhals từ văn phòng chật hẹp trở về, có viên thư ký đi kèm.

Vừa thấy viên hạ sĩ quan, Schneider giống tiếng hỏi ngay:

- Ollen ơi, mở cửa cầu lạc bộ lấy một lần nữa được không?

- Thôi nhờ ông tí - Viên thượng sĩ chánh giận dữ nói - tôi còn nhiều chuyện quan trọng hơn phải giải quyết.

Viên thượng sĩ chánh liên miên gõ đầu ngón tay lên mặt bàn trong khi người thư ký sắp xếp tài liệu, lật sắp các tờ đánh máy để gỡ những tờ các bon ra. Có tất cả hai trang đánh máy đánh thành ba bán và bốn tờ các bon. Thoạt trông, đó có vẻ một danh sách. Schneider nhớ đến thiếu nữ. Lúc này, chắc nàng đang ở chỗ phát ngân viên, tìm cách lấy tiền nợ. Chàng liền bước lại gần cửa sổ để kiểm điểm xe ra.

- Nhớ để lại cho bọn tôi ít thuốc lá nhé. - Chàng bảo Otten thế.

- Im. - Viên thượng sĩ quát lên.

Rồi chìa mớ giấy cho Feinhals, anh ta bảo:

- Đệ lên cho xếp lớn ký.

Feinhals ghim mớ giấy lại với nhau rồi bước ra.

Anh quán quay lại và Schmitz và Schneider nhưng Schneider vẫn không rời cửa sổ. Mặt trời gần đứng bóng. Con đường vắng tanh. Bên kia đường là một bãi cỏ lớn chỗ người ta họp chợ mỗi thứ Tư. Các quán gỗ dơ dáy vẫn còn đó, chìm trong ánh mặt trời. “Hóa ra hôm nay là thứ Tư thực”. Chàng nghĩ thầm rồi ngoảnh lại với viên thượng sĩ chánh đang cầm một bản sao nhật lệnh nơi tay. Feinhals đã trở về rồi và đang đứng ở cửa ra vào:

- Các anh sẽ đóng ở đây, - Anh quản nói - Feinhals có họa đồ vị trí. Lần này, chiến thuật tác chiến sẽ được áp dụng. Các anh cũng thừa hiểu, làm cho đủ lệ ấy mà. Schneider ạ, tốt nhất là nên lập tức điểm danh và phái vài người đi lấy vũ khí để sẵn tại khu bệnh lây. Các đồn khác đều đã được thông báo rồi.

Schneider hỏi:

- Vũ khí cũng là làm cho đủ lệ phải không?

Viên thượng sĩ lại đỏ mặt. Schmitz lấy thêm một điều thuốc lá trong bao của Feinhals.

- Cho xem danh sách các thương binh nào - Ông bảo - Phải xếp lớn chỉ huy đoàn khởi hành đầu tiên không?

- Thừa phải - Viên thượng sĩ đáp - Và chẳng chính ông thiết lập bản danh sách ấy đó.

- Tôi muốn đọc danh sách ấy một chút. - Schmitz nói.

Viên thượng sĩ lại đỏ mặt nữa.

Hắn rút trong ngăn kéo ra một bản danh sách, trao cho Schmitz. Vị bác sĩ môi mấp máy, cẩn thận đọc từng tên một trong một vùng im lặng hoàn toàn. Ai nấy ngậm miệng, chăm chăm nhìn ông. Chỉ có hành lang mới ồn ào. Và mọi người giật mình khi Schmitz đột nhiên lớn tiếng: “Trung úy Moll và đại úy Bauer, chà chà!” Ông dẫn mạnh bản danh sách xuống mặt bàn đánh bộp một cái, rồi nhìn anh quản.

- Bất cứ sinh viên y khoa nào cũng phải bảo anh rằng không được di chuyển một bệnh nhân một giờ rưỡi sau khi mổ óc hẳn.

Ông ta lại nhặt bản danh sách lên, đập đập ngón tay lên giấy.

- Cho họ một viên đạn vào sọ hoặc nhét họ vào xe cứu thương thì cũng chẳng khác gì. - Ông ta lần lượt nhìn Schneider, Feinhals, viên chánh quản và Otten.

- Rõ ràng người ta biết ngay từ hôm qua rằng hôm nay thì chúng mình phải bán xối. Vậy thì tại sao không hoãn cuộc giải phẫu lại?

- Mãi đến sáng nay mới có thượng lệnh cho rút, vừa cách đây nửa giờ thôi ạ. - Viên thượng sĩ đáp.

- Thượng lệnh! Thượng lệnh! - Schmitz mai mĩa ném trả bản danh sách xuống bán.

Rồi ông bảo Schneider.

- Lại đây, chúng mình đi thôi. - Sau khi ra khỏi phòng, ông nói tiếp:

- Anh có nghe lời hăn vừa nói không? Chính tôi chỉ huy tiểu đội hậu tập... để rồi mình bàn thêm sau.

Ông hồi hả đi lên văn phòng y sĩ trưởng trong khi Schneider lừng khừng về văn phòng mình.

Đến mỗi cửa sổ, chàng lại liếc nhìn ra ngoài để biết chắc xe của Szarka vẫn còn đậu trước lối ra vào. Bây giờ thì sân đầy cam nhông và xe tải thương. Xe của xếp lớn ngự chính giữa sân. Mọi người đang bắt đầu chất đồ lên các xe. Schneider để ý thấy rằng gần nhà bếp, người ta khuân cả những cần xế trái cây và rằng người tài xế của xếp lớn đang kéo qua sân một thùng thực phẩm lớn có đai sắt. Ở các hành lang là tình trạng chen vai thích cánh. Về đến văn phòng, Schneider liền đi lại tủ, rót hết chỗ rượu còn lại vào một chiếc ly, pha vào một chút nước hơi sấp đưa ly lên môi thì nghe chiếc xe đầu tiên nổ máy. Tay vẫn cầm ly, chàng bước ra hành lang, đến đứng tại một cửa sổ.

Vừa nghe, chàng đã đoán ra ngay đó là tiếng xe xếp lớn. Máy xe còn tốt lắm và mặc dầu mù tịt về máy móc, chỉ nghe thôi chàng cũng biết máy xe còn tốt. Rồi vị y sĩ trưởng bước tới, tay không hành lý, chiếc mũ cát kết trên đầu hơi lệch lạc một chút. Thái độ ông không có gì khác lệ thường. Chỉ có khuôn mặt ông mọi khi có vẻ cao sang trắng xanh với một vài khoảng phơn phớt hồng thì lúc này đỏ ửng. Trông ông đúng là một người đường bộ, cao lớn, thon dáng, kỵ sĩ có tài, mỗi sáng cứ mới sáu giờ đã lên yên tay cầm hèo giục ngựa phóng về phía rừng, đều đặn tiến mỗi lúc một xa hơn mãi, vào phía xa xăm đến nhòa vào chân trời. Nhưng lúc này xếp lớn mặt mày đỏ ửng. Và Schneider nhớ chỉ thấy màu đỏ ấy có một lần, vào hôm Schmitz thành công trong một cuộc giải phẫu mà chính xếp lớn cho là liều lĩnh quá. Bây giờ thì Schmitz đi bên cạnh xếp lớn với một dáng bộ vô cùng bình thản trong khi xếp lớn khuỳnh hai tay bước đi mà như bơi. Nhưng kìa Schneider nhắc thấy Szarka đang đi ngược hành lang. Rõ ràng là thấy sự xáo trộn nơi đây, nàng đang quỳnh lên như muốn kiểm lấy một người còn bình tĩnh. Nàng nói với chàng bằng tiếng Hung Gia Lợi. Chàng chẳng hiểu mô tê gì mà vẫn ra hiệu cho nàng bước vào văn phòng mình. Cùng lúc ấy, bên ngoài, xe xếp lớn chuyển bánh, các xe khác chậm chậm theo sau...

Cứ bề ngoài mà xét, chắc thiếu nữ yên trí chàng thay thế phát ngân viên thường lệ. Nàng không ngồi xuống ghế chàng chỉ. Và khi chàng đặt đít xuống mép bàn giấy, nàng đến đứng trước mặt chàng vừa nói vừa khoa chân múa tay, cố gắng thuyết phục chàng. Đối với chàng, quả thực là một niềm hoan lạc được ngắm nàng kỳ no mắt mà không cần bận tâm nghe nàng nói.

Bởi vì cho có cố gắng tìm hiểu ngôn ngữ của nàng thì đó cũng chỉ là công cốc. Chàng để mặc nàng ba hoa chích chòe để tận hưởng khoái lạc ngắm nghía nàng. Thân hình hơi mảnh dẻ, nàng có vẻ còn thật trẻ, quá trẻ trẻ hơn là chàng tưởng tượng nữa. Ngực nàng chỉ mới hơi nhú nhưng chiếc đầu nhỏ của nàng thì thực hoàn toàn xinh đẹp và chỉ nguyên nghĩ chờ cho đến lúc cặp mày dài của nàng kê lên má nâu của mình, khoảnh khắc thật

ngắn ngủi trong đó nàng cũng ngậm cái miệng tròn nhỏ hồng hồng và đôi môi mong mỏng, chàng cũng đủ thấy gần như tắc thở. Chằm chú nhìn, chàng đành tự thú hơi thất vọng về tuổi tác của nàng tuy vẫn nhận rằng nàng trông thật xinh xắn. Vừa bằng đầu, vừa bằng bàn tay, chàng cố ra hiệu là chàng không có thẩm quyền. Lập tức, nàng ngưng bật ánh mắt thành xa vời, nghi ngại. Chàng hỏi thật nhỏ:

- Ta muốn hôn em, em hiểu không?

Nói cho thực, chàng không còn tin chắc mình vẫn còn niềm ham muốn trước. Và chàng ngượng ngịu khi thấy nàng đỏ mặt và một vẻ gì sôi nổi dần dần lan trên làn da nâu sẫm ấy. Chàng thấy nàng đã hiểu rồi. Hễ chàng tiến thì nàng lùi. Và thấy niềm kinh hoàng trong cặp mắt nàng và vẻ gầy guộc của cổ nàng ở đó một động mạch đang giật thành thạch chàng thấy lẽ ra phải tỏ tình lỗi ba tháng trước. Chàng liền dừng lại, lắc đầu và thăm thì:

- Xin lỗi em. Bỏ qua chuyện này đi. Em hiểu chứ?

Nhưng niềm kinh hoàng trong ánh mắt nàng cứ gia tăng và chàng đâm lo không chừng nàng sẽ la lên. Nàng không còn theo dõi được ý nghĩ chàng nữa. Chàng thở một hơi dài, tiến lại cầm hai tay nàng. Và khi đưa đôi tay ấy lên môi, chàng ngửi thấy rõ ràng đôi tay là dơ bẩn, rằng chúng toát ra một mùi đất và da thuộc, kiêu và hành. Chàng hôn lướt qua và cố gắng mỉm cười. Nàng nhìn chàng với một vẻ còn bối rối hơn lúc trước cho mãi đến khi chàng vỗ vai nàng:

- Nào thử xem có cách gì đòi tiền dùm em chẳng.

Nhưng chỉ có điệu bộ đếm tiền mới bộc lộ được hết ý tứ khiến cho nàng theo ra hành lang, miệng hơi chum chim.

Tại đây cả hai gặp Schmitz và Otten.

- Hai người tính đi đâu thế? - Schmitz hỏi.

- Lên chỗ phát ngân viên. - Schneider đáp - Em bé này đòi tiên.

- Phát ngân viên đi khỏi rồi. Đi từ chiều hôm qua tới Szolnok kia. -
Schmitz đáp - Từ nơi này, hẳn sẽ tới với đạo tiên phong của mình.

Schneider khép hờ đôi mi rồi nhìn hai người đồng ngũ. Không ai thốt một lời nào. Thiếu nữ thì lần lượt nhìn cả ba người với một vẻ dò hỏi.

- Otten, - Bây giờ Schmitz mới nói - hãy tập trung tiểu đội hậu tập. Tôi cần vài người để khuân đồ xuống. Bọn họ quên phứt không để thức ăn lại cho chúng mình rồi.

Ông nhìn ra sân. Chỉ còn độc một chiếc cam nhông.

- Thế còn thiếu nữ này? - Schneider hỏi.

Schmitz nhún vai:

- Tôi chẳng làm gì có tiền trả cô ta.

- Hay mình hẹn cô ta sáng mai trở lại?

Schmitz nhìn thiếu nữ; nàng mỉm cười với ông.

- Đừng - Ông bảo - cứ hẹn cô ta chiều nay thì hơn.

Otten chạy huỳnh huých từ đầu nọ tới đầu kia hành lang, miệng hô:

- Tiểu đội hậu tập, tập họp!

Schmitz đi ra đứng cạnh chiếc cam nhông trong khi Schneider tiễn nàng thiếu nữ ra đến xe độc mã. Chàng tìm đủ cách giảng giải rằng nàng nên trở lại chiều nay nhưng nàng cứ lắc đầu. Cuối cùng, chàng đâm ngờ rằng chưa lấy được tiền chưa chắc gì nàng chịu ra về. Chàng đứng gần nàng, nhìn nàng leo lên xe, lật nghiêng chiếc thùng và từ trong đó, moi ra một gói bọc

màu nâu. Sau khi treo một túi dết lên cổ ngựa, nàng cởi gói đựng bữa ăn sáng ra: một mẩu bánh mì, một viên thịt ép dẹp và một củ kiệu. Rượu vang thì đựng trong một chai xanh đáy phình. Bây giờ nàng mới mỉm cười với chàng. Và bỗng nhiên, nàng ngừng nhai bảo: “Nagyvarad”, đồng thời ra một dấu hiệu đấm mạnh nắm tay từ trên xuống dưới. Lúc đó, nét mặt nàng thật đăm chiêu. Schneider đồ chừng rằng nàng đang mô tả lại một trận đấu quyền trong đó một đấu thủ lừng danh nào bị bại trận. Hoặc giả đó là phương cách để bày tỏ rằng nàng đã sạt nghiệp chẳng. Chàng không rõ Nagyvarad nghĩa là gì. Tiếng Hung Gia Lợi là một thứ tiếng thật khó. Ngay chữ thuốc lá cũng còn khó mà đoán cho ra nữa là.

Nàng thiếu nữ lại lắc đầu Nagyvarad, Nagyvarad nàng hăng say nhắc lại vừa khoa tay nắm đấm từ trên ngực xuống dưới. Nàng lắc đầu, cười khảnh khách, ngoạm những miếng lớn và hồi hả uống. Nàng bảo: “Ô Nagyvarad, nha!” Nàng chỉ ngón tay về hướng Đông nam rồi nhại tiếng ù ù của xe thiết giáp đang tiến đến gần bờ ru, bờ ru, bờ ru...

Schneider, cuối cùng, gật đầu. Thế là thiếu nữ phá lên cười, nhưng đột nhiên ngừng bật, nét mặt thật nghiêm trọng. Schneider đã hiểu rằng Nagyvarad là tên một thị trấn và điệu bộ đấm không còn cho phép hiểu lắm gì được nữa. Chàng quay về tiểu đội đang khuân đồ trên cam nhông xuống. Schmitz đứng cạnh tài xế đang ký một văn thư, Schneider đã kêu lớn:

- Bác sĩ có rồi một chút, xin mời đến đây được chẳng?

Schmitz gật đầu.

Ăn uống xong, thiếu nữ gói gém cẩn thận bánh, mẩu kiệu thừa và đặt nút chai lại.

Schneider hỏi nàng:

- Em có cần nước cho ngựa không?

Nàng nhún vai nhìn chàng ngơ ngác.

- Nước, cho ngựa.

Chàng vừa nói vừa khom mình bắt chước điệu bộ một con ngựa đang uống.

- Ô, - Nàng kêu lên - ô, nước!

Bây giờ tia mắt nàng thật dị kỳ, như hiểu kỳ lại đồng thời âu yếm.

Từ bên kia sân, chiếc cam nhông bắt đầu nổ máy. Bên ngoài cả đoàn đang chờ đường hết kẹt.

- Gì đó? - Schmitz hỏi.

- Thiếu nữ này bảo trận tuyến bị chọc thủng một chỗ gần một thành phố. Tên thành phố đó bắt đầu bằng Nagi.

Schmitz gật đầu:

- Tôi biết, ở Großwardein.

- Ông biết à?

- Đem qua tôi nghe thấy ở ra đô.

- Nơi đó xa đây không?

Schmitz dăm chiêu nhìn đoàn xe dài đang tuồn vào sân.

- Xa. - Ông vừa nói vừa thở dài - Chữ này thật không còn ý nghĩa gì trong cuộc chiến tranh chúng ta đang theo đuổi... chắc cách đây lỗi một trăm cây số. Hay chúng ta trả thiếu nữ này bằng thuốc lá, ngay bây giờ?

Schneider nhìn Schmitz và cảm thấy mặt mình nóng bừng.

- Để lát nữa. - Chàng bảo - Tôi còn muốn lưu nàng thêm một lát.

- Táy ý anh. - Schmitz đáp rồi chậm chạp đi về cánh Nam.

Vừa lúc ông bước chân vào phòng hai bệnh nhân còn lại, viên đại úy đang thì thầm bằng một giọng nghẹn ngào: Bjeljogorsche. Schmitz biết ông không cần đem đồng hồ đo lại; nhịp phát âm của viên đại úy còn chính xác hơn bất cứ một chiếc đồng hồ nào. Ngồi trên mép giường với hồ sơ bệnh nhân trong tay, và gần như được ru bằng tiếng luôn luôn lặp lại ấy, vị bác sĩ cố tìm hiểu lấy chút ít sự thể, lòng thì tự hỏi do cơ năng nào đã khiến phát sinh từ khối óc bị mổ xẻ rồi khâu lại một cách gập chằng hay chớ ấy cái thứ lời nguyện cầu một điều này. Chuyện gì xảy ra trong năm mươi giây im lặng hoàn toàn chỉ dành để thở kia? Schmitz gần như không hay biết gì về thân thể bệnh nhân cả: ra đời tháng ba năm 1895 ở Wuppertal cấp bậc đại úy, binh chủng: bộ binh; nghề nghiệp: thương gia; tôn giáo: Tin Lành; cư sở, đơn vị, thương tích, bệnh trạng, tính chất của vết thương. Không có lấy một chút vì đáng chú ý: học sinh rất trung bình, hơi thất thường, chỉ có một lần phải học lại và chứng chỉ mãi học còn ghi được Bình về địa lý, Anh văn, thể dục. Ông chẳng vui thích gì khi bị gọi tòng quân và đã được thăng Trung úy năm 1915 mà lòng chẳng mảy may ham muốn. Ông ta không từ khước rượu nhưng không bao giờ uống một cách vô độ. Sau này, khi đã lập gia đình, không bao giờ ông đành tâm lừa dối vợ đầu sự thể thật dễ sắp xếp và được chúng nhân ưa thích. Ấy chỉ vì ông không sao có can đảm lừa dối vợ, sự thể chỉ giản dị thể thôi.

Điều mà hồ sơ ghi lại gần như hoàn toàn vô bổ đối với Schmitz chừng nào mà ông còn chưa hiểu rằng tại sao bệnh nhân luôn miệng nhắc đi nhắc lại Bjeljogorsche, rằng, tiếng đó có quan hệ gì với bệnh nhân và, điều đó có lẽ chẳng bao giờ Schmitz tìm được ra hết: Ấy thế nhưng ông có thể sẵn lòng qua mọi ngày còn lại của kiếp sống trên giường này chỉ để nghe người bệnh lặp năm vắn đó.

Bên ngoài sự yên tĩnh thực hoàn toàn. Đầu óc bối rối và căng thẳng, vị bác sĩ lắng tai nghe sự im lặng ở đó từng lúc từng lúc, âm thanh nặng nề kia rớt xuống. Nhưng rồi im lặng vẫn chiếm phần ưu thắng. Nó trở thành ngột ngạt. Schmitz, gần như miễn cưỡng, từ từ đứng dậy bước ra ngoài.

Lúc Schmitz vừa rời đôi trai gái, thiếu nữ nhìn Schneider và ra chiều bối rối. Nàng ra hiệu uống, bằng một điệu bộ thật nhanh. À phải nước nha! Schneider nói rồi bước vào trong trại để đi lấy nước. Đến cửa ngăn, chàng bắt buộc nhảy lùi lại sau một bước. Một chiếc xe màu đỏ, khá hợp thời, lạng lẽ chạy vào, theo một tốc độ quá cao so với tốc độ được chỉ định. Chiếc xe chạy theo một đường queo khéo léo và hướng về gia cư của viên hiệu trưởng quá bên kia chỗ đậu của các xe tải thương.

Khi Schneider trở lại với một thùng nước, chàng lại phải né sang bên lần nữa. Người ta bóp còi inh ỏi trong sân, đoàn công voa vừa chuyển bánh. Anh Quản ngồi trên xe đầu, các xe khác theo sau. Anh Quản chẳng buồn để ý đến Schneider. Schneider chờ cho kỳ đến lúc đoàn xe dài đi khỏi rồi mới trở vào sân lúc này trống rỗng và im lặng đến ngột thở. Chàng đặt thùng nước xuống trước con ngựa, ngừng nhìn thiếu nữ đang chỉ trở Schmitz. Ông bác sĩ từ khu trại Nam ra, đi qua trước mặt họ ra khỏi cổng xe. Hai người chậm chạp theo chân ông và cả ba đứng sững trước bệnh viện nhìn đoàn công voa xa dần về phía nhà ga.

Schmitz hạ thấp giọng:

- Hai người tôi phải tới phòng bệnh lây đã trở lại với vũ khí thực.
- À ừ, - Schneider đáp - tôi quên phút chuyện ấy rồi.

Schmitz lắc đầu:

- Chúng ta sẽ chẳng cần đến vũ khí: trái lại. Lại đây, mình vào thôi.

Ông dừng lại trước mặt thiếu nữ.

- Tốt nhất mình nên trả bằng thuốc lá cho cô ta ngay bây giờ, phải không? Làm sao biết được sự gì sẽ xảy ra...

Schneider gật đầu.

- Họ không lưu lại cho mình cam nhôm nào à? Họ tính mình sẽ rút lui bằng cách nào?

- Sẽ có một xe quay lại - Schmitz đáp - Xếp lớn đã hứa với tôi thế rồi.

Hai người nhìn nhau.

- Nhìn đằng sau kia kìa, dân tị nạn đấy. - Schmitz vừa nói vừa chỏ ngôi làng ở đó một đoàn xe đang lắc lư đi tới. Dân tị nạn đang lũ lượt kéo qua trước mặt họ, chậm chạp, mắt không không buồn ngừng lên. Một rã rời về mặt u sầu, họ chẳng buồn chú ý đến một ai, kể cả binh sĩ, đến người thiếu nữ.

- Họ từ xa đến - Schmitz nhận xét. Ngựa mệt lả rồi - Trốn tránh như vậy phi lý quá. Với thể tốc độ hành trình này, họ sẽ không thoát được khỏi vùng chiến trận.

Một tiếng còi xe thúc bách vang lên sau họ, một tiếng còi the thé, nóng nảy, hỗn hào. Họ thủng thỉnh rẽ ra hai bên, Schneider cùng một phía với Szarka. Đó là xe viên hiệu trưởng xin đường. Xe hăn phải thẳng gấp mới không đụng thẳng vào hông một xe bò của dân tị nạn. Lúc ấy, cả ba mới nhìn được thật gần những người ngồi trong xe hơi, y như đi xem chiếu bóng ngồi hàng đầu và phải chịu đựng nỗi khổ cực vì màn ảnh quá cận. Nơi tay bánh, viên hiệu trưởng có khuôn mặt trông nghiêm thật thản nhiên, xương xẩu và hơi ốm yếu. Trên chỗ ghế cạnh ông có cả một chồng có ngon những va-li và chăn mền chẳng bằng dây thừng. Sau lưng ông là bà vợ mà khuôn mặt với những nét thật đều đặn cũng bình thản không kém chồng. Cứ bề ngoài mà xét, cả hai đều đã định bụng không nhìn phải nhìn trái gì hết. Bà ta đặt một đứa bé còn ẵm ngửa trên lòng và cạnh bà là thằng bé 6

tuổi là kẻ độc nhất từ trong xe nhìn ra ngoài, khuôn mặt sáng sủa của nó dán lên kính xe cười với binh sĩ. Đường kẹt mất lối 2 phút dài. Ngựa của đoàn xe mệt lử và đoàn người bị chôn chân tại chỗ. Bọn Schneider thấy nơi tay bánh viên hiệu trưởng ra vẻ bồn chồn. Bồ hôi ông đầm đìa, mắt ông chớp dờn và, từ phía sau lưng, bà vợ ông rỉ tai bảo ông gì đó. Gần như không có lấy một tiếng động nào ngoại trừ tiếng gọi mỗi một của một người tị nạn hay tiếng khóc của một đứa trẻ nào. Rồi, đột nhiên một tiếng kêu vang lên từ trong sân, một tiếng gào trầm trầm làm cả ba người quay phắt lại. Đồng thời một viên đá giáng xuống xe hơi nhưng lại trúng vào chiếc lều vải cuốn thành bó. Viên đá thứ nhì đập bẹp một chiếc xoong được buộc ở phía cán bằng một dây da y hết những hôm gia đình này đi nghỉ cuối tuần. Kẻ vừa chạy tới vừa gào là người gác cổng bệnh viện cư ngụ tại hai phòng sát buồng tắm công cộng. Bây giờ thì anh ta đã chạy đến sát cổng nhưng anh ta hết cái ném rồi. Nên mồm vẫn chửi rủa, anh ta phải cúi xuống, và đúng lúc ấy đường hết kẹt, chiếc xe phóng đi giữa những tiếng còi ương ngạnh. Lọ hoa bay rớt đúng chỗ xe vừa đậu một giây trước, trên một khoảng lát diêm dúa bằng đá xanh nho nhỏ. Lọ hoa vỡ tan. Những mảnh vỡ tung ra thành một vòng tròn thực đều đặn chung quanh cái vùng đất lúc đầu còn nguyên hình dáng rồi đột nhiên rời rã, phơi ra cả cụm rễ của một cây phong lữ thảo: những đóa hoa vẫn còn đứng, đỏ au, dựng thẳng một cách thực ngây thơ ở chính giữa.

Người gác cổng đã tới chỗ mấy binh sĩ. Anh ta không chửi thề nữa, chỉ đang khóc. Nước mắt vẽ thành vệt thật rõ ràng trên khuôn mặt nhem nhuốc của anh ta. Anh khom mình về trước trong một điệu bộ vừa bi thảm vừa ngơ ngáo, hai bàn tay vịn vào nhau, chiếc áo choàng cũ kỹ cẩu ghét phật phờ bao quanh nửa người trên gầy guộc của anh. Anh giật bản mình khi có tiếng đàn bà léo nhéo gọi ở cuối vườn. Anh quay ngược trở lại trở về nhà vừa đi vừa khóc nức nở. Szarka đi theo anh, tránh né đôi cánh tay Schneider chìa ra chực ôm nàng. Rồi nàng nắm dây hàm thiết ngựa, dắt nó chui qua cổng,, trèo lên xe cầm lấy dây cương.

“Để tôi đi lấy thuốc lá” Schmitz gọi lớn, “giữ cô ta lại, chỉ một giây cũng đủ”.

Schneider vỗ lấy dây hàm thiết. Cô gái quật một nhát roi vào tay chàng. Chàng đau mà vẫn không buông. Quay đầu nhìn, chàng ngạc nhiên thấy Schmitz đang co căng chạy. Chàng chẳng bao giờ ngờ rằng Schmitz lại có thể chạy được.

Thiếu nữ lại giơ roi nhưng không quật xuống. Rồi nàng xếp roi sát cạnh chỗ ngồi. Và Schneider kinh ngạc thấy nàng mỉm cười, nụ cười chàng đã từng bắt gặp nhiều lần, âu yếm mà lại lạnh lùng. Bước đến gần chỗ ngồi trên xe, chàng dịu dàng kéo nàng lại, bế nàng xuống. Nàng nói gì với ngựa chẳng hiểu, khi chàng vòng tay ôm nàng. Schneider thấy nàng vẫn còn hơi sợ sệt nhưng không biểu lộ một chút phản kháng nào, chỉ lo âu nhìn tứ phía xung quanh. Chỗ cồng có vẻ tối sẫm, Schneider nhẹ nhàng hôn lên má, lên mũi và rẽ mớ tóc đen và mịn màng của nàng, định hôn lên gáy. Chàng giật mình khi nghe tiếng Schmitz trở lại lúc nào đang ném thuốc lá vào bên trong xe ngựa. Szarka nhảy phắt lên xe, ngắm nghía các bao thuốc đỏ ấy. Vẫn làm lơ như không thấy Schneider, Schmitz lăm lũi bước trở vào sân. Szarka, má bừng bừng đỏ, nhìn sững Schneider nhưng vẫn tránh tia mắt chàng rồi đột nhiên, bằng một mệnh lệnh gọn và giật giọng cho con ngựa, nàng giật mạnh dây cương. Schneider tránh sang bên, chờ nàng đi khỏi lối năm mươi thước mới cất tiếng gọi lớn tên nàng trong yên lặng. Nàng dừng xe, không ngoảnh lại chỉ quơ chiếc roi da lên bên trên đầu, thành nhiều vòng tròn ra hiệu già từ rồi tiếp tục lên đường. Schneider khi đó mới chậm chạp trở vào sân.

Bầy binh sĩ sẽ đi hậu tập đang ngồi ngoài trời, gần nhà bếp cũ và đang ăn uống. Trên một chiếc bàn có súp, có những khúc bánh mì lớn và cả thịt nữa. Schneider bước đến gần và, vì tai nghe có tiếng đập âm âm từ phía trong đưa ra, chàng hất hàm nhìn các bạn đồng hành của mình.

- Đó anh chàng gác cổng đang phá cửa buồng hiệu trưởng đấy - Feinhals giải thích như vậy. Và giây lát sau, hắn nói thêm - Ít ra lẽ ra ông ta cũng nên để ngỏ cửa, không thế thì cửa cũng bị phá kia mà.

Có bốn người đi theo Schmitz trở vào trại để tập hợp cho bằng hết các thứ còn lại để mang theo. Schneider đứng im tại chỗ với Feinhals và Otten.

- Tôi có một công tác thật oai. - Otten nói.

Feinhals uống một hớp rượu mạnh màu hồng trong cái ca của mình rồi chuyển cho Schneider mấy bao thuốc lá.

- Cám ơn. - Chàng bảo.

Otten tiếp tục:

- Tôi được giao công tác ném khẩu đại liên, các khẩu tiểu liên và cả mớ giẻ lau súng vào hố phân, chỗ viên đạn đại bác thối. Feinhals, anh sẽ giúp tôi một tay nhé.

- Ủ. - Fanhati nói trong khi tay tinh nghịch dùng một chiếc muỗng nhỏ vét súp từ một vũng nâu lớn nằm chình ình giữa bàn ra một mép bàn, thành những hình ngoằn ngoèo.

- Nào chúng mình đi thôi. - Otten bảo.

Liền sau đó, Schneider ngủ gục trên nắp chiếc gà mèn của anh. Điều thuốc lá anh gác ở mép bàn cứ nghi ngút cháy. Tro xám hiện thành đường, lửa gặm bàn thành một vết dài, đen và hẹp trên gỗ. Và lối 4 phút sau, điều thuốc chỉ còn là một mẩu dôi xám dính vào bàn. Mẩu tro xám ở nguyên vị thực lâu, mãi lối gần một giờ sau, khi Schneider tỉnh giấc vô tình quơ tay gạt nó xuống đất. Một tiếng cam nhông chạy đã đánh thức chàng. Gần đồng thời với tiếng cam nhông vào sân, chàng nghe tiếng những xe thiết giáp đầu tiên. Schneider chồm lên. Mấy người khác đang đứng bao quanh chàng hút

thuốc suýt bật cười nhưng đều nín được: tiếng vo vo xa xôi kia đầy đủ ý nghĩa quá mà.

- Nào, - Schmitz bảo - chiếc cam nhông hứa hẹn tới kia. Feinhals, hãy trèo lên mái nhà rồi báo cho hay anh nhìn thấy những gì.

Feinhals tiến về khu phía Nam. Nằm phục vị trên một cửa sổ phòng hiệu trưởng, người gác cổng đang nhìn họ. Bên trong có tiếng vợ hằn ta đang xục xạo. Ly tách chạm nhau nghe lanh canh, chắc mụ đang đếm chúng.

- Chúng mình chuyển mớ đồ linh tinh kia lên xe thôi. - Schmitz bảo.

Người tài xế quơ tay tỏ vẻ phản đối. Anh ta có vẻ mệt đừ.

- Cóc khô, - Anh nói - lên xe đi và vứt mớ của nợ này lại đây cho rảnh.

Anh quơ một gói thuốc trên bàn, xé bao lấy một điếu.

- Thôi, dù sao cũng cứ chuyển đồ lên đi. Schmitz nói tiếp - Đằng nào mình cũng phải chờ Feinhals trở xuống kia mà.

Anh tài xế nhún vai ngồi vào bàn, múc vào gà mèn của Schneider một môi canh đựng trong một chiếc thùng.

Những người khác hì hụi khiêng lên xe bất cứ thứ gì còn tìm được trong các trại: vài chiếc giường, một thùng thực phẩm của sĩ quan trên có kẻ tên người bằng sơn đen Trung úy Bác sĩ Greck một mớ quân dụng: nỏ túi, nỏ túi dẹt, vài khẩu súng; rồi một chồng quần áo: sơ mi, quần đùi, bút tất, gi lê hoặc gói hoặc lền vào với nhau.

Từ trên nóc nhà, Feinhals gọi lớn:

- Chẳng thấy đếch gì cả. Có một rặng bạch dương trong làng che mất tầm mắt. Các anh có nghe thấy xe tăng không? Tôi thì nghe rõ mồn một à.

- Có. - Schmitz đáp lớn - Có nghe thấy. Bây giờ thì cậu xuống đi thôi.

- Lẽ ra một người trong toán mình phải chạy ra chỗ gò đất. - Schmitz bảo - Ở đó chắc chắn có thể thấy được xe tăng đấy.

- Vô ích, - Người tài xế bảo - chưa làm sao mắt thấy nổi xe tăng đâu.

- Tại sao lại thế nhỉ?

- Tôi nghe thấy tiếng xe. Mà tại tôi cho hay chưa thể thấy chúng được. Và chẳng chúng từ hai phía khác nhau tiến tới đấy.

Anh ta chỏ một ngón tay về phía Tây nam. Và, khác nào điệu bộ ấy đủ khiến phát sinh tiếng động, quả nhiên họ nghe thấy một tiếng vo vo khác, từ phía ấy, tới thực.

- Rắc rối to, - Schmitz nói - vậy phải làm sao bây giờ?

- Mở máy chuồn lẹ. - Người tài xế đáp.

Anh ta bước sang bên, mắt hoài nghi nhìn đồng bạn đang chất lên cam không cả đến cái bàn và cả đến cái ghế từng dùng làm chỗ ngồi cho anh.

Feinhals từ trong trại bước ra:

- Một trong hai bệnh nhân đang kêu la. Anh bảo thế.

- Để đó cho tôi. - Schmitz đáp - Các anh đừng chờ tôi hãy đi đi.

Ban đầu, bọn họ ngập ngừng rồi sau đó cả bọn theo chân bác sĩ, trừ anh tài xế. Schmitz quay đầu lại bảo:

- Thôi đi đi. Tôi thì phải ở lại với các bệnh nhân.

Họ dừng bước, lại ngập ngừng giây lát rồi lại bước theo ông.

- Trời đất ơi! - Ông năn nỉ - Tôi đã bảo mấy người đi đi mà. Phải làm sao đi trước được khá xa trên cánh đồng thổ tả này chứ.

Họ lại dừng bước lần nữa. Chỉ riêng Schneider vẫn tiếp tục bằng bước đi chậm chạp trong khi Smítáo đã khuất dạng vào bên trong khu trại. Những người khác, cũng chậm chạp không kém, kéo nhau lại chiếc cam nhông. Nhưng Feinhals đổi ý, đứng bất động một khoảng thật ngắn, rồi cũng trở vào gặp Schneider.

- Cậu cần gì không? - Hẳn hỏi - Chẳng là mọi thứ đều đã chất hết lên xe rồi...

- Để lại cho ít bánh mì, bơ... và thuốc lá.

Cửa phòng bệnh mở ra. Feinhals liếc qua một chút, kêu:

- Trời ơi, ông đại úy đây mà.

- Cậu biết ông ta ư?

- Phải, - Feinhals đáp - tôi đã ở tiểu đoàn ông nửa ngày.

- Ở đâu?

- Tôi không biết tên vùng ấy.

- Thế hả, nhưng bây giờ thì cuốn gói đi thôi. - Schmitz cao giọng bảo - Đừng làm chuyện xuân ngốc.

- Hẹn tái ngộ vậy. - Feinhals vừa nói vừa quay ra.

- Tại sao cậu lại ở đây? - Schmitz hỏi, Schneider không trả lời mà Schmitz cũng như không đợi chờ một câu trả lời nào hết.

Cả hai lắng tai nghe chiếc xe cam nhông nổ máy. Tiếng máy càng ồn hơn, khi xe chạy qua dưới chiếc cổng ngăn. Bây giờ thì xe đang chạy trên đường ra ga rồi. Rồi họ nghe tiếng máy xe ở quá khỏi nhà ga nhưng lúc này tiếng máy xe gần như nghe không còn rõ nữa.

Tiếng vo vo của các xe thiết giáp đã ngưng bật. Có tiếng súng nổ.

- Phòng không nặng. - Schmitz nói - Có lẽ chúng mình phải trèo lên gò đất cao của đường sắt.

- Để tôi tới đó cho. - Schneider bảo.

Trong phòng, viên đại úy vẫn lặp lại chữ “Bjeljogorsche” bằng một giọng gần như đều đều nhưng không phải không pha ít nhiều thích thú. Ông ta đen sì, râu rậm, đầu quấn băng thật chặt. Schneider nhìn Schmitz. Ông này nói:

- Tuyệt vô hy vọng. Cứ giả thiết rằng ông ta qua khỏi, còn sống được... thì khi ấy...

Ông nhún vai.

“Bjeljogorsche” viên đại úy nói, rồi bật khóc, ông khóc thật im lặng, nét mặt không vì thế mà biến đổi nhưng những dòng nước mắt cũng không ngăn được ông lặp lại “Bjeljogorsche”.

- Trường hợp ông ta được đưa sang Tòa Mặt Trận. - Schmitz nói tiếp - Ông ta ngã từ mô-tô xuống mà đầu không đội mũ sắt. Trước đây ông ta là đại úy.

- Tôi ra trèo lên gò đất đây. - Schneider bảo - Nếu thấy còn có quân ta rút lui, tôi sẽ nhập bọn với họ, nhé?

Schmitz đồng ý.

Ra đến sân, Schneider thấy người gác cổng đã thương một lá cờ trước nhà ông hiệu trưởng, một mảnh giẻ đỏ bẩn thỉu trên có dính một lưỡi liềm vàng và một chiếc búa trắng đều cắt một cách vụng về từ khổ vải lớn để khâu lên mặt cờ. Chàng để ý thấy tiếng vo vo từ Đông nam lại trở thành rõ ràng. Không có tiếng súng bắn nữa. Chậm chạp bước, chàng vượt qua các khu giồng cây, dừng lại ngay hố phân. Viên đạn đại bác vẫn nằm chỗ này từ mấy tháng trước đó rồi. Cách đây mấy tháng, những đơn vị S. S. đóng trên đường sắt đã tấn công quân phiến loạn Hung Gia Lợi chiếm đóng trường này. Nhưng trận đánh thật ngắn ngủi. Gần như không còn dấu tích các tràng đạn đại liên trên mặt tiền trường. Riêng chỉ còn lại viên đạn trọng pháo, một khúc sắt rỉ, dài bằng cánh tay, đầu vê tròn mà chẳng ai thèm lưu tâm đến nữa. Ai không biết có thể ngờ đó là một gốc củi mục. Có cỏ mọc cao bao quanh, nó không còn làm bận tâm ai nhưng bà hiệu trưởng chẳng để lỡ dịp đã phản kháng bao nhiêu lần vì sự hiện diện của nó. Cũng đã có phúc trình được lập. Chắc hiện vụ đang được chuyển theo đường lối thông thường nhưng vẫn chưa có lời phúc đáp nào gửi xuống.

Schneider chậm bước chân lại khi phải đi vòng quanh viên đạn. Dưới cở chàng còn thấy vết chân của Otten và Feinhals lúc đi ném khẩu đại liên xuống hố phân. Nhưng bây giờ thì mặt phân lại phẳng phiu như cũ, một nét phẳng phiu xanh và bóng như tráng dầu. Schneider men theo các luống rau, đi qua khu ươm cây, rồi một đồng cỏ và trèo lên dốc gò. Gò cao lối một thước rưỡi mà chàng tưởng mình đứng trên một đỉnh cao vô tận. Chàng đưa tầm con mắt khỏi quá làng, nhìn bình nguyên tăm tắp trải bên con đường sắt mà chẳng thấy có gì. Nhưng tiếng động thì chàng nghe còn rõ ràng hơn trước nữa. Chàng tự hỏi không rõ súng còn bắn không. Không, súng không bắn nữa. Tiếng vo vo đến từ thẳng hướng đường xe lửa. Schneider ngồi xuống đợi chờ. Ngôi làng đang chìm đắm trong một vùng im lặng hoàn toàn. Mọi thứ ở đây, nào cây, nào cửa nhà thấp lè tè, nào gác chuông nhà thờ hình chữ nhật thấy thấy đều như đã trở thành bất động. Làng có vẻ nhỏ nhoi vì dừng ngay ở dưới chân đường sắt và vì ở phía trái, chẳng có gì hết. Schneider ngồi xuống, lấy thuốc lá ra hút.

Schmitz ngồi lại cạnh người bệnh nhân cứ đều đặn nhắc lại Bjeljogorsche. Nước mắt người bệnh đã cạn. Ông ta nhìn thẳng trtrước mắt bằng đôi mắt âm u và chữ ông ta đọc lên tạo thành như một bản đơn điệu ca không dứt nó làm Schmitz thích thú. Ít nữa thì vị bác sĩ cũng có thể nghe nó hoài hoài mà không chán. Bệnh nhân kia thì vẫn đang ngủ.

Con người cứ luôn miệng nhắc mãi một chữ Bjeljogorsche này tên là Bauer. Đó đại úy Bauer, xưa từng là người đi bỏ mỗi áo dẹt, xưa nữa là sinh viên. Trước khi là sinh viên, ông đã từng là thiếu úy trong gần bốn năm trời. Nhưng sau đó, một khi ông trở thành người bỏ mỗi áo dẹt rồi, cuộc sống của ông mới thực là cực nhọc. Mọi công chuyện làm ăn dĩ nhiên tùy thuộc tình hình túi tiền của mọi người nhưng mọi người lúc ấy đều không tiền cả. Hay đúng ra lớp người mà áo dẹt của ông định nhắm vào. Áo dẹt ấy không quá đắt cũng chẳng quá rẻ. Áo dẹt đắt vẫn có người mua, áo rẻ cũng vậy. Nhưng loại áo người ta giao cho ông bỏ mỗi, tốt trung bình, thì chẳng ma nào chịu mua cả.

Schmitz nhìn ông ta. Giá mình biết được ý nghĩ của con bệnh. Ông cảm thấy một niềm hiếu kỳ khó cưỡng được biết hết thấy về con người bộ mặt vừa phệ vừa quắt lại mà râu ria chơm chớm từng chỗ để lộ một mầu da nhợt nhạt như da người chết trôi này, mà đôi mắt bất động cũng như sắp đến lượt nhắc lại chữ Bjeljogorsche vì đôi môi gần như không còn mấp máy nữa. Rồi con người đó lại khóc. Những dòng lệ im lìm chảy dọc trên má ông ta. Ông ta chưa từng bao giờ là bậc anh hùng. Ông đã khổ tâm vì nghe viên trung tá quát trong điện thoại rằng ông nên sẵn sóc đến đại đội của ông một chút, rằng sự việc không trôi chảy hoàn hảo ở cứ điểm Cút Chó, khổ tâm vì, sau đó, ông phải lên tuyến đầu, đầu đội chiếc mũ sắt nó khiến ông trông lỗ bịch. Không ông chưa từng bao giờ là một bậc anh hùng, chưa bao giờ lắm le đóng vai anh hùng và biết thân biết phận lắm. Khi lên gần sát tuyến đầu, ông nhắc mũ sắt ra vì sự dấp dể mình trông lỗ bịch vào lúc ông phải nạo binh sĩ thuộc quyền. Cho nên ông tháo mũ sắt ra cầm tay, lòng tự nhủ lòng rằng: “Thôi thì liều một chút, cứ xông đại lên xem sao”. Và niềm kinh

hải càng lúc càng tan dần khi ông càng tới gần nơi đang xảy ra chuyện lộn xộn ngu ngốc đằng kia. Gớm! Dễ thường tất cả binh sĩ còn có ai không biết rằng ông, đại úy Bauer ông tài thánh cũng chẳng sao đối phó nổi, rằng không một ai trên đời này đối phó nổi với tình trạng ấy vì thiếu đại pháo và thiết giáp! Tất cả các sĩ quan đều thừa biết rằng quá nhiều đại pháo, quá nhiều thiết giáp được dùng để bảo vệ các bộ tham mưu mà. “Bọn chúng làm khổ mình”, ông tự nhủ thế, bụng chẳng thêm nghĩ rằng mình can đảm. Và, ông xông lên, bị đạn bẹp sọ. Thế là điều độc nhất còn lại ở đây là chữ Bjeljogorsche. Thế thôi.

Hình như vậy là đủ cho ông giữ được cơ năng nói nguyên vẹn cho đến ngày chết. Đó là vũ trụ của ông mà không một ai biết được hay có thể biết được bao giờ cả.

Dĩ nhiên ông không hay rằng một cuộc thẩm cứu được mở ra chống ông tại Tòa án Quân sự Mặt trận về tội cố ý làm thành phế tật vì ông đã tháo mũ sắt ra trong lúc đang có tác chiến nhất là lại ngồi xe máy dầu. Ông chẳng hay chuyện đó mà có lẽ sẽ mãi mãi chẳng hay điều đó. Có một hồ sơ thiết lập với tên ông, với một số hiệu, với vô số giấy chứng nhận mà có lẽ sẽ chẳng bao giờ ông biết đến, mà có lẽ cũng sẽ chẳng bao giờ làm ông bận tâm. Cứ mỗi năm mười giây, ông lại nói Bjeljogorsche và thế là hết.

Schmitz bình tĩnh ngắm nhía ông. Giá ông loạn trí đi để biết được những gì đang xảy ra trong đầu óc bệnh nhân mình thì ông cũng thích đấy. Ông đâm ra thêm tâm trạng bệnh nhân.

Schmitz giựt mình khi Schneider mở cửa.

- Gì thế? - Ông hỏi.

- Chúng đang tới. - Schneider đáp - Chúng ở ngoài kia kìa. Cút quá! Không một bộ đội nào của mình lọt thoát cả.

Trước đó, Schmitz không nghe thấy gì hết. Nhưng bây giờ thì ông nghe thấy chúng rồi, chúng đã đang ở đó, ở phía trái trong làng. Nay thì ông hiểu thấu triệt được ý nghĩa câu nói của người tài xế cam nhông lút này “Tai tôi cho biết mình chưa thấy được chúng đâu”. Bây giờ tai ông cho biết có thể thấy chúng được rồi. Và thực ra có thể thấy được chúng thật tỏ tường nữa.

- Lẽ ra trước đây mình nên treo cờ Hồng Thập Tự. - Schneider nói - Ít ra cũng nên thử xem sao.

- Thì bây giờ cũng chưa muộn đâu.

Schmitz kéo một lá cờ từ bên dưới chiếc va-li đặt trên bàn ra. “Cờ đây” ông nói thế. Schneider đón lấy lá cờ.

- Đi. - Chàng bảo.

Lúc đi ra, Schneider thò đầu qua cửa sổ nhưng lại thụt vào ngay. Chàng tái mặt.

- Chúng kia kìa, - Chàng bảo - trên gò đất của đường xe lửa.

- Để tôi tới đó cho. Schmitz nói.

Schneider lắc đầu. Chàng cầm dứng đứng lá cờ bước ra, đi xiên sang phải và với một vẻ hung tợn bước về phía đường xe lửa. Không có lấy một tiếng động. Ngay các xe thiết giáp đậu ở ngay lối ra vào làng cũng im bật. Trường học này là công trình kiến trúc cuối cùng ở trước nhà ga. Cho nên hòng súng các xe thiết giáp đều chĩa vào trường, nhưng Schneider không trông thấy những hòng súng ấy. Chàng cũng chẳng thấy cả đến các xe thiết giáp. Chàng chỉ cảm thấy mình lỗ bịch với cán cờ trên bụng như một cuộc điểm binh và tràn ngập sợ hãi. Máu của chàng chỉ toàn là sợ hãi. Chàng đi thành đường chằng, mắt chẳng trông thấy gì, một cách chậm chạp, gần như một người máy, với cán cờ trên bụng. Chàng tiến tới chậm chạp, trượt chân và tình cơn mê hoảng. Một sợi dây thép buộc dính cái gốc nho lại với nhau

đã làm chàng trượt chân. Bây giờ thì chàng trông thấy hết thấy. Có hai chiếc xe thiết giáp đậu đằng sau gò đất của đường xe lửa và xe thứ nhất đang quay dần pháo đài vào chàng. Rồi khi vượt khỏi các hàng cây cao, chàng thấy có nhiều xe thiết giáp hơn nữa. Các xe thiết giáp này xếp thành nhiều hàng trước sau trên cánh bình nguyên và những ngôi sao đỏ vẽ trên xe dồn chàng vào một tình trạng ngượng nghịu kỳ lạ. Xưa nay chàng chưa thấy chúng bao giờ. Đã tới hố phân rồi. Chàng chỉ còn phải đi men theo các khuôn đất vuông, bước qua khu ươm cây và cánh đồng cỏ là trèo lên gò đất được rồi. Nhưng chàng dừng lại cạnh hố phân. Niềm kinh hoàng lại xâm chiếm chàng, tệ hơn trước nữa. Lúc trước chàng không ý thức được niềm kinh hoàng ấy. Chàng chỉ có cảm giác như máu chàng đông đặc lại chứ chưa nhận được ra rằng đó là niềm kinh hoàng. Bây giờ thì máu chàng như lửa đốt. Chàng nhìn thấy toàn màu đỏ, không còn phân biệt gì khác, chỉ nhận thấy những ngôi sao đỏ khổng lồ chúng làm chàng hết hồn. Và thế là chàng vấp phải quả đạn đại bác làm nó nổ tung.

Ngay lúc đó thì chưa có gì xảy ra cả. Tiếng nổ vang rền trong im lặng hoàn toàn. Bọn Nga chỉ biết được rằng tiếng nổ không do bên phía chúng gây ra và kẻ đang vác cờ thì đột nhiên biến mất trong một vùng bụi lớn như đám mây. Một chút sau, một loạt tiếng lắc rắc điên cuồng khởi sự. Chúng chĩa tất cả các nòng súng, cải đổi lại hàng lối để bắn. Trước hết chúng bắn vào cánh Bắc là nơi, ở một cửa sổ, có lá cờ nhỏ của người gác cổng đang rũ xuống như một miếng giẻ. Lá cờ rụng theo vôi vữa đang từ mặt tiền trường học rơi xuống từng mảnh nhỏ. Cuối cùng, chúng bắn vào cánh Nam một cách hăng say. Đã lâu rồi chúng không bắn. Chúng bắn cho kỳ bức tường mỏng bị xẻ ra và chỉ ngưng vào lúc cả cơ sở đổ sụp về đằng trước. Mãi đến lúc ấy, chúng mới nhận ra rằng không có lấy một phát súng nào từ phía trước mặt bắn sang chúng cả.

NGƯỜI Ở ĐÂU VỀ

Heinrich Boll

www.dtv-ebook.com

Chương 4

Lúc đó chỉ còn lại hai đám màu rộng lớn, một do dưa chuột có ngọn cao nghệu hình kim tự tháp tạo thành và, một màu vàng cam, là đồng trái mơ. Giữa chợ những cây đu của đám người hát dạo vẫn đứng sừng sững. Những cây đu vẫn còn đó, nhưng nước sơn bên ngoài đã ngả màu, hoen ố, bẩn thỉu: màu xanh và đỏ chẳng còn chỗ nào tươi đậm. Nhìn những cây đu người ta bắt buộc phải liên tưởng đến những sườn tàu trơ trụi đang kiên nhẫn nằm trong ụ bến chờ được đem bán ve chai. Vài ba chiếc xuồng nhỏ, vẫn còn treo trên sườn tàu, thòng xuống bất động gần như cứng nhắc. Một làn khói đen bốc từ những xe lăn dùng làm nhà.

L

Những đám màu mỗi lúc một nhạt dần: bức họa cần màu xanh dương nhạt đậm lẫn lộn, của đám dưa chuột thu hẹp lại thật mau chóng. Greck đứng từ xa nhìn thấy hai người đang thu dọn. Còn đồng trái mơ, việc thu dọn quá chậm chạp do một người đàn bà duy nhất, chị ta lại quá cẩn thận, nhẹ nhàng nhấc từng trái mơ rồi nhẹ nhàng xếp vào trong thúng. Hẳn là vì mơ dễ dập hơn dưa chuột. Greck chậm bước lại. Phải chối- hẳn nghĩ thầm trong đầu - nhất định phải chối luôn. Chả còn cách nào hơn một khi sự việc vỡ lở. Phải, chả còn cách nào! Và lại, sánh với cái chết, có chối cũng chẳng quan hệ gì. Mà nào có ai hay biết gì đâu.

Greck tin chắc điều đó. Tuy nhiên điều làm anh kinh ngạc không ít là ở đây sao còn quá nhiều người Do Thái đến như vậy.

Lề đường đầy ổ gà nhưng anh không cảm thấy. Hai bên có những hàng cây yếu ớt, gầy guộc và những căn nhà nhỏ thó. Anh đang nôn nóng và linh tính báo cho anh biết nếu anh không mau trốn khỏi nơi này anh khó có hy vọng giữ kín hình tích, và tới lúc đó anh sẽ chẳng còn chối cãi gì được nữa, chỉ cần rào bước. Anh bước nhanh, còn nhanh hơn trước nữa. Anh đã gần ngay chợ: chiếc xe chở đầy dừa chuột sắp ngang qua mặt anh, nhưng ở đầu kia, người đàn bà vẫn thận trọng xếp mớ. Chồng mớ vẫn chưa vơi được quá nửa.

Greck nhìn những cây đu, suốt đời anh, anh chưa trèo lên loại đu đó, một lối tiêu khiển mà chưa bao giờ anh được biết tới; cha mẹ anh hồi anh còn nhỏ, đã cấm không cho anh chơi trò chơi đó vì nghiệm ra nó đã không thích hợp với sức khỏe của anh mà lại còn kỳ kỳ vì giữa đường giữa chợ mà khom khom, rún rẩy trên đu như loài khỉ, trông chả ra làm sao. Một khi ai đã cấm đoán anh điều gì, anh chả bao giờ làm. Thế mà bây giờ lần đầu tiên, anh đã dám làm một việc kinh khủng, xấu xa nhất mà còn nguy hại đến tính mạng anh nữa, sự sợ hãi đã khiến cổ họng anh như muốn thắt lại. Anh lão đảo, ngất ngư dưới ánh mặt trời, anh cố bước nhanh qua quãng trống để tiến tới chân cây đu. Khói đen từ cái xe lăn, bốc lên càng thêm dày đặc. Anh nghĩ thầm, sao người ta không cho thêm đồ đốt: than, à không, củi chứ? Anh đâu có biết dân Hung Gia Lợi dùng thứ gì để đốt lò. Mà điều này đâu có gì quan hệ tới anh. Anh gõ cửa lều dựng trên chiếc xe lăn; có một người đàn ông to lớn ở trần, nước da hung đỏ, râu ria xồm xoàm vừa xuất hiện. Trông gã có nhiều dáng dấp đặc biệt của giống người Hòa Lan với chiếc mũi mỏng dính và đôi mắt đen kịt.

- Cái gì đấy? - Gã dùng tiếng Đức để hỏi anh.

Anh thấy mồ hôi chảy xuống miệng... anh liếm mồ hôi và lấy lòng bàn tay vuốt mặt mà nói:

- Tôi muốn chơi đu.

Gã đàn ông vẫn thập thò trong khung cửa, neho mắt lại rồi gặt đầu đồng ý. Gã đập lưỡi tóp tép trong mồm. Đằng sau hẳn còn có một người đàn bà, vận quần yếm mặt nhễ nhại mồ hôi, những dải yếm màu đỏ xẫm cũng ướt sũng. Người đàn bà một tay bồng đứa con nhỏ tay kia cầm chiếc muỗng bằng cây. Đứa trẻ thật dơ dáy, còn mẹ đàn bà thì đen đúa trông phát sợ. Thái độ của đám người này chỉ cần liếc qua, cũng thừa hiểu họ có vẻ gây hấn. Phải chăng họ có ý nghĩ đang bị theo dõi vì hành vi bất chính nào đó? Greck chợt hững không còn thiết gì đặt chân lên cây đu nữa. Gã đàn ông thôi không dạo lưỡi trong mồm, hẳn nói với anh:

- Nếu ông muốn cứ tự nhiên, nhất là đang lúc giữa trưa, với cái nóng như thế này!

Gã bước xuống bậc thang gỗ, Greck tránh sang một bên nhường hẳn đi trước rồi lăm lũi theo sau. Cuối cùng anh hỏi gã:

- Bao nhiêu tiền?

Rồi anh nghĩ thầm chắc họ cho mình là thằng khùng? Mồ hôi làm anh khó chịu muốn điên lên. Anh lấy tay áo quạt mồ hôi trên mặt, uể oải trèo lên bậc thang gỗ dẫn tới niềng đu. Gã đàn ông nới tay thẳng, chiếc giỏ ở giữa bắt đầu rung rinh.

- Tôi nghĩ rằng, - Gã đàn ông nói - ông không nên đánh đu quá cao, vì luật lệ bắt buộc tôi phải ở đây để canh chừng.

Đức ngữ của gã đàn ông làm Greck phát buồn vì nó quá ư mơ hồ lại còn cứng như que củi. Cái lối nói của gã chỉ có phần nào Đức ngữ về ngữ vựng mà thôi.

- Không cao lắm phải không? - Greck trả lời - Ông có thể tin nơi tôi; tôi phải trả ông bao nhiêu tiền?

Gã đàn ông nhún vai đáp:

- Ông cho tôi một Pengô [1].

Greck móc túi lấy đồng pengô cuối cùng, trao cho gã đàn ông.

Chiếc giỏ rộng lớn quá sức tưởng tượng của anh. Anh tin tưởng có thể làm được và bắt đầu áp dụng kỹ thuật đưa đẩy chiếc đu mà anh đã có nhiều dịp quan sát và từ trước chưa có dịp thực hành. Anh nắm chặt vào chiếc thanh sắt; cuối cùng phải bỏ ra vì mồ hôi quá nhiều. Anh dùng ngón tay gạt những giọt mồ hôi đọng trên thanh sắt. Anh nắm thanh sắt trở lại, khum đầu gối xuống rồi đứng thẳng lên, người hơi ngả về phía sau. Anh làm như thế nhiều lần và rất ngạc nhiên khi chiếc giỏ bắt đầu chao tới chao lui.Ồ, thì ra quá dễ, thay vì cản nhịp đưa của chiếc đu bằng cách khum đầu gối xuống anh ta chỉ cần ngả người về phía sau, khi đu đánh về phía trước và ngả người về phía trước khi đu đánh về phía sau. Thật là dễ dàng và thích thú! Nhận thấy gã đàn ông vẫn còn đứng đó, Greck nói vọng xuống bên dưới:

- Ông còn chờ gì nữa? Cứ để tôi ở đây được rồi.

Gã đàn ông lắc đầu; Greck không để ý đến hản nữa. Anh chợt hiểu trong đời anh đã quên làm một việc thí nghiệm cần thiết: cây đu. Thật là tuyệt vời! Mồ hôi trên trán anh đã bốc hơi, khô đi từ lúc nào. Làn gió mát trong làn cũng làm tan biến những giọt nước lúc này tuôn ra như suối trong mình anh, dưới lớp áo quần. Theo đà đưa đẩy của chiếc đu, làn gió mát như xuyên qua lớp da ngoài để nhập vào cơ thể anh, làm anh say mê thích thú. Vũ trụ trên cao không còn đồng tính với vũ trụ bên dưới. Lúc đu xuống tầm mắt anh bị hạn chế bởi những tấm ván bản thiêu, nứt nẻ từng sọc dài; nhưng lúc đu lên, một khung trời bao la bát ngát, mở rộng trước mặt anh.

- Hãy coi chừng! - Gã đàn ông từ dưới đất nói vọng lên - Hãy nắm cho chắc nghe!

Greck biết gã đàn ông đang siết tay thẳng; chiếc đu giằng giật và giảm hẳn tốc độ.

- Ông có để tôi chơi hay không? - Greck quát to.

Gã đàn ông lắc đầu. Greck lấy thêm đà. Anh thấy thích thú tới cùng độ mỗi lần lui về phía sau ở một tầm mức song song với mặt đất để thấy những tấm ván tồi tàn tượng trưng cho cái thế giới bên dưới hoặc tiến về phía trước khiến anh có cảm tưởng đang kê chân lên nền trời xanh của bầu trời trên đầu anh, như nằm xấp trên một cánh đồng xanh mỗi lúc mỗi gần hơn; những gì gọi là ngăn cách, lúc đó, đối với Greck đều không còn ý nghĩa. Bên tay trái anh, mụ đàn bà vẫn kiên nhẫn xếp mớ vào trong thùng từ đồng mớ bày bên ngoài, tưởng chừng không thể vơi được, bên tay mặt anh, gã đàn ông có màu da hung đỏ, thỉnh thoảng lại kéo cần thẳng để giảm bớt tốc lực của cây đu; dưới thị trường của anh vài ba căn nhà đang bị lật úp; xa hơn một chút còn thêm dãy phố. Chiếc nón kết của Greck bay lọt ra ngoài.

- Phải chối, - Greck vừa suy nghĩ vừa giảm tốc lực của chiếc đu - phải chối ngay và chối phăng. Nếu mình cứ chối, họ đâu còn nghi ngờ gì; mình đâu có thể là con người làm việc đó? Chẳng có ai lại chấp nhận như vậy, khi họ nghĩ tới thanh danh tốt đẹp của mình. Chắc chắn họ cũng không thể tin mình đã làm những việc tương tự. Greck cảm thấy vừa hãnh diện, vừa lo âu, vì đã can đảm trèo lên chiếc đu này. Anh sẽ viết thư kể lại sự việc cho mẹ anh biết. À, mà thôi, bà cụ có thể không hiểu nổi hành động của anh. Phương châm của cụ là luôn luôn phải đứng đắn bất cứ trong trường hợp nào... Bà cụ không thể hiểu nổi hành động của anh, con trai cụ, Trung úy Greck có bằng tiến sĩ luật, đang giữa trưa, nắng chang chang và ngay giữa một khu chợ bần thiêu Hung Gia Lợi, lại dám ngang nhiên đánh đu cho mọi người xem chơi. Không, không thể thế được. Anh hình dung cụ bà đang lắc đầu; anh biết mẹ anh chẳng bao giờ có ý nghĩ khôi hài, riêng anh, anh không thể thay đổi tính tình của cụ bà được.

Trời đất! Lại còn thêm một chuyện động trời khác vừa lóe lên trong đầu óc anh mà chính anh không muốn nhớ: đó là lúc anh thay đồ ở phía sau một tiệm thợ may Do Thái, ngọt ngào mùi vải mới, bừa bộn nào nùi giẻ nào quần áo mới cắt lẫn lộn với chiếc đĩa lớn có chân đựng dưa chuột trộn dầu dấm, ruồi nhặng bu đầy... Một chất lỏng sền sệt trên môi anh; anh thấy tái người vì miệng anh vừa nuốt trôi lồng trắng trứng nhiễm trùng; hình ảnh đó rõ mồn một. Khi anh vừa lột xong chiếc quần bên ngoài để lộ chiếc quần thứ hai đang mặc trên người, nhận một món tiền rồi vội vã bước ra khỏi cửa tiệm, trước sự khinh bỉ của lão chủ móm mém, rưng rưng hết răng. Bỗng nhiên tất cả chung quanh anh đều quay tít.

- Hãm lại! - Greck hét lên - Hãm lại ngay.

Gã đàn ông thẳng gấp khiến cho cây đu bị giật từng hồi đều đặn. Chiếc giỏ ngừng hẳn không còn nhúc nhích nữa. Lúc đó Greck mới nhận thấy mình lỗ bịch, đáng thương khi anh ta thận trọng bước xuống đu; anh bước vào chỗ khuất sau sườn nhà để ới mưa. Anh cảm thấy bụng dạ nhẹ đi nhiều, nhưng anh vẫn lợm giọng. Đầu anh choáng váng. Anh ngồi xuống bậc thang, đôi mắt nhắm nghiền. Động tác đưa qua đưa lại lúc này của chiếc đu vẫn làm đầu óc anh vang vang, đôi tròng mắt giật lên từng cơn đau đớn, nhức nhối khiến anh muốn ới mưa nữa nhưng chẳng còn gì trong bụng để ới.

Cuối cùng anh thấy dễ chịu lần lần. Anh đứng dậy lượm chiếc nón kết. Gã hát dạo đứng bên Greck thản nhiên nhìn anh. Vợ hẳn cũng bước ra ngoài; Greck ngạc nhiên nhận thấy chị ta quá nhỏ bé: một mẫu người, đen như mun, da mặt khô cằn. Chị ta đang cầm chiếc ly nhỏ. Gã đàn ông đưa tay nhắc chiếc ly từ tay vợ và giơ cho Greck; hẳn lạnh lùng ra lệnh.

- Uống đi; ông sẽ thấy dễ chịu!

Greck đón lấy chiếc ly, nước đắng quá nhưng uống vào lại thấy khỏe. Hai vợ chồng gã hát dạo cùng mỉm cười, một nụ cười quá máy móc; họ quá

quen với cảnh tượng vừa qua cũng như xem thường cử chỉ của họ, chẳng phải bố thí hoặc thương hại. Greck đứng lên nói lời cảm ơn.

- Cảm ơn ông bà rất nhiều.

Anh ta thọc tay vào túi quần lục tìm tiền; túi trống rỗng, ngoài trừ tấm giấy lớn quái ác đó. Greck nhún vai tỏ vẻ bất lực, mặt đỏ lên vì ngượng ngùng.

- Thôi được, - Gã hát đạo nói - ông khỏi bận tâm!

- Hoan hô Hít le! - Greck nói gã đàn ông gật đầu.

Greck đi lang thang. Mồ hôi như đang sôi sục trong lỗ chân lông lại tiếp tục vã ra. Trong mặt khu chợ có một quán ăn; Greck muốn vào đó rửa qua mặt mũi.

Không khí trong quán kể có mát thật, nhưng lại chả trong lành chút nào. Phòng ăn trống trải. Greck để ý tới người đàn ông ngồi sau quầy; y chỉ để ý tới mớ huy chương của anh.

Y có đôi mắt lạnh lùng, chỉ lạnh lùng thôi và không thù hằn chút nào. Trong góc trái một cặp ngồi trước những đĩa đồ, một bình rượu vang và một chai bia. Greck bước lại chiếc bàn đối diện, lợi dụng chỗ thuận tiện để nhìn ra ngoài đường phố. Anh cảm thấy được an ủi phần nào. Đồng hồ anh lúc đó chỉ một giờ anh được nghỉ phép cho tới sáu giờ chiều. Chủ quán từ từ rời quầy, từ từ tiến về phía anh. Greck đang băn khoăn không biết nên ăn uống thứ gì? Chính anh có muốn ăn uống thứ gì đâu, mà chỉ muốn tắm rửa. Rượu đối với anh không ăn nhằm gì và không thể làm cho anh ta sa ngã được; vậy điều mà mẹ anh ngăn cấm về rượu cùng chơi đùa, kể ra cũng có ích đấy chứ. Chủ quán, lúc đứng trước mặt anh, chậm chạp nhìn lên ngực phía trái của anh.

- Chào ông, - Hăn nói - ông dùng gì?

- Một tách cà phê, - Greck đáp - nếu ở đây có bán!

Chủ quán gật đầu. Cái gật đầu đó có nhiều ý nghĩ lắm: nhất là khi ánh mắt hướng về ngực trái và tiếng cà phê cũng đã nói lên một cái gì rồi.

Greck nghĩ nên gọi thêm:

- Và một ly rượu mạnh, có lẽ hơi trễ vào giờ này nhỉ!

- Rượu mạnh cốt trái cây nào? - Chủ quán điềm tĩnh hỏi lại.

- Cốt trái mơ. - Greck trả lời.

Chủ quán quay gót. Người hăn to béo; chiếc quần của hăn, phía hai bên mông, cộm lên từng cục; hăn lê đôi giày cũ mềm.

- Hăn có lối cư xử như người Áo. - Greck nghĩ thầm.

Greck liếc nhìn cặp tình nhân. Ruồi nhặng bu đầy những đĩa thức ăn còn vương vãi vài ba miếng thịt, và những đĩa có chân bằng đất nung đựng từng đồng rau.

- Thật là ghê tởm. - Greck nói thầm trong bụng.

Một binh bết bước vào trong quán, liếc mắt len lén nhìn bốn phía chung quanh, giơ tay chào Greck khi nhận thấy anh ta ở góc phòng, rồi tiến về phía quầy hàng. Hăn chả có qua lấy một chiếc huy chương nào cả. Thế mà lão chủ quán lại tiếp đón hăn một cách rất niềm nở khiến Greck phải chạnh lòng.

- Có thể, - Anh nghĩ - người ta cho rằng đã là sĩ quan như mình, huy chương, hết bạc đến vàng, có đầy ngực hơn cả binh lính là lẽ đương nhiên. Sao dân Hung Gia Lợi lại có thể ngây thơ cụ đến mức đó được, hay là tại mình có cái thể chất cao, mảnh khảnh, tóc hung, rất xứng đáng mang huy chương?

- BỐ KHỈ! THẬT LÀ BỈ ỔI.

GRECK NHÌN RA ĐƯỜNG PHỐ.

MỤ ĐÀN BÀ BÁN TRÁI MƠ VỪA HOÀN TẤT VIỆC THU DỌN. TỚI LÚC ẤY ANH MỚI THẤY THÈM TRÁI CÂY. TẠI SAO KHÔNG NHỈ, TRÁI CÂY TỐT LẮM ĐẤY CHỨ? ANH NHỚ LẠI HỒI ANH CÒN NHỎ, MẸ ANH ƯA CHO ANH ĂN TRÁI CÂY, NHẤT LÀ LÚC VÀO MÙA, VỪA RẺ VỪA NGON. Ở ĐÂY, TRÁI CÂY LẠI RẺ NHƯ BÈO, ANH SẴN TIỀN MUỐN MUA ĂN BAO NHIÊU MÀ CHẴNG ĐƯỢC. ANH KHÔNG THỂ NGHĨ THÊM CHÚT NỮA VÌ NHẮC TỚI TIỀN, ANH CHỈ CÒN ĐỒNG XU NÀO DÍNH TÚI; MỒ HÔI ANH TOÁT RA NHIỀU, THẬT NHIỀU. KHÔNG, CHỈ CÓ GÌ CÓ THỂ XẢY RA ĐƯỢC, CỨ CHỐI HOÀI. CÓ AI TIN MỘT TÊN DO THÁI NÓI RẰNG CHÍNH ANH, GRECK, ĐÃ PHẢI ĐEM BÁN CHIẾC QUẦN ĐỂ TIÊU XÀI. ANH MÀ ĐÃ CHỐI, THÌ CÓ AI CÒN ĐÁM TIN NỮA NGAY CẢ KHI NGƯỜI TA NHẬN RA CHIẾC QUẦN ĐÓ CHÍNH LÀ CỦA ANH; THÌ CÓ KHÓ GÌ ĐÂU, CỨ NÓI ĐẠI LÀ ANH BỊ MẤT CẤP; AI LẠI RỒI HƠI ĐỂ TÌM HIỂU LÀM GÌ CƠ CHỨ? VIỆC RIÊNG CỦA ANH CẦN GÌ PHẢI LÀM LỚN CHUYỆN? BẤT CỨ AI CŨNG PHẢI CÓ LÚC KẾT NHƯ ANH ĐỂ BÁN CHÁC MỘT VÀI LẦN. PHẢI, AI CŨNG PHẢI CÓ MỘT VÀI LẦN LÀM NHƯ ANH VẬY. VÌ VẬY ANH ĐÃ HIỂU TẠI SAO XE TĂNG KHÔNG CÓ XĂNG ĐỂ CHẠY, QUÂN PHỤC MÙA ĐÔNG TUÔN RA ĐƯỜNG PHỐ; CÒN ANH, CHỈ BÁN CHIẾC QUẦN LÀ CỦA RIÊNG, MAY TẠI TIỆM GRUNK, BẰNG TIỀN TÚI CỦA ANH, TẠI TIỆM GRUNK, MỘT NGƯỜI THỢ MAY TRÚ DANH NHẤT TẠI THÀNH PHỐ COELSDÉ.

KHÔNG BIẾT THIÊN HẠ ĐÀO ĐÂU RA TIỀN MÀ TIÊU XÀI HOANG PHÍ NHƯ VẬY; TRÔNG VÀO ĐỒNG LƯƠNG THÌ CHỈ CÓ AI CÒN DÁM CAN ĐẢM. Ừ, CÁI THẰNG THIẾU ÚY QUÊN ẤY CŨNG VẬY, SUỐT NGÀY NẴM DÀI TRONG PHÒNG ĐỂ NUỐT HÀNG ĐỒNG BÁNH KEM, NỐC RƯỢU HUÝTSKI, THỨ THIỆT, VÀO BUỔI CHIỀU; HẸN LẠI CÒN CUA ĐÀO MỘT CÂY, THUỐC LÁ KHÔNG THÈM HÚT BẬY BẠ MÀ KÉN MỘT NHÃN ĐẶC BIỆT, TRONG THỜI CHIẾN TRANH, ĐẮT NHƯ VÀNG.

“ỒI DÀO! - ANH TỰ NGHĨ - MÌNH QUÀ LÀ CÙ LẦN, QUÁ CÙ LẦN. LÚC NÀO CŨNG MUỐN ĐÀNG HOÀNG, TRONG KHI KÈ KHÁC, ĐỜI SỐNG ĐẸP NHƯ TRANH. CÙ LẦN!”

CHỦ QUÁN BỪNG RA CẢ CÀ PHÊ LẦN RƯỢU MẠNH; HẸN HỎI:

- Ông còn muốn ăn gì nữa không ạ?

- Cám ơn! - Greck đáp lại.

Mùi cà phê có vẻ khác lạ. Greck nếm thử, khá ngọt và dịu dàng thì ra không phải là cà phê chính cống, mà là một loại hàng thay thế, không đến nỗi quá dở. Rượu mạnh hơi nặng và cay sè, nhưng Greck lại ưa thích hơn. Anh nhâm nhi từng giọt rượu. Theo anh lúc này người ta bắt buộc phải uống còn như uống thuốc; chỉ có vậy thôi.

Đốm màu từ những trái mơ ánh lên ngoài chợ, lúc này, đã tan biến. Greck bỗng đứng vọt lên, biến ra ngoài, hẳn nói vọng lại cho chủ quán.

- Tôi trở lại ngay bây giờ!

Mụ đàn bà bắt đầu dẫn chiếc xe bò rất từ từ; chiếc xe vừa tới ngang cây đu thì con ngựa vọt chạy nước kiệu. Chiếc xe sắp sửa quẹo vào đường phố để về nhà, Greck vội kêu người đàn bà, lúc đó, đã nhanh tay kéo cương ngựa, anh nhận rõ mặt mụ ta, khá trọng tuổi, vai rộng, nước da sạm nắng, tuy cương quyết nhưng cũng có vài nét tạm gọi là đẹp. Greck tiến về phía chiếc xe. Anh nói:

- Bà làm ơn bán cho tôi ít trái cây, những trái mơ đó!

Mụ đàn bà nhìn Greck và mỉm cười, nhưng nụ cười vẫn đậm vẻ lạnh nhạt. Liếc mắt vào thúng mơ, mụ hỏi Greck:

- Có túi đựng không?

Greck lắc đầu. Giọng nói của mụ ta trầm và ấm. Mụ ta bước xuống ghế băng và quay về phía sau xe. Greck ngạc nhiên khi thấy bước đi của người đàn bà còn vững vàng. Những trái mơ thơm quá, khiến anh thêm đến rõ dãi. Anh lại nghĩ tới thời thơ ấu, mỗi lần mẹ anh tìm mua được cho anh những trái mơ như thế này, bà cụ tỏ ra rất sung sướng. Thế mà bây giờ ở

đây, bán chả hết lại phải dọn từ chợ về nhà. Những trái dưa chuột cũng cùng chung số phận. Anh lấy tay nhón một trái mơ, bỏ tằm vào trong mồm: vị chua đơn đót, pha trộn vị ngọt; thịt mơ mềm nhũn và hăm hấp nóng. Anh quên làm sao được vị giác đó: anh thích vô cùng.

- Ngon quá. - Anh nói.

Mụ đàn bà lại cười thêm lần nữa, tay đang bận bịu lấy giấy gấp thành chiếc túi rồi thận trọng lượm từng trái mơ, khẽ bỏ vào trong. Nhưng ánh mắt mụ ta có vẻ kỳ lạ.

- Như thế này đủ chưa? - Mụ buông giọng. Greck không trả lời, chỉ gật đầu. Mụ đàn bà túm đầu túi, xoắn lại vài ba vòng và đưa cho Greck.

Greck rút tấm giấy bạc trong túi đưa ra cho người đàn bà và nói:

- Tiền đây bà!

Mụ đàn bà mở mắt thao láo, vừa lắc đầu vừa than: “Trời! Trời ơi!” Tuy nhiên mụ ta cũng cầm lấy tờ giấy bạc áp nó vào cổ tay; dáng điệu của mụ ta thật là khó hiểu, chỉ biết giống như thầy lang chẩn mạch. Khoảnh khắc sau mụ ta đưa tờ giấy bạc lên ngậm vào miệng, để rảnh tay lần dưới xiêm và lôi ra chiếc bóp đựng tiền.

- Không bà ơi, - Greck la nhỏ nhỏ - giấu tờ giấy bạc đi đừng cho ai thấy!

Anh lo âu đảo mắt tứ phía: thế nào tờ giấy bạc lớn đó cũng làm cho người ta chú ý: phố xá đông đảo như thế kia mà. Một chuyến xe điện vừa chạy qua.

- Cất nó đi, Greck kêu lớn - đã bảo cất nó đi mà!

Greck đưa tay giật tờ giấy bạc khỏi miệng người đàn bà; mụ ta cắn chặt lấy môi, Greck không hiểu rõ mụ ta giận dữ hay vui thích nữa.

Greck nhai nát một trái mơ thứ hai và chờ đợi. Mồ hôi lấm tấm trên trán anh, anh lúng túng với những trái mơ đựng trong cái túi tạm bợ thổ tả này. Mụ đàn bà có vẻ muốn chần chờ, vì dáng điệu của mụ không có gì là vội vã. Greck đã có ý định chạy luôn, không thèm trả tiền nữa; nhưng anh không dám làm; mụ ta có thể la lên, dân chúng sẽ bu lại. Người Hung Gia Lợi là bạn, không phải là kẻ thù. Một “binh bét” vừa bước ra khỏi quán ăn, tên này khác với tên “binh bét” Greck gặp lúc nãy. Hắn có huy chương: ba cái; ngoài ra trên tay áo hắn còn mang cấp hiệu. Hắn chào Greck, anh đáp lễ bằng cái gật đầu. Một chiếc xe điện khác, chạy ngược chiều với chiếc ban nãy; nhiều người qua lại trước mắt anh; họ đông quá. Bên kia đường sau chiếc dậu, tiếng đàn ống của những người hát dạo vang lên.

Mụ đàn bà vẫn tiếp tục lôi ra từng tờ giấy bạc, mỗi lần mỗi vuốt lại cho thẳng nếp, cho tới khi túi tiền vơi hết tiền giấy; kể đó tới lượt tiền đồng. Ôi! Sao mà nhiều thế, cả đồng; mụ ta phải rải chúng trên ghế băng xe ngựa. Mụ ta rút tờ giấy bạc Greck vẫn nắm chắc trong tay, thối lại cho anh tập giấy bạc với đồng bạc cắc.

- Chín mươi tám đồng! - Mụ nói với Greck.

Greck sắp sửa bước đi, mụ ta nắm cánh tay anh giữ lại, bàn tay mụ rộng lớn, nóng như khô rang. Mụ kê miệng gần sát mặt Greck nói nhỏ và điểm thêm nụ cười.

- Muốn gái không? Đẹp mà, chịu nhé?

- Không! Không! - Greck vội vàng - Thực tình tôi không ham.

Mụ già lại luồn tay vào trong bọc lôi ra một tấm phiếu, nhét vào tay Greck, mụ nói:

- Hãy giữ lấy!

Greck xếp tấm phiếu cùng với xấp giấy bạc trong khi mụ già leo lên băng xe, giật cương ngựa. Anh bước qua lề đường, tay ôm chặt túi mơ, sợ nó bung ra bất tử.

Đôi tình nhân vẫn còn ngồi trong quán, vẫn ở chiếc bàn đó, Greck không biết họ là ai, bầy ruồi nhặng vẫn bám đen kín trên đĩa, trên ly. Gã đàn ông đang hoa chân múa tay, nhưng nói nho nhỏ với người con gái. Chủ quán bước tới gần Greck trong khi anh đặt túi mơ trên bàn. Anh hỏi chủ quán:

- Tôi có thể rửa tay nhờ được không?

Chủ quán giương to đôi mắt.

- Tôi muốn rửa mặt mũi, chân tay. - Greck nhắc lại vẻ bức mình - Rửa tay thôi. Trời ơi!

Vừa nói anh vừa xoa mạnh hai tay vào nhau. Chủ quán suy nghĩ, rồi bỗng nhiên lắc đầu. Hắn ngoảnh đầu lại ra dấu cho Greck theo hắn. Anh đứng lên bước theo chủ quán chui qua tấm màn cửa xanh đậm chủ quán vừa vén lên. Lúc đó anh thấy ánh mắt của hắn thay đổi; dường như hắn muốn hỏi anh điều gì? Hai người, một trước một sau, theo dãy hành lang nhỏ hẹp dẫn tới một cánh cửa. Chủ quán thò tay mở, hắn nói:

- Xin mời ông vô đây!

Greck làm theo lời hắn, sự sạch sẽ bên trong khiến anh kinh ngạc không ít; bồn rửa xi-măng láng bóng, cửa sơn trắng, một tấm khăn treo lưng lửng bên bồn. Chủ quán đưa cho anh một cục xà bông màu xanh dùng riêng cho quân đội và không quên nói: “Ông cứ việc xài!” Greck tỏ vẻ cảm động. Chủ quán bước ra ngoài để anh được tự do. Anh đưa chiếc khăn lên mũi hít hít, nó có vẻ sạch. Greck vội vã cởi bỏ lớp áo ngoài, vục tay thật sâu xuống nước, bốc lên rửa mặt mũi và cổ thật tinh tươm. Lướt lự một chút rồi anh mặc áo vào, và bắt đầu rửa tay. Tên “binh bét” không huy chương, anh

trông thấy lúc này cũng bước vào phòng vệ sinh. Anh tránh sang một bên để nhường cho hắn bước qua cầu tiểu. Anh cài lại cúc áo, cầm cục xà bông, qua quầy hàng trao lại cho chủ quán, và không quên câu cảm ơn. Anh trở lại bàn, ngồi xuống ghế.

Mắt của chủ quán có vẻ nghiêm nghị. Tên lính vẫn chưa trở lại, không hiểu hắn làm cái trò gì trong đó mà lâu quá vậy. Cặp tình nhân đã rời khỏi quán ăn không biết từ lúc nào; chiếc bàn vẫn còn nguyên ly, đĩa dĩa bẩn, chưa ai thềm dọn. Greck uống xong ly cà phê nguội ngắt; anh nhấp môi vào ly rượu mạnh. Sau đó anh ăn mơ, thịt trái mơ béo và ngọt lịm khiến anh thêm thềm thường nhai một lúc hết sáu trái; anh cảm thấy lợm giọng, trái mơ nóng hổi. Anh chiêu vài ngụm rượu, nó cũng nóng không kém; chủ quán đứng sau quầy hàng thả hồn theo khói thuốc. Một quân nhân khác bước vào trong quán. Chủ và khách có vẻ quen nhau nhiều vì thấy hai người đang thì thầm với nhau. Người lính này có một chiếc huy chương độc nhất: lục quân vinh công bội tinh. Hắn kêu một ly rượu bia. Anh “bình bét” từ phòng vệ sinh bước ra, trả tiền rồi đi luôn. Tới cửa hắn chào Greck, anh chào lại. Anh quân nhân vừa mới tới cũng đứng đợi qua phòng vệ sinh.

Tiếng đàn ống bên ngoài vọng vào, chậm chạp với âm điệu man rợ khiến Greck cảm thấy buồn man mác. Cuộc chơi đu ban này lại hiện ra trong đầu óc anh, anh chẳng thể nào quên được. Anh chỉ tiếc lúc này anh thấy nhức tim gần muốn xỉu. Đường phố mỗi lúc một náo nhiệt thêm. Khách bộ hành chen chúc nhau, đứng mặt trước gian hàng nước đá. Gian bán thuốc lá kế bên lại vắng hoe. Bức màn xanh trong góc phòng vừa được vén lên thì một người đàn bà xuất hiện. Chủ quán đảo mắt về phía Greck, người đàn bà nhìn theo. Anh không nhìn rõ được mặt người đàn bà; chiếc áo của ả có thể là màu đỏ, nhưng trong khoảng tranh tối tranh sáng anh không phân biệt được rõ màu nào nữa. Mặt cô ả trát phấn trắng bệch với đôi môi đỏ chót. Greck không nhận được nét mặt của ả; có thể nàng đang muốn cười tình với anh, nhưng anh không biết có phải vậy không? Thoạt nhìn ai cũng có thể biết chắc ả thuộc hạng người nào rồi. ả cầm trong tay

một tấm giấy bạc vuốt thật thẳng như con nít có thói quen nằm tiền; cầm hoa hoặc cầm gậy so với lối cầm tiền của cô ả cũng chẳng khác là bao nhiêu. Chủ quán sau khi thối tiền cho cô ả, đưa ra một chai rượu và vài điều thuốc lá; hắn không nói với người đàn bà câu nào, nhưng cặp mắt không rời khỏi Greck. Anh thọc tay vào túi áo lôi ra xấp giấy bạc, anh lục tìm tấm phiếu mua bánh mơ vừa đưa anh lúc nãy. Anh bỏ tiền vào túi sau khi rút tấm phiếu và để nó ở trên bàn. Sự để ý của lão chủ quán làm anh khó chịu, anh ngược đầu nhìn lên hắn thì bắt gặp nụ cười của người đàn bà; lần này thì chắc rồi, y thì cười với anh, chứ còn ai vào đấy nữa. Y thị đang đứng trước mặt anh, tay cầm chai rượu tay kẹp những điều thuốc, trắng lố như bàn mặt của cô ả. Trong khoảng tám tối của gian phòng, Greck chỉ nhìn thấy rõ khuôn mặt lợt lạt, vành môi đậm của người đàn bà và những điều thuốc có màu trắng ám ảnh. Nàng con gái cười tình với Greck trước khi vén tấm màn xanh rồi đi ra.

Lão chủ quán càng lúc càng nhìn Greck kỹ hơn. Mắt hắn trở thành hung dữ, dọa nạt khiến anh cảm thấy sợ hãi. Anh nghĩ: “Chà trông thẳng cha có huông quá!”. Anh có ý định bước ra khỏi quán, nhanh chóng nào tốt chừng ấy. Bên ngoài tiếng đàn ống vẫn vang lên đều đều, xe điện chạy qua nghiêng bánh lên đường rây nghe chối tai. Greck cảm thấy một nỗi buồn thấm thía và kỳ lạ đang xâm chiếm tâm hồn anh; trên bàn những trái mơ tươi, mềm nhũn ban nãy đã làm cho anh thêm rỏ dãi, thế mà bây giờ anh lại ngấy, và tách nước ngầu lên vì bầy ruồi. Anh không thèm xua đuổi chúng, vội vã xô ghế đứng dậy. Anh la to:

- Tính tiền đi ông ời!

Anh nói gần như hét lên để lấy thêm can đảm. Chủ quán chạy ủa ra. Bầy ruồi đã bắt đầu xâm chiếm các trái mơ, đậu san sát thành những đốm đen trên màu hồng tươi của vỏ mơ; anh lợm giọng khi nghĩ vừa mới tức thì anh đã nuốt chừng nhiều trái.

- Ba Pengo. - Chủ quán trả lời Greck.

Anh trả tiền. Chủ quán liếc nhìn ly rượu, chỉ mới với phân nửa, ngực áo của anh và tấm phiếu để trên bàn. Hắn định nhặt tấm phiếu lên; Greck nhanh tay hơn đã phồng trước hắn. Bộ mặt nung núc những thịt và xám ngắt của hắn trông nhẵn nhọt dễ sợ; nó lại càng cảm thương hơn khi hắn nhìn thấy địa chỉ ghi trên tấm phiếu lại đúng là địa chỉ của hắn. Mồ hôi lại bắt đầu toát ra trong người Greck.

- Thật tình ông cần tấm phiếu này? - Chủ quán hỏi Greck.

- Đâu có! - Anh đáp.

Khi anh định cất tiếng chào chủ quán anh mới sực nhớ ra phải nói: Hoan hô Hítle. Ra tới cửa anh còn ngoảnh lại để Hoan hô Hítle thêm một lần nữa. Tên chủ quán không thèm trả lời. Lúc anh ngoảnh lại, kịp thấy hắn tạt chỗ rượu mạnh còn lại xuống đất một cách tàn nhẫn. Đồng trái mơ, hăm hấp nóng và hồng tươi, ánh lên như làn da thịt của một thân hình ê chề rã rượi trong bóng tối.

Ra tới đường phố, anh cảm thấy sung sướng và bước thật nhanh. Anh buồn lòng vì phải về quân y viện sớm hơn thời gian được nghỉ phép; cái thằng cha Thiếu úy xác lác nằm kế bên tha hồ mà chế nhạo anh, nhưng đó là tại anh muốn về bệnh viện để nằm duỗi dài trên giường; anh thèm một bữa cơm bồi bổ nhưng khi chạnh nghĩ tới đồng mơ màu hồng anh lại thấy sự khó chịu tăng thêm; người đàn bà hiện ra trong đầu óc anh, người đàn bà, khi anh mới vừa rời khỏi quân y viện anh đã hối hả tới thăm tại nhà riêng. Những nụ hôn mà cô ả tự động dán lên cổ anh, làm anh cảm thấy đau đốn trong thâm tâm. Anh chợt hiểu tại sao màu hồng của những trái mơ đã làm anh thấy ghê tởm. Áo quần của cô gái cũng một màu hồng; thân xác cô ta nóng hổi, và ướt át. Anh thiệt quá ngu ngốc, ai bảo đi ngủ với đàn bà giữa trưa, lúc trời còn nóng như thiêu như đốt. Ấy! Thì cũng tại anh làm theo lời khuyên của ông già anh, rằng mỗi tháng đi tư ít là một lần. Mà cô gái cũng được lắm chứ, thân hình tuy nhỏ nhưng được cái chắc nịch. Phải chi vào buổi chiều, cô ta còn quyến rũ hơn. Cô ta đã vét hết tiền của Greck

và biết lý do tại sao anh phải bận một lúc đến hai chiếc quần, lớp trong và lớp ngoài. Cô ả rũ ra cười khi biết rõ ý định của anh, lại còn làm ơn làm phúc chỉ cho anh địa chỉ lão thợ may Do Thái để anh có thể bán đi một chiếc.

Greck chậm bước; anh cảm thấy, người yếu hần đi và biết rõ tình trạng anh lúc đó. Anh đâu có ăn ra tẩm ra món nào đâu? Bây giờ thì quá trễ rồi, nuốt đâu vô nổi. Anh chán chường tất cả: người con gái, tên Do Thái bán thiu, ngay cả cây đu mặc dù chính nó đã cho anh vài thích thú; những trái mơ, tên chủ quán và anh binh bét. Chỉ cô ả anh gặp trong quán ban nãy đã lấy được tình cảm của anh, rất nhiều tình cảm. Nhưng khốn nỗi, anh không thể ngủ với hơn một người đàn bà vào cùng trong một ngày. Trông cô ả cũng được lắm, với khuôn mặt trắng, lấp ló trong ánh sáng xanh lơ mờ; nhưng nếu anh có gần ả, anh cũng có cảm giác ươn ướt và mùi mồ hôi tiết ra từ thân xác ả. Có thể hạng gái làng chơi không có đủ phương tiện để không xuất hân và được thơm tho ngay cả lúc giữa trưa, dưới sức nóng oi ả.

Anh vừa bước qua một tiệm ăn. Những chiếc ghế dựa được bày ngay trên hè phố, bao quanh bằng những thùng gỗ lớn bên trong trồng cây xanh mướt. Anh kiếm một góc khuất và kêu nước ngọt.

- Cho thêm đá vào, nghe! - Anh dặn thêm thằng nhỏ bồi bàn; nó vừa đi vừa lắc đầu.

Một đôi nhân tình ngồi gần Greck; họ nói với nhau bằng tiếng Lỗ Ma Ni.

Greck, năm ấy đúng ba mươi tuổi, năm mươi sáu tuổi anh đã mắc chứng đau ruột, cha anh, một bác sĩ, thuộc loại lang vườn, nhờ là bác sĩ duy nhất trong thị trấn, nên chữa chẳng mát tay mà bạc cắc vẫn vô đông vô số kể; mẹ anh tha hồ mà lượm rồi để dành. Mùa hè, gia đình anh kéo nhau đi nghỉ mát, tắm suối nước nóng, có khi ở trên núi Alpen, còn ở bãi biển thì là chuyện rất thường: mùa đông họ đóng kín cửa ở trong nhà. Hồi này, họ ăn

uống cực khổ một chút vì ít người bệnh; khi người bệnh đông họ lại ăn uống ngon hơn. Trong thị trấn gia đình anh ở, những cuộc họp mặt đều diễn ra tại khách sạn. Anh thì chả được dặt đi bao giờ. Khách khứa đãi đằng bằng rượu vang; kịp cho đến khi anh đủ tuổi để uống rượu, anh đã bị bệnh ruột rồi món ăn của anh chỉ thấy khoai tây với rau xà lách. Anh chẳng nhớ rõ bao nhiêu lần trong tuần lễ dường như ba hay bốn gì đó. Anh có cảm tưởng suốt thời thơ ấu, anh chỉ biết có món ăn độc nhất khoai và xà lách, xà lách và khoai. Ít lâu sau, một bác sĩ đã cho anh biết các triệu chứng bệnh lý của anh gần giống như triệu chứng của bệnh thiên cơ quá lâu ngày: khoai và xà lách mang nhiều độc tính với trường hợp của anh. Mọi người nơi quê anh đều biết anh bệnh hoạn, vì chỉ nhìn thoáng qua anh, ai cũng thấy rõ; còn các cô gái thì kể như chê anh rồi đó; họ không thèm ngó mắt tới anh và chỉ ngó lơ; tiền của cha anh để lại không thể lấy lại thể quân bình so với căn bệnh bao tử.

Ở trường học, Greck chẳng xuất sắc chút nào. Năm 1931 khi anh đậu xong bằng tú tài, có người hỏi anh thích điều gì, anh trả lời muốn đi du lịch. Chuyến tàu hỏa đưa anh tới Hagen; anh vừa bước chân xuống đất đã vội vã mướn phòng; tối đến anh bước ra phố, trong người bứt rứt, khó chịu, hy vọng có thể kiếm được vài ả giang hồ; ở Hagen tuyệt nhiên không có loại gái đó. Hôm sau anh xếp hành lý đi Frankfurt liền và ở đó tám ngày. Khi tiền gần cạn, anh đành phải trở về nhà; khi thấy anh về sớm người nhà ngạc nhiên không ít và còn thương hại nữa. Số tiền cha anh cho đã được dự trù rộng rãi cho một cuộc du hành trong ba tuần lễ. Ông cụ nhìn anh từ đầu tới chân, còn bà cụ nước mắt giọt vắn giọt dài, rồi hai ông bà cãi nhau kịch liệt. Ông cụ bực mình bắt anh cởi hết quần áo để ông khám bệnh. Hôm đó đúng vào chiều ngày thứ Bảy, anh không thể quên giờ khắc đó được. Ngoài đường phố sạch sẽ như chùi và không có qua lấy một tiếng động. Đường phố vẫn mang vẻ cổ kính nên thơ quen thuộc với những tiếng chuông ngân, trầm và ấm. Trong khi đó, anh đang trần truồng để cha anh nắn nắn sờ sờ khắp châu thân ngay tại phòng mạch ông thường tiếp khách. Anh ghét bộ mặt nung núc những thịt; hơi thở nồng nặc rượu bia của cha anh; anh muốn

ông chết quách cho rồi. Đôi bàn tay của cha anh vẫn lướn trên mình anh; bộ tóc muối tiêu đầy cộm của ông lắ la lắ lư trên ngực anh. “Mày khùng thật”, cha anh ngừng đầu lên, rửa anh như vậy sau nụ cười mỉa mai. “Mày khùng quá rồi con ơi! Sức mày chỉ gần đàn bà một tháng đôi lần thôi”. Greck công nhận cha anh nói đúng.

Chiều tối, anh ngồi gần bên bà cụ và uống một thang thuốc. Bà cụ không nói lấy nửa câu, bỗng nhiên bật khóc thành tiếng. Anh buông vội tờ báo bước lên phòng riêng, trên lầu.

Hai tuần lễ sau, anh đi Marburg để tiếp tục việc học; anh theo lời cha anh dặn mặc dù anh thấy sợ. Trong ba năm anh giật được mảnh bằng quốc gia, trong năm năm anh được bổ nhậm chức vị bồi thẩm, năm kế tiếp anh trình luận án. Anh tập sự xử án lần thứ nhất vào năm 1937 và lần thứ hai vào năm 1938, rồi được bổ nhiệm vào một chức vụ tại tòa án trong quận. Tới năm 1939 anh nhập ngũ với cấp bậc Chuẩn úy. Bản chất anh không thích hợp với việc chinh chiến có nhiều đòi hỏi mới và chẳng cần đến vị bồi thẩm, tiến sĩ luật khoa, hoặc chánh án Tòa sơ cấp. Bây giờ khi anh trở về nhà, ai cũng nhìn tấm huy chương sáng chói trên ngực anh. Lèo tèo vài ba cái huy chương, vẫn chưa đáng kể. Vì vậy mẹ anh luôn luôn căn dặn anh tự bảo trọng nơi trận tuyến, nhưng lại khéo bóng gió khiến anh hơi tăng tức.

- Thăng Hugo Beckers nó vừa về phép đấy. Nó có anh dừng bội tinh với ngôi sao đồng. Kể ra nó cũng anh hùng đấy chứ; học hành tới lớp bốn mà cứ đúp lên đúp xuống và thi bằng phụ đồ tề lại không đậu nổi. Thế mà bây giờ lại được thăng sĩ quan đấy. Tao thấy thật là khó tin. Còn thăng Wesendonk nghe nói bị thương nặng, phải cưa một giò. Mất một chân là chuyện quan trọng chứ!

Anh gọi thêm một ly nước ngọt thứ hai. Anh vẫn ưa dùng loại giải khát đó, vừa mát lạnh lại vừa bổ. Anh muốn ôn lại những cảnh vừa qua, từ việc bán chiếc quần cho tên Do Thái biến lận, đem giấy bạc một trăm Pengo để

mua vài trái mơ giữa chợ đang tấp nập. Thật là ngu si đần độn! Nhớ lại những cảnh vừa qua, mồ hôi anh lại muốn vã ra. Bỗng nhiên bụng anh sôi lên òm ọp. Anh ngồi nguyên vị, liếc mắt tìm kiếm phòng vệ sinh. Thực khách trong phòng ngồi nói chuyện với nhau. Chả có một ai động dậy. Anh lo lắng ngoảnh đầu lại, bắt gặp chiếc màn xanh, bên cạnh quầy hàng. Anh từ từ đứng dậy đi thẳng về phía chiếc màn cửa. Khi bước qua gian phòng anh còn phải chào một vị Đại úy đang ngồi bên bà vợ. Anh chào thật mạnh đúng lễ nghi quân cách. Khi tới được bức màn anh cảm thấy sung sướng vô cùng. Mới bốn giờ chiều, anh đã về tới quân y viện. Tên Thiếu úy hôn xướt vẫn còn ngồi đó sắp sửa soạn ra đi. Hắn mang bộ quân phục màu đen của binh chủng Thiết giáp; trên ngực hắn lấp lánh nhiều huy chương. Greck biết rõ từng chiếc một. Hắn có năm chiếc cả thảy, hắn uống rượu vang và ăn bánh nguội kẹp thịt. Vừa trông thấy Greck hắn đã nói oang oang:

- Trung úy ơi! Rượu của Trung úy đã tới rồi kìa.

- Tốt. - Greck nói. Anh ta tiến về chiếc giường của anh, thò tay nắm quai rượu và lôi về phía cửa sổ.

- Trung úy! - Viên Thiếu úy nói - Người ta đành bỏ ông Tiểu đoàn trưởng của Trung úy ở lại Szokarhely. Schmitz phải ở luôn bên ông ta, không làm cách nào để tàn thương Đại úy Tiểu đoàn trưởng được.

- Thật ân hận vô cùng. - Greck vừa nói vừa loay hoay mở nắp rượu.

- Nếu tôi là Trung úy, tôi sẽ cứ để nguyên nó đấy; mọi người chúng ta đều bắt buộc phải ra chiến tuyến hết, cả Trung úy cũng vậy.

- Cả tôi nữa à?

- Phải! - Viên Thiếu úy vừa cười vừa nói; nét mặt con nít của hắn bỗng trở thành nghiêm nghị - Trong tương lai, thế nào người ta cũng lập những toán xung kích gồm toàn quân nhân mắc chứng đau bao tử.

Greck lại thấy ruột nôn nao. Anh cảm thấy như muốn nghẹt thở, anh trông rõ những miếng bánh kẹp thịt nguội, loại thịt hộp lớn nhón mỡ hột như bọng trứng ruồi. Anh ra phía cửa sổ để dễ thở hơn đôi chút.

Anh mở cánh cửa. Một chiếc xe bò đầy nhóc trái mơ vừa đi ngang qua. Greck ói đầy sàn. Anh thấy dễ chịu một cách lạ thường.

- Chúc Trung úy ăn ngon. - Viên Thiếu úy nói thật to.

Chú thích:

[1] Pengo: đơn vị tiền tệ Hung Gia Lợi trong khoảng thời gian 1925-1946.

NGƯỜI Ở ĐÂU VỀ

Heinrich Boll

www.dtv-ebook.com

Chương 5

Lúc đó Feinhals đang mặc ra phố để tìm mua nào kim cúc, nào giấy bì, nào mực Tàu. Anh chỉ kiếm được có mỗi khoản giấy bì, màu hồng, quan Quán nhà ta ưa thích để kẻ bảng. Lướt về, trời mưa; một trận mưa hâm hấp nóng. Feinhals cố giấu cuộn giấy cồng kềnh dưới nếp áo choàng ngăn; nhưng khốn nỗi cuộn giấy vừa dài, vừa to, khi anh thấy nước mưa thấm vào mép giấy, và màu hồng bắt đầu hoen ố. Anh rảo bước. Tới ngã tư anh bắt buộc phải ngừng lại: đoàn xe thiết giáp khổng lồ đang quanh quẩn một cách khó khăn, người ta phải xoay đầu ngọn đại bác trước, rồi mới tới đuôi, để chạy về phía Tây nam. Dân chúng điềm tĩnh đứng nhìn.

L

Feinhals tiếp tục hành trình. Mưa mỗi lúc mỗi thêm mau và nặng hạt, cây cối nhỏ giọt. Khi anh tới được khu phố Trung tâm anh tạm thiết lập, mặt đất đen xì đã đầy những ao nước.

Ngoài cửa Trung tâm treo một tấm bảng lớn màu trắng, trên kẻ hàng chữ: Trung tâm Tiếp thương Szentgyörgy bằng bút chì màu đỏ nhạt. Rồi đây, một chiếc bảng khác bằng giấy bì hồng kẻ chữ rộng viết mực Tàu, như thế và ai cũng thấy. Trong im lặng hoàn toàn Feinhals bấm chuông. Bên trong có người bám vào nút. Anh hướng về đồn gác giơ tay chào, rồi đi thẳng vào tiền đường. Một khẩu tiểu liên và một khẩu súng trường treo trên mắc áo. Bên cạnh cửa mỗi phòng đều có gắn một hàn thử biểu, lồng trong một hộp kiếng. Tất cả đều sạch sẽ. Im lặng tuyệt đối, Feinhals nhón gót đi thật nhẹ nhàng. Anh nghe tiếng quan quản đang nói trong điện thoại ở căn phòng

đầu tiên. Trên tường căn phòng lớn ăn thông với các phòng khác treo la liệt hình các giáo sư, toàn là phụ nữ, và một hình màu chụp thành phố Szentgyörgy.

Queo về bên phải, Feinhals bước qua một cánh cửa thì tới sân trường. Bốn chung quanh sân có cây lớn, sau dãy tường những căn nhà cao dựng lên san sát. Feinhals ngược mắt lên khung cửa sổ lầu ba; cánh cửa sổ mở rộng. Anh quay trở lại căn phòng ban nãy, vòng quanh cầu thang. Trên tường chạy dọc theo cầu thang gắn hình bán thân của các cựu nữ sinh tốt nghiệp. Tất cả các hình đều được lồng trong một mẫu khung đồng nhất màu nâu mạ vàng. Hình người ló ra giữa khung bầu dục. Khung ảnh đầu tiên ghi năm 1918. Thì ra năm 1918 mới có một nữ học sinh đậu tú tài. Các bà, các cô trong hình đều bận áo trắng hồ bột trắng nếp và cũng có nụ cười. Ôi! Nụ cười mới buồn làm sao, vì gượng gạo. Feinhals đã nhìn những tấm hình đó nhiều lần, rất nhiều lần, mỗi ngày trong suốt mấy tuần lễ. Giữa đám hình các cô nữ sinh, nổi bật hình một bà, bận đồ đen trông dễ sợ, lại thêm cặp kính kẹp mũi; chắc đây là hình bà Hiệu trưởng. Từ năm 1918 đến năm 1932 vẫn còn hình của bà ta, khoảng thời gian mười bốn năm không tàn phá nét mặt của bà. Có thể bà vẫn dùng một tấm hình mà bác thợ chụp đã phóng ra nhiều bản để gắn lên tường. Feinhals bước qua năm 1928. À, hình cô nữ sinh này ngộ à! Có mái tóc buông rủ trước trán chấm riềm mi, nét mặt đẹp đấy, nhưng phải cái hơi nghiêm nghị. Cô ta mang tên Ilona Kartök. Feinhals mỉm cười. Anh đã tới khoảng rộng nghỉ chân của bậc thang, đứng vào chỗ ghi năm 1932 trên tường; chính năm này anh đậu tú tài. Anh để nhiều thì giờ để ngắm nghía hình các cô nữ sinh lứa tuổi mười chín như anh vào năm 1932 và tất cả mọi người, bây giờ, đều đã ba mươi tuổi. Trong đám này cũng có hình một cô gái với mớ tóc rủ xuống trán nhưng ngắn hơn cô kia. Nét mặt cô này cũng nghiêm nghị nhưng bao quện vẻ hiền từ, đoan trang. Cô mang tên Ilona Kartök giống hệt như cô chị, nhưng mảnh mai hơn và ít kiêu kỳ hơn. Cô này cũng bận áo hồ bột, nhưng khác hẳn với các cô kia: Cô không có nụ cười trong bức hình. Feinhals ưa dáng điệu đó; anh ngừng lại vài giây ngắm nghía chiếc hình, mỉm cười rồi tiếp tục đi lên lầu

ba. Anh cảm thấy nóng; mồ hôi xâm xấp lưng áo; hai tay đều mỏi, nên anh không thể gỡ chiếc nón chào mào, cứ để nó nguyên vị trên đầu và bước lên thang. Bên cầu thang, trên một chiếc ngai tượng Đức Mẹ được trưng bày rất trang trọng. Tượng làm bằng thạch cao, dưới chân có đặt chiếc bình, hàng ngày, sáng, chiều, đều được thay bóng: sáng thì bóng uất kim hương chiều lại thay bóng hường, vàng hoặc đỏ, vừa chớm nở. Feinhals đứng nghỉ một chút, anh liếc mắt theo chiều dốc lòng cầu thang. Dọc dài hình các cô nữ sinh cứ tiếp nhau bất tận nhìn mãi cũng phát chán; người ta có cảm tưởng đang ngắm nhía loài bướm trắng với chiếc đầu xám đã được phân loại và xếp vào trong hộp, hình nào cũng giống nhau về đại cương thỉnh thoảng xen kẽ một hình lớn hơn và màu đậm; sự khác biệt đó xảy vào những năm ghi 1932, 1940 và 1944. Năm 1944 vẫn còn đó, ở cuối cùng cầu thang, bên trái, vẫn những hình các cô nữ sinh, bận áo trắng hồ cứng, với nụ cười thiếu náo, bao quanh một tấm hình bận áo đen với nụ cười chẳng tươi hơn chút nào. Anh liếc nhìn năm 1942, lại có hình của cô nữ sinh mang tên Szorna Kartök không phôi bày nét đặc biệt nào ngoài trừ khuôn mặt tròn dễ mến. Tới trạm ngừng chân thứ ba trên cầu thang, Feinhals nghe thấy tiếng xe cam nhông từ dưới đất vọng lên, phá tan bầu tĩnh mịch của căn lầu chót. Tạm đặt những món đồ trên tay vào thành cầu thang, anh mở cánh cửa sổ kế bên nhìn xuống dưới. Quan Quan nhà ta đang đứng trước đoàn xe cam nhông, tuy ngừng, nhưng động cơ vẫn nổ rầm rầm. Nhiều người đàn ông tay băng bó từ trên xe cam nhông nhảy xuống. Một chiếc xe chở hàng sơn đỏ dẫn đầu đoàn xe, từ đó tuôn ra nhiều binh lính với đồ trang bị kèn càn. Đường phố bỗng đầy ắp người. Quan Quan hét với mọi người:

- Mấy anh theo tôi, vào căn phòng lớn rồi chờ ở đó!

Một dây dài màu xám không hình thù nhất định thun dãn dưới hàng hiên dẫn vào trong căn nhà. Các cánh cửa sổ của những căn nhà đối diện bên kia hè phố, được mở rộng; dưới đường dân chúng bu nghẹt.

Có nhiều bà đang thút thít khóc.

Feinhals đóng kín cánh cửa sổ lại như cũ. Căn nhà bên trong, trở lại yên tĩnh, mặc dù tiếng vang từ lâu dưới đưa lên, yếu ớt, không gây chút ảnh hưởng nào. Feinhals chậm rãi bước giữa hành lang và tiến tới phía cửa căn phòng cuối cùng. Anh nhắc chân thúc nhẹ vào cánh cửa. Một giọng nói đàn bà từ bên trong vọng ra: “Xin mời vào!” Đầu Feinhals nóng ran khi anh đặt tay lên núm cửa. Anh không kịp nhận ra người đàn bà ngồi ở chỗ nào; căn phòng đầy ắp nào loài thú nhồi rơm, nào bản đồ cuộn tròn ngổn ngang trong các hàng kệ, nào những hòm kính khóa kỹ, trong đựng các loại khoáng chất. Trên tường treo một bảng gỗ sơn màu có gắn nhiều mẫu hàng len đan, ngoài ra còn nhiều biểu đồ đánh số thứ tự chỉ dẫn cách thức đường nhi.

Feinhals từ ngoài nói vọng vào.

- Có ai trong này không?

Tiếng đàn bà lại vọng lên.

- Có tôi đây!

Feinhals tiến về phía cửa sổ bằng một lối đi chật hẹp giữa dãy tủ cây và tủ kính. Cô gái ngồi trước một chiếc bàn nhỏ hẹp. Mặt cô gái bên ngoài tròn hơn trong hình; sự nghiêm nghị cũng bớt đi và sự dịu dàng, trái lại, rõ rệt hơn. Cô gái lộ hẳn sự vui mừng khi nhận ra Feinhals; tuy nhiên nàng không giấu vẻ e thẹn; nàng không lên tiếng chào lại anh mà chỉ gật đầu. Feinhals dặt cuộn giấy công kênh lên thành cửa sổ, tay trái anh được rảnh rang, giơ lên đầu hạ chiếc mũ chào mào xuống thăm mồ hôi đang lấm tấm trên mặt. Feinhals nói:

- Cô Ilona, tôi mong cô giúp cho một ít mực Tàu.

Ilona đứng dậy, tay đóng cuốn sách trước mặt lại.

- Mực Tàu? - Ilona đáp, tôi không hiểu danh từ đó!

- Tôi nghĩ rằng trong chương trình giáo khoa các cô có dạy Đức ngữ mà?

Ilona cười.

- Thì đó là danh từ dùng để chỉ loại mực Tàu đen - Feinhals trả lời cô gái - Vậy, có lẽ cô cũng không biết loại bút lông nữa đấy nhỉ?

- Có chứ; tôi chỉ ngờ ngợ thôi. - Ilona vừa tủm tủm cười vừa trả lời người bạn mới.

- Thế thì phiền cô cho mượn một quản bút có ngòi lông?

- Được chứ.

Ilona chỉ vào chiếc tủ đằng sau Feinhals. Anh nhận thấy cô gái phải mất nhiều khó khăn mới bước ra khỏi chiếc bàn nàg đang ngồi: khoảng cách quá chật hẹp.

Feinhals mới chỉ quen biết cô gái có ba ngày nay, cũng tại căn phòng này; sau đó ngày nào anh cũng chui vào đây để nói chuyện với cô hàng giờ. Cô gái luôn luôn đề phòng, chẳng khi nào đứng gần anh: Ilona rất đạo hạnh, rất chất phác và rất tinh đời. Nàng cảm thấy Feinhals dễ mến, tuy vậy không khi nào nàng đứng gần tầm tay Feinhals; nàng chỉ e anh ta nổi hứng bất tử ôm đại nàng vào lòng để hôn càn. Cả hai người thường nói chuyện với nhau rất lâu trong mấy ngày nay về nhiều vấn đề, kể cả vấn đề tôn giáo. Họ cũng đọc kinh chung với nhau nữa. Ilona đề phòng như thế cũng phải; Feinhals đồng ý về cách xử sự của nàng, vì ý tưởng làm càn đã nhen nhúm trong thâm tâm anh ngay từ buổi đầu; may mà cô gái vẫn giữ khoảng cách, Feinhals lắc đầu nhăn nhó.

- Nếu cô chỉ cần nói một câu, - Anh nói bóng gió - chỉ một câu thôi, tôi sẽ không bao giờ đặt chân tới đây nữa.

Ilona đổi ngay nét mặt nghiêm nghị, riềm mi khép nhẹ, đôi môi cắn chặt. Khoảnh khắc sau, nàng hướng mắt về phía Feinhals, nói thật nhỏ.

- Nếu ông làm thế, không biết tôi nên vui hay nên buồn! Tôi nghĩ rằng điều đó chẳng lợi ích gì; có phải thế không ạ?

- Cố nhiên là không! - Feinhals đáp.

Ilona cúi đầu.

Feinhals lui về phía lối đi chật hẹp trông ra cửa phòng. Anh nói:

- Tôi không thể nào hiểu nổi một giáo sư có thể dạy học mười chín năm tại ngay cái trường mà trước đây vị đó đã sống đời học sinh.

- Tại sao không nhỉ? - Nàng đáp - Tôi luôn luôn yêu nghề dạy học ngay cả đến bây giờ cũng vẫn thế.

- Hiện giờ trường bị đóng cửa?

- Không, chúng tôi được chuyển sang đây ở một trường khác.

- Còn cô, theo như tôi biết, cô được chỉ định ở lại gác trường? Bà Hiệu trưởng, kể cũng khôn ngoan đấy chứ, để một cô giáo đẹp nhất ở lại gác, (Anh thấy Ilona đỏ mặt) ngoài ra cô giáo cũng giỏi nhất. À! Cô giáo có bản đồ Âu châu không nhỉ? (anh vừa nói vừa liếc mắt, tìm kiếm chung quanh).

- Có chứ!

- Còn kim cúc?

Ilona liếc mắt nhìn anh, tỏ vẻ ngạc nhiên, nàng không trả lời, chỉ gật đầu.

- Vậy thì phiền cô cho mượn một tấm bản đồ Âu châu và một số kim cúc.

Anh mở cúc túi áo, lôi ra một bọc giấy cuộn hình sâu kèn; anh thận trọng đổ những gì đựng bên trong vào lòng bàn tay: những ngọn cờ tí hon bằng giấy bồi màu đỏ; anh giơ một ngọn cờ cho cô giáo Ilona coi.

- Lại đây cô giáo! - Anh nói - Chúng ta chơi trò chơi Tham mưu. Vui lắm cô ạ!

Anh nhận thấy vẻ ngập ngừng của cô giáo.

- Thì cứ lại đây mà, anh khản khoản, tôi hứa không hề đụng chạm đến người cô.

Ilona rời chiếc bàn, tiến về phía chỗ để bản đồ. Khi nàng qua mặt Feinhals, anh làm bộ đang nhìn xuống cảnh sân trường. Anh ngoảnh lại khi nàng qua khỏi, chạy tới giúp nàng lôi chiếc giá từ trong kệ ra, rồi dựng nó lên. Tấm bản đồ, được kẹp vào giá. Ilona gỡ chiếc băng cột bản đồ, nàng quay tay quay để trải rộng nó ra. Feinhals đứng cạnh, tay nắm khư khư những ngọn cờ nhỏ xíu.

- Trời ơi! Chúng tôi đâu có phải loài thú mà sao cô sợ sệt tới mức đó? - Feinhals nói lầm bầm.

- Đúng vậy! - Ilona đáp thật nhỏ, mặt hướng về phía anh.

Anh nhận thấy sự sợ hãi vẫn cứ đeo đẳng theo nàng hoài.

- Chẳng khác nào bày lang sói - Ilona nói tiếp, hơi thở gần như đứt đoạn - Bầy lang sói sẵn sàng để, bất cứ lúc nào cũng có thể nói tới tình thương.

Mẫu người như thế không thể không đáng lo ngại. Tôi xin ông, - Nàng hạ thấp giọng - đừng làm như vậy!

- Làm gì cô chứ?

- Nhắc tới chuyện yêu đương!

- Ngay bây giờ thì tôi có thể hứa với cô điều đó...

Feinhals chăm chú nhìn vào tấm bản đồ và không biết Ilona đang nhếch mép cười.

- Cô làm ơn cho tôi vài cây kim cúc. - Anh nói, đầu không cần ngoảnh lại.

Mắt anh không rời tấm bản đồ có nhiều màu sắc gợi cảm đến nỗi anh ta quên được phần nào sự bồn chồn đang ngọt ngào trong anh. Anh đưa cả hai tay lên vuốt mặt tấm bản đồ. Đường chỉ vẽ trên tấm bản đồ tượng trưng ranh giới miền Á Phổ không rộng lớn bao nhiêu. Nếu kéo dọc xuống dưới, ta nhìn thấy từ trung tâm điểm Großwardein gần phía Lemberg, một đường cong queo mà không ai quyết đoán đúng hay sai.

Feinhals dần lòng, nhìn về phía Ilona; cô đang lục lọi trong ngăn kéo lớn của chiếc tủ cỡ đại đóng bằng gỗ cây hạt dẻ. Trong ô kéo bừa bãi nào áo quần, tã lót lai còn cả con búp bê quần áo đã lột hết. Ilona vội vã trở lại chỗ ngồi Feinhals đang đứng với một chiếc hộp lớn bằng sắt đầy ắp kim cúc có đầu đỏ đầu xanh. Ilona im lặng quan sát anh, khi anh lấy kim xuyên qua những ngọn cờ tí hon rồi cắm lên bản đồ.

Ilona và Feinhals, nhìn nhau; tiếng ồn ào từ căn phòng chung dưới nhà vọng lên; cánh cửa đập rầm rầm để giày ủng nghiêng trên sàn gạch quan Quán la hét luôn miệng, còn đám binh sĩ vẫn tiếp tục chuyển động.

- Cái gì thế ông? - Ilona hỏi anh với vẻ sợ sệt.

- Có gì đâu, - Feinhals đáp - những quân nhân đầu tiên bị thương đang được chuyển về.

Anh ghim một ngọn cờ vào giữa chấm tròn có chứa tên Nagyvarad. Bàn tay anh quét nhẹ trên địa phận Nam Tư ghim một ngọn cờ khác trên chấm tròn Belgrad, rồi tới lượt Rom. Chà! Paris, sao lại quá gần biên cương Đức quốc; điều đó làm anh ngạc nhiên không ít. Anh đặt bàn tay trái sát bên Paris, bàn tay mặt anh quét một đường dài từ đó sang tới Stalingrad. Khoảng cách từ Stalingrad tới Großwardein lại xa hơn khoảng cách giữa Paris và Großwardein. Feinhals nhún vai tỏ vẻ hoài nghi, từ các điểm chuẩn trên bản đồ anh cắm thêm nhiều mốc bằng những ngọn cờ đỏ.

-Ồ! - Ilona buột miệng kêu.

Feinhals nhìn Ilona lúc đó, đang giao động, thần kinh căng thẳng khiến bộ mặt nàng có vẻ mỏng đi, làm lộ hết lông măng trên đôi má mơn mớn. Người ta có cảm tưởng những sợi lông đó chạy ngược lên tới gần đôi mắt đen láy của nàng. Nàng vẫn chải tóc rũ xuống trán nhưng ngắn hơn, khi nàng chụp hình, tấm hình vẫn còn được treo ở dưới nhà. Nàng thờ có vẻ khó khăn.

- Trò chơi có ngộ không cô giáo? - Feinhals hỏi lại, giọng nói thật khế.

- Vâng, - Nàng đáp - một trò chơi phi thường chà khác gì... phải nói thế nào đây, ông giúp tôi đi, chà khác gì hình nổi.

- Cô muốn nói nó gợi cảm phải không?

- Vâng, đúng rồi! - Ilona đáp nhanh, rất gợi cảm. - Ta có cảm tưởng đang sống trong khung cảnh.

Ngoài cửa tiếng động bớt dần. Các cửa phòng có lẽ được đóng kín. Bỗng Feinhals nghe có tiếng gọi tên anh rõ mồn một. Thì ra là tiếng quan Quản.

- Feinhals! Anh chui ở đâu?

Ilona liếc mắt nhìn anh, dò hỏi:

- Người ta kêu ông kìa!

- Tôi biết rồi!

- Vậy thì ông xuống đi, - Nàng nói rất nhẹ nhàng - tôi không muốn người ta thấy ông ở trong này.

- Cô còn ở đây tới mấy giờ?

- Tới bảy giờ tối.

- Vậy cô ở đây chờ tôi, tôi sẽ lên lần nữa!

Ilona gật đầu đồng ý, đôi má hồng lên. Trước khi trở về ghế ngồi, nàng đứng thẳng không nhúc nhích chờ cho Feinhals ra khỏi lối đi hẹp.

- Tôi có mua bánh ngọt cho cô; trong túi đặt trên bậu cửa sổ đó, bánh dành riêng cho cô đấy nhé!

Feinhals mở cửa, đưa mắt kiểm soát lối đi ngoài hành lang, rồi mới tiến ra phía cầu thang. Anh xuống thang một cách chậm chạp. Tới nửa cầu thang anh lại nghe thấy quan Quản gọi nữa “Feinhals”. Qua tấm hình của Szorna, năm 1942, anh ngược lên để tặng nàng một nụ cười. Trời lúc đó đã tối nên anh không nhìn rõ nét mặt của Ilona trong hình. Chiếc khung ảnh vẫn còn đó, treo giữa tường, bao quanh bên trong một đốm đen dày đặc. Quan Quản đang nóng lòng sốt ruột, ở từng lầu dưới:

- Trời ơi! Chú mày rúc vào đâu mà lâu dữ vậy. Tao kiểm chú mày cả tiếng đồng hồ rồi!

- Thượng sĩ quên rằng tôi ra phố mua giấy bồi về kê bảng?

- Tao biết rồi, nhưng chú mày về đây được nửa tiếng đồng hồ rồi cơ mà? Thôi! Lại đây!

Quan Quản nắm tay Feinhals rồi cả hai người cùng xuống dưới nhà. Trong phòng có tiếng người hát, ngoài hành lang, nữ y tá người Nga, tay bưng khay chạy đi chạy lại rầm rập.

Viên Thượng sĩ nhất đối xử rất tử tế với Feinhals khi anh từ Szokarhely thuyền chuyển về đây. Ông ta tử tế với tất cả mọi người, nhưng từ khi ông ta được giao trọng trách tổ chức Trung tâm Tiếp thương này, ông ta đã đổi tâm đối tính: để nổi nóng và cộc cằn. Tình hình quân sự mấy tuần qua biến chuyển quá mau, khiến ông lo lắng nhiều; Feinhals lại không biết điều đó, anh cũng chẳng cần kiểm điểm lại hoặc ước lượng tầm quan trọng quan Quản, ông ta lại khác, ông sống nhờ những chuyện đó, chỉ những mà thôi; nếu có gì trục trặc, bắt buộc ông lo âu là phải. Trước kia việc thuyền chuyển hoặc bổ nhiệm thất lợi ít khi xảy ra. Lệnh thuyền chuyển trước khi tới tay binh sĩ đã được tránh né từ bao giờ. Giới chức có thẩm quyền ban hành lệnh, là người đầu tiên tránh né; một câu chuyện tâm phúc báo cho đơn vị để tìm cách thi hành lệnh lạc thể này hoặc thể khác. Các chỉ thị cùng nguyên tắc thường vẫn được diễn tả một cách tối nghĩa và chỉ chú trọng vài biện pháp chế tài càng giúp cho sự tránh né được dễ dàng hơn. Tóm lại, lệnh thuyền chuyển được mọi người coi như là dịp tốt để tổng cổ những phần tử bị ghét bỏ. Luôn luôn vấn đề khẩn cấp vẫn xảy ra với lý do nằm bệnh viện, hoặc một cú điện thoại là đầu lại vào đó. Những sự kiện đó, nay không còn nữa: có dùng điện thoại cũng vô ích vì những người luôn luôn được gọi có thể không còn, hoặc có còn cũng kêu tới; người có thể lo lót cho người khác bây giờ cũng dừng dừng vì chính ngay họ, họ cũng chẳng có ai lo cho họ. Đường dây điện thoại rồi beng. Mỗi người đều mắc chiến đấu và chỉ lo cho mạng sống cá nhân. Chiến tranh, lúc đó không cần đến điện thoại, mặc dù từ hồi nào điện thoại vẫn được dùng để phục vụ chiến tranh. Giới thẩm quyền, tên ghi ngoài bìa, các vị Chỉ huy, tất cả đều thay đổi liên liên và hàng ngày; một quân nhân hôm nay được thuyền chuyển tới

một Sư đoàn thì ngày mai quân số Sư đoàn đó có thể chỉ vồn vẹn còn một ông Tướng, ba sĩ quan Tham mưu và vài anh thư ký...

Quan Quản nhà ta buông tay Feinhals khi họ bước xuống bậc thang chót và đứng trước một cánh cửa. Quan Quản thò tay mở cửa Otten ngồi ở bàn, đang hút thuốc và đọc nhật báo, trên mặt bàn, vết tàn thuốc cháy đen còn rành rành.

- À! Đây rồi! - Otten buông tờ báo xuống và nói.

Quan Quản nhìn Feinhals; Feinhals nhìn Otten.

- Chả còn làm cách nào hơn được, - Quan Quản nhún vai, nói như để phân trần - tôi bắt buộc phải cho những người dưới bốn mươi tuổi, còn khỏe mạnh không thuộc quân số cơ hữu, ở đây thuyên chuyển đi. Thực tình chả còn cách nào hơn, vậy anh phải đi rồi đó!

- Đi đâu? - Feinhals hỏi lại.

- Trạm phân loại ngay tại tuyến đầu; anh phải đi ngay lập tức. - Otten trả lời.

Y trao Sự vụ lệnh cho Feinhals; anh đọc từ đầu tới cuối.

- Ngay bây giờ? - Feinhals hỏi lại - Tôi chưa thấy, ngay đến cả chuyện hợp lý nhất cũng chẳng bao giờ được thi hành ngay tức khắc!

Chỉ tấm giấy Sự vụ lệnh, anh nói:

- Có cần thiết chúng tôi ghi tên hai đứa vào đây không?

Quan Quản nhìn Feinhals, chậm chạp.

- Sao vậy?... anh rồn chơi hả? - Viên Thượng sĩ nói vừa đủ nghe.

- Bây giờ mấy giờ rồi? - Feinhals hỏi.

- Gần bảy giờ tối. - Otten trả lời.

Feinhals đứng dậy, nịt dây lưng; túi đeo lưng của anh để sẵn trên bàn.

Quan Quản ngồi xuống ghế, mở ô kéo, liếc nhìn Otten và nói:

- Thế là tôi xong phận sự. Miễn sao anh lên đường là đủ rồi; chuyện gì xảy ra sau đó tôi cóc cần.

Otten nhún vai:

- Tôi có ý định làm cho mỗi người một Sự vụ lệnh.

- Tôi lên thu xếp hành trang! - Feinhals nói.

Tối cầu thang, anh nhìn thấy Ilona liền đóng lại. Nàng đang khóa cửa phòng rồi cúi đầu xuống lắc mạnh quả đấm. Nàng đội nón, trên mình khoác thêm chiếc áo choàng. Tay còn ôm gói bánh. Áo choàng màu xanh với chiếc mũ chụp màu nâu tăng thêm vẻ đẹp cho Ilona hơn cả lúc nàng bận chiếc áo đỏ. Dáng người nhỏ nhưng được cái mũm mĩm từ khuôn mặt tới chiếc cần cổ, Ilona đã làm cho Feinhals say mê thèm khát hơn bất cứ người con gái đẹp nào khác. Nàng kiểm soát lại năm đấm cửa lần thứ hai, khi thấy chắc chắn nàng từ từ đi ngược dãy hành lang. Anh nhìn nàng với vẻ trù mến. Khi nàng bất ngờ đứng trước mặt Feinhals, nụ cười với vẻ sợ sệt của nàng đã khiến anh thêm cảm động.

- Kia cô nói với tôi là cô ở lại cơ mà? - Feinhals hỏi.

- Tối quên nói cho ông biết tôi phải về sớm một chút vì có chuyện cần. Tôi tính viết cho ông vài chữ, và nhờ người dưới nhà trao lại; tôi định trở lại đây một giờ sau.

- Quả thật cô có ý định trở lại đây không?

- Thật chứ! - Nàng đáp và nhoẻn miệng cười.
- Tôi cùng đi với cô nhé? Xin cô chờ một phút!
- Không! Ông không nên cùng đi với tôi (Feinhals lắc đầu chán ngán).
- Thế nào tôi cũng trở lại mà!
- Cô đi đâu bây giờ?

Nàng không nói, ngoảnh lại phía sau: trên cầu thang vắng hoe; giờ này đang là giờ cơm. Tiếng rào rào lọt ra ngoài các căn phòng rất nhỏ.

Ilona lại nhìn Feinhals.

- Tới khu dành riêng cho người Do Thái, - Nàng đáp - tôi phải tới đó với mẹ tôi.

Nàng nhìn anh thật lâu, chờ đợi phát hiện nơi anh một vài phản ứng; nhưng anh chỉ thản nhiên hỏi:

- Cô tới đó làm gì?

Nàng giờ cao gói bánh ngọt:

- Chắc ông không phiền khi tôi đem nó cho người khác?

- Nghĩa là gia đình cô... - Anh đáp, rồi nắm lấy tay cô giáo - Thôi, ta cùng đi!

Cả hai song song bước xuống cầu thang.

- Gia đình cô là người Do Thái, còn cô thì sao?

Ilona gật đầu công nhận.

- Tôi cũng vậy, - Nàng đáp - tất cả nhà đều là người Do Thái.

Nàng ngừng bước:

- Xin chờ một chút!

Nàng rút bó hoa từ chiếc bình đặt dưới chân tượng Trinh nữ, gượng nhẹ bứt những chiếc bông úa tàn.

- Xin ông hứa với tôi thay nước trong bình? Ngày mai tôi không còn ở đây nữa! Tôi phải chuyển tới một trường khác. Nhớ nhé! Có thể ông cũng nên hay bông giùm?

- Tôi rất tiếc không thể làm theo lời cơ yêu cầu được. Lát nữa tôi cũng phải ra đi, nếu không...

- Nếu không, ông sẽ làm điều đó.

Feinhals gật đầu.

- Tôi sẽ làm bất cứ điều gì để cô được vui lòng.

- Chỉ để tôi vui lòng thôi à? Ông theo đạo Công giáo phải thế không?

Anh mỉm cười.

- Tôi không biết nữa... nếu tôi không là người Công giáo tôi cũng làm được điều đó cơ mà; nhưng mà tôi chả bao giờ có ý nghĩ đó. Chờ tôi một chút. - Anh nói câu đó thật nhanh.

Họ đã bước tới chỗ nghỉ chân của tầng thứ nhì; Feinhals chạy vội qua hành lang, bước vào phòng, anh vội vã tổng đại vài món đồ tạp nhạp vung vãi, vào trong sắc. Anh nịt dây lưng và vội vã chạy ra.

Ilona không đứng lại chờ anh, vẫn đi từ từ xuống thang. Tối tắm hình năm 1939 thì anh bắt kịp cô giáo. Nàng tỏ vẻ lo lắng.

- Cô làm sao vậy? - Anh hỏi.

- Có gì đâu, - Nàng đáp - tôi muốn đa cảm một chút mà không được; những bức hình này chẳng giúp cho tôi được gì; tôi vẫn thấy dừng dừng. Thôi chúng ta đi!

Feinhals yêu cầu Ilona chờ anh ngoài cổng để anh rẽ vào văn phòng lấy sự vụ lệnh. Otten không còn trong đó nữa. Viên Thượng sĩ nắm tay anh nói:

- Đừng làm bận nhé! Chúc anh nhiều may mắn!

- Cám ơn Thượng sĩ. - Feinhals trả lời rồi vội vã đi ra.

Ilona chờ anh ở góc phố. Anh nắm lấy tay nàng: cả hai chậm rãi sánh vai hướng về trung tâm thành phố. Trời đã tạnh mưa, nhưng không khí vẫn còn ẩm thấp và thơm mùi cây cỏ. Con phố nhỏ hai người đang nường theo thật yên tĩnh, hai bên lề đường toàn những căn nhà nhỏ và những cây con. Con lộ chính chạy song song với đường phố nhỏ đó.

- Tại sao cô không sống chung với gia đình, trong khu dành riêng cho người Do Thái? - Feinhals hỏi Ilona.

- Vì cha tôi, một thương phế binh cụt cả hai chân. Ông là Sĩ quan hồi Thế chiến vừa qua và được ân thưởng rất nhiều bội tinh. Mới ngày hôm qua đây, ông đã trả tất cả huy chương cùng đôi nặng gỗ cho vị Quân trấn trưởng. Tất cả được gói trong một bọc lớn, giấy màu nâu. Xin ông để tôi về một mình, Ilona nói với anh rất nồng nhiệt:

- Sao vậy cô?

- Tôi muốn về nhà một mình!

- Thì tôi đi với cô mà!

- Có ích gì đâu! Người ta trông thấy ông, nếu người nhà tôi bắt gặp (nàng nhìn Feinhals) tôi sẽ chẳng đi được nữa.

- Cô tính trở lại?

- Vâng, - Nàng bình tĩnh trả lời - chắc chắn như vậy. Tôi hứa với ông mà!

- Cô cho phép tôi được hôn cô! - Feinhals khẩn khoản.

Ilona đỏ mặt đứng lại. Đường phố vắng hoe và im lặng. Hai người ngừng kể bên chiếc tường che khuất bởi những nhánh cây mặt trời bông trơ trụi.

- Sao lại phải hôn nhau? - Ilona nói rất yếu ớt mắt đượm vẻ buồn, anh sợ nàng khóc. - Tình yêu làm tôi e sợ!

- Sao vậy? - Feinhals âu yếm hỏi.

- Vì làm gì có tình yêu; nó quá mỏng manh và phù du.

- Sự kiện chúng ta chỉ còn một thời gian rất ngắn, rất thúc bách. Anh thì thăm bên tai nàng, anh gỡ chiếc túi trên vai xuống cùng lúc đặt gói đồ của nàng xuống và ôm nàng hôn. Anh cảm thấy môi nàng chạm trên cổ anh, tai anh rồi tới má.

- Em, đừng đi, - Anh thì thăm bên tai nàng - đừng đi! Chiến tranh còn đó, ra đi là điều bất lợi. Ở lại đây đi em.

Nàng lắc đầu.

- Không thể được đâu anh, - Nàng đáp - mẹ em quá lo sợ nếu em không về đúng giờ.

Nàng hôn lên má anh; nàng ngạc nhiên vì không còn ngượng ngùng mà trái lại thấy thích thú.

- Đi anh! - Nàng tiếp.

Ilona ngả đầu trên vai anh. Anh đặt nhẹ nụ hôn trên môi nàng. Anh nhận thấy nàng tỏ vẻ vui thích muốn gặp lại anh.

Nàng nhìn anh thật lâu và hôn anh trên đôi môi. Trước đây nàng mừng rỡ tưởng nếu có chồng và con là điều hạnh phúc lớn lao. Nàng muốn có cả hai thứ luôn một lúc; nhưng bây giờ đây, nàng lại không muốn có vấn đề con cái, khi nàng ôm hôn anh. Nàng cứ muốn được mãi mãi hưởng những giây phút đó, và cảm thấy cần gặp anh nữa. Ý nghĩ đó làm nàng buồn nhiều nhưng nàng cảm thấy không ảnh hình nào có thể đẹp hơn.

- Đi anh, - Nàng nói - bây giờ thì em phải về - Nàng nhìn dãy phố vắng tanh và yên lặng qua bờ vai Feinhals. Tiếng động của đường phố kể bên vắng lên trong xa xăm. Anh cảm thấy bàn tay nàng đang vuốt ve gáy anh, một bàn tay nhỏ, rắn chắc và thon dài.

- Em cứ ở lại đây - Feinhals khẩn khoản - nếu không cho phép anh được đưa em tới tận cửa nhà. Rồi sau muốn ra sao thì ra. Tương lại thật mù mịt! Em đâu có biết chiến tranh là gì, và ngay cả những người đã gây ra nó. Nếu chúng ta không cần thiết phải xa nhau, dù là trong khoảnh khắc, anh thấy chẳng nên chút nào.

- Chúng mình không thể tránh điều đó được. Xin anh hiểu cho lòng em!

- Vậy để anh đưa em về!

- Không thể thế được đâu - Nàng quả quyết hơn - Em không muốn làm cha em buồn lòng, chắc anh hiểu chứ?

- Anh hiểu lắm chứ, - Anh hôn lên gáy nàng - có lẽ anh hiểu quá nhiều. Nhưng anh yêu em và muốn em ở lại. Ở lại đi em.

Nàng rời khỏi tầm tay Feinhals, nhìn anh rồi nói:

- Xin anh đừng hỏi em lý do tại sao nữa! Em van anh!

- Không, - Anh đáp lại giọng thật nhỏ - vậy em hãy đi đi. Anh chờ em ở đâu?

- Hãy đi với em một quãng nữa, em sẽ chỉ một quán ăn, anh chờ em ở đó!

Feinhals cố ý bước thật chậm nhưng nàng lại lôi anh đi nhanh hơn. Họ hước tới một ngã tư khá tấp nập anh ngạc nhiên không ít. Chỉ một căn nhà nhỏ hẹp, nàng nói:

- Anh chờ em trong đó.

- Thế nào em cũng ra nhé!

- Anh yên tâm - Nàng cười và đáp lại - ngay sau khi em rảnh. Em yêu anh.

Nàng vội vã ôm chầm lấy anh, hôn lên cổ, lên môi anh. Nàng bỏ đi như chạy trốn. Anh không muốn trông theo nàng, bước vội vào trong quán nhỏ. Anh có cảm tưởng như một kẻ khốn nạn, trống trải và thiếu may mắn. Chờ đợi đối với anh không có ý nghĩa gì cả, mà anh không thể nào không chờ đợi được. Anh đành trông chờ nơi Thượng đế an bài theo chiều hướng anh mong ước, nhưng khốn nỗi trong đầu óc anh đã ánh lên một sự nghi ngờ cục diện sẽ thay đổi: có thể Ilona không tới chỗ hẹn, định mệnh ngăn cản nàng không cho nàng trở lại. Anh không biết nàng ở chỗ nào, vậy chỉ còn trông vào hy vọng để kiên nhẫn chờ đợi. Sao anh không chạy theo nàng để ép buộc nàng ở lại? Ép buộc? Không thể có ai làm như thế được; đối với

con người không thể ép buộc mà chỉ có giết để tỏ sự độc đoán. Không ai có quyền bắt con người phải sống hoặc bắt họ phải yêu, đó là một điều phi lý, chỉ có cái chết mà thôi! Vậy bắt buộc anh phải chờ đợi, chờ đợi một cách vô ích. Thời gian chờ đợi chỉ trong một tiếng đồng hồ, nhưng lại lâu hơn cả đêm thâu; mối dây liên lạc giữa hai người chỉ gồm tóm quán cà phê nhỏ bé mà nàng đã chỉ cho anh và sự đoán quyết của nàng không hề dối trá anh. Nàng sẽ cố gắng tới càng sớm càng tốt với điều kiện chính nàng có thể tự quyết định lấy...

Chiếc đồng hồ để trên quầy hàng chỉ tám giờ thiếu hai mươi phút. Anh không thấy thèm ăn hoặc uống rượu, tuy nhiên anh cũng kêu nước ngọt. Sau đó, quá thất vọng anh đã thay đổi ý định để kêu một bình rượu nhỏ. Gần phía cửa ra vào, một người Hung Gia Lợi ngồi với bạn gái, giữa quán một người đàn ông to béo, mặt sấp, đang cắn chặt lấy điếu xì gà to lớn màu đen. Feinhals uống một hơi cạn bình rượu nhỏ để trấn an mục chủ quán. Anh kêu bình rượu thứ hai. Chủ quán nở nụ cười thích thú, mục chẳng còn son trẻ gì, nhưng người vẫn còn mảnh khảnh và có bộ tóc hung.

Có lẽ lúc Feinhals tưởng chừng như Ilona đến. Anh mơ tưởng đến nơi hai người có thể đặt chân đến: Một căn phòng đầu dãy; và trước khi vào phòng anh sẽ nói nhỏ nàng là vợ của anh. Căn phòng tối tăm ấy, có chiếc giường màu nâu cũ kỹ nhưng khá rộng rãi. Trên tường treo một bức ảnh đạo, trong phòng có tủ áo, bồn rửa mặt bằng men xanh đầy ắp nước lạnh; cửa sổ căn phòng trông xuống một mảnh vườn cây ăn trái. Một căn phòng như thế phải có thật, anh biết rõ như vậy, và anh chỉ việc ra phố là tìm thấy ngay, đúng như anh đã hình dung. Nếu không cần lưu tâm đến nỗi có căn phòng, anh có thể tới một khách sạn tồi tàn vắng khách hoặc sang hơn nhưng lại đông người hoặc một nhà trọ gia đình; ở những nơi này, anh mong ước sẽ có ngay một căn phòng đúng mẫu mong ước để tạm trú qua đêm, với công dụng tạm bợ. Nhưng có bao giờ họ bước chân tới chốn ấy; chiếc thảm dưới chân giường quá dơ bẩn, lớp sơn nâu trên bàn lề cánh cửa trông ra vườn cây ăn trái rộp lên thành vẩy; họ ước mơ một căn nhà ấm

cúng với chiếc giường màu nâu thật lớn chẳng cần phải để hai người cùng ngủ chung, nhưng bắt buộc chiếc giường phải rộng lớn. Buồn thay căn phòng anh mơ ước lại chưa có người ở.

Tuy vậy, anh vẫn có gắng tin tưởng chưa có gì quyết định cả. Phải chi cô ta không là người Do Thái, đang thời buổi chiến tranh mà yêu một cô gái Do Thái, đúng là chuốc họa vào thân. Anh biết điều đó lắm, nhưng anh trót yêu nàng, muốn được nằm bên nàng, rồi nói chuyện thật lâu và chẳng bao giờ chán; hạng đàn bà mà đàn ông sau khi ngủ chung, lại muốn nói chuyện đông dài rất hiếm. Với Ilona, Feinhals có thể làm như vậy được, ngoài ra còn biết bao nhiêu chuyện khác nữa...

Anh kê thêm một bình rượu mặc dù chai nước ngọt chưa vơi đi chút nào. Người đàn ông to lớn đã ra khỏi quán, trong phòng chỉ còn lại anh, mục chủ quán tóc hung còn quá trẻ với chiếc cổ gầy guộc, người lính Hung Gia Lợi và người bạn gái của hắn. Feinhals vừa uống rượu vừa nghĩ tới chuyện khác; anh nghĩ tới quê anh mà anh ít khi ở lâu. Kể từ rời ghế nhà trường, anh chẳng có dịp về thăm nhà. Một nỗi lo sợ tràn ngập trong anh; nơi quê anh có đường xe lửa và sông bao quanh như chiếc gút thông lọng. Nhiều con đường lớn trái nhựa, không có qua lấy một bóng cây, chạy xuyên qua vùng đó; mùa hè rau cỏ mọc xanh um một màu; nhưng cái nóng bức, ối chà, thật là ngọt ngào, đường xá bốc thành khói. Ngay cả buổi chiều, gió im phăng phắc và áp lực chẳng nhẹ đi thêm chút nào. Anh thường hay về nhà vào mùa thu để phụ giúp công việc đồng áng mà anh ưa thích nhất: Vườn tược đầy cây ăn trái, trái cây chở đầy xe đủ thứ, nào lê, bom, nào mận, nối đuôi nhau trên đường cái chạy dọc theo triền sông Ranh tiến về phía các đô thị lớn. Mùa thu mà về quê anh thật là vui thích, cha mẹ anh thật là vui vẻ, anh hợp với cả hai người; anh dừng dừng khi nghe tin chị anh kết bạn với một bác thợ cày nào đó. Mùa đông quá tiêu điều: khu đất giữa đường xe lửa và con sông trở thành băng phẳng; trên trời mây thật thấp, bao quện mùi ngòn ngọt dính óc từ các lò bánh kẹo nứt đường. Quả tình anh thấy vui

thích được xa nơi này. Anh giúp việc cho hãng thầu lớn chuyên xây cất nhà cửa, trường học, cơ xưởng, trại quân, và nhà ở rẻ tiền...

Anh cố nghĩ đến những chuyện đó để quên điều đang dày vò anh. Nhưng vô ích! Anh bị ám ảnh sao đã quên không hỏi rõ địa chỉ của Ilona để đề phòng mọi bất trắc. Kể ra muốn tìm địa chỉ của nàng cũng chẳng khó gì; anh chỉ cần hỏi bà Hiệu trưởng hoặc người gác đàn, hoặc hỏi thăm quanh đây; chỉ mất công tìm kiếm một chút thôi nhưng anh còn cơ hội để nói chuyện với nàng và nhìn nàng cho đỡ nhớ. Anh nghĩ nếu làm như vậy quả là phi lý vì chả khác nào trao sự may mắn của anh để Thượng đế định đoạt. Việc của anh, anh nên tự tay làm lấy; như thế nó còn có ý nghĩa và anh dễ thành công hơn. Tuy vậy chẳng nên nói trước có ý nghĩa hay không, chắc chắn anh đã chuốc lấy thất bại ngay từ đầu. Dù có tuyệt vọng đến mức nào anh luôn luôn phải hành động, và nếu cần sẽ làm lại từ đầu. Tìm kiếm và chờ đợi; hy vọng của anh không thể đi xa hơn nữa. Thật là kinh khủng! Người ta sẽ xử trí cách nào đối với người Hung Gia Lợi gốc Do Thái? Anh không biết rõ; anh chỉ nghe nói các chính phủ Đức và Hung Gia Lợi đã tranh chấp nhau về vấn đề này. Không ai có thể biết rõ người Đức sẽ xử trí ra sao? Vậy mà anh không hỏi địa chỉ của Ilona. Trong thời buổi chiến tranh điều cốt yếu phải cho nhau biết địa chỉ, thế mà cả hai người đều quên mất điều đó; Ilona mà cũng quên còn đáng trách hơn anh nhiều; nàng chả có cách gì để kiếm ra anh. Mà thôi, gộp nhặt tất cả các điều đó chẳng có ích gì, nàng đâu có tới chỗ hẹn. Tốt hơn anh nên thả hồn để ước mơ căn phòng anh có thể chung sống với nàng.

Còn vài phút nữa thì tới chín giờ tối: giờ hẹn đã qua khá lâu rồi; chiếc kim đồng hồ chạy sao quá chậm khi người ta nôn nóng nhìn nó; đến khi vừa để mắt vào chỗ khác là nó chạy nhanh như ngựa. Đúng chín giờ tối! Feinhals đã ngồi chờ Ilona gần một tiếng rưỡi, nếu anh không có cách để phi về trường học; nhờ người gác đàn cho biết địa chỉ của Ilona rồi ba chân bốn cẳng chạy trở về đây. Anh lại kê một bình rượu chát khiến mặt chủ quán mặt tươi như hoa.

Toán tuần tiểu đi qua quán rượu lúc chín giờ năm phút, gồm một sĩ quan và một hạ sĩ. Họ đứng ngoài cửa ngó vào trong quán và sắp sửa quay đi. Feinhals nhìn thấy họ rất rõ vì từ này giờ anh luôn luôn canh chừng phía trước cửa. Canh chừng cửa ra vào, đối với Feinhals, phải là một công việc đầy thích thú: cánh cửa đem lại niềm hy vọng cho anh; niềm hy vọng của anh không thể là viên sĩ quan đội kết và tên lính đứng phía sau đang ngó dòm dòm và sắp sửa quay ra. Khốn nạn cho anh thật! Viên sĩ quan đã trông thấy anh và đang từ từ tiến về chỗ anh ngồi. Feinhals cảm thấy đời anh tàn rồi: bọn người này chỉ biết áp dụng có mỗi một biện pháp hữu hiệu: chi phối ngay cả sự chết chóc. Tử thần vâng lệnh họ bằng một cử chỉ, bằng một khéo mắt. Anh lập luận, nếu có chết cũng chả khác gì chấp nhận không hành động nơi trần thế; riêng anh, anh còn muốn hành động nơi trần thế để chờ cho bằng được Ilona, và tiếp tục yêu nàng. Anh thừa hiểu là vô ích nhưng anh vẫn cố bám vào sự hy vọng thành công quá mỏng manh. Bốn người đội kết này có quyền hành rộng lớn đang tiềm tàng trong khẩu tiểu liên trông nét mặt đặng đặng sát khí của họ; cho rằng những người này không muốn thi hành phận sự của họ, thì đằng sau họ còn có hàng ngàn người khác sẵn sàng đem cơ hội đó cho tử thần: một vài viên đạn hoặc cột xử giáo. Những người đó, tất cả đều chi phối được tử thần. Viên sĩ quan nhìn Feinhals không nói qua lấy một câu mà chỉ xòe tay. Trông ông ta có vẻ thản nhiên mệt mỏi; dáng điệu quá máy móc không tỏ vẻ gì hứng khởi, bắt buộc viên sĩ quan phải có bộ mặt nghiêm nghị xứng hợp với nhiệm vụ. Feinhals đưa cho ông ta coi sổ tùy thân và tờ Sự vụ lệnh. Viên hạ sĩ ra lệnh cho anh đứng lên. Anh nhún vai và đứng dậy. Mụ chủ quán đang run lên vì sợ, anh lính Hung Gia Lợi cũng chả bình tĩnh hơn chút nào.

- Anh hãy theo tôi. - Viên sĩ quan nói nhỏ với anh.

- Tôi chưa trả tiền nhà hàng. - Feinhals trả lời.

- Qua quầy hàng anh sẽ trả được rồi.

Feinhals nịt dây lưng, lượm sách và tiến về phía quầy hàng; toán tuần cảnh kẹp sát anh hai bên nách. Mụ chủ quán thâm tiền; tới gần cửa, viên hạ sĩ tiến lên trước mở cửa. Feinhals bước ra ngoài; anh biết họ không làm dữ với anh; đáng lý anh phải sợ sệt, nhưng thực tình anh lại chẳng sợ sệt chút nào. Đêm hè ngoài phố có vẻ vui với những hàng quán đèn đuốc sáng choang. Một chiếc xe hơi chờ hàng cỡ lớn, sơn màu đỏ, đang đậu trước quán cà phê. Cánh cửa sau xe được mở rộng một cánh cửa nhỏ khác được hạ xuống sát ngay lề đường lát gạch xấu tạo thành một bậc thang. Bốn người hiếu kỳ bu lại, sự lo lắng hiện trên nét mặt của họ khi trông thấy một quân nhân đứng gác cửa xe, khẩu tiểu liên lăm lăm trong tay.

- Trèo lên! - Viên sĩ quan ra lên cho Feinhals.

Anh bước lên bậc thang; trong lòng xe tối om, anh thấy lỗ nhố nhiều đầu người và vũ khí. Không ai nói với ai câu nào, khi anh vào được hẳn bên trong lòng xe, anh thấy đầy nhóc.

NGƯỜI Ở ĐÂU VỀ

Heinrich Boll

www.dtv-ebook.com

Chương 6

Chiếc xe chở đồ sơn đỏ từ từ chạy ngang qua thành phố. Với những khóa to tướng, với các cửa nhồi bông và cài then chặt chẽ, xe mang mỗi bên hông cùng một hàng chữ đen: Göros huynh đệ, Budapest, chuyên chở mọi loại. Xe không ngừng lại nữa. Từ một khuôn tròn khoét trên cao sát mái, thò ra một đầu người lão liên ngó thật kỹ lưỡng tứ phía rồi, chốc chốc, lại cúi xuống chắc để báo hiệu điều gì. Cái đầu ấy thấy nào quán cà phê ánh đèn rực rỡ, nào cửa hàng kem, nào người y phục mùa hè. Đột nhiên nó đặc biệt chú ý đến một chiếc xe chở đồ sơn xanh đang như muốn lợi dụng chiều rộng của đại lộ để qua mặt xe đỏ mà chưa nổi.

C

Tài xế xe cam nhông xanh này mặc quân phục xám. Một người khác ngồi cạnh cũng mặc quân phục xám và gác một khẩu tiểu liên trên đùi nhưng khuôn cửa thượng của xe xanh này được đan dây thép gai chằng chịt. Tài xế bóp còi inh ỏi sau xe cam nhông đỏ đang cà tịch cà tàng tiến qua thành phố. Và mãi đến một ngã tư rộng ở đó mặt đường loe hăn ra, xe cam nhông xanh mới vọt được qua mặt xe đỏ. Người nhòm qua cửa thượng xe đỏ để ý thấy xe xanh đang tiến vào một đại lộ đưa lên phía Bắc trong khi xe hăn đi về hướng Nam, hay cũng na ná hướng ấy. Vẻ mặt hăn mỗi lúc một trở nên nghiêm trọng. Người hăn thấp bé, mảnh dẻ. Nét mặt hăn khá già dặn. Và khi xe cam nhông đỏ đi thêm được một quãng, hăn cúi đầu hét xuống bên dưới: “Hình như mình đang rời thành phố, nhà cửa thưa dần rồi”. Một tiếng ù ù từ dưới đưa lên làm câu trả lời, nửa nghe như tiếng lầu nhàu, nửa nghe như tiếng la hét. Và chiếc xe cam nhông đỏ vọt lên nhanh

hơn nữa, nhanh hơn người ta có thể tưởng nó chạy nổi. Đường vắng teo và tối sẫm, không khí phảng phất quanh các cành cây rậm lá ẩm ướt và nặng nề, dịu êm một cách nhạt nhẽo. Hẳn cúi xuống kêu lên: “Không còn thấy nóc nhà nào, đường lớn, hướng nam”. Tiếng gào bên dưới lại dữ dội thêm, chiếc xe vọt nhanh hơn nữa. Người đứng gác ở cửa thượng đã mệt rồi! Xe chạy đã từ lâu, anh thì đứng trên hai vai hai chú bộ binh cao thấp không điều khiển anh càng mệt thêm. Tư thế đứng này không còn làm anh khoái tí nữa. Nhưng vì anh nhỏ nhắn, gầy còm nhất đám nên anh em đã chỉ định anh lên bên trên quan sát. Một lúc lâu, anh chẳng thấy có gì lạ, một lúc có vẻ thực lâu và khi những người đứng dưới kéo chân anh hỏi xem có gì khác thì anh đáp chẳng có khi khô gì, rằng anh chỉ thấy hai bên đường có cây và những cánh ruộng tối sẫm. Rồi anh thấy hai anh binh sĩ đứng cạnh một xe máy dầu với chiếc đèn bấm loang loáng chạy trên mặt một tờ bản đồ, khi thấy chiếc cam nhông lớn tới gần thì ngừng đầu lên. Rồi lại một lúc chẳng có gì cho đến khi xe cam nhông vượt qua một đoàn xe thiết giáp đang đậu. Một trong những xe này chắc bị trục trặc vì như có ai đang nằm dài bên dưới sườn xe và một ai khác đang loay hoay quanh xe với một ngọn đèn khí đá. Nhà cửa nông dân diều qua thật nhanh, đen xì và bên hông trái xe, bây giờ, có một đoàn cam nhông chạy thật lẹ, qua mặt xe này. Rồi đến một viên nữa, xe nhỏ xám có cắm một lá cờ Thiếu tá. Xe của Thiếu tá phóng lại còn dữ hơn các cam nhông kia. Gần một trang trại, lính ngồi lê la, toàn lính bộ binh. Họ đều có vẻ mệt mỏi. Nhiều người trong bọn nằm dài ra đất, hút thuốc lá. Rồi xe đi qua một làng và, chỉ ít phút sau, người đứng canh bên trên nghe tiếng pháo đầu tiên. Tiếng nổ phát xuất từ một dàn đại pháo đặt bên phải con đường. Những chiếc ống lớn giương lên, cứng nhắc và đen xì trên một nền trời xanh thẫm và miệng súng đỏ ngầu màu máu phun ra những tia lửa hắt những tia phản chiếu hồng nhạt lên mặt tường một trang trại gần kề. Người canh chừng đâm run: anh chưa từng nghe súng nổ, anh sợ quá. Vốn mắc bệnh đau dạ dày, một chứng đau dạ dày nặng, Trung sĩ Finck, quản lý câu lạc bộ một quân y viện lớn trên sông Danube, đã lập tức cảm thấy áy náy khi vị y sĩ trưởng phái anh sang Hung Gia Lợi với nhiệm vụ là mang rượu Tokai chính hiệu về rượu mùi, rượu sâm banh

nhưng phải là Tokai và càng nhiều càng tốt! Nhiệm vụ chỉ có thể nhưng phải là ở tận Hung Gia Lợi mới được! Khổ một nỗi là trong khắp quân y viện chỉ có độc một người được coi như đầy đủ khả năng phân biệt nổi rượu Tokai giả với rượu Tokai thực và người đó chính là anh, Trung sĩ Finck. Thêm nữa phải đến chính đất Tokai mới có mọi hy vọng kiếm được rượu Tokai chính hiệu. Thượng cấp anh, Đại tá Ginzier, y sĩ trưởng vốn ham rượu. Tokai thứ thật nhưng kẻ lưu tâm nhất đến chuyện này hẳn phải là bạn nhậu và đối thủ chơi sòng bạc với ông, Đại tá mệnh danh là Bressen mà ai không biết cũng buột miệng gọi là Fôu -Bressen vì lão có bộ vó thật sang trọng với khuôn mặt dài và trang nghiêm, với tám huy chương thật hiếm hoi đeo ở cổ. Riêng phần Finck, ở dân sự làm nghề bán quán rượu, đã thâm hiểu tâm lý bợm nhậu, anh hiểu rằng nếu xếp phải anh đi mua năm mươi chai Tokai chính hiệu, chắc chắn đó là do ý kiến lão Đại tá kia kết quả của một cuộc đánh cá hay cửa một chuyện gì mà lão Đại tá quái quỷ kia đã dẫn ông xếp vào.

Vậy thì Finck đã đi Hung Gia Lợi, đã mua ở đó năm mươi chai Tokai chính hiệu và đừng ai hòng qua mặt anh vì xưa anh từng làm nghề bán quán và vì chính anh cũng có ruộng nho và hiểu rõ vấn đề lắm. Anh nghi ngờ rượu Tokai, ngay mua ở chính đất Tokai với lời bảo đảm là chính cống. Anh đã mua đầy một va-li và đầy một rương đan bằng mây. Va-li anh đã công theo được, hiện để dưới đáy cam nhông. Nhưng chiếc rương mây thì anh không sao tha theo nổi. Tại Szentgyörgy anh không làm sao có thì giờ xoay trở. Vừa xuống tàu hỏa, anh đã bị dẫn lên xe chở đồ này. Tha hồ cho anh hết phản kháng rồi khai bệnh cũng chẳng ăn thua gì. Bến tàu bị bao vây, chẳng làm gì khác được, đành là phải đi đến chiếc cam nhông đỏ đậu sẵn trước ga. Một số tỏ vẻ hung hăng như muốn làm giặc, giờ trò la hét nhưng lính gác chẳng chịu để lọt lời nguyên rủa vào tai cũng chẳng chịu hé răng.

Finck đâm lo cho mớ rượu Tokai của anh. Tính xếp vốn đã xoi móc tỉ mỉ về chuyện rượu lại càng xoi móc tỉ mỉ hơn về cái điều ông kêu là danh

dự của ông. Có thể không sợ thua cả rằng ông đã hứa với lão Đại tá, ông đã cam kết bằng mọi cách sẽ có rượu Tokai uống với bạn nhậu của mình vào ngày Chủ nhật tới. Không chừng ông lại còn hẹn cả giờ trước với lão nữa. Nhưng hôm nay đã là thứ Năm nếu chưa phải là sáng thứ Sáu đầu sao không còn bao lâu nữa là đã nửa đêm rồi mà xe thì đang chạy khá nhanh về phía nam. Như thế, Finck không còn chút hy vọng gì sẽ được trả về kịp nơi phải có mặt sáng Chủ nhật. Finck kinh sợ. Anh kinh sợ xếp và luôn cả lão Đại tá. Lão Đại tá ấy, anh chẳng ưa chút nào. Anh biết về lão một chuyện anh chưa hề ngỏ với ai và có lẽ anh sẽ cũng không bao giờ ngỏ với bất cứ ai bởi một lẽ rất giản dị là chắc chắn không ai chịu tin anh, một chuyện thô bỉ mà chính anh cũng không bao giờ ngờ là có thể có nổi. Ấc một nỗi là chính mắt anh đã thấy chuyện đó, không tài nào lằm lẩn được. Và anh cũng ý thức rằng điều hệ trọng cho anh là làm thế nào lão Đại tá không hay biết rằng anh, đã mắt thấy chuyện ấy. Thực vậy, mỗi ngày nhiều lần, anh vào phòng mang cho lão đồ ăn, thuốc uống hay báo chí sách vở vì ở đây người ta e dè lão lắm. Một lần, đang đêm, anh bước vào mà không gõ cửa và đã thấy cảnh tượng, trong một ánh sáng mờ mờ chao ôi, đáng vẻ gớm ghiếc của lão già mặt tái ấy. Đêm ấy, Finck không thấy đói nữa. Ở quê anh, đứa con trai mới lớn nào bị bắt gặp đang làm trò đó, lập tức người ta lấy nước lạnh xối vào người nó. Phương thuốc này rất hiệu nghiệm...

Ở bên dưới có người lại kéo chân anh. Anh bèn kêu to cho họ biết anh thấy nhiều đại pháo, nhiều đại pháo đang bắn và tiếng rủa sả bên dưới lại gia tăng.

Ánh lửa của những cỗ đại pháo này mỗi lúc một yếu dần. Tiếng nổ lúc đạn đi, ban đầu, nghe gần gớm ghiếc, nay lại có vẻ xa vời như tiếng nổ của đạn khi tới đích mà xe đang đi gần tới. Xe cam nhông lại vượt qua những xe thiết giáp, những đoàn xe đậu nữa. Rồi đến lượt những cỗ đại pháo trông nhỏ hơn. Các đại pháo này đặt cạnh một giếng nước có vòi cao trên không. Dưới ánh lửa lòi từ các họng súng bóng cái vòi nổi bật trên nền trời như một giáo đài khủng khiếp. Rồi một lúc lâu không có gì nữa, rồi lại đại pháo,

rồi lại không có gì nữa cả. Rồi đột nhiên, Finck nghe một tràng đại liên. Xe chạy thẳng đến chỗ có tiếng đại liên ấy.

Đột nhiên, xe dừng. Trong một ngôi làng. Finck tụt xuống rồi xuống xe cùng với những người khác. Xe bọ đầu đậu đấy, gần khắp mọi nơi, tiếng la hét lệnh inh ỏi, lính bộ binh chồm chồm chạy qua đường cộng vào với tiếng đại liên bắn liên hồi mỗi lúc một thêm dữ dội khiến ngôi làng nhốn nháo lạ thường.

Feinhals khập khểnh bước theo viên Trung sĩ loắt choắt lúc này vắt vèo trên khuôn cửa thượng xe, nay thì đang khệ nệ khuôn chiếc va-li. Hắn nhỏ thó và bước đi, lưng còng đến nỗi bóng súng kéo lê trên mặt đất. Feinhals buộc chiếc túi của anh vào dây da rồi bước dài một bước lên ngang viên Trung sĩ.

- Đưa đây, - Anh bảo - nhét gì trong đó thế?

- Rượu vang, - Viên Trung sĩ tí hon hỗn hển đáp - rượu vang cho xếp tôi.

- Vứt mẹ nó đi, ngốc thật. - Feinhals bảo - Đừng tính chuyện tha một va-li rượu vang ở tuyến đầu.

Viên Trung sĩ ngoan cố lắc đầu. Feinhals đành giúp hắn một tay. Tên chim chích này gần như đi không nổi vì mệt đừ. Hắn bước chân nam đá chân chiêu. Đầu hắn gật gù thảm não và hắn lắc mạnh nó tỏ vẻ cảm ơn lúc Feinhals nắm lấy quai xách. Feinhals cũng phải thấy là va-li nặng, nặng không thể tưởng.

Về phía tay phải họ, khẩu đại liên đã thôi bắn. Bây giờ đến lượt các xe thiết giáp thi nhau dội đạn vào làng. Những sà nhà gầy kêu răng rắc sau lưng họ và một ánh sáng mờ mờ chiếu xuống con đường lầy lội và nứt nẻ.

- Vứt cha nó đi thôi - Feinhals bảo - Cậu điên rồi.

Viên Trung sĩ không đáp nhưng ra vẻ muốn nắm thêm chặt quai xách. Sau lưng họ, một căn nhà khác bắt đầu cháy.

Đột nhiên, viên Thiếu úy đang đi trước họ dừng lại, kêu:

- Chờ tôi cạnh ngôi nhà này.

Họ đi đến nhà đó, dừng lại. Tên chim chích loạng choạng va vào tường rồi ngã dài trên chiếc va-li. Bây giờ khẩu đại liên bên phải cũng ngưng luôn. Viên Thiếu úy bước vào nhà để rồi lại liền trở ra có một viên Trung úy đi cùng. Feinhals nhận ra ông ta liền. Mọi người bèn đứng nghiêm và Feinhals thừa hiểu viên Trung úy đang tìm cách nhìn cho tỏ tường huy chương của họ trong ánh đỏ hoàng hôn này. Chính ông, ông cũng có hơn người một huy chương, lần này thứ thật. Ít ra nữa ông cũng đeo dây băng huy chương ấy trên ngực, một mẫu chữ nhật màu đen, trắng, đỏ. Tạ ơn Trời Đất! Feinhals tự nhủ, ít ra ông ta cũng có được huy chương này. Viên Trung úy môi nở một nụ cười, ngắm nghía mọi người một lát bảo: “Tốt lắm”. Rồi lại mỉm cười nhắc lại: “Tốt lắm, phải không?” Vừa nói vừa ngoảnh lại với viên Thiếu úy đang đứng sau lưng. Nhưng viên Thiếu úy vẫn ngậm tăm. Bây giờ thì mấy binh sĩ nhìn thấy thật rõ viên Thiếu úy nhỏ bé, xanh xao, không còn trẻ mấy nữa. Mặt ông ta thì bản thủ mà vẻ mặt thì nghiêm trang. Trên ngực ông chẳng có một huy chương nào.

- Brecht ạ, - Viên Trung úy bảo ông ta - đem hai người đi tiếp viện và mấy ống diệt chiến xa. Tôi sẽ tôi gửi cho Undolf bốn người. Còn những người khác giữ lại đây.

- Hai người, - Brecht nói - vâng hai người và mấy ống diệt chiến xa.

- Tốt, - Viên Trung úy bảo - anh biết các súng đó để đâu không?

- Dạ biết, thưa Trung úy.

- Tôi chờ báo cáo của anh trong nửa giờ nữa.

- Vâng, thưa Trung úy.

Feinhals và Finck đứng kế cận viên Thiếu úy nhất. Thế là họ được ông ta chỉ định bằng cách ấn ngón tay trở vào ngực họ bảo: “Đi”. Rồi vừa quay ra, ông bước đi liền. Hai người phải rảo bước cố theo cho kịp ông. Tên chim chích vỗ lấy va-li. Feinhals giúp anh ta một tay và cả hai mở hết tốc lực có thể được. Đến đằng sau căn nhà, họ quẹo xiên sang phải và lần theo một con đường hẹp, hai bờ có hàng rào và đồng cỏ. Đường này hẳn sẽ dẫn ra đồng không. Nơi họ đang tới không có tiếng động nào nhưng, ở sau lưng họ, chiến xa đang tiếp tục nện ngôi làng và dàn đại pháo nhỏ họ đã gặp khi tới cũng đang tiếp tục bắn bên phía tay phải họ, gần theo hướng họ đang men theo bây giờ.

Feinhals đột nhiên nằm lăn xuống đất, kêu mọi người: “Coi chừng!”. Có tiếng thủy tinh lạo xạo khi cả hai buông va-li. Và viên Thiếu úy đang tiến đằng trước cũng ngã nằm sấp xuống. Bách kích pháo vừa bắn từ nơi họ đang tiến tới. Chúng bắn vào ngôi làng và càng ngày càng bắn rát. Số bách kích pháo chắc phải nhiều lắm. Mảnh đạn bay veo véo, văng đến, đập lộp bộp vào các tường. Những mảnh khác lớn hơn, xẹt quanh chỗ nổ, kêu véo véo.

- Đứng dậy! - Viên Thiếu úy quát - Tiến.

- Hãy chờ một chút đã! - Feinhals bảo.

Chàng lại vừa nghe có một tiếng xì xì dịu dàng, nhỏ nhẹ, gần như vui mừng và chàng đâm hoảng. Tiếng nổ thực long trời lở đất khi viên đạn súng cối rớt trúng va-li của Finck. Mặt trên va-li bay đi, phát ra như một tiếng khạc của hùm beo rồi tung đến quật vào một thân cây cách đó chừng hai chục thước. Mảnh thủy tinh bay loang loáng thành vệt trên không như một bầy chim bị xua vừa loạn xạ bay lên. Và Feinhals cảm thấy có rượu vang tóe lên cổ, càng nằm bẹp dí dưới đất. Chàng hết hồn nghĩ rằng mình đã không nghe thấy tiếng đạn bắn đi. Và bây giờ những tiếng nổ làm rung

rinh cánh đồng cỏ trải ra bên trên họ, bên kia một triền dốc nhỏ. Bóng một thớt cỏ khô đen xì nổi bật trên một nền đỏ đỏ rã rã, bắt đầu nghi ngút khói rồi vươn lên trời những tua lửa trước khi bốc cháy hần hoi.

Vừa bò, viên Thiếu úy vừa lặn tới chỗ anh nằm ở con đường trũng.

- Cút khô - Ông lâu nhàu bên tai Feinhals - chuyện gì xảy ra thế!

- Anh ta có rượu vang trong va-li - Feinhals giải thích - Này! - Anh khẽ lên tiếng gọi Finck, một khối đen quắp cạnh chiếc va-li.

Chẳng có gì mấy may động đậy.

- Trời đất! - Viên Thiếu úy khẽ kêu - Chẳng lẽ hần đã...

Feinhals ở cách Finck chừng hai thước. Chàng bò đến chỗ hần, dùng đầu hích vào chân hần rồi, bằng khuỷu tay, lật người lên gần ngang hần. Ánh sáng của đồng cỏ cháy bùng bùng không chiếu được tới chỗ trũng này nó như một cái khe, thành hơi thoải thoải, ở đó, chẳng ai thấy được gì trong khi cả cánh đồng cỏ khởi từ đỉnh khe đang tắm trong một ánh đỏ rực rỡ. “Này!” Feinhals lại khẽ gọi. Mùi rượu vang hắc và ngòn ngọt từ vũng đọng xộc lên mũi chàng. Bàn tay chàng quơ phải vô số mảnh thủy tinh và chàng phải rút tay rồi bắt đầu từ đôi giày nắn bóp dần lên dọc theo thân viên Trung sĩ. Thân hình bé nhỏ của hần làm chàng kinh ngạc. Sau đôi cẳng ngắn là một thân mình còm nhom. “Này” chàng gọi khẽ “Này anh bạn!” Nhưng Finck không đáp. Viên Thiếu úy cũng đã bò đến cạnh cả hai, hỏi:

- Có chuyện gì thế vậy?

Feinhals tiếp tục mò mẫm cho đến khi ngón tay chàng dúng vào máu. Cái này không phải là rượu vang rồi. Rút tay lại, chàng thăm thì:

- Tôi sợ anh ta chết rồi. Một vết thương lớn ở lưng máu chan hòa. Thiếu úy có đèn bấm không?

- Có chứ. Nhưng, theo anh, có nên...

- Trừ phi lời anh ta lên đến cánh đồng cỏ...

- Rượu vang - Viên Thiếu úy nói - Một va-li rượu vang... tôi đang tự hỏi tại sao...

- Hình như rượu cho một câu lạc bộ thì phải.

Finck không nặng máy. Người cúi gập, cả hai chuyển anh ta sang phía bên kia con đường, lăn anh lên đỉnh triền dốc, ở đó, nằm dài trong ánh sáng, anh hiện thành một đồng nhỏ, đẹp và sẫm, nhất là đẹp lép. Lưng đọng máu đen sẫm. Feinhals lật tử thi một cách thận trọng. Lần đầu tiên, chàng nhìn rõ mặt anh ta. Khuôn mặt này thật sắc sảo, sắc sảo, mảnh mai hãy còn hơi âm ỉm. Và nhiều lọn tóc từ một mớ tóc dày dán chặt trên trán anh ta.

- Trời ơi! - Feinhals kêu.

- Gì vậy?

- Anh ta bị mảnh đạn vào giữa ngực. Một mảnh lớn bằng nắm tay.

- Vào ngực à?

- Chứ sao! Chắc anh ta lúc đó đang quỳ bên trên chiếc va-li.

- Không đúng huấn lệnh quân sự! - Viên Thiếu úy nói nhưng ông không tỏ vẻ hài lòng về chính câu bông lơn của ông ta. - Lấy sổ tùy thân và tấm lắc căn cước của hắn.

Feinhals thận trọng cởi chiếc bờ-lu-dông đầm máu, lăn mò nơi cần cổ tử thi cho đến lúc nắm được vào bàn tay một mảnh tôn đầm máu. Anh cũng không mất nhiều thì giờ gì để kiểm thấy quyền sở tùy thân nhét trong túi bên trái và hình như không hề hấn.

- Trời cao đất dày ời! - Viên Thiếu úy thốt lên sau lưng anh - Sao mà đến bây giờ cái va-li cũng vẫn còn nặng khiếp thế.

Ông ta đã lôi chiếc va-li ngang qua con đường đất đồng thời cũng kéo theo khẩu súng của Finck bằng dây quai.

- Thấy chưa!

- Thưa đã. - Feinhals đáp.

- Mình tiến lên chút nữa.

Viên Thiếu úy túm một góc va-li, lôi nó đi và khi đã lên tới đỉnh khe ngó ra bình nguyên, ông ta thì thầm bảo Feinhals: “Sang trái, đằng sau bức tường” rồi ông bỏ đi trước “nhờ đẩy chiếc va-li nhé”. Feinhals vừa đẩy chiếc va-li ở trước mặt vừa chậm chạp bò lên đỉnh khe. Được mảng tường lập thành một góc với con đường che kín, họ đứng đây, nhìn thẳng vào mặt nhau. Ánh lửa rực rỡ của đồng rơm đủ cho người này nhận ra sắc diện người kia và họ đứng ngăm ngía nhau như vậy một lát.

- Anh tên gì? - Viên Thiếu úy hỏi.

- Thưa Feinhals.

- Tôi tên Brecht, - Viên Thiếu úy vừa nói vừa vụng về nở một nụ cười - thú thực là tôi khát không chê được.

Ông ta cúi xuống chiếc va-li, đẩy nó lên một cụm cỏ, từ tốn lật nó lại. Có tiếng thủy tinh leng keng và tiếng óc ách khẽ nữa.

- Không ai ngờ nổi - Viên Thiếu úy vừa nói vừa cầm lấy một chai nhỏ còn nguyên vẹn - Rượu Tokai kia đấy!

Tờ nhãn hiệu loang lổ vì máu và rượu. Feinhals thấy viên Thiếu úy cẩn trọng gạt các mảnh thủy tinh. Tất cả còn được năm, sáu chai nguyên vẹn.

Brecht rút con dao nhỏ, cạy nút một chai, ông uống.

- Tuyệt thật - Vừa nói ông vừa đặt chai rượu xuống - Làm một hộp không?

- Cám ơn Thiếu úy. - Feinhals nói.

Anh cầm lấy chai rượu, làm một tợp: rượu quá ngọt. Và anh để trả lại chai, miệng cám ơn lần nữa.

Súng cối lại rót vào làng, lần này xa hơn về phía đằng sau họ. Bỗng không cách xa họ mấy, một khẩu đại liên bắt đầu lắc lắc bắn trở lại.

- Cảm ơn Trời Đất! - Brecht nói - Tôi đã tưởng mấy khẩu súng đại liên này cũng tiêu tùng như các khẩu khác rồi.

Ông dốc cạn chai rượu, buông tay cho vỏ chai lăn xuống đáy khe.

- Chúng mình hãy men theo bức tường này ở bên phía trái.

Đồng rơm vẫn còn cháy hừng hực nhưng lửa ở phần dưới đã không còn cháy thành ngọn nữa. Có những tia than bắn tứ tung.

- Trông anh có vẻ thực khôn ngoan. - Brecht nói.

Feinhals không đáp.

- Tôi muốn nói - Viên Thiếu úy bảo tiếp đồng thời cạy nút chai rượu thứ nhì - anh đủ khôn ngoan để hiểu rằng cuộc chiến tranh này rày rà lắm.

Feinhals vẫn lặng im.

- Khi tôi bảo rày rà, - Brecht vẫn nói - tôi muốn nói cuộc chiến tranh mà mình thắng thì không rày rà gì hết và theo tôi cuộc chiến tranh này đang xoay thành rất, rất bất lợi.

- Phải, - Feinhals đáp - nó đang xoay thành rất, rất bất lợi.

Tiếng đại liên bắn xối xả và quá gần khiến anh bồn chồn.

- Khẩu đại liên đặt ở chỗ nào vậy?

- Kia kìa! Ở chỗ cuối tường ấy. Đây là một cái trại. Chúng ta đang đứng ở trước trại, khẩu đại liên thì đặt ở sau trại.

Có thêm dăm tiếng nổ lắc cắc, gọn ghẽ và khô khan nữa rồi khẩu đại liên im bật. Sau đó, có tiếng đại liên Nga bắn. Rồi họ nghe có cả tiếng súng trường. Và sau một hồi nghe hai đại liên địch cùng bắn, đột nhiên, không còn có tiếng gì nữa hết.

- Cút khô! - Brecht làu nhàu.

Đồng rơm tóp lại. Các ngọn lửa hạ thấp dần, tiếp tục êm đềm reo. Và đêm xuống, đen tối hơn trước. Brecht đề nghị Feinhals giữ lấy một chai nhưng chàng lắc đầu.

- Cám ơn Thiếu úy, - Chàng bảo - rượu quá ngọt.

- Anh ở bộ binh lâu rồi chứ? - Brecht hỏi.

- Vâng - Feinhals đáp - Bốn năm.

- chà chà! - Brecht nói - Nói ra thì có vẻ ngốc đấy nhưng thực ra tôi vẫn chưa ý niệm được cho mình bạch thế nào là bộ binh. Mà, theo tôi, hiểu biết hơn về điều đó lại càng ngu xuẩn. Tôi đã được huấn luyện trong hai năm liền để làm phi công bay đêm. Khóa huấn luyện vừa mãn. Công trình huấn luyện này đã hao phí của quốc gia ngang với tiền tạo tác khá nhiều đơn vị gia cư xinh xắn. Tất cả sự tốn phí ấy để bây giờ tôi cong lưng cuộc bộ với tư cách là lính bộ và khi ngủm cù đèo, vong hồn tôi sẽ di cư đến Walhall. Thật là chuyện thối tả, phải không?

Ông ta lại tợp một ngụm rượu nữa.

Feinhals lại lặng im.

- Trong thực tế, khi địch quân mạnh hơn, anh phải làm gì? - Viên Thiếu úy ngoan cố tiếp tục - Hai ngày trước chúng ta còn ở cách đây 20 cây số. Dĩ nhiên quân ta không chịu lùi. Ấy thế mà rõ ràng là chúng ta đã phải lùi. Tôi thuộc điệu hát quá mà: người lính lục quân Đức thà chết đứng tại chỗ chứ không bao giờ chịu lùi hay câu gì na ná thế. Nhưng tôi không mù không điếc. Này - Ông hỏi thật - nói cho thật nghiêm chỉnh, chúng ta hiện đang làm gì?

- Chúng ta đang chạy có cờ. - Feinhals bảo.

- Rất đúng. - Brecht nói, với một nụ thoáng cười - Chúng ta đang chạy có cờ, đó là điều chúng ta đang làm. Huấn lệnh quân sự Phổ lỗi sĩ tuyệt diệu của chúng ta có một điều khiếm khuyết: sự rút lui không được dự liệu trong chương trình huấn luyện. Và chính là để huấn luyện ta điều này mà, hiện nay, hết ngày này sang ngày khác, chúng ta đang áp dụng nó. Theo tôi, huấn lệnh quân sự của ta là huấn lệnh quân sự độc nhất không đề cập đến kế hoạch lui binh. Dĩ nhiên huấn lệnh có đề cập đến kế hoạch cầm chân địch. Nhưng những thằng cha kia không có ý để cho mình cầm chân chúng nó. Nào đi. - Vừa nói ông ta vừa ấn hai chai vang vào túi áo - Chúng ta hãy quay về cuộc chiến tranh tốt đẹp của chúng ta. Trời Đất ạ, hân đã khuân rượu vang của hân ra tận mãi đây, tội nghiệp thằng cha...

Feinhals chậm chạp theo chân viên Thiếu úy. Vừa qua khỏi góc tường, họ lắng nghe có tiếng chân người đang chạy về phía họ. Tiếng chân chạy nghe thật rõ. Nhảy phóc một phát, Brecht, Thiếu úy Brecht, lui lại sau góc tường, kẹp khẩu tiểu liên vào nách và xì xào bên tai Feinhals:

- Không chừng mình có dịp kiếm được mười tám su sắt tây gắn lên ngực kia đây.

Nhưng Feinhals trông thấy rõ ông ta đang run.

- Trời cao Đất dày ời! - Brecht làu nhàu - Phên này thì nghiêm trọng thực rồi, lần này thì chiến tranh thực sự rồi.

Tiếng bước chân gần lại. Bọn người đó không chạy nữa.

- Ông nói toàn chuyện vớ vẩn. - Feinhals dịu dàng bảo - Đó chẳng phải là lính Nga đâu.

Viên Thiếu úy lặng thinh.

- Nếu đó là lính Nga, thử hỏi tại sao chúng lại phải chạy. Và làm ồn ào dữ thế!

Viên Thiếu úy vẫn không một lời.

- Bằng lính của ông đấy. - Feinhals nói thêm.

Bây giờ tiếng chân bước ở quanh quần đầu đây.

Chỉ cứ trông thấy bóng dáng họ và nhất là trông mũ sắt của họ, cũng nhận được ra ngay rằng những người đang đi vòng góc tường kia là lính Đức. Brecht giật giọng quát:

- Đứng lại! Khẩu hiệu!

Bọn người kia ra vẻ hoảng hốt. Feinhals thấy họ đứng chồn chân tại chỗ và giật nảy mình.

- Cút khô! - Một người trong bọn đáp - Khẩu hiệu: cút khô.

- Tannenberg. - Một giọng khác kêu lên.

- Trời đất! - Brecht bảo - Các anh đừng làm gì đó. Mau mau nấp ra phía sau tường, cắt một người đứng gác ở góc tường nghe ngóng thôi.

Feinhals kinh ngạc thấy họ đông đảo đến. Trong bóng tối, chàng tìm cách đếm họ. Bọn họ phải có đến sáu bảy người. Họ đánh đít xuống một dải cỏ.

- Có rượu đây. - Viên Thiếu úy vừa nói vừa lần lấy rượu chuyền cho họ
- Chia nhau mà uống nhé!

- Prinz ơi! - Ông ta bảo tiếp - Có chuyện gì vậy?

Prinz là người đang đứng ở góc tường. Khi anh ta quay mặt lại, Feinhals thấy huy chương của anh ta lấp lánh trong bóng đêm.

- Thiếu úy ạ - Prinz nói - Ở lại đây thực là làm chuyện vô nghĩa. Ở hai bên phải, trái, địch đã vượt quá xa chúng ta và Thiếu úy hẳn không định thuyết phục tôi rằng trận tuyến sẽ cố định tại đây, cạnh cái trại bắn thủ này bởi lẽ chúng ta đã đặt ở đây một khẩu đại liên. Thiếu úy ơi, trận tuyến kéo dài trên hàng trăm cây số và, từ ít lâu nay, đã đang di chuyển rồi. Và tôi không tin rằng một trăm năm mươi thước chúng ta đang giữ này là cốt để dành cho chúng ta một anh dũng bội tình với ngành dương liễu. Đã đến lúc mình nên chuẩn nếu không muốn bị mắc kẹt. Và khi ấy, chẳng chớ nào đến đánh tháo cho chúng mình đâu...

- Được, nhưng rồi cũng sẽ có lúc trận tuyến phải dừng lại vững bền ở một nơi nào chứ. Các anh còn đủ cả đấy không?

- Còn. - Prinz đáp - Tất cả còn đủ đấy. Tôi nghi ngờ chúng ta có thể đương đầu với một cuộc tiến quân của địch chỉ bằng những người đi phép với người đi dưỡng bệnh. Suýt nữa tôi quên, thằng nhỏ Genzki bị thương vì một viên đạn xuyên qua. Genzki... - Anh ta khẽ gọi - Chú mày ở đâu?

Một vóc người nhỏ xíu rời bức tường.

- Thôi được. - Viên Thiếu úy nói - Cho anh trở ra. Feinhals, hãy đi theo anh này. Đồn cứu cấp ở chỗ xe các anh đậu lại ấy. Báo cáo với xếp rằng tôi

lui khẩu đại liên lại ba mươi thước mà mang đến cho tôi những ống diệt chiến xa nhé. Prinz, hãy chỉ định thêm một người nữa.

- Wecke đâu? - Prinz gọi - Đi với họ đi. Anh cũng đến đây bằng xe chở đồ đấy ư? Hẳn hỏi Feinhals thế.

- Phải!

- Chúng tớ cũng vậy.

- Thôi đi đi. - Viên Thiếu úy giục. Giao quyền sở tùy thân cho xếp...

- Một tử trận à? Prinz hỏi.

- Ừ - Viên Thiếu úy xẵng giọng đáp - Đi đi thôi.

Với hai người theo chân, Feinhals chậm chạp trở về ngôi làng mà nhiều xe thiết giáp bây giờ nhằm làm đích, đang từ các hướng Đông và Nam bắn vào tới tấp. Ở bên tay trái họ, ở phía con đường lớn đưa tới làng, họ nghe đạn nổ liên hồi với cả tiếng kêu nữa. Họ đứng ngậm tăm một lát, nhìn nhau.

- Huy hoàng thật. - Tên bộ binh nhỏ thó bị thương nơi cánh tay lên tiếng.

Họ rảo bước, nhưng mà đến đầu khe thì nghe có ai quát hỏi họ:

- Khẩu hiệu?

- Tannenberg. - Họ lầu nhàu đáp.

- Brecht, phải trung đội chiến đấu Brecht không?

- Phải. - Feinhals kêu lớn.

- Đằng sau quay! Tất cả mọi người phải trở về làng, tập hợp trên con đường lớn...

Và mọi người thơ thần quay trở về ngôi làng. Một lần nữa, chiếc xe chở đồ sơn đỏ lại chật ních người. Feinhals chậm chậm leo thang xe, ngồi ngoài mép, tựa lưng vào thành, cố ngủ. Những tiếng nổ cuồn cuộn loạn chàng nghe thấy, từ những xe thiết giáp Đức đang cố gắng giữ cho con đường còn lưu thông được, đối với chàng, sao hơi có vẻ lỗ bịch. Các xe ấy bắn quá nhiều. Và chẳng, trong cuộc chiến này, bao giờ ai cũng bắn nhiều hơn mức cần thiết, tiếng súng nổ như đã thành một thứ tiếng động bắt buộc rồi. Bây giờ thì mọi người đều đã lên xe trừ một vị Thiếu tá đang gắn huy chương với những người được gắn huy chương, trong trường hợp này là một Thượng sĩ, một Trung sĩ và ba binh nhì. Cả năm người này đều đứng nghiêm trước mặt vị Thiếu tá tác người nhỏ bé, tóc hoa râm, đầu không mũ, đang vội vã giao các bội tinh và tưởng lục. Chốc chốc, vị Thiếu tá lại dừng tay lên tiếng hỏi:

- Bác sĩ Greck, Trung úy Greck đâu?

Rồi ông ta gọi lớn:

- Brecht, Thiếu úy Brecht đâu?

Từ tít bên trong cam nhông, Brecht đáp:

- Dạ, thưa Thiếu tá gọi.

Rồi lách mình đến lối ra, ông đứng trên đỉnh thang lên xuống, trình diện, tay đưa chạm mũ lưỡi trai.

- Thiếu úy Brecht, thưa Thiếu tá.

- Đại đội trưởng của Thiếu úy đâu? - Vị Thiếu tá hỏi.

Ông không tỏ vẻ giận dữ mà lại ra điều hờn dỗi.

Các quân nhân được gắn huy chương đã bình thản trèo ngược thang lên xe cam nhông. Họ né người để khỏi cuốn Brecht theo, rồi lách vào bên trong. Chỉ còn một mình vị Thiếu tá đứng trên đường, giữa một ngã tư của làng, tay vung vẩy một huy chương anh dừng đệ nhất đẳng bằng sắt, trong khi Brecht, mặt thộn ra, đáp:

- Tôi không được rõ, thưa Thiếu tá. Mới lúc nãy, bác sĩ Greck còn cho tôi lệnh dẫn đại đội đến địa điểm tập hợp. Chắc ông ta...

Brecht ngưng lời, ngưng ngập.

- Bác sĩ Greck đang bị một cơn kịch bệnh kiệt lý hành hạ...

- Greck! - Viên Thiếu tá hét sang hai bên. Rồi ông lắc đầu nói thêm với Brecht.

- Đại đội của anh đã anh dũng chiến đấu trong trận đánh này, nhưng chúng ta cần phải rời khỏi nơi này đã...

Một chiến xa Đức thứ nhì đậu trên đường, trước mặt họ, đang từ làng bắn sang phía tay mặt họ. Và sau lưng họ, ổ đại pháo nhỏ hình như cũng đã đổi mục tiêu vì cũng cùng bắn về một hướng với các chiến xa. Rất nhiều nhà bốc lửa, kể cả ngôi nhà thờ cao ngất ngự ở giữa làng, vượt hẳn lên bên trên tất cả các ngôi nhà khác. Nhà thờ hóa thành trong trong và sáng chói một màu đo đỏ. Máy xe cam nhông bắt đầu nổ vo vo. Viên Thiếu tá đứng trên đường, cuối cùng quyết định quát tài xế:

- Đi thôi!

Feinhals giờ quyển sổ tùy thân người ta giao cho và đọc: “Finck Gustav Trung sĩ, nghề nghiệp dân sự: chủ quán, cư sở: Heidesheim...”

- Heidesheim à - Feinhals ngạc nhiên nghĩ ngợi - Heidesheim chỉ cách nơi chôn rau cắt rốn của chàng có vài ba cây số. Chàng biết rõ chiếc quán

trên có một tấm biển nâu “Quán Finck, cha truyền con nối từ 1710” ấy. Chàng đã từng nhiều lần đi qua cửa quán nhưng chưa bước vào trong quán bao giờ... Có người đóng mạnh cửa xe và chiếc cam nhông lăn bánh.

Riêng phần Greck, ông đang tận lực cố gắng đứng dậy và chạy đến đầu kia của làng, nơi người ta đang chờ đợi ông. Hiềm vì ông không còn sức nữa. Mỗi lần ông nhồm dậy, những cơn đau quặn ruột gan lại buộc ông co quắp người lại. Và ông cảm thấy một nhu cầu thực cấp thiết phải làm sao cho bụng vơi đi. Ông ngồi xổm, lưng dựa vào một bức tường thấp bao quanh một hố phân. Phân thì bài tiết từng giọt nhỏ, chỉ gần bằng một hạt dẻ trong khi sức đẩy trong ruột đau như vò của ông lại vô cùng mãnh liệt. Ông không ngồi được theo tư thế thông thường. Tư thế độc nhất còn chịu đựng được là ngồi xổm, người gập đôi, cứ thế chờ một cơn dịu đau chốc lát khi phân, từng giọt một, rời ruột già. Phân tổng xuất được mang lại cho ông đôi chút hy vọng, hy vọng là những cơn đau độc địa ấy có thể sẽ qua đi. Nhưng chúng chỉ qua đi trong chốc lát. Những cơn nhức nhối ấy làm tê liệt ông đến mức ông không sao tiến lên nổi, dầu là bằng cách bò. Có thể cứ lăn bừa sấp xuống rồi dùng đầu ngón tay mà lết tới trước mặt thì may ra cũng được đẩy nhưng như vậy dầu cho có tới được chỗ tập hợp thì cũng đã là quá muộn mất rồi. Từ chỗ ông đang ngồi đến chỗ xe khởi hành chỉ có ba trăm thước và ông nghe rõ tiếng Thiếu tá Krenz gọi, giữa hai tiếng sủng. Nhưng tâm trạng ông đã tới mức hầu như tất cả đối với ông đều đã trở thành vô nghĩa: ông đang cơn đau bụng, những cơn đau vô cùng dữ dội. Ông bấu chặt lấy bức tường trong khi đôi móng trần của ông chịu lạnh và trong ruột gan ông, cảm giác đau đớn khác nào có một mũi khoan xuyên qua cứ đều đặn tái hiện. Tình cảnh khác nào có sự chậm chạp tích lũy thuốc nổ mà tiếng nổ đợi chờ đáng lẽ long trời lở đất thì lại chỉ xì xì vô nghĩa. Sự tích lũy cảm giác đau đớn cũng thế, tích lũy không ngừng, luôn luôn gọi lên hy vọng một sự giải thoát tối hậu nhưng mỗi lần lại chỉ đưa được tới sự tổng xuất một mẫu phân li ti.

Nước mắt chảy dài trên má ông. Không một ý nghĩ nào của ông liên quan đến chiến cuộc mặc dầu ông thấy rõ đạn đại pháo rơi tứ phía quanh mình và nghe thấy rõ mồn một tiếng từng xe cam nhông bỏ đi. Rồi đến lượt các chiến xa lần lần rút lui trên con đường lớn và, từ đó, về phía thành phố mà vẫn không ngưng bắn. Ông nghe thấy hết thấy các tiếng động thực nhiều ý nghĩa ấy. Chuyện làng này bị địch bao vây đã trở thành một thực tại cụ thể rồi nhưng cơn đau đốn trong bụng ông còn cực liệt hơn, gần cận hơn, cấp bách hơn. Cơn đau ấy vượt quá mức tưởng tượng và ông chỉ còn kịp nghĩ đến một mình nó, đến cơn đau không dứt này nó khiến ông toàn thân bất động. Như trong một vòng đèn cù những mặt nạ nhả nhúm, ông thấy giũ ở trước mắt tất cả các đốc tờ ông từng có dịp đến nhờ khám, khởi đầu là ông bố trông thật ác cảm của ông. Họ họp thành một vòng tròn chung quanh ông, một vòng những bù nhìn thảm bại đã không bao giờ dám bày tỏ với ông bằng lời lẽ minh bạch, để nói cho ông rõ rằng căn bệnh của ông chỉ giản dị bắt nguồn từ việc ông đã bị thiếu chất dinh dưỡng trong suốt thời niên thiếu mà thôi.

Một viên đạn đại pháo rớt vào hố phân hắt lên, tưới vào người ông chất lỏng kinh tởm ấy. Ông cảm thấy phân cả trên môi ông và càng khóc dữ hơn cho đến lúc ông nhận ra rằng cái trại này đang bị chiến xa trực xạ. Từ mọi phía, đạn bay qua sát người ông ve ve, mút khí trời với một mãnh lực kinh hồn, như những trái cầu cực rắn. Sau lưng ông, giữa tiếng loảng xoảng của cửa kính và của tường đất ép bị nghiền tan thành bụi, một tiếng đàn bà hét lên từ một ngôi nhà, trong khi những mẫu đất vách và sà nhà bay tóe tả quanh đây. Ông lăn ra, nấp đằng sau bức tường bao quanh hố phân và thận trọng cài cúc quần. Mặc dầu cơ quan tiêu hóa vẫn tiếp tục tổng xuất những số lượng phân li ti với những cơn đốn đau vĩ đại. Ông cố chậm chạp bò dọc theo mép khe sỏi đá nó dẫn dần xuống khe ngõ hầu rời khu căn trại. Quần ông đã cài khuy rồi. Nhưng ông vẫn chẳng tiến lên nổi. Cơn đau làm tê liệt các bắp thịt của ông và ông nằm co quắp, bất động. Trong khoảnh khắc, tất cả kiếp sống của ông quay cuồng trước mắt ông, một chuỗi kinh hồn những thống khổ và nhục nhã, lúc nào cũng vẫn thế. Và điều còn quan yếu đối với

ông, điều chân thực độc nhất, đó là những dòng nước mắt đã đổ, những dòng lệ hiện đang chan hòa trên mặt ông để sắp rơi vào cái nhớ bản, cái nhớ bản mà mùi vị đang đọng trên môi ông, nó gần một mớ hỗn độn nào rơm rạ, nào phân tro, nào rác rến, nào cỏ lá. Ông còn khóc ngay cả vào lúc một viên đạn xuyên ngang qua một dầm trần nó chống đỡ cả một mái kho, một bộ xương gỗ lớn bao phủ lên những khối rạ ép, khiến bộ xương gỗ này đổ ụp xuống, vùi lấp ông đi.

NGƯỜI Ở ĐÂU VỀ

Heinrich Boll

www.dtv-ebook.com

Chương 7

Chiếc xe chở đồ màu xanh có một đầu máy thật tốt. Hai người đàn ông ngồi trong cabin thay phiên nhau cầm tay lái, họ không nói chuyện nhưng nếu có nói gì là chỉ nói độc nhất về cái mô-tơ. “Đồ tốt chi lạ” thỉnh thoảng họ vừa lắc đầu vừa nói, lắng tai nghe tiếng máy nổ ròn tan, trầm trầm, rất đều đặn, không có một nghịch âm nào làm xáo trộn. Đêm nóng bức và tối om, con đường đưa họ về hướng Bắc đôi khi bị trở ngại vì những chiếc xe nhà binh, xe ba gác; nhiều lần họ đã phải hãm phanh một cách đột ngột vì không kịp nhận thấy một đoàn công voa đang đi tới làm cho họ một chút nữa thì lọt, thì đâm sầm vào cái khối những bóng đen ngòm dị hình dị dạng trên đầu có đèn rọi thấp sáng. Đường sá quá chật hẹp, xe chở đồ, xe thiết giáp, xe công voa không thể đi ngang nhau, nhưng xe càng tiến về hướng Bắc thì đường càng rộng chỗ và người ta có thể cho xe chạy thả ga một lúc lâu mà không bị phiền nhiễu: khối hình nón ánh sáng do đèn pha chiếu ra hắt lên cây cối, nhà cửa, đôi khi ở một chỗ ngoẹo nào đó, ánh sáng quét lên một cánh đồng làm cho cây cỏ nổi bật lên với những đường nét rõ ràng, toàn là bắp um tùm hay cà chua. Lâu rồi đường sá cũng trở thành vắng tanh, người tài xế bắt đầu ngáp và cho xe đi vào một con phố nhỏ của một ngôi làng nào đó để nghỉ. Tháo túi dết ra, họ cầm chiếc bầu lên, hít nhẹ nhẹ mùi cà phê nóng và nồng, mở những chiếc hộp sắt mỏng và tròn đựng sô-cô-la, lạng lẽ sửa soạn bánh mì, mở hộp bơ ra gửi gửi vào bên trong và phết một lớp bơ dày lên trên mặt bánh trước khi đặt vào đấy những khoanh xúc xích lớn màu đỏ, rỉ mỡ, lấm tấm hạt tiêu. Họ ăn uống thong thả. Nét mặt rầu rĩ và mệt mỏi của họ đã khởi sắc và một người trong bọn, người ở bên tay trái và đã ăn xong, châm một điếu thuốc lá và rút từ trong túi ra một

lá thư; hắn mở thư, từ chỗ gấp của tờ giấy lộ ra một tấm ảnh: tấm ảnh chụp một cô bé xinh xắn đang chơi trong bồn cỏ với một chú thỏ con. Chìa tấm ảnh cho người bên cạnh, hắn nói.

C

- Nhìn này, con gái của tôi đấy dễ thương chứ? - Hắn cười - Một đứa con sinh ra nhờ giờ nghỉ phép của bố đó.

Mắt dán vào tấm ảnh, người kia vừa nhai vừa trả lời:

- Dễ thương... một lần nghỉ phép? Mà nó đã lên mấy tuổi rồi?

- Lên ba.

- Anh không có ảnh của vợ à?

- Có chứ.

Người đàn ông ngồi ở bên tay trái móc ví ra, nhưng đột nhiên rút tay lại và nói:

- Anh có nghe thấy không? Chúng điên à?

Từ bên trong chiếc cam nhông nổi lên những tiếng ồn ào khàn đục và thô bạo rồi có tiếng một người đàn bà hét lên rất to.

- Câm mồm đi một chút nào. - Người đàn ông ngồi ở tay lái quát lên.

Người kia mở cửa xe và nhìn chăm chăm vào con đường trong làng. Bên ngoài trời nóng và tối đen, nhà cửa không có một ánh đèn le lói; mùi cứt bò xông lên, một mùi cứt bò nồng nặc và trong một ngôi nhà nào đó có tiếng chó sủa. Người đàn ông nhảy xuống, miệng lầm bầm nguyên rửa những đồng phân dầy và lầy nhầy trên mặt đường nhưng hắn vẫn phải đi vòng quanh chiếc xe cam nhông. Từ bên ngoài, người ta nghe thấy tiếng

lục đục rất khê, chỉ như tiếng khò khè trong một chiếc hộp, nhưng trong làng lại có tiếng sữa của một con chó thứ hai, rồi một con thứ ba; một cánh cửa sổ đột nhiên bật sáng làm cho người ta thoáng thấy bóng của một người đàn ông. Bác tài xế tên là Schröder không muốn mở những cánh cửa nhồi bông nặng nề, không cần thiết lắm, bác nghĩ. Bác vớ lấy cây súng tiểu liên, dùng báng bằng thép giáng vài cú thật mạnh xuống thành xe; trong xe liền im lặng tức khắc. Schröder sau đó trèo lên bánh xe để xem sợi kẽm gai rào lỗ chiếu thiên trên mui xe có còn ở đó không. Nó còn ở đó. Bác trở vào cabin: Plorin đã ăn xong, hần vừa uống cà phê vừa hút thuốc, và vẫn còn giữ ở hàng trước tấm ảnh đứa con gái lên ba đang chơi với con thỏ.

- Con bé này dễ thương thật. - Hần vừa nói vừa ngẩng đầu lên một lúc - Chúng cam mờm cả rồi, anh có ảnh của vợ anh đấy không?

- Có đây.

Schröder lại móc ví, mở ra, rồi rút một tấm ảnh đã nhàu nát, ảnh của một người đàn bà khoác áo choàng lông cừu, người nhỏ nhắn, đã luống tuổi. Người đàn bà mỉm cười một cách đần độn, nét mặt không còn trẻ trung lắm tỏ ra mệt mỏi, có thể nói rằng đôi giày đen gót quá cao đã làm cho bà đau đớn. Mái tóc dày và nặng nề, màu vàng sậm, gợn sóng một cách giả tạo.

- Xinh đấy - Plorin nói - Thôi ta lên đường.

- Ủ, - Schröder đáp - đi thôi.

Hần ném một cái nhìn cuối cùng ra bên ngoài: bây giờ có nhiều tiếng chó sủa trong làng, nhiều cửa sổ bật sáng, và trong bóng tối dân làng gọi nhau có chuyện.

- Đi thôi - Hần vừa nói vừa đóng sập cửa - Nổ máy đi.

Plorin kéo đề ma rờ, động cơ nổ ngay, Plorin để cho máy chạy một vài giây, nhấn ga và chiếc xe chờ đồ màu xanh lướt nhẹ ra đường cái.

- Máy tốt thật, - Plorin khen - cái máy này tốt một cách lạ.

Tiếng động cơ bao trùm cả ca bin, tai của họ đầy những tiếng động vù vù, nhưng chỉ vừa mới đi được một chút, họ đã nghe thấy tiếng ầm ầm lục đục trong xe.

- Hát lên một cái gì đi. - Plorin bảo Schröder.

Schröder cất tiếng hát. Hẳn hát mạnh mẽ, giọng ca đầy nghị lực, không hay lắm, cũng không đúng lắm, nhưng hẳn để cả tâm hồn vào lời ca, nhất là trong những đoạn tình tứ, và có nhiều chỗ người ta có cảm tưởng như sắp trông thấy hẳn khóc vì hẳn hát một cách quá say mê, nhưng hẳn đã khóc. Một bài ca làm cho hẳn thích thú đặc biệt là bài Đức mẹ đồng quê, đó có thể là bài tử của hẳn. Hẳn hát gần trọn một giờ, hát rất mạnh; khoảng một giờ sau, chúng đổi chỗ và bây giờ đến lượt Plorin ca.

- Rất may là lão già không nghe thấy tiếng chúng ta. - Plorin vừa nói vừa cười.

Schröder cũng cười và Plorin trở lại bài ca. Hẳn hát gần hết những bài mà Schröder vừa hát nhưng hiển nhiên là hẳn thích bản Đoàn công voi xám hơn cả bởi vì bản này được hát đi hát lại nhiều lần hơn, lúc thì hẳn hát chậm rãi, lúc thì hẳn hát mau, và những đoạn nào đặc biệt hay, đoạn mà sự tuyệt vọng và sự cao cả của một cuộc sống anh hùng nổi bật lên một cách mãnh liệt, những đoạn ấy, hẳn hát bằng một tiết điệu hết sức thông thả, cảm động, và hẳn hát đi hát lại nhiều lần như vậy. Schröder lúc ấy đang ngồi cầm lái nhìn chăm chú trên đường, cho động cơ chạy thả ga, và huýt sáo phụ họa theo tiếng hát. Họ không nghe thấy một tiếng động nào nữa trong chiếc xe chờ đồ màu xanh.

Ngồi trong ca bin, cảm thấy khí trời bắt đầu lạnh, họ lấy mền quấn chung quanh ống chân, thỉnh thoảng hớp một ngụm cà phê. Họ đã thôi không hát nữa, và trong xe mọi người đều im lặng. Thật ra, tất cả đều yên tĩnh: đồng quê yên ngủ, đường cái vắng vẻ và ẩm ướt. Chắc là trời đã mưa ở đây, làng xóm họ đi qua đều như đã chết bỗng có khi lại sáng lên trong bóng đêm: nhà cửa, hay một ngôi nhà thờ bên đường nhô ra một lúc từ bóng tối rồi lại rơi vào sự hoang vắng đằng sau họ.

Vào khoảng bốn giờ sáng, họ dừng lại một lần thứ hai. Cả hai người đều đã mệt mỏi; mặt họ buồn bã và bần thiêu, và họ không nói gì với nhau nữa, hình như là đoạn đường mà họ còn phải đi trong một giờ đồng hồ nữa, kéo dài ra như không bao giờ hết. Họ chỉ dừng lại một chốc lát, dừng ngay ở đường cái, ăn bánh mì một cách không ngon lành lắm, nốc cạn cốc cà phê còn lại, nhai hết mấy miếng sô-cô-la giữ lạnh trong hộp sắt mỏng, rồi châm một điếu thuốc lá. Họ cảm thấy dễ chịu hơn khi bắt đầu cho xe chạy lại và Schröder đến lượt cầm lái chúm môi huýt lên một điệu sáo miêng trong khi Plorin quán mình trong mền nằm ngủ. Bên trong chiếc xe chở đồ màu xanh là cả một sự im lặng tuyệt đối.

Trời bắt đầu lất phất mưa và chạng vạng sáng khi họ bỏ đường cái, lái ngoằn ngoèo trong những phố nhỏ của một ngôi làng rồi vượt qua nhiều đồng ruộng, đến một cánh rừng. Sương mù nghi ngút tỏa. Sau rừng là một cánh đồng cỏ với một trại lính, rồi lại đến một ngôi rừng nhỏ, một cánh đồng cỏ nữa rồi trước một chiếc cổng lớn dựng bằng cột gỗ và dây thép gai, chiếc xe ca mi ông dừng lại và bóp còi inh ỏi. Sát lối vào là một bức gác sơn màu đen trắng đỏ và một chòi canh, trên có một người đội mũ đứng gác bên cạnh một khẩu súng cối. Lính trực mở hàng rào, sắp cái mặt nhăn nhó vào gần ca bin rồi chiếc xe chở đồ đi vào bên trong.

Người lái xe huých người bên cạnh một cái, nói:

- Chúng mình tới rồi.

Họ mở ca bin ra, nhảy xuống với dụng cụ của họ.

Chim líu lo trong rừng, mặt trời rạng đông chiếu sáng những lùm cây xanh, báo trước một ngày đẹp trời. Một làn sương mỏng bao trùm tất cả.

Một nhòai, Plorin và Schröder đi về phía lều trại đằng sau chòi canh. Bước chân lên một vài bậc thềm, họ thấy lối đi trong trại đã bị choán bởi một đoàn xe sẵn sàng khởi hành.

Trại im phăng phắc, không có gì cử động, chỉ có những ống khói của lò hỏa táng đang nhả một cột khói đen ngòm.

Ủ rũ trước một chiếc bàn, viên Tiểu đội trưởng đang ngủ. Khi ông ta giật mình thức dậy, hai người đang quan sát ông cười khẩy với một vẻ chán nản rồi nói:

- Chúng tôi đây.

Viên Tiểu đội trưởng đứng dậy, vươn vai, vừa ngáp vừa nói: “Tốt”, rồi châm một điếu thuốc lá bằng một dáng điệu uể oải, đưa tay lên vuốt lại tóc, đội mũ vào, sắp lại dây lưng, liếc mắt trong gương một cái, gụu mắt để cạy gỏi.

- Chúng nó bao nhiêu? - Ông hỏi.

- 67. - Schröder vừa trả lời vừa ném gói hồ sơ lên mặt bàn.

- Những người cuối cùng hả?

- Vâng, cuối cùng - Schröder đáp - Có gì mới không?

- Chúng ta nhốt trại... chiều nay.

- Chắc không?

- Ủ, không khí bắt đầu nóng bức.

- Về hướng nào?

- Hướng Đại Đức. Tỉnh Biên trấn Đông.

Viên Tiểu đội trưởng bật cười.

- Đi ngủ đi, - Viên ấy nói - các anh sẽ còn một đêm mệt nhọc nữa, khởi hành đêm nay từ 7 giờ đúng.

- Còn trại thì sao? - Plorin hỏi.

Viên Tiểu đội trưởng bỏ mũ ra, chải lại đầu một cách kỹ lưỡng, tay phải cầm lấy bờm nhắc lên. Hấn là một gã đẹp trai, thân hình mảnh dẻ, tóc tai màu nâu. Hấn thở dài.

- Trại à, - Hấn nói - không còn trại nữa; từ bây giờ đến đêm sẽ không còn trại nữa, trại trống trơn rồi.

- Trống trơn? - Plorin hỏi.

Hấn đang ngồi và đang chậm chạp di tay áo trên khẩu súng liên thanh còn ướt hơi sương.

- Trống trơn, - Viên Tiểu đội trưởng nhắc lại với một tiếng cười khẩy nhẹ và một cái nhún vai - tôi đã nói với anh là trại này trống trơn, như thế chưa đủ sao?

- Đổi đi chỗ khác? - Schröder còn gạn hỏi nữa, mặc dầu đã đi ra đến cửa.

- Đồ ngây thơ, - Viên Tiểu đội trưởng nói - thôi cắt hẳn đi cho tôi nhờ, tôi đã nói trống trơn chứ không phải là đổi đi chỗ khác, trừ ban đồng ca.

Hắn cười ngạo.

- Ông ấy mê mẩn vì ban đồng ca, lão già. Anh sẽ thấy ông ta sẽ còn mang ban ấy đi nữa.

- Càng tốt! - Hai người cùng nói một lúc - Càng tốt!

Và Schröder nói thêm:

- Ông ấy mê mẩn thực sự, đó là bệnh si nhạc mà!

Cả ba đều cười ngất.

- Thôi ta chuẩn đi, - Plorin nói - tôi để chiếc xe lại, không thể lái được nữa.

- Để đó, - Viên Tiểu đội trưởng đáp - Willi sẽ lái vào ga ra.

- Vậy thì chúng ta không có đó...

Hai người tài xế đi ra. Viên Tiểu đội trưởng gật đầu đồng ý, đi đến phía cửa sổ và ngắm chiếc xe chở đồ màu xanh đang đậu bên lối đi vào trại, ngay trước đoàn xe sẵn sàng khởi hành. Trại hoàn toàn yên lặng.

Người ta chỉ mở chiếc xe ra một giờ sau, khi viên đội trưởng Filskeit đến trại. Filskeit có mái tóc màu đen, kích thước trung bình và khuôn mặt xanh xao, thông minh, thở ra sự tinh khiết. Ông rất nghiêm ngặt, chú trọng đến trật tự, không tha thứ một hành động phạm lỗi nào. Lúc ông thi hành thì đó là chiếu theo quy luật, ông nghiêng đầu chào lại bọn lính trực, nhìn qua chiếc xe chở đồ màu xanh rồi đi vào bót gác. Viên Tiểu đội trưởng chào rồi tường trình.

- Họ mấy người? - Filskeit hỏi.

- Sáu mươi bảy, thưa ông Đội trưởng.

- Tốt, - Filskeit nói - tôi chờ một giờ nữa để nghe họ hát.

Ông ngoắc đầu một cái, vẻ mặt hồ hững, bỏ điếm canh đi ra và băng ngang qua sân trại. Đây là một cái trại hình chữ nhật, một hình vuông có bốn lần bốn dãy lều với một khoảng trống nhỏ ở về phía nam lối đi vào. Các góc trại đều có chòi canh. Ở giữa là dãy lều dùng làm nhà bếp và nhà cầu; trong một góc trại, sát chòi canh phía Đông nam là những phòng tắm hơi ngạt và bên cạnh phòng tắm là lò hỏa táng. Trại hoàn toàn yên lặng nếu không phải là có một người trong bọn lính gác, người ở chòi canh phía Đông nam, đang ngâm nga: ngoài điều này ra, sự yên lặng thật là hoàn toàn. Một làn khói xanh nhẹ nhẹ tỏa lên từ nhà bếp trong khi từ cửa lò tuôn ra một thứ khói đen dày, cũng may ngọn khói này lại ngả về hướng nam: đã từ khá lâu miệng lò đã khắc ra dữ dội những luồng hơi ngạt dày đặc. Filskeit thả mắt nhìn bao quát tất cả, gật gật cái đầu và đi vào căn phòng đặt ở bên cạnh nhà bếp. Ông ném chiếc cát két lên bàn và gật gật cái đầu một lần nữa: ông bằng lòng, tất cả đều ngăn nắp. Ý tưởng này đáng lẽ đã có thể khêu dậy một nụ cười trên môi ông, nhưng Filskeit không mỉm cười bao giờ. Ông nhận thấy cuộc đời là một cái gì nghiêm trang, công việc một cái gì nghiêm trang hơn, nhưng cái nghiêm trang hơn hết tất cả là nghệ thuật.

Viên đội trưởng Filskeit yêu nghệ thuật, đặc biệt là âm nhạc. Ông có một tầm vóc trung bình, tóc đen và nhiều người đã cho là ông đẹp trai với nét mặt xanh xao và thông minh, nhưng chiếc cằm xương xẩu và quá lớn kéo hẳn về phía sau phần còn lại của bộ mặt thực ra rất thanh, thêm vào cho vẻ thông minh của ông một nét tàn bạo vừa kinh khủng vừa bất ngờ.

Đã có một dạo Filskeit học âm nhạc, nhưng ông đã quá yêu âm nhạc để biểu thị một sự khách quan tối thiểu là điều mà một con người nhà nghề không bao giờ thiếu: ông xin làm nhân viên ngân hàng và vẫn tỏ ra say mê âm nhạc. Sở thích của ông là hợp ca. Là một người chịu làm việc và có nhiều tham vọng, một cách rất chắc chắn, ông đã mau chóng được thăng

chức chánh sự vụ. Nhưng đối tượng chính của lòng ông vẫn là âm nhạc, và đặc biệt là hợp ca. Lúc đầu ông chỉ chú tâm đến ban hợp ca giọng nam.

Vào thời kỳ này, bây giờ cũng đã khá lâu rồi, bởi vì tính ra đến nay thẩm thoát đã mười lăm năm, ông điều khiển ban hợp ca Đồng tâm gồm toàn giọng nam; ông hai mươi tám tuổi và người ta xưng tụng ông là giám đốc mặc dầu ông chỉ là một tay tài tử; thực ra người ta không bao giờ tìm đâu được một nhạc sĩ nhà nghề có thể đeo đuổi những mục đích của Hội một cách tỉ mỉ và hăng hái hơn ông. Thật là say mê khi nhìn ông điều khiển ban hợp ca, nét mặt nhợt nhạt được khởi sắc bằng những rung động nhẹ nhẹ, đôi bàn tay thanh tú. Các bạn đồng nghiệp ca sĩ rất ngán ông vì ông quá câu nệ về tiểu tiết; không một nốt sai nào mà ông không biết đến, hơi sơ suất một chút đã làm cho ông điên lên vì tức giận, đến nỗi có một dạo vì chán ghét cái tính chặt chẽ và nhiệt thành không biết mỏi của ông mà các ca sĩ đáng thương này đã đi chọn một ông giám đốc khác. Cũng vào thời gian này ông còn điều khiển ban hợp ca nhà xứ mặc dầu ông chẳng thích thú gì các lễ nghi tôn giáo; đó là thời kỳ ông muốn lấy mọi cơ hội để sử dụng một ban đồng ca. Cha sở mà các con chiên gọi là ông Thánh là một người hiền lành, hơi lập dị một chút, đôi khi cũng biết giữ một vẻ rất nghiêm nghị; đầu bạc và cao tuổi, cha không biết gì về âm nhạc nhưng đã không bỏ sót một cuộc tổng duyệt nào và thỉnh thoảng có một lối cười mỉm mà Filskeit ghét, nụ cười của tình thương, thứ tình thương hại và thương xót. Ngoài ra, nét mặt của cha sở thỉnh thoảng có vẻ nghiêm nghị và Filskeit cảm thấy càng ngày càng thù hận các lễ nghi tôn giáo thêm đồng thời cũng ghét cái lối cười mỉm kia hơn. Lối cười này như muốn nói: vô ích, thật vô ích... nhưng cha thương con... Filskeit không muốn cho ai thương và càng lúc càng phát ghét cả các bài ca trong nhà thờ và cả nụ cười của cha sở. Khi bị ban Đồng tâm giải nhiệm, ông đã thừa dịp bỏ luôn ban đồng ca nhà xứ. Nhưng nhiều lúc nụ cười này vẫn còn đi qua trí não ông, cái vẻ nghiêm nghị vẫn vờ đi theo một cái nhìn đầy tình thương, “một cái nhìn Do Thái” như ông nói, và sự pha trộn giữa thực tế và lòng bác ái này hành hạ tâm hồn ông, nhồi đầy thù hận trong tim ông.

Người kế thừa ông là một giáo sư thích xì gà ngon, rượu bia và truyện tiểu lâm, nghĩa là tất cả những cái mà Filskeit ghê tởm: ông không hút thuốc, không uống rượu, không hưởng chiều về đàn bà.

Triết lý tôn chủng đáp ứng lý tưởng thâm sâu của ông lôi cuốn ông, thế là ngay sau đó ông gia nhập đoàn thanh niên Hitler, được mau chóng cất nhắc làm trưởng ban đồng ca quận, tổ chức các ban hợp ca, sáng tác các bản hợp xướng đồng thoại và khám phá ra sở thích của ông: lối hợp ca giọng nam pha giọng nữ. Ở ngoại ô Düsseldorf ông có một căn phòng bày biện một cách sơ sài như buồng lính; ông nằm nhà đọc sách, tất cả những sách mà ông có thể tìm được về âm nhạc hợp xướng và triết lý tôn chủng. Kết quả của cuộc nghiên cứu lâu dài và sâu xa này là một tác phẩm do chính tay ông viết ra và được ông nhan đề là, Về sự tương quan giữa âm nhạc hợp xướng và chủng tộc. Ông mang tác phẩm đến đệ trình một viện âm nhạc quốc gia nhưng bị viện này trả lui với những lời phê chú mỉa mai ở ngoài lề. Sau đấy, Filskeit được biết rằng viên giám đốc của viện âm nhạc này tên Neumann là một người Do Thái.

Năm 1933 ông bỏ hẳn ngân hàng để hoàn toàn hiến thân cho những dịch vụ âm nhạc của đảng. Tác phẩm của ông đã được một viện âm nhạc chấp thuận và được đăng tải trong một hình thức ngắn hơn trên một tờ chuyên san và từ đấy Filskeit bắt đầu tự mình soạn nhạc lấy. Ông đã lên đến cấp bậc chủ tịch đoàn thanh niên Hitler nhưng cũng phụ trách những đoàn SA và SS nhờ ở khả năng đặc biệt của ông về đồng thoại, đồng thoại giọng nam cũng như đồng thoại giọng nam pha giọng nữ. Những đức tính điều khiển của ông không cần phải biện luận. Khi chiến tranh bùng nổ, ông ba chân bốn cẳng chạy cho bằng được để khỏi bị động viên tại chỗ, và đã nhiều lần đệ đơn xin tình nguyện gia nhập đoàn Đầu lâu. Đã hai lần ông bị từ chối vì bộ tóc màu đen, dáng người thấp nhỏ và sự liên hệ hiển nhiên của ông vào loại “mật chủng”. Người ta không thể ngờ rằng ở nhà ông đã đứng hăng giờ trước gương để ngắm mình một cách tuyệt vọng với một mục đích duy nhất là kiểm chứng một sự kiện quả tang, để tìm hiểu tại sao ông không

thuộc vào một chủng tộc mà ông sùng bái một cách nhiệt thành, một chủng tộc đã từng là chủng tộc của Lohengrin. Nhưng khi ông đệ đơn lần thứ ba, đoàn Đầu lâu hoan nghênh ông, căn cứ trên những lời chứng nhận tối hảo mà tất cả các tổ chức của Đảng đã cấp phát cho ông.

Trong những năm đầu của chiến tranh, ông là nạn nhân của thanh danh nhạc sĩ: đáng lẽ gửi ông ra mặt trận, người ta đã gửi ông đi dạy nhạc, rồi điều khiển các khóa trình huấn nhạc, rồi lại điều khiển một khóa trình cho các giám đốc khóa trình; chính ông đã đôn đốc chương trình huấn luyện âm nhạc cho toàn thể các binh chủng SS; một trong những thành tích lớn của ông là đã thiết lập một ca đoàn gồm những lính lê dương thuộc mười ba quốc tịch và nói mười tám thứ tiếng khác nhau, một ban đồng ca đặc sắc có thể hát một bản hợp xướng trong nhạc kịch Tannhäuser. Sau này ông được lãnh danh dự bội tinh quân vụ đệ nhất hạng, một vinh dự hiếm có trong quân đội, nhưng mãi cho đến lần đăng quân thứ hai mươi ông mới được phép theo học một khóa huấn luyện để đủ khả năng phục vụ ngoài tiền tuyến. Đó là năm 1943, trại tập trung nhỏ bé mà người ta giao cho ông được thiết lập tại Đức quốc và chỉ vào năm sau người ta mới bổ nhiệm ông làm quản đốc một xóm Do Thái ở Hung Gia Lợi; khi người Nga tới xóm Do Thái này phải triệt thoái, người ta cho ông cai quản cái trại mà ông đang ở ngày nay, về phía Bắc.

Ông để tất cả danh dự vào việc thi hành đứng đắn những mệnh lệnh đã nhận được. Ông sớm khám phá ra những năng khiếu âm nhạc vô biên tiềm tàng nơi tù nhân nơi những người Do Thái nữa, điều làm cho ông rất ngạc nhiên ông áp dụng thuyết đào thải tự nhiên bằng cách triệu tập các người mới tới trại, cho họ hát và ghi trên điểm phiếu kết quả của cuộc thi này. Thang điểm của ông đi từ 0 đến 10. Với điểm số không, điểm ít có. người hát được gọi ngay vào ban đồng ca, và với điểm số mười, người hát ít được may mắn sống thêm hai ngày nữa. Khi nào phải di chuyển tù nhân, ông lựa chọn một cách thể nào để giữ lại một số ca sĩ căn bản gồm những nam nữ ca sĩ tốt giọng, cốt để duy trì toàn bộ ban đồng ca. Ban đồng ca này, được

điều khiển với một kỷ luật nghiêm minh của thời kỳ có ban Đồng tâm, là sự hãnh diện của ông. Ông đã có thể loại trừ mọi sự cạnh tranh nếu các thánh giả duy nhất của ông, hồi ôi, không là những tù nhân đang hấp hối và những lính gác.

Tuy nhiên một mệnh lệnh đối với ông còn thiêng liêng hơn cả âm nhạc, và có nhiều mệnh lệnh đã được truyền đạt xuống ông mấy ngày nay, làm suy yếu hẳn ban đồng ca. Bởi vì người ta triệt thoái các trại và các xóm Do Thái ở Hung Gia Lợi; những trại lớn mà trước kia ông đã cho giải người Do Thái tới đã bị bãi bỏ, cái trại nhỏ của ông lại không được nối liền với đường rày, do đấy ông đã bị bắt buộc phải hạ sát họ tại chỗ? Nhưng, dù sao, cũng còn nhiều cỏ vê, bếp nước, lò, phòng tắm hơi ngạt, để sắp đặt công việc ít nhất là cho những ca sĩ đặc sắc.

Filskeit không thích giết người. Riêng ông, ông chưa bao giờ giết ai và một trong những sự thất vọng của ông chính là đã cảm thấy bất lực trong hành động ấy. Dù vậy, ông vẫn hiểu sự cần thiết phải làm, tôn trọng mệnh lệnh và thực thi những mệnh lệnh ấy một cách chặt chẽ; vả lại, điều thiết yếu không phải là lấy làm thú vị khi được thi hành mệnh lệnh, mà chính là phải tìm hiểu sự lợi ích của những mệnh lệnh ấy, tôn trọng chúng và bảo đảm sự thi hành.

Filskeit đi ra phía cửa sổ và nhìn ra ngoài: từ phía sau chiếc xe chở đồ màu xanh, hai chiếc cam nhông đi gần tới; xuống xe, các bác tài lết những bước mệt mỏi lên những bậc đưa tới điểm canh. Sau đó, người ta có thể nhìn thấy viên Tiểu đội trưởng Blauert, với năm người tùy tùng, bước qua lối đi vào rồi mà những cánh cửa to lớn và nặng nề của chiếc xe chở đồ những người ở bên trong hét lên, ánh sáng làm cho họ chói mắt, họ la lên, gào lên và những người đi ra vừa chập chững vừa hướng đến chỗ mà Blauert đã chỉ.

Đầu tiên là một người đàn bà trẻ mặc áo choàng xanh, mái tóc màu đen sậm; nàng ta nhóp nhúa, áo của nàng đã bị rách bởi vì nàng phải giữ chặt

lấy áo choàng một cách lo sợ; tay nàng dắt một con bé gái khoảng mười hai tuổi. Không một ai trong hai người có hành lý.

Đàn ông vừa chui ra vừa chập choạng đi đến chỗ đang điểm danh; Filskeit lăm bằm đếm từng người; sáu mươi một người, đàn ông, đàn bà và trẻ con, rất khác nhau về cách ăn mặc, đi đứng và tuổi tác. Chiếc xe màu xanh không còn thối ra gì nữa. Như vậy là phải có sáu người chết. Chiếc xe xanh từ từ tiến đến và dừng lại ở đầu trại, trước lò, Filskeit gật đầu, thỏa mãn: đó chính là sáu tử thi mà người ta hạ xuống để kéo về trại lều.

Hành lý được chất đồng trước bót canh. Người ta cũng đỡ hành lý ở hai chiếc cam nhông xuống; Filskeit đếm những đường hàng năm được sắp xếp dần dần, có tất cả là hai mươi chín hàng như thế. Qua ống khuếch thanh, Tiểu đội trưởng Blauert lên tiếng:

- Tất cả chú ý. Các anh đang ở trong một trại tiếp liên. Các anh sẽ không ở đây lâu. Từng người một các anh đến phòng phiếu lý lịch rồi từ đây các anh đến nhà ông Quản đốc trại, ông sẽ cho các anh qua một kỳ thi đặc biệt, sau đó, mọi người qua phòng tắm, phòng bắt chấy rồi các anh sẽ có cà phê nóng.

Người nào hơi tỏ vẻ chống đối sẽ bị hạ sát tại chỗ. Blauert chỉ cho họ thấy những chòi canh có súng cối đã sẵn sàng chĩa về chỗ họ, và năm người đang đứng ở sau lưng hẳn, tay lăm le khẩu súng liên thanh.

Sau cửa sổ, Filskeit đi đi lại lại một cách nôn nóng. Ông đã tìm ra nhiều người Do Thái vàng. Có nhiều người Do Thái vàng ở Hung Gia Lợi, Filskeit không thích họ bằng những người Do Thái đen, mặc dầu trong bọn họ cũng có những mẫu người đáng được có mặt trong một tập ảnh về chủng tộc Bắc phương.

Ông thấy người đàn bà đầu tiên, người đàn bà có chiếc áo choàng xanh và chiếc áo rách nát, đi vào lều hồ sơ; ông ngồi xuống, đặt khẩu súng lục đã

nap đạn lên mặt bàn trong tầm tay. Vài phút nữa nàng sẽ ở đó để hát thử.

Đã từ mười giờ qua Ilona mong mỏi để được sợ. Nhưng sự sợ hãi đã không đến. Nàng đã phải chịu đựng và đã nhận thấy nhiều chuyện trong suốt mười giờ này: ghê tởm và kinh ngạc, đói và khát, áp bức và thất vọng lúc ánh sáng đung đến người nàng, cùng với một thứ hạnh phúc cụ thể một cách lạ lùng khi nàng được ở một mình trong nhiều phút hay nhiều khắc đồng hồ nhưng sự sợ hãi, nàng đã đợi chờ nó một cách vô vọng. Sự sợ hãi đã không đến. Cái thế giới mà nàng đã sống suốt mười giờ thật là hư ảo, cũng hư ảo như thế giới thực, cũng hư ảo như những điều mà nàng đã nghe nói về nàng, nhưng nghe nói về những điều ấy làm nàng dễ sợ hơn là sống ở trong đó. Vào lúc này, nàng không ao ước gì nhiều nữa, nhưng một trong những điều ước nguyện của nàng là được ở một mình để có thể đọc một kinh thực sự.

Nàng đã tưởng tượng cuộc sống của nàng khác hẳn. Cho đến lúc ấy, dòng đời đã trôi qua trong veo và đẹp đẽ, phù hợp với những dự tính của nàng, cũng được gần như là nàng đã hình dung dù đôi khi những toan tính của nàng đã bị phát hiện là sai lầm nhưng tất cả những gì đã xảy ra cho nàng bây giờ, nàng đã không mong đợi, nàng còn hy vọng là sẽ tránh khỏi.

Nếu tất cả đều tiến hành tốt đẹp; nội trong nửa giờ nữa nàng sẽ chết. Nàng đã gặp may, nàng là người đầu tiên. Nàng biết rõ thế nào là tắm như người đàn ông đã nói, nàng chờ có thể có được mười phút để hấp hối, nhưng cả những sự đau đớn này cũng không làm cho nàng khiếp sợ vì nó có vẻ còn xa xôi quá. Trong cam không nàng đã phải chịu đựng nhiều cái đã đung đến nàng gần gũi thực, nhưng nó chưa thấu nhập vào nàng. Có người đã thử cưỡng hiếp nàng, một đứa mà nàng đã nghĩ thấy sự dâm dăng từ trong bóng tối, bây giờ nàng gắng nhận diện nó nhưng không được. Một người khác đã bảo vệ cho nàng chống lại thằng kia, một người đã có tuổi nào đó, người ấy đã nói nhỏ ngay sau đó vào tai nàng là ông ta đã bị bắt giam vì một cái quần, độc nhất chỉ vì một cái quần mà một sĩ quan đã bán

cho ông ta: cả cái ông này nữa, nàng cũng chưa nhận diện được. Thằng kia đã lần mò sờ vào vú nàng, đã xé toang cái áo của nàng ra, đã hôn lên gáy nàng nhưng may mắn là ông kia đã chặn ngang được. Người ta cũng hất rơi chiếc ga tô nàng đang cầm trong tay, đó là một cái gói nhỏ, một vật duy nhất nàng đã mang được theo; gói ấy rơi xuống đất, nàng đã sờ soạng mãi trong bóng tối mới vớt vát được một vài mẩu bột lẫn lộn với những chất bẩn và kem bơ. Nàng đã ăn những mẩu bột ấy cùng với Maria; một mảnh bánh ngọt này còn sót lại trong túi áo choàng và đã bị bẹp gí, nhưng rồi khi giờ này giờ kia qua, nàng nhận thấy miếng bánh ấy tuyệt diệu, nàng ngắt dần những hòn bột nhỏ, trao cho con bé và chính nàng cũng ăn và công nhận là tuyệt diệu, chiếc bánh bột sữa pha trộn với đủ thứ nhơ nhớp mà nàng moi dần đến mẩu cuối cùng bằng cách cào vào đáy túi áo choàng. Một vài người đã tự tử, họ để cho máu chảy không một tiếng động, nép trong một góc xe, họ có một cách thở hỗn hển và rên rỉ kỳ dị, như thế mãi cho đến khi những người bên cạnh bị trượt chân trên vũng máu cất tiếng hét lên như những người điên dại. Nhưng họ đã thôi không hét nữa khi có người đập vào thành xe. Những tiếng đập này có vẻ dọa nạt và dữ dội, người nào đã đập như thế không thể là một con người được, đã từ lâu rồi họ không còn ở giữa loài người nữa.

Cũng là vô vọng nữa khi nàng mong mỏi được hồi hận. Thật chẳng có ý nghĩa gì cả khi nàng rời bỏ người lính mà bà yêu thiết tha, không biết tên anh ta là gì, vô nghĩa thực. Ngôi nhà của cha mẹ nàng đã trống trơn, nàng chỉ còn thấy đứa con của bà chị, khiếp đảm và hoảng hốt, chính cô bé Maria này, khi ở nhà trường về, cũng đã thấy nhà cửa trống không. Bố và ông bà đã ra đi, người hàng xóm kể lại là người ta đến tìm các cụ từ trưa. À mà cả hai dì cháu đã chạy đến xóm Do Thái để tìm các cụ thì có ích lợi gì về sau không? Cũng như thường lệ, họ vào đó bằng cách đi qua phía sau một hiệu cắt tóc, và sau khi đã chạy qua những khu phố vắng, hai dì cháu đã đến hơi sớm để rồi bị dính vào chiếc xe chở đồ đang sắp rồ máy này vì hy vọng là sẽ tìm lại được gia đình. Họ đã không tìm được cha mẹ cũng như không tìm được ông bà, các cụ không có ở trên chiếc cam nhông ấy.

Ilona lấy làm ngạc nhiên tại sao không có một người láng giềng nào đã chạy đến trường báo cho nàng biết, ngay cả Maria cũng không có một ý kiến gì về vụ này. Nhưng có lẽ có được báo trước thì cũng chẳng ăn thua gì nào...

Giữa đường có người giúi vào miệng nàng một miếng thuốc lá đã châm, sau này nàng mới biết người ấy chính là người đàn ông đã bị dẫn đi vì chiếc quần. Đây là miếng thuốc lá đầu tiên nàng đã hút từ đó, nó làm cho nàng có can đảm hơn. Nàng không biết ai đã cho nàng, không một ai ra mặt cả, kể cả gã thanh niên dâm dăng có hơi thở phì phò và cái ông đã muốn điều tốt cho nàng, và khi một que diêm bùng sáng, tất cả các bộ mặt đều giống nhau, trông dễ sợ, đầy lo ngại và căm thù.

Nhưng nàng cũng có thể đọc kinh lâu; ở nhà dòng nàng đã học thuộc lòng tất cả các kinh, các bài kinh cầu, một phần lớn các nghi thức riêng cho ngày lễ và trong cam nhông, nàng bằng lòng vì đã thuộc nhiều kinh. Cầu nguyện làm cho nàng tràn ngập một sự bình thản sáng suốt. Nàng không cầu nguyện để mong nhận được một cái gì hay để được tránh khỏi tai nạn, cũng không phải là để được chết mau chóng và không đau đớn, càng không phải là để được sống: nàng cầu nguyện để cầu nguyện, và bằng lòng được dựa lưng vào cánh cửa nhồi bông, tự cảm thấy được biệt lập ít nhất là về phía bên này. Đầu tiên nàng ngồi quay lại, lưng kề vào gối người kia, và khi nàng ngã nhào vì quá mệt, thân xác của nàng chắc đã khô cứng trong lòng anh chàng mà nàng đã ngã lên trên một ham muốn điên rồ, một dự vọng với hơi thở hỗn hển đã làm cho nàng sợ hãi thực nhưng đã không làm cho nàng mất lòng, có thể ngược lại là khác, nàng có cảm tưởng như là đã tham dự vào tội lỗi ấy, nàng đã là một phần của anh chàng vô danh kia...

Một khi đã được đỡ lên, nàng rất vừa ý vì ít nhất chiếc lưng của nàng cũng được thoải mái, dựa vào chỗ nệm được nhồi bông cốt để bảo vệ cho các đồ đạc đắt tiền. Nàng ôm sát Maria vào ngực, mãi nguyện nhìn con bé ngủ. Nàng đọc kinh, gắng đọc kinh một cách sốt sắng như ngày xưa mà

không thể nào đạt tới được, nó cứ như là một chuỗi tư tưởng tiếp theo nhau một cách lạnh lùng mà thôi. Cuộc sống đã bị xoay chiều một cách khác hẳn với điều nàng tưởng tượng: năm hai mươi ba tuổi nàng đã thi đỗ vào ngành giáo sư rồi sau đó vào nhà dòng tuy rằng thất vọng, gia đình đã không phản đối nàng. Nàng đã trải qua một năm tròn ở nhà dòng, một năm tuyệt hảo; nếu sau đây nàng muốn làm một nữ tu khẩn trọn đời thì bây giờ nàng đã là một dì phước ngoan ngoãn ở Á Căn Đình, đã dạy học trong một tu viện đẹp chắc hẳn rồi. Nàng đã không làm vì cái ham muốn lấy chồng và có nhiều con đã nổi dậy mạnh mẽ đến nỗi, dù đã trải qua một năm, nàng đã không thể nào chế ngự được; và như vậy nàng đã hoàn tục. Nàng rất thành công trong ngành dạy học, nàng hành nghề một cách hứng thú, rất thích hai môn mà nàng đã chọn là Đức ngữ và âm nhạc; nàng cũng yêu trẻ em và không thể tưởng tượng được rằng còn có một cái gì đẹp hơn một ban hợp xướng nhi đồng, chính nàng đã sáng lập ra ban hợp ca nhi đồng này, cái ban hợp ca nhi đồng này, các ban hợp ca đã thành công một cách rực rỡ này, những bài thánh ca do chúng hát, những bài thánh ca bằng tiếng La Tinh tập dượt vào những ngày lễ trọng, thực sự đã thấm nhuần trung tính thuần khiết của thiên thần: chúng hát như bị dao động bởi một niềm vui sâu xa và hồn nhiên, cho dù không hiểu nổi ý nghĩa cảm động của lời ca đi nữa như vậy trong một thời gian dài, cuộc sống đối với bà rất đẹp, gần như là không bó buộc. Nỗi phiền độc nhất của nàng là nhu cầu được yêu thương và có con; nàng đã không tìm được ai, đó là điều làm cho nàng phiền lòng: nhiều người đàn ông đã để ý đến nàng, nhiều người đã tỏ tình với nàng và nàng đã để cho một vài người hôn, nhưng nàng chờ đợi để cảm thấy một cái gì không thể mô tả được mà nàng không gọi là ái tình, có nhiều hình thức ái tình, đúng ra đó là một thứ ngạc nhiên mà nàng mong đợi và hình như là nàng đã cảm thấy điều ấy khi người lính mà nàng không biết tên đứng ở bên cạnh nàng; trước bản địa đồ và cắm vào đấy những lá cờ nhỏ. Nàng biết hẳn đã phải lòng nàng đã từ hai ngày hẳn đến nhà nàng, ở lì đấy hàng giờ tán dóc và nàng nhận thấy hẳn rất dễ thương mặc dầu bộ quân phục của hẳn làm cho bà e ngại và sợ hãi đôi chút. Nhưng bỗng nhiên, trong những phút đứng ở bên cạnh hẳn và đang lúc hẳn có vẻ đã quên nàng, bỗng nhiên

cái vẻ trang trọng và đau khổ của hắn và bàn tay của hắn dò dẫm trên bản dư đồ châu Âu đã làm cho nàng ngạc nhiên, nàng đã cảm thấy vui vui và muốn cất tiếng hát. Đó là người đàn ông đầu tiên đã được nàng hôn lại...

Nàng từ từ đi lên những cấp bậc dẫn đến lầu, tay kéo Maria đi theo; nàng ngược mắt lên nhìn một cách ngạc nhiên khi người tùy phái lấy nòng súng liên thanh đập vào hông nàng và quát: “Nhanh lên, nhanh lên”. Nàng đi nhanh hơn. Ở bên trong, ba người thư ký đã ngồi sẵn ở bàn, trước những gói hồ sơ dày cộm lớn bằng những cái nắp hộp xì gà. Người ta đẩy nàng đến chiếc bàn thứ nhất, Maria đến bàn thứ hai, và chiếc bàn thứ ba để cho lão già rách rưới chưa cạo râu đang mỉm cười với nàng một cách thoáng qua: nàng mỉm cười trả lại hắn, có lẽ đó là người ân nhân của nàng.

Nàng khai danh tính, nghề nghiệp, ngày sinh, tôn giáo và tỏ vẻ lạ lùng về việc người thư ký còn hỏi cả tuổi nàng.

- Ba mươi ba tuổi. - Nàng đáp.

“Còn được nửa giờ nữa”, nàng nghĩ. Có lẽ rằng dù sao nàng cũng còn có cơ hội được ở một mình một lúc. Điều mà nàng thấy khác thường là sự vô tình ngự trị trong văn phòng này, nơi mà người ta chỉ huy sự chết. Tất cả được thi hành một cách máy móc với một chút khó chịu và nôn nóng, với một vẻ cau có như khi phải làm bất cứ một công việc gì ở bàn giấy: nhưng đó là những người của nhiệm vụ, họ phải thanh toán dù công việc tỏ ra khó chịu đến đâu.

Người ta không xô đẩy nàng, nàng vẫn chờ đợi sự kinh hãi mà nàng đã lo ngại. Nàng đã sợ hãi kinh khủng ngày nàng rời bỏ nhà dòng trên đường đi đến xe điện, với chiếc va-li, những ngón tay ướt át, co rúm trên số tiền cần thiết cho cuộc hành trình. Đời đã xuất hiện trước mắt nàng như một cái gì xa lạ và xấu xí, cái cuộc đời mà nàng đã ao ước trở về để có được một người chồng và có con; một số thỏa mãn mà nàng đã thiếu ở tu viện, đến

bây giờ, trong lúc đang đi về phía xe điện, nàng không hy vọng tìm lại được nữa. Ngày ấy nàng đã tự trách tự trách nặng lời là đã sợ.

Đến trước cái lều thứ hai, nàng tìm một bộ mặt quen giữa những người đang đợi nhưng không tìm ra được ai; nàng bước lên bậc, điệu bộ bồn chồn, người tùy phái ra hiệu cho nàng đi vào khi hẳn thấy nàng do dự; nàng bước vào, kéo Maria theo sau. Đó không phải là thói quen và hành động độc ác thứ hai mà nàng nhận thấy là hành động của người tùy phái đã giật đứa bé ra khỏi tay nàng và đã lôi tóc nó khi con bé chống cự. Nàng nghe thấy tiếng kêu của Maria và đi vào trong phòng, phiếu lý lịch ở trên tay. Căn này đã bị một ông mặc sắc phục sĩ quan chiếm: trên ngực ông đeo một huy chương hình thập giá nam bạc, tinh xảo, rất hấp dẫn; nét mặt xanh xao có vẻ ốm yếu và khi ông ta ngừng đầu lên để nhìn nàng, nàng cảm thấy ghê ghê vì cái cằm to lớn đã làm cho khuôn mặt của ông ta méo mó. Ông ta giơ tay ra không nói một lời, nàng trao tờ phiếu cho ông và chờ đợi: sự sợ hãi vẫn chưa thấy tới.

Sau khi đọc suốt tờ phiếu, người đàn ông nhìn nàng và nói một cách điềm nhiên:

- Hát một cái gì đi.

Nàng kinh ngạc.

- Kìa, - Ông ta giục một cách nôn nóng - hát một cái gì đi, gì cũng được.

Nàng nhìn ông ta, hé môi. Kinh cầu các thánh, như bà đang hát, là một bản kinh mà nàng vừa mới khám phá ra và đã để dành để tập cho học trò. Vừa hát nàng vừa quan sát người kia và lúc ấy, khi ông ta ngẩng lên để chăm chú nhìn nàng, thốt nhiên nàng hiểu thế nào là sợ hãi.

Nàng tiếp tục hát trong khi khuôn mặt mà nàng thấy trước mặt co rúm lại, giống như một cái cây ghê sợ đang lên kinh. Nàng hát hay và mỉm cười

mà không biết, trong khi sự sợ hãi đưa lên dần dần trong người nàng, làm nghẹn họng nàng bằng một vật gì mà bà muốn khạc ra không được.

Khi nàng vừa cất tiếng hát, tất cả đều trở thành yên lặng, cả ở bên ngoài nữa cũng vậy và Filskeit nhìn chăm chăm vào nàng: nàng đẹp. Đó là một người đàn bà và Filskeit chưa bao giờ biết đàn bà; cuộc đời ông trôi qua trong một sự chay tịnh đến hết được. Khi ông ta ở một mình, khung cảnh của đời ông thường là một tấm gương trong đó ông đã hoài công khám phá ra nhan sắc, uy quyền, sự toàn mỹ chủng tộc, nay bỗng nhiên ông có trước mặt nào là nhan sắc, nào là uy quyền, sự toàn mỹ chủng tộc, thêm vào đó một cái gì nó đặt ông vào một tình trạng tê liệt hoàn toàn: đức tin. Ông không hiểu tại sao ông lại để cho nàng hát, hát ngay sau cả phần nhập ca, có lẽ ông đang mơ mộng, và trong ánh mắt của nàng, mặc dầu ông thấy nàng run, trong ánh mắt của nàng, ông tin rằng đã đọc được một cái gì như là tình yêu, ít ra đó cũng không phải là sự khinh thị. Chúa Giêsu chuộc tội cứu thế, nàng hát như ông ta chưa bao giờ từng được nghe một người đàn bà hát bao giờ.

Hồi linh hồn Chúa, giọng nàng mạnh mẽ, ấm áp và rõ ràng một cách không ngờ. Ông mơ mộng thực những những lời mà nàng ta sắp hát lại trở về với ông. Ba ngôi cũng là một đức Chúa Trời. Và nàng hát: Ba ngôi cũng là một đức Chúa Trời, những thằng Do Thái Công giáo, ông ta nghĩ, thật là điên cái đầu. Ông ta chồm đến phía cửa sổ, mở mạnh cánh cửa: chúng nó ở đó và đang yên lặng đứng nghe. Filskeit cảm thấy ông đang run, ông thử kêu lên nhưng từ cổ họng của ông chỉ xõ ra một tiếng chữi câm lặng và khô khan và từ ngoài tỏa ra một sự yên lặng cố nín, mở về phía giọng hát của người đàn bà.

Mẹ là mẹ thánh của đức Chúa Trời... Ngón tay run rẩy của ông vớ lấy chiếc súng lục, quay lại và bắn mù quáng vào người đàn bà; nàng gục xuống và kêu lên. Rồi khi tiếng hát kia đã im, ông mới tìm lại được giọng nói của mình:

- Bắt chúng nó xuống đi, - Ông hét lên - bắt chúng nó xuống hết, tiên sư chúng nó, kể cả ban hát nữa, cho nó đi luôn.

Và ông bắn cả loạt đạn lên người đàn bà, nàng này nằm lăn trên mặt sàn, nôn tháo sự sợ hãi của nàng ra cùng với những nỗi đau đớn khốc liệt.

NGƯỜI Ở ĐÂU VỀ

Heinrich Boll

www.dtv-ebook.com

Chương 8

Thế là mẹ Susan đã chứng kiến chiến tranh được ba năm liền.

T

Thoạt tiên binh lính Đức ồ ạt kéo tới; người ngựa và quân xa, rầm rập; họ qua cầu vào đúng mùa Thu bụi bám, rồi nương theo các đường đèo để tiến vào lãnh thổ Ba Lan. Muốn biết thế nào là chiến tranh chỉ cần nhìn đám binh lính mình mấy đầy bùn, số sĩ quan đáng điệu mệt mỏi trên lưng ngựa, và đoàn xe mô-tô bận rộn tới tấp. Trọn một buổi chiều hành quân cảnh tượng cũng khá vui nếu không có những lúc ngừng nghỉ; quân xa dẫn đầu đoàn quân, lại thêm đoàn mô-tô hộ tống phía trước và phía sau. Cứ theo thứ tự đó đoàn quân qua cầu. Cũng kể từ ngày ấy, mẹ Susan không thấy họ trở lại.

Sự thanh bình trở lại một thời gian; thỉnh thoảng chỉ còn vài chiếc xe cam nhông Đức vượt qua cầu rồi mất dạng trong rừng sâu; nhờ tứ bề im lặng, mẹ nghe rõ mồn một tiếng động cơ vang từ xa, khá lâu rồi mới tắt, nhất là lúc xe leo đèo gầm gừ hỗn hển, tiếng vọng chỉ tắt khi đoàn xe khuất sau đỉnh đồi. Mẹ Susan nghỉ, từ trên cao đoàn xe đã nhìn rõ nơi chôn nhau cắt rốn của mẹ, mà hồi thơ ấu vào mùa hè, mẹ thường rong chơi ngoài cánh đồng, hoặc mùa Đông tới chỉ quanh quẩn bên guồng tơ; đoàn xe đang bò vào những khoảng trống lờm chờm đá, cây cỏ thừa thớt, mà ở đó, trước đây, chính mẹ thường thơ thẩn một mình với bao niềm quạnh hiu. Mẹ đã từng bỏ ra hàng giờ, dựa vào vách đá để phóng mắt nhìn xem trên triền dốc có vật gì động đậy. Vào thời xa xưa ấy, làm gì có xe hơi; xe bò hoặc xe

ngựa cũng còn hiếm nữa; có chăng chỉ toàn dân Thổ hoặc Do Thái, tùm ba tùm bảy vượt đèo qua Ba Lan. Mãi sau này, khi mù rời khỏi làng, mới có đường xe lửa chạy qua cầu Szarny, tiến vào thung lũng, vẫn khoảng đất xa xưa mà mù đứng từ ngọn đồi cỏ nhìn xuống dưới. Kể đã có nhiều năm, mù xa cách nơi này; mười năm trời chớ ít sao, vậy mà mù vẫn nghe văng vẳng bên tai tiếng động cơ xe hơi vượt đèo, lâu thiệt lâu, ngay cả khi chúng đã khuất dạng sau mỏm núi bon bon trên đường dốc phía bên kia, có thể, lúc đó đám con cái thằng cháu của mù, đang đứng trên đường nhìn đoàn quân xa Đức hỗn hển; thằng cháu Cự vẫn sống trong làng. Đoàn xe Đức mỗi ngày mỗi thưa thớt. Cứ cách hai tháng chỉ có một xe cam nhông và vài chiếc xe nhỏ chạy qua vùng đó; tháng hoặc, họ cũng đậu lại; binh lính ủa xuống quán của cụ Bà để vội vã uống ly bia trước khi tiếp tục hành trình. Chiều lại cũng vẫn chiếc xe đó trở về và, tạm ngừng trước quán mù để cho binh lính vội vã giải khát, rồi vội vã ra đi. Mỗi ngày chiếc cam nhông chỉ qua lại có ba lần. Sáu tháng sau khi chiến tranh bùng nổ phía bên kia núi, chiếc cầu ngay sau lưng nhà mù đã bị giật sập. Sự việc đó xảy ra vào một đêm: mù không sao quên được những tiếng ồn ào gây nên bởi tiếng kêu của chính mù, tiếng gọi của đông lân hàng xóm, tiếng gào thét của Maria con gái mù, đã hăm tám tuổi đời, mỗi ngày mỗi thêm giao động vì những ý nghĩ kỳ quặc. Cửa kính vỡ tan hoang; đàn bò rống lên trong chuồng; chó tru suốt đêm thâu; sáng ngày ra, mọi người mới biết: nguyên cây cầu đã bay gọn. Chỉ còn trơ trọi những cột bê-tông; lề đường, mặt lộ, thành cầu đều bị nứt nẻ và cắt gọn; sắt vụn bay tuốt xuống sông, nhiều nơi còn lú lên những thanh sắt dài. Mới sớm tinh sương, một sĩ quan Đức với năm binh sĩ, tới nơi lục soát cùng khắp trong vùng Berczaba; họ bắt đầu khám xét kỹ lưỡng nhà mù Susan không bỏ sót nơi nào từ chuồng bò đến phòng căn phòng riêng của Maria; Maria đã trở thành cuồng loạn sau vụ nổ. Sau đó, họ qua nhà Temanns bới tìm từ đồng rơm, từ góc phòng; căn nhà của Brachys, bỏ hoang đổ nát từ ba năm nay, cũng được họ chiếu cố. Gia đình Brachys dọn đi Preßburg: kiếm ăn từ lâu; chả ai muốn mua lại căn nhà đó và vườn tược phụ thuộc.

Bọn lính Đức tỏ ra căm giận khi họ không kiếm tìm ra bọn phá hoại. Họ còn dùng xuồng bơi qua sông để lục soát khu vực Tzenkoschik, một xóm hẻo lánh kế bên sông mà từ bờ bên này đứng trên vừa thóc mụ Susan có thể nhìn rõ tháp chuông nhà thờ lấp ló sau rừng cây. Bọn lính Đức không thấy gì khác lạ ở đó, ngay tại Tesarzy cũng vậy; họ hoàn toàn thất vọng. Có lẽ họ không biết ngay sau vụ nổ sập cầu, hai thằng con trai lão Swortschiks đã biến dạng.

Mụ Susan lúc đầu không thể hiểu nổi tại sao họ lại đánh sập cầu: cứ cách hai tháng mới có một chuyến xe cam nhông, binh lính thừa thớt lèo tèo. Việc sử dụng cây cầu hoàn toàn do dân địa phương, ra đồng làm ruộng hoặc vô rừng làm rẫy. Cây cầu có còn hay không, chả gây phiền phức cho quân Đức bao nhiêu; bất quá họ chỉ cần đánh một đường vòng qua Szarny, mất khoảng chừng nửa tiếng đồng hồ cho quãng đường dài năm cây số để tới một cây cầu khác dùng chung với đường xe lửa.

Vài ngày sau mụ Susan mới hiểu dụng ý việc phá hủy cây cầu, nhờ sự ba hoa của mấy tui tới quán mụ nhậu rượu. Tất cả mọi chi tiết đều được họ kể lại rành rẽ. Sau vụ đó, vùng Berczaba trở lại yên tĩnh, quá yên tĩnh là đáng khác, dân quê và thợ thuyền đi làm bên kia dãy núi không thấy trở lại. Tzenkoschik, trái với thường lệ, vào ngày chủ nhật vẫn đông đảo khách thừa lương hoặc những cặp tình nhân hò hẹn trong rừng, nay trở thành vắng hoe, ngay cả đám binh lính cũng không có nữa. Mới cách đó mười lăm ngày, mụ Susan lại bán được cho Temanns một chai bia, lão già keo kiệt vẫn có thói quen cất lấy rượu bia để uống. Thật là nẫu nề cho mụ Susan phải đợi tới mười lăm ngày mới bán nổi cho lão già coi đồng xu to bằng cái đình và chẳng dám tiêu. Ai cũng đều biết lão già keo kiệt tới mức nào rồi.

Tình trạng yên tĩnh chỉ được ba tuần lễ. Rồi bỗng một hôm một quân xa Đức sơn màu xám, xinh xắn chở ba sĩ quan Đức tới để kiểm kê lại sự hư hại. Họ đi đi lại lại trên bờ sông, bắc ống nhòm quan sát hết bên trái rồi tới bên phải cả nửa tiếng đồng hồ. Họ lại còn trèo lên cả mái nhà tay vẫn cầm

ổng nhòm để quan sát khắp nơi thật kỹ trong khoảng từ nhà lão Temanns, đến nhà mụ Susan. Sau đó họ ra đi chẳng uống gì hết, rượu mạnh cũng không nốt.

Ngày mốt, mọi người thấy bụi bay mù mịt trên quãng đường từ Tesarzy đến Berczaba tám quân nhân gồm một Thượng sĩ và bảy binh sĩ, dáng điệu mệt mỏi, xuất hiện trước quán mụ Susan. Họ phải khó khăn lắm mới làm cho mụ hiểu họ sẽ ở trong nhà mụ và dùng cơm luôn ở đó. Mụ cảm thấy chới với, và biết ngay thế nào là dịp may của mụ rồi; mụ vội vã chạy lên phòng Maria lúc đó vẫn còn nằm liệt trên giường.

Bọn lính không tỏ vẻ gì vội vã, họ đều lớn tuổi, tối ngày ngậm ống vố và uống bia. Họ gỡ túi đeo lưng xuống để được thoải mái hơn, và chờ mụ chủ quán dọn dẹp xong ba căn phòng trên lầu nhất: một căn phòng dành riêng cho người giúp việc vẫn bỏ trống từ ba năm nay vì mụ Susan không đủ tiền mướn người giúp việc, phòng thứ nhì chồng mụ trước đây căn dặn mụ dành cho bạn bè và khách trọ; từ hồi nào tới giờ bạn bè cũng như khách trọ chả có một ai, và căn phòng thứ ba dành riêng cho vợ chồng mụ. Mụ đang vội vã thu dọn đồ đạc riêng sang phòng con gái.

Khi mụ xuống dưới nhà viên Thượng sĩ lại giảng giải cho mụ biết, Hội đồng xã sẽ thanh toán mọi sở phi cho mụ bằng tiền Đức. Mụ cứ việc thẳng tay tính toán.

Từ trước tới giờ mụ chưa bao giờ được tiếp hạng khách sộp đến thế, mụ tính nhẩm với tám người khách quý này và chỉ trong một tháng, mụ có thể thu thập gấp bội số khách lẻ tẻ qua cầu ghé quán của mụ. Ngoài ra họ còn đem cho mụ nhiều nguồn lợi khác nữa. Công việc của đám quân nhân này chả có bao nhiêu; chỉ nghĩ tới là ai cũng phải tức cười: hàng ngày họ chia thành toán hai người một, ruổi rong trên bờ bên này sông, có khi dùng thuyền qua bên kia sông và cứ hai tiếng đồng hồ họ lại đổi phiên. Trên mái nhà có một người khác dùng ống nhòm quan sát tứ phía ba tiếng đồng hồ lại đổi người khác. Người gác trên mái nhà không mệt nhọc chút nào, họ

ngồi trong ghế bành có nệm bông đặt trên một chiếc bàn; người này chỉ việc thò đầu qua mái nhà, ngói được gỡ để lại một lỗ hổng, đêm tối dùng tấm tôn đập lại sơ sịa, anh ta chỉ việc hướng ống nhòm về phía rặng núi, khu rừng, bờ sông, thỉnh thoảng hướng về phía sau: khu vực Tesarzy. Những người còn lại, không có phận sự chả biết làm gì cho hết thời giờ nên thả bộ khắp đó đây. Mụ Susan ngạc nhiên vì công việc của họ quá nhẹ nhàng mà vẫn kiếm được khá tiền, cho cả vợ con nữa. Một trong đám người này, nguyên là một giáo viên, đã cho mụ ta biết số tiền vợ anh ta lãnh; số tiền to quá khiến mụ phải nghi ngờ. Quá nhiều tiền để trả cho vợ một giáo viên nhờ ông chồng được chuyển qua đây để tối ngày lê trôn từ chiếc ghế dựa này qua chiếc ghế dựa khác, tọng đầy hòng nào thịt bò gu lát nào rau khoai, nhâm nhi cà phê, lúng búng bánh mứt. Thuốc lá bào họ cũng chẳng mất tiền mua, cứ việc hút thả dàn. Khi ăn đã đời rồi, họ kéo nhau sang phòng khách, vừa uống bia vừa đọc sách, họ đọc lia lịa. Sách đem theo hàng đống. Ăn chán, đọc sách chán, họ lại leo lên mái nhà để chiếu ống nhòm mà nhìn, chẳng ai hiểu để làm gì, nào rừng nào ruộng và cả những bác nông phu đang làm việc. Trong đám quân này có một chú mang tên Becker, khá dễ chịu, nhưng mụ Susan lại không có chút cảm tình nào vì hắn chỉ đọc sách và uống rượu bia, nhưng lại làm biếng quá cỡ.

Những điều đó, nay đã quá xa. Toán quân nhân đầu tiên không lưu lại quán mụ quá bốn tháng, toán thứ nhì sáu tháng, toán thứ ba một năm. Rồi đều đặn cứ sáu tháng lại đổi toán khác. Có nhiều người đã đi lại trở lại. Chương trình hoạt động của các toán không hề thay đổi suốt ba năm ròng rã: rong chơi, rượu chè, bài bạc ngự trị trong ngai vàng thiết lập trên mái nhà; lúc ra ngoài đồng ruộng không có lý do thì anh nào anh nấy lủng lẳng trên vai cây súng dài thườn thượt. Riêng mụ Susan thì luôn luôn nặng túi, toàn là tiền. Cơm nước? Tiền. Quét dọn trong phòng? Tiền. Mướn phòng? Cũng tiền. Quán của mụ chả còn người khách nào ngoài mấy ông lính đó. Phòng ăn của quán trọ vô hình trung trở thành nơi hội họp của họ.

Cái ông Thượng sĩ trong toán đầu tiên đến quán mụ mang tên Peter, chả biết họ gì? Ông ta to lớn đáng đi nặng nề như bác nông phu, lại thêm bộ ria mép. Nhìn ông ta, mụ liên tưởng tới chồng mụ: Wenzel, đã ra đi từ hồi chiến tranh trước mà không hề trở về. Hồi đó binh lính vượt sông lên đường ra tuyến, mình mẩy bần sinh, kẻ lội bộ, người trên lưng ngựa, có đi mà chẳng có về. Chắc cũng có người trở lại nhưng phải lâu lắm kìa, họ thay đổi đến đổi mụ không nhận được ra họ nữa. Hồi đó mụ mới hăm sáu tuổi đầu và còn là cô gái đẹp. Khi Wenzel vào trong dãy núi để hỏi mụ làm vợ, mụ nghĩ sau này mụ sẽ giàu sang sung sướng: Wenzel Susan chả gì cũng là chủ quán, có người giúp việc đồng áng, lại có cả ngựa cưỡi nữa. Mụ thương hẳn vì đáng đi cực mịch của bác nông phu, vì hàng râu mép và vì hẳn cũng đồng lứa tuổi với mụ. Sau đó chồng mụ thi hành quân dịch tại Preßburg ngành Bộ binh và được mang lon Hạ sĩ. Khi đoàn quân viễn chinh đặt chân lên phần đất này chồng mụ đã qua miền rừng núi Lỗ Ma Ni. Mụ nhận được của chồng gửi làm ba lần ba tấm bưu thiếp, nói vắn tắt anh ta vẫn mạnh khỏe; tấm cuối cùng báo tin anh được vinh thăng Trung sĩ. Bốn tuần sau khi nhận tấm bưu thiếp cuối cùng, mụ nhận được một tư văn từ thành Vienna gửi về báo tin chồng mụ đã anh dũng hy sinh vì Tổ Quốc.

Ít lâu sau, mụ sinh hạ được một bé gái, con Maria, bấy giờ bụng đã chình ình chỉ vì cái ông Thượng sĩ mang tên Peter và hao hao giống bố nó. Mụ nhớ tới chồng mụ hồi hai mươi sáu tuổi, chứ cái ông Thượng sĩ kia, lúc đó đã bốn mươi lăm, kém mụ những bảy tuổi, nhưng mà già ơ là già!

Nhiều đêm mụ thao thức, nằm chờ con Maria chân không rón rén trở lại phòng ngủ. Đôi lúc mụ chỉ chớp mắt khi gà vừa gáy sáng. Mụ vẫn thường thao thức để chờ đợi con gái, và cầu xin trước ảnh tượng Trinh nữ treo dưới nhà có chừng bông. Thế mà con nhỏ bụng vẫn cứ thè lè ra, còn cái ông Thượng sĩ kia, ngượng ngùng và đuồn đuột, nói với mụ, ngay sau khi chiến tranh dứt thế nào y cũng cưới Maria.

Mụ chả biết làm gì hơn là đặt thật nhiều bông trước tượng Trinh nữ treo ngay cửa ra vào. EBERczaba đã trở lại thanh bình, có lẽ sự thanh bình chỉ có ý nghĩa với riêng mụ, một ý nghĩa giả tạo, vì ở đó chả có gì thay đổi: binh lính vẫn nhàn cư trong khung cảnh để viết thư, đánh bài, uống rượu mạnh hoặc bia lại còn thêm chứng buôn lậu đồ vật khan hiếm như dao nhíp dao cạo râu, kéo, những chiếc kéo thật đẹp, và vớ. Họ đem chúng đi bán hoặc đổi lấy bơ, lấy trứng vì họ quá dư thời giờ nhưng lại thiếu bạc để tiêu xài. À, có một sự mới lạ! Trong đám quân nhân có một anh chàng tối ngày chỉ đọc sách mà không biết chán. Anh ta đã nhờ gửi tới một thùng đầy ắp sách báo, bằng đường xe lửa tới Tesarzy rồi từ đó tới đây bằng xe hơi. Anh ta tuy xuất thân là một giáo sư, nhưng vẫn phải làm công việc như những người khác: ngồi trên mái nhà bắc ống nhòm quan sát dãy núi, cánh rừng bờ sông; thỉnh thoảng lại chiếu về phía Tesarzy để nhìn đám nông phu đang cặm cui trong đồng. Hẳn cũng kể cho mụ nghe số tiền vợ hẳn đang lãnh, hàng chục ngàn tiền Đức mỗi tháng. Nhiều tiền đến thế thì chẳng ai có thể tin vì nó quá phi lý gần như nói dóc, một khi so sánh với công việc làm của đức phu quân chỉ việc ngồi dãi thể đọc sách bỏ cả nửa ngày hoặc hằng đêm để viết thư và công việc chính lại chỉ thu gọn trong việc giương ống nhòm quay tứ phía. Lại có một anh khác biết vẽ; trời nắng ráo anh ta vác giá ra bên bờ sông để vẽ núi non tuyệt vời, từ bên này sông nhìn qua, hoặc vẽ dòng nước với cây cầu bị phá hủy; anh ta còn cất công vẽ hình cho mụ, kể cũng khá giống; mụ treo tấm hình đó trong phòng khách.

Bọn lính đó, từng tốp tám người thay phiên nhau đã sống trong quán mụ liên tiếp trong ba năm. Họ cứ việc rong chơi, ăn cho mập ú, ngủ li bì rồi lãnh những món tiền kén sù khiến mụ liên tưởng trước đây Wenzel Susan cũng được cho đi nước ngoài để phè phỡn chẳng kém gì bọn này, riêng mụ, mụ thấy cần anh chồng đó lắm vì hẳn biết làm và ham là đáo đẽ. Phải, chắc cũng vì những công việc na ná mà chồng mụ được phái ra nước ngoài để trở thành đại lãn rồi chừ lãnh một viên kẹo đồng. Nhưng đám quân nhân sống trong nhà mụ chưa ai lãnh viên đạn nào vào người; từ ngày họ tới đây thỉnh thoảng dân làng mới nghe vài tiếng súng nổ khiến họ xốn xang,

nhưng khi hỏi lại thì mới biết các quan quá buồn xách súng đi săn; chả có qua lấy một con thú nào bị các quan hạ cả. Được cái may sự kiện này xảy ra rất ít trong vòng ba năm. Có một lần một mục đàn bà hốt hoảng chạy bộ trong rừng từ Tzenkoschik tới kiếm bác sĩ cho con mục. Mấy quan giương súng bắn mục, nhưng phúc đức làm sao, mục vẫn không hề hấn gì. Các quan còn chờ giùm mục qua sông bằng xuồng; còn cái ông giáo sư ham đọc, ham viết lại cất công đưa mục tới Tesarzy nữa. Suốt ba năm, họ chả bắt gặp qua lấy một nghĩa quân nào cả; họ được một đứa nhỏ cho biết kể từ ngày mấy đứa con trai lão Swortschiks đi rồi thì chả còn ai là nghĩa quân nữa; ngay cả ở Szarny, mặc dầu có cây cầu quan trọng với đường xe lửa ở trên, mà đám nghĩa quân cũng không hề lộ dạng...

Chiến tranh đem lại cho mục Susan quá nhiều tiền! mục chỉ ân hận, chồng mục Wenzel Susan trước đây khi ở Lỗ Ma Ni, lại chả có cơ hội để làm việc không theo kiểu mấy ông quân nhân đang ở trong nhà của mục. Chiến tranh đã bắt con người phải lười biếng và dưng họ cho quý dử mà không ai hay biết. Riêng mục Susan, mục thấy nao lòng và lỗ bịch khi bọn đàn ông đó đã lãng phí thời giờ suốt ba năm trường để lương khoản lương tiền kích dử cho việc bắn bừa bãi vào gia súc và người đàn bà đang lo kiếm thầy chữa bệnh cho con. Quá là nảo lòng và lỗ bịch; đám quân nhân cứ việc lười chảy thây còn mục thì tối tăm mặt mũi nào lo cơm nước cho người, nào chăm sóc đàn bò heo, gà vịt; nhưng đám người ăn hại lại là nguồn lợi cho mà đổi chác bằng công việc đánh giầy, mang vớ, giặt giũ áo quần. Mục đã mượn được một người đàn ông từ Tesarzy tới phụ giúp kể từ ngày Maria mang bầu. Lão Thượng sĩ và Maria, lúc đó sống ngang nhiên như vợ chồng; họ ở phòng riêng với nhau; sáng sáng Maria lo điểm tâm, chải quần áo cho lão; đôi lúc ả còn phải rình rập lão nữa chứ.

Ngày này qua ngày khác mãi mãi trong suốt ba năm ròng, mới có một sĩ quan cao cấp tới thị sát vùng đó; vị sĩ quan này bận quần có sọc đỏ và cổ áo thêu chỉ vàng chói; mãi sau này người ta mới cho mục biết ông ta là một vị tướng lãnh. Ông đi chiếc xe hơi chạy thật mau, có nhiều sĩ quan khác tháp

tùng. Sắc mặt của ông giận dữ; ông nạo lão Thượng sĩ sát ván vì hấn đám trình diện ông với quân phục bê bối; không mang dây nịt và súng lục. Ông run lên vì giận, mặt mỗi lúc mỗi vàng thêm và co rúm lại vì nhần nhó; một sĩ quan khác giơ tay chào ông run run làm tăng thêm sự nóng giận của ông. Thật tội nghiệp cho vị sĩ quan già nua này tóc điểm hoa râm, đáng điệu một mồi với lứa tuổi quá lục tuần. Mụ Susan biết nhiều về vị sĩ quan này một người rất tốt và nhân ái. Ông có ghé quán mụ đôi lần bằng xe đạp nói dăm ba câu chuyện vui vẻ với mọi người. Mỗi lần anh lính giáo sư ra tiễn ông, ông đẩy chiếc xe đạp, cùng đi bộ với hấn một quãng dài. Khi Thượng sĩ Peter đã nai nịt gọn ghẽ nào súng sáu, nào dây lưng, đoàn sĩ quan cao cấp được hướng dẫn qua sông, vào rừng trở lại bờ bên này, ngừng lại trước cây cầu sập, leo lên mái nhà. Đoàn sĩ quan sửa soạn lên xe. Hai quân nhân do Thượng sĩ Peter chỉ huy dàn chào, đứng nghiêm cứng nhắc, giơ tay chào. Khi chiếc xe hơi đã vọt đi một quãng xa có thể gần tới Tesarzy, họ mới dám buông tay nghỉ. Thượng sĩ Peter trở vào trong quán, đáng điệu bức tức, liệng chiếc nón kết lên bàn và nói với Maria: “Hình như họ tính chuyện cắt lại cây cầu!”

Hai ngày sau, một chiếc xe hơi khác từ Tesarzy lao tới; một sĩ quan và bảy quân nhân nhảy vọt từ xe xuống đất, đám người này đều trẻ và khỏe mạnh. Viên sĩ quan vội vã tới gặp Thượng sĩ Peter và nói chuyện khá lâu trong phòng riêng. Maria kiếm cớ vào trong phòng để nghe lóm nhưng vị sĩ quan thẳng tay đuổi ả ra ngoài. ả khóc thút thít dưới chân thang khi mọi người sửa soạn hành trang vì họ đã bị con người mới tới thay thế. ả khóc lớn tiếng hơn và bức mình khi lão giáo sư vỗ nhẹ trên vai ả; còn Thượng sĩ Peter, mặt đỏ như gấc cố gắng vỗ về, thuyết phục ả. Maria đeo cứng theo lão khi mọi người ra tới chiếc xe cam nhông vẫn còn chờ ở đó. Chiếc xe vọt chạy thật mau cũng như đi đến; bọn người cũ trở lại Tesarzy. Maria ghen ngào trên bậc thềm; ả biết rõ Thượng sĩ Peter có hứa gì chẳng nữa cũng chả bao giờ hấn trở lại...

Feinhals đặt chân xuống Berczaba hai ngày rồi mà chiếc cầu vẫn chưa được sửa. Berczaba quá hẻo lánh, nhà cửa chỉ lèo tèo có một quán rượu và hai căn nhà mà một đã đổ nát. Lúc Feinhals tới xã này, một làn khói dày đặc bốc lên từ những đồng lá khoai khô đang được đốt cháy ngoài đồng. Ở đây hoàn toàn yên tĩnh đến nỗi không ai nghĩ rằng đâu đó đang có chiến tranh.

Khi xe hồng thập tự đưa anh từ tuyến đầu trở về không ai để ý tới vết thương của anh. Lúc anh được đưa lên bàn mổ người ta mới biết vết thương của anh do miếng chai, một miếng chai rượu Tokai thật nhỏ, viên y sĩ trưởng đã phải viện dẫn nhiều lý do để khước từ việc đề nghị chiến thương bội tinh cho anh thiết là khôi hài nếu anh được chiến thương bội tinh do miếng chai; ngoài ra người ta còn nghi ngờ anh đã tìm cách tự hủy hoại thân thể. Thiếu úy Brecht, một nhân chứng, phải làm tờ tường trình ủy khúc nên việc của anh Feinhals được bỏ qua; vết thương của anh được lành lặn ít lâu sau. Anh cứ tiếp tục uống rượu mạnh đều đều đến nỗi người ta phải di tản anh qua một Trung tâm khác rồi từ đó tới Berczaba.

Anh ngồi trong phòng khách của quán rượu chờ -cho Gress nhận xong phòng trống trên lầu. Anh vừa uống rượu chát vừa hướng tâm tư về Ilona; ngay cả lúc xe lắc lư chuyển động để đưa anh đi, anh cũng nhớ rõ, hình ảnh bọn lính đang lục lọi khắp xóm xinh sợ còn bỏ sót lại một vài đồ vật vô giá trị, mụ chủ quán, tuy trọng tuổi nhưng vẫn còn đẹp và một người đàn bà khác đang nước nở ngoài cửa; tất cả đang làm anh nghĩ ngợi mông lung.

Tiếng khóc than càng lớn hơn khi chiếc xe cam nhông rờ máy để tiến về khu vực anh và các bạn vừa rời bỏ. Gress xuống kêu anh lên lầu. Căn phòng dành cho anh và Gress tường vôi nứt nẻ từng khoảng rầm mái nhà đen kịt; không khí trong phòng ngột ngạt, mặc dù cánh cửa sổ ngó xuống vườn có cây trái, có cỏ non, có cả hàng rào hoa, có chuồng bò; cuối sân một kho lúa cất gần triền sông; ngoài phía cửa kho một chiếc xuống sơn đã rộp được cột cẩn thận vào cọc sắt; gió bên ngoài cũng đứng im, thành thử

không khí bên trong phòng không thay đổi được cảnh vật bên ngoài thật yên tĩnh. Bên tay trái sau hàng giậu, tàn tích của chiếc cầu, cột bê-tông vẫn còn vươn lên và phủ đầy rêu, những thanh sắt rỉ vẫn nhô lên khỏi mặt nước. Chiều ngang mặt sông, ở quãng đó rộng khoảng chừng năm chục thước, Feinhals ở chung phòng với Gress. Họ chỉ vừa mới quen biết nhau ngày hôm trước ở trạm phân loại. Anh nhất định chỉ nói với hấn những điều cần thiết. Quả vậy, Gress, mang rành rành trên ngực bốn chiếc huy chương, vừa gặp anh là nói chuyện toàn về phụ nữ hết Ba Lan, Lỗ Ma Ni rồi tới Pháp, tới Nga Theo lời hấn nói, cô nào cô nấy mê hấn như điên; khi họ nghe tin hấn phải ra đi đều buồn đến héo hon cả ruột gan. Feinhals chẳng thiết nghe những điều hấn nói vừa chướng vừa buồn làm sao đâu; có thể nói toàn những chuyện buồn tê tái và não nề. Gress thuộc hạng người tự nghĩ rằng hễ họ đã nói thì người khác phải nghe nhờ những tấm huy chương vàng vàng nơi ngực áo, và nhiều hơn cả mức độ thường.

Vả lại Feinhals, anh chỉ vốn vẹn có mỗi một tấm huy chương, bắt buộc phải giống tai nghe mà không được nói cũng như không được hỏi điều gì. Cũng may cho anh được cắt cử phụ trách đài quan sát cùng với Gress; hai người sẽ luân phiên nhau, và như vậy anh lánh mặt hấn ít ra cũng vào ban ngày.

Khi Gress vừa nói ý định hấn muốn chinh phục một nàng con gái Tiệp Khắc, Feinhals vội vã lên giường ngủ. Mặc hấn chứ; quyền của hấn mà; hấn muốn làm gì thì làm!

Tối đến là Feinhals đã mệt nhoài, bất luận anh nằm đâu cũng hy vọng được mơ thấy Ilona nhưng chuyện đó lại chẳng bao giờ xảy ra. Anh tập trung tư tưởng để nhắc lại những lời Ilona đã nói với anh; đến khi anh ngủ thiếp đi, anh chẳng còn mơ tưởng gì cả. Lắm lúc anh mường tượng, chỉ khẽ quay mình lại là nghe rõ hơi thở của nàng; nhưng hời ời, thật sự nàng đâu có nằm bên cạnh anh và thật sự, lúc đó nàng ở xa, thật là xa. Vậy thì anh có mơ ước lắm cũng chẳng ích gì. Chắc chắn không có Ilona nào ở đó cả!

Buổi tối, ngồi trên giường, trước khi ngủ, anh sốt sắng đọc kinh; anh nhớ lời Ilona dặn dò trước đây khi họ chia tay; Ilona tỏ vẻ thẹn thuồng khi đề cập đến chuyên ấy, trong căn phòng nhỏ bé, ngổn ngang loài thú nhồi bông, các loại khoáng chất, bản đồ và sơ đồ về phương pháp vệ sinh. Mỗi lần nhắc tới vấn đề tôn giáo, Ilona lại thấy khó khăn, mặt nóng bừng bừng; đối với nàng nghề truyền giáo, giảng dạy tình thương và lòng nhân đạo là một điều quá khó; nàng bất mãn khi thấy Feinhals không chịu tới nhà thờ xem lễ, viện dẫn lý do anh không có cảm tình với phần đông linh mục và các bài giảng của các đấng; Ilona bất mãn với Feinhals rất nhiều; nàng đã khẩn khoản khuyến dụ anh nên sớm tối đọc kinh: “Luôn luôn anh phải đọc kinh để khỏi phiền lòng Chúa!”

Anh không thể nào tin nàng chịu để ai hôn vậy mà Feinhals đã hôn nàng; nàng lại còn tự động hôn lại anh ta nữa. Anh mừng tượng nàng theo anh vào căn phòng đó: một căn phòng chẳng lấy gì làm sạch sẽ, có chiếc chậu màu xanh còn cấu lại chút nước dưới đáy, có chiếc giường lớn bằng gỗ nâu, có chiếc cửa sổ trông ra mảnh vườn bỏ thí, trái thối rụng đầy chung quanh các gốc cây. Anh muốn mơ thấy nàng nằm bên anh, để anh thủ thủ bên tai nàng. Nhưng chuyện ấy, kể cả ngoài thực tế lẫn trong mơ đều chưa hề xảy ra.

Sáng ngày hôm sau Feinhals bắt tay vào công việc. Ngồi trong chiếc ghế bành vắt vẻo trên chiếc bàn khập khiễng, anh thò cổ ra ngoài lỗ mái nhà chiếu ống nhòm quan sát dãy núi từ ngọn xuống tới chân. Khu rừng bờ sông và khu vực bộn anh vừa rời bỏ để tới đây, nhất nhất không bị anh bỏ sót, anh chỉ thấy bóng dáng một tên nghĩa quân nào ngoại trừ đám nông phu đang cặm cui trong đồng; biết đâu trong đám người này lại chỉ có vài tên du kích; khổ nỗi chiếc ống nhòm anh đang cầm trong tay lại không thể phân biệt người ngay kẻ gian. Bầu không khí của căn gác xép thật ngột ngạt. Bốn chung quanh quá yên lặng khiến anh thấy khổ sở tự coi như anh đã làm cái công việc này đặng đặng mấy năm trời. Tuy vậy anh không quên bốn phận luôn luôn điều chỉnh ống kính để ngắm dãy núi vươn lên sau đám

rừng già, và sau nóc nhọn của chiếc gác chuông sơn vàng. Bên ngoài, trời trong vắt khiến anh nhìn rõ, phân biệt được cả đoàn dê đang cựa quậy giữa hai mỏm núi. Qua ống kính những con vật nhỏ bé, trắng lốp giống như những đám mây lất phất trên nền xám hoặc xanh đục của bầu trời. Sự yên tĩnh và cô quạnh xâm nhập cơ thể anh. Anh chỉ nhìn thấy đàn dê còn kẻ mục đồng lẫn quất nơi nào? Anh ngạc nhiên, thấy chúng hoàn toàn biến dạng khi anh vừa hạ ống kính khỏi tầm mắt. Anh hướng mắt nhìn về dãy núi khoảng cách quá xa nên anh không nhận thấy gì khác, đến một chút màu trắng anh cũng không phân biệt nổi. Nóc gác chuông nhà thờ tương đối gần nên anh thấy rõ hơn. Cảnh tượng ban nãy lại hiện ra khi anh đưa ống nhòm lên ngang tầm mắt: đàn dê trắng vẫn còn đó. Tiếng động dưới sân làm anh chú ý, anh thò đầu nhìn xuống anh không dùng ống nhòm lúc đó. Thiếu úy Muck đích thân chỉ huy cuộc tập cơ bản thao diễn. Feinhals mang ống nhòm để nhìn ông cho rõ hơn. Anh chỉ mới biết viên sĩ quan này cách đó hai ngày tuy vậy anh nhận thấy ông ta không muốn bồn chồn, với khuôn mặt quắt tối tăm, hắc ám ông luôn luôn tỏ vẻ nghiêm nghị, hai tay chắp sau lưng bất động, những đường gân trên chiếc cổ gầy guộc của ông rung lên từng hồi. Muck có nước da xám màu đất, đôi môi xám xịt, vành môi động đập mỗi khi ông ta hô: “Bên phải! Bên trái! Đằng sau!... Quay” Feinhals chỉ có thể nhìn nghiêng ông ta ở một phía, với chiếc đầu cứng nhắc và có vẻ nghiêm nghị của người chết, đôi môi gần như không mấp máy, con mắt trái không thèm để ý tới đám binh sĩ và hướng về chốn xa xăm. Anh rời Thiếu úy Muck khỏi tầm ống nhòm để hướng về Gress. Nét mặt phì nộn của gã cũng nghiêm nghị nhưng đượm thêm vẻ mệt mỏi.

Feinhals buông ống nhòm xuống, nhìn đám binh lính đang thao diễn trong mảnh vườn hết quay trái, quay phải rồi lại đổi hướng đằng sau trên tấm thảm cỏ xanh mướt. Gần đó một người đàn bà đang máng đồ lên dây phơi căng giữa hai chuồng bò. Có lẽ chị ta là con gái mục chủ quán, mới ngày qua còn khóc than rầu rĩ ngoài thềm cửa. Vẻ mặt rầu rầu dữ tợn của chị ả đã không làm chị xấu đi mà còn đẹp gấp bội: một khuôn mặt thanh tú

với riềm môi khép chặt. Chị ả không buồn ngoảnh lại ngó nhìn viên Thiếu úy và bốn người binh sĩ.

Sáng hôm sau vào hồi tám giờ, Feinhals lại trèo lên mái tiếp tục phận sự. Anh có cảm tưởng đã ngồi ở đó hết năm này tới tháng khác. Đối với anh lúc này, đương nhiên anh phải sống trong bầu không khí yên lặng và cô quạnh để nghe tiếng bò rống lên trong chuồng, ngửi mùi khét lẹt của lá khoai khô đốt cháy, đó đây còn nhiều đám bốc lửa. Anh chỉ việc nhắm ống nhòm vào chốn xa xăm trước mặt, lấy nóc gác chuông làm chuẩn là anh có ngay cảm giác quạnh hiu, hoàn toàn quạnh hiu. Trên trời thật hoang vắng, một vòm rộng pha trộn màu xám và xanh nhạt điểm tuyết thêm móm núi lờm chờm... Thiếu úy Muck đưa bốn thuộc viên ra bờ sông để tập ngắm súng, khẩu lệnh của ông luôn luôn ngân trầm buồn nhưng lại vang xa lọt tới chỗ Feinhals ngồi thật yếu ớt, quá yếu ớt đến nỗi không phá tan nổi bầu tĩnh mịch của khung cảnh từ phía nhà bếp, dưới đất, vang lên giọng hát của con gái mục chủ quán; bài ca Tiệp Khắc nào nuốt, buồn lê thê. Mục chủ quán đã ra đồng với bác tá điền nhặt khoai. Feinhals tiếp tục thám sát rằng núi trước mặt bằng ống nhòm, không có gì khác ngoài những móm đá lờm chờm xen kẽ với khoảng trống; bỗng nhiên anh nhận thấy một cột khói trắng bốc lên từ đám rừng già phía tay mặt cái cột khói của đoàn tàu bốc lên mau và tan cũng mau vờn khói ngọn cây. Anh chẳng nghe thấy tiếng động nào khác ngoài những khẩu lệnh của viên Thiếu úy bên bờ sông và giọng hát nào nuốt của người đàn bà bên dưới.

Đám quân nhân rời thao trường về quán; tiếng đồng ca của họ vang lên tới chỗ Feinhals đang ngồi. Giọng ca của họ thật thảm bại, bốn người bốn giọng chọi nhau, lúng búng trong miệng; họ ca bài “Đoàn xe xám”. Thiếu úy Muck không ngắt nhịp: “Một, hai; một, hai”, dường như muốn phá tan một cách tuyệt vọng bầu không khí quạnh hiu; tiếng hô của Muck, cả giọng ca của bốn quân nhân, không đủ sức trấn áp nổi sự im lặng.

Khi con người ngừng lại trước quán, Feinhals nghe thấy tiếng xe hơi chiếc xe đầu tiên, kể từ lúc họ tới đây vào sáng hôm trước. Anh ngạc nhiên, vội vã đưa ống nhòm lên mắt nhìn về phía đường cái; một đám bụi mù mịt chạy theo sau xe; anh nhìn thấy một vật gì khá to lớn, nặng nề nhô lên sau phòng lái...

Cái gì thế? - Bọn người đứng dưới đường hỏi vọng lên.

- Một chiếc xe cam nhông! - Anh đáp vọng xuống.

Feinhals tiếp tục theo dõi chiếc xe đang mỗi lúc một tiến gần; con gái chủ quán lúc đó cũng chạy ra khỏi nhà, nói với bọn lính rồi nói lớn với anh, những gì anh không hiểu, tuy nhiên anh vẫn đáp:

- Tài xế xe không phải là quân nhân bên cạnh hẳn có một người bạn đồng nâu, chắc là người của Đảng. Trong xe có một máy làm bê-tông.

- Một máy làm bê-tông? - Tiếng nói dưới đất lại vang lên.

- Đúng như vậy!

Mọi người nhận thấy đúng như lời Feinhals vừa báo. Đám bụi mù sau xe đầu tiên nhỏ dần khiến cho mọi người nhận rõ còn ba chiếc khác đang nối đuôi. Đoàn xe chàng về phía chiếc cầu hư hại, ngừng trên đầu dốc cầu. Feinhals nhìn rõ đồ đoàn chất trên xe thứ hai, đủ số để cất một căn nhà bằng cây. Mọi người ủa tới chiếc xe cam nhông đầu; trong số đó có cả Maria. Viên Thiếu úy không theo mọi người. Cánh cửa xe bật mở; người đàn ông bạn đồng nâu bước xuống. Hẳn không đội kết, nét mặt dễ thương với màu da nâu. Hẳn có vẻ cởi mở:

- Hoan hô Hitler! Đây có phải Berczaba không mấy người anh em?

- Phải! - Mấy chú lính ngập ngừng đáp, tay vẫn thọc trong túi quần.

Gã đàn ông mang cấp bậc chỉ huy trên cầu vai áo sơ-mi màu nâu. Bọn lính không biết phải xưng hô với hắn ra sao? Gã đàn ông nói lớn về phía phòng lái xe cam nhông:

- Đúng rồi các bạn, tắt máy xe hết đi.

Sau câu nói, hắn rời mắt khỏi đám binh sĩ để hướng về phía viên Thiếu úy, hắn lưỡng lự rồi tiến vài bước. Viên Thiếu úy cũng làm như vậy. Gã đàn ông bận đô nâu đứng lại; lúc đó Muck vừa kịp nhận ra, đó là một nhân vật, nên rảo bước. Muck giơ tay chào trước và tự giới thiệu: “Thiếu úy Muck”. Người đàn ông chào đáp lễ rồi chìa tay cho Muck:

- Deussen! Thầu khoán! Chúng tôi tới đây để sửa lại chiếc cầu.

Thiếu úy, Muck đảo mắt nhìn đám binh sĩ họ đảo mắt nhìn Maria; nàng con gái vội vã chạy về quán. Deussen lạnh lẽo chỉ chỗ đậu cho từng chiếc xe.

Deussen ra lệnh đầu vào đó, tuy gầy gọn nhưng không kém phần lịch sự. Ông ta vào thăm nhà bếp của mụ Susan, mím cười, mím môi và chẳng nói gì rồi bước qua căn nhà bỏ hoang để xem xét khắp nơi khắp chốn. Khi trở ra, Deussen nở nụ cười. Một chập sau, hai chiếc cam nhông chở đầy vật liệu cất nhà, rồ máy quay về Tesarzy. Deussen quyết định tạm trú trong nhà lão Temanns; tì tay trên khung cửa sổ, miệng phì phèo điếu thuốc Deussen chứng kiến việc dỡ hàng từ trên xe xuống. Một người đàn ông khác còn trẻ tuổi cũng bận quân phục màu nâu như Deussen, trên cầu vai, hắn mang cấp bậc Thượng sĩ thỉnh thoảng Deussen lại nói lớn với hắn từ khung cửa sổ.

Trong khi đó, đoàn cam nhông cứ tuôn đến thêm nữa cả thảy mười chiếc, xe nào xe nấy đầy nhóc công nhân, cột kèo bằng sắt và xi-măng. Một giờ sau, một chiếc xuống máy cạp bến từ dưới xuống bước lên một người đàn ông bận quân phục màu nâu vai mang lon Thiếu úy. Sau gã còn có

thêm hai cô gái Tiệp Khắc trẻ đẹp. Đám công nhân đón nhận hai người đẹp bằng những tiếng cười.

Feinhals vẫn tiếp tục theo dõi việc bốc dỡ hàng. Trước tiên một bếp lò to lớn được hạ xuống rồi chuyển vào trong căn nhà đổ nát; sau đó tới lượt thành cầu, con tán, bù long, cột sơn hắc ín, dụng cụ đo lường, và đồ dùng làm bếp. Tới mười một giờ hai cô gái Tiệp Khắc bắt đầu gọt vỏ khoai. Đúng mười hai giờ vật liệu được chuyển hết từ trên xe xuống đất; xi-măng được xếp vào một căn lều vừa mới dựng tạm; đá sạn được ba xe cam nhông khác tới sau, cũng từ Tesarzy, trút thành đống ở dốc cầu.

Feinhals bước xuống vỉa vọng đài khi Gress lên thế; anh bước vào phòng ăn trong quán và nhìn thấy bên ngoài có treo một tấm bảng nhỏ ghi hàng chữ “Quán ăn”.

Những ngày kế tiếp Feinhals lại được dịp theo dõi tiến triển việc cất cầu; anh ngạc nhiên người ta không quên những chi tiết nhỏ; chẳng có công việc nào thừa; vật liệu xây cất được xếp gần nơi cần thiết. Feinhals đã có dịp thăm viếng nhiều công trường và, chính anh, đã đích thân chỉ huy một vai, thế nên anh rất đổi ngạc nhiên nhận thấy công việc ở đây lại tiến triển rất mau chóng và chính xác.

Mới tới ngày thứ ba các cột cầu đã được đúc bê-tông tươm tất; cây cột chót vừa hoàn tất thì đầu này cầu đã được lát sàn sắt. Tới ngày thứ tư hai đầu cầu đã thông nhau ở đoạn chót bằng những tấm ván nhỏ; cuối tuần xe cam nhông chở tới đầu cầu bên này những phụ tùng rời và bộ phận chót. Khi tấm ván cuối cùng nối liền hai đầu cầu, công tác tiến triển mau lẹ hơn nữa, Feinhals không còn chú trọng vào dãy núi và đám rừng già; mục tiêu của anh lúc đó là công trình xây cất, đáng lý anh phải được tham dự; anh luôn luôn ham thích việc xây cất.

Khi bóng đêm vừa sập xuống, Feinhals hết nhiệm vụ quan sát; anh ngồi ngoài vườn và thưởng thức ngón đàn Balalaika của một chàng thanh niên

Nga. Stalin Gadlenko. Trong quán mọi người ca hát, uống rượu và khiêu vũ; tuy khiêu vũ bị cấm đoán nhưng Deussen ngó mắt làm ngơ. Tinh thần của Deussen quá cao; ông ta được lệnh nội trong hai tuần lễ phải hoàn tất việc xây cất lại cây cầu; nhưng theo đà diễn tiến hiện thời Deussen chỉ cần có mười hai ngày là đâu đó xong xuôi. Deussen tiết kiệm xăng nhớt bằng cách dự trữ sẵn trong nhà mụ Susan hoặc lão Temanns, nên khỏi cần phải đi xa hơn để lo việc tiếp tế. Vấn đề vật chất và sức khỏe của mọi người được Deussen lo lắng chu đáo: cơm ngon, thuốc hút đầy đủ. Ông ta nghĩ chẳng thiệt thòi gì một khi đem uy tín cá nhân ra áp dụng; dĩ nhiên là đám người thuộc quyền phải sợ hãi và sự kiện đó có thể trở ngại nhiều cho công vụ. Deussen đã xây lại rất nhiều cầu, đa số bị giật mình nhưng vẫn còn dùng được; chưa lần nào Deussen bị trễ hạn.

Mụ Susan là người mừng nhất: cây cầu được sửa lại, và đứng vững cho tới khi hết chiến tranh, binh lính và dân chúng vùng kế cận sẽ qua lại tấp nập. Đám công nhân cũng tỏ vẻ hân hoan. Cứ cách ba ngày lại thấy xuất hiện một chiếc xe hơi nhỏ, chạy rất nhanh thẳng gấp trước quán mụ Susan chiếc xe được sơn màu nâu nhạt nó chạy từ hướng Tesarzy tới, một người đàn ông dáng điệu mệt mỏi già nua, bận quân phục màu nâu mang cấp bậc Đại úy bước xuống xe. Đám công nhân được tập hợp lại để lãnh lương; họ lãnh rất nhiều tiền để có thể mua nào vớ, nào sơ-mi do bọn lính bán lại chiều tối, họ uống rượu rồi khiêu vũ với hai cô gái Tiệp Khắc phụ trách việc bếp núc.

Đến ngày thứ mười, Feinhals nhận thấy cây cầu đã hoàn tất; lan can và ván cầu đã được ráp kỹ càng, cột sắt và xi-măng dư thừa được chất lên xe; căn lều chứa xi-măng cũng được tháo gỡ và cho lên xe luôn. Nửa số công nhân và một trong hai cô gái Tiệp Khắc rời công trường đi nơi khác. Khu vực Berczaba trở lại yên tĩnh. Mười lăm người thợ, Deussen và chàng thanh niên bận quân phục màu nâu mang lon Thượng sĩ vẫn còn ở lại, dưới bếp chỉ còn một cô gái Tiệp Khắc; Feinhals luôn luôn dòm ngó cô ta vào lúc buổi sáng khi cô ta ngồi bên cửa sổ gọt vỏ khoai, nhặt rau hoặc dùng

chầy dần thịt. Trông cô gái thật đẹp, nhất là lúc cười với chiếc miệng thật tươi, hàm răng trắng nuốt, đôi chân mày thanh tú, muốn ngắm nhìn cô gái vào giờ khắc đó anh chỉ cần chiếc ống nhòm về phía bên kia đường là thấy ngay cô gái ca hát tối ngày. Tối hôm đó anh xuống quán khiêu vũ với cô gái. Cũng kể từ sau buổi gặp gỡ đó, anh thường khiêu vũ với cô ta để có dịp ngắm nhìn đôi mắt huyền, rung cảm trong vòng tay trắng muốt và chắc nịch của cô gái, mùi hôi khét lẹt từ căn nhà bếp đưa ra làm anh hơi thất vọng. Trong phòng chỉ có mỗi mình cô ta là đàn bà nếu không kể Maria đang ngồi ở quầy hàng và chẳng hề khiêu vũ với người nào. Đêm tối anh mơ tưởng tới cô gái Tiệp mà anh không hề biết tên, anh mơ tới cô ả quá kỳ đến nỗi vừa nằm xuống hình ảnh Ilona lại xuất hiện trong đầu óc anh thật lâu và thật đậm.

Ngày hôm sau anh không chiếu ống nhòm, về phía cô gái nữa mặc dù anh nghe văng vẳng giọng hát êm dịu của cô ta, anh hướng ống kính về dãy núi; anh vui thích khi nhìn thấy đàn dê và chếch về phải tháp chuông nhà thờ, từng đám mây trắng di chuyển, từng đợt trêu nền xám hoặc xanh nhạt.

Feinhals vừa hạ ống nhòm xuống thì kịp nghe một tiếng nổ lớn xa xăm, có lẽ là tiếng súng, vang dội tới chân núi. Đám công nhân đang làm việc trên cầu ngừng tay; cô gái Tiệp Khắc ngừng hát; Thiếu úy Muck vội vã chạy lên gác xép giật chiếc ống nhòm từ tay Feinhals chiếu về dãy núi Muck quan sát thật lâu; không có tiếng nổ nào kế tiếp. Ông ta trao lại ống nhòm cho Feinhals, lắp bắp trong miệng: “Cẩn thận nghe” rồi chạy và xuống sân để kiểm soát việc lau chùi vũ khí.

Chiều hôm ấy có vẻ yên tĩnh hơn bao giờ hết mặc dù vẫn có những tiếng động cổ hữu: thợ thuyền của cột sơn hắc ín trước khi ráp và bắt bu long; giọng nói của mục già giảng luân lý cho con gái, cố gắng thuyết phục nhưng cô con gái vẫn câm như hến, và tiếng hát nho nhỏ của cô gái Tiệp Khắc kể bên cửa sổ mở rộng đang lo cơm nước cho thợ thuyền. Những củ khoai to lớn vàng ngáy sôi lên trong chảo; trong cảnh tranh tối tranh sáng

chiếc tô sứ đựng sà lát đầy nhóc cà chua ánh lên. Feinhals quan sát dãy núi, khu rừng già và bên kia bờ sông, tất cả đều yên tĩnh và bất động. Hai người lính gác đã biến dạng trong đám rừng chồi. Feinhals hướng ống kính về đám thợ trên cầu: lối đi lát cột đã xong được nửa, quay về phía đường cái anh nhìn thấy một chiếc xe cam nhông chất đầy vật liệu dư thừa và dụng cụ; có cả giường, cả ghế và nôi niêu soong chảo. Một chập sau, chiếc xe chở thêm tám công nhân rồi máy trực chỉ hướng Tesarzy. Cô gái Tiệp Khắc tì tay trên khung cửa sổ ra dấu từ biệt họ. Sau giây phút đó khung cảnh đã yên tĩnh lại càng yên tĩnh hơn. Sấm sấm chiều chiếc xuống máy ngược dòng nước lướt tới. Trên cầu chỉ còn thêm một vài chiếc cột cuối cùng để lấp nốt khoảng trống chừng hai thước chiều dài. Đám công nhân ngưng việc để nguyên đồ dùng tại chỗ; chiếc xe cam nhông ban này, đã trở lại đem theo một giỏ trái cây, vài chai rượu. Feinhals đang chờ đợi được thay phiên bỗng vang lên nhiều tiếng nổ tương tự như tiếng sấm sét giả tạo trong rạp hát; mỗi tiếng nổ vang dội thành nhiều tiếng khác lẫn từ hốc đá này tới hốc đá khác rồi lần lượt tắt tiếng. Sau chừng ba hoặc bốn tiếng nổ chính, sự im lặng trở lại. Thiếu úy Muck chạy ào lên đài quan sát, đôi mắt căng thẳng, ông ta đưa ống nhòm từ trái qua phải không bỏ sót quãng nào trên đỉnh núi; khi không thấy gì khác lạ, ông lắc đầu hạ ống kính xuống, rồi điền mấy hàng chữ trong mẫu báo cáo. Sau đó Gress được phái về Tesarzy bằng xe máy, chiếc xe dành riêng cho Deussen. Khi Gress đi rồi, Feinhals nghe thấy từng tràng đại liên trao đổi nhau trong dãy núi; tiếng đại liên do Nga chế tạo đùng đục, chắc, nghe như tiếng cửa cây để phân biệt với tiếng loại súng máy do Đức chế tạo vừa sắc vừa rền chả khác gì tiếng thẳng xe đã mòn bố; đạn súng bén nhảy đến đôi anh có cảm tưởng tất cả được để tuột ra khỏi nòng súng. Tiếng súng hai loại đại liên chỉ trao đổi nhau trong khoảnh khắc kể đó có tiếng lựu đạn, chừng ba bốn trái; tiếng lựu đạn cũng vang dội mạnh mẽ, va chạm quanh queo vào sườn núi rồi hướng về phía đồng bằng, mỗi lúc một yếu ớt dần. Feinhals nhận ra khía cạnh khôi hài của sự kiện: chiến tranh mỗi khi xuất hiện, bắt buộc phải tạo nên sự ồn ào vô ích. Thiếu úy Muck chẳng buồn leo lên đài quan sát nữa, ông chạy ra đầu cầu ngo ngoàng vào trong núi; lúc đó người ta chỉ nghe thấy có mỗi một tiếng súng,

loại súng tay vì tiếng vang dội chỉ nhỏ bằng tiếng đá lăn trên triền núi. Kể từ lúc đó đến chiều tối không có gì xảy ra; Feinhals kéo tấm tôn che kín lỗ hổng rồi từ từ bước xuống dưới nhà.

Gress chưa trở lại. Thiếu úy Muck tập hợp mọi người trong phòng ăn dưới nhà tuyên bố tình trạng khẩn trương kể từ đêm hôm đó; nét mặt ông pha trộn nỗi lo âu, nghiêm nghị; ông đứng mà nói với mọi người, sẵn sàng như lúc ra trận; khẩu tiểu liên đã lên đạn sẵn, treo lưng lẳng trên cổ nón sắt mắc trên dây lưng; ông vừa nói vừa lấy tay vỗ nhẹ lên hàng huy chương đeo trước ngực.

Khi Gress chưa về kịp, một chiếc xe hơi sơn màu xám đã ào tới. Hai vị sĩ quan, một Đại úy mập mạp, mặt đỏ như gấc và một Thiếu úy mảnh khảnh, vẻ mặt quăm quăm bước xuống xe. Thiếu úy Muck ra đón hai người và cả ba cùng lợi bộ qua cầu. Feinhals đứng ngoài cửa quán nhìn theo họ. Trông ba bốn người, tưởng chừng họ quả quyết lắm nhưng chỉ được một đổi, lại thấy họ trở lại. Còn chiếc xe hơi cũng vội vã trở đầu. Phía bên kia đường Deussen đứng trong khung cửa sổ nhìn xuống; đám công nhân ở phòng dưới ngồi bu quanh một chiếc bàn thô kệch còn la liệt những đĩa cà chua và khoai chiên, ánh sáng trong căn phòng rất yếu ớt nên có nhiều khoảng tối. Cô gái Tiệp Khắc đứng trong góc, một tay chống nạnh, tay kia cầm điều thuốc vắt vẻo khoa lên rất kiểu cách để đặt điều thuốc vào vành môi. Kiểu cách đó đối với anh hơi lỗi. Cô ả tiến về phía cửa sổ khi chiếc xe hơi bắt đầu chuyển bánh, ném cho Feinhals một nụ cười Feinhals mê mẩn tâm thần quên cả chào hai vị sĩ quan vừa bước qua mặt anh; chiếc áo lót của cô ả màu đậm, khoảng trống hình quả tim để lộ làn da trắng mịn, tương phản làn da màu nâu trên mặt. Thiếu úy Muck bước vào trong quán và ra lệnh cho Feinhals: “Anh hãy qua bên kia lấy khẩu súng máy”. Lúc đó anh mới nhận thấy trên đường cái, ngay chỗ chiếc xe hơi vừa đậu ban nãy, một khẩu đại liên đen xì, dài thông và những hộp đạn.

Anh bước sang đường không vội vã, khiêng khẩu đại liên, trở qua lần thứ hai lấy các hộp đạn. Cô gái Tiệp Khắc vẫn còn đứng trong khung cửa, dùng ngón tay búng đầu điều thuốc đang cháy cho văng ra xa, rồi bỏ mẫu thuốc đã tắt ngấm vào túi của chiếc “tạp dề” cô ả không rời Feinhals khỏi tầm mắt; nàng không cười nữa, mà còn tỏ vẻ buồn, vành môi cô ả tô quá đỏ thật khó coi. Sau đó cô ả dẩu mỏ, quay vào trong để dọn dẹp. Đám thợ thuyền đứng đây sửa soạn ra công trường.

Bọn công nhân đang làm việc trên cầu và mãi tới nửa tiếng đồng hồ sau Feinhals mới bước qua cầu, khệ nệ trên vai khẩu đại liên. Bọn công nhân rờ rẫm trong cảnh chạng vạng đặt chiếc cột chốt vào cầu. Chính Deussen ra công siết dây bù loang cuối cùng. Deussen được soi sáng bằng một cây đèn gió đá; hắn dùng chìa khóa để siết bù loong nhanh nhẹn, chính xác, khiến Feinhals có cảm tưởng hắn đang quay tay quay của chiếc đàn ống Béc Ba Ri. Thoạt nhìn hắn, người ta liên tưởng hắn đang cố gắng làm phát động những âm thanh từ một chiếc trống đặc to lớn. Feinhals đặt cây đại liên xuống quay sang nói với Gress.

- Hãy chờ tôi một chút!

Sau câu nói Feinhals trở lui lại phía sau. Anh nghe tiếng động cơ chiếc xe cam nhông đậu trước căn nhà dành riêng cho đám công nhân, anh tiến về phía dốc cầu bên này sông: người ta đang chất nốt đồ đoàn còn bỏ lại gồm một chiếc lò đun, vài chiếc ghế, một ổ khoai, chén đĩa và đồ dùng riêng của bọn thợ. Đám thợ đã leo hết lên xe, mở nút chai rượu mạnh và tu từng hơi. Cô gái Tiệp Khắc lên sau chốt, đầu quấn chiếc khăn quàng màu đỏ, hành lý của cô ta không có gì kèn càng vốn vện chỉ có chiếc túi ba lô màu xanh. Feinhals lưỡng lự một chút khi cô gái trèo vào trong xe anh vội vã bước đi thật nhanh. Deussen, người cuối cùng rời khỏi cây cầu, trong tay vẫn còn cầm chiếc khóa siết bù loong, hắn từ từ tiến về phía nhà lão Temanns.

Feinhals và Gress đều thức gần suốt đêm bên khẩu đại liên mới tinh đặt khuất bên bờ tường trên đầu dốc cầu; họ giồng tai để nghe tiếng động của đêm trường. Chẳng có gì khác thường! Khi toán tuần tiểu từ đám rừng già trở về qua cầu, bọn lính gác và tuần tiểu trao đổi với nhau vài câu. Sau đó mọi người lại lầm lũi, miệng câm như hến, lính gác tiếp tục phận sự, ngó mông trên đường cái chạy tới bìa rừng. Không có gì xảy ra vào lúc đó. Nửa đêm đổi phiên gác, Feinhals và Gress vừa nằm xuống là ngủ như chết.

Sáng ngày ra, thì Feinhals và Gress vừa nghe tiếng động đã tỉnh giấc. Gress lúng túng sờ chân vào đôi ủng. Feinhals để chân không chạy ra phía cửa sổ nhìn xuống. Một nhóm người đứng bên kia đầu cầu đang giải thích với Thiếu úy Muck lúc đó tỏ ý định không cho họ qua. Có thể họ từ trong núi và trong làng có nóc tháp chuông cao vút sau đám rừng già. Họ nối đuôi nhau thành dọc dài, xe cộ đầy nhóc đồ đạc, giọng nói liếng thoảng the thé của họ, tỏ rõ họ quá sợ sệt. Feinhals trông thấy mẹ Susan chân đi giày vải, chiếc áo choàng khoác vội trên vai đang tiến vào cầu. Mẹ ngưng lại gần viên Thiếu úy, nói với dân làng thật lâu; mẹ quay sang nói với viên Thiếu úy ý chừng muốn thuyết phục ông ta thay đổi ý định. Deussen cũng đến với mọi người, dáng điệu thật ung dung, miệng vẫn phì phào điều thuốc. Deussen nói chuyện với Thiếu úy Muck một lát rồi quay sang mẹ Susan. Gress nói với Muck giúp bọn người tản cư. Cuối cùng đoàn người cũng vẫn được tự do đi nhưng theo hướng Szarny, bên kia bờ sông. Xe nào xe nấy đầy ắp nào trẻ nít, nào rương, nào bu gà vịt. Đoàn người và xe ì ạch tiếp tục hành trình. Deussen quay về chỗ tạm trú với mẹ Susan, vừa đi vừa giải thích cho mẹ hiểu rõ tình hình, hẩn lắc đầu lia lịa.

Feinhals từ từ mặc quần áo rồi leo lên giường nằm lại. Anh định bụng ngủ thêm một giấc ngắn nhưng Gress bắt đầu cạo râu cứ đi qua đi lại tạo nhiều luồng gió trong phòng, hẩn lại còn hút gió nữa. Vài phút sau, hai chiếc xe hơi chạy. Thoạt tiên người ta nghĩ rằng cả hai chiếc xe chạy song song, nhưng có thể gần tới mức đến chiếc xe sau đã vượt chiếc xe trước rồi cả hai cùng ngừng máy một lượt, mọi người không thể phân biệt tiếng của

hai xe mà chỉ nghe thấy tiếng động cơ của một chiếc. Feinhals đứng dậy và xuống lầu. Cũng lại chiếc xe sơn màu nâu đã chở viên phát ngân tới đây đã nhiều lần để trả lương thợ. Deussen đã xuống dưới đường và đang đi bên cạnh một người bạn quân phục màu nâu, cũng mang lon chỉ huy. Hai người đi bộ tới cây cầu mới cất lại. Chiếc xe thứ hai sơn màu xám, bẩn thỉu, lốm đốm nhiều vết bùn hình sao; chiếc xe hạch đui đậu trước cửa quán. Một viên Thiếu úy lạnh lẽo bước xuống xe; vừa trông thấy Feinhals ông ta liền nói lớn:

- Các anh sửa soạn đi là vừa. Ở đây chẳng yên chút nào! Xếp anh là ai đó?

Feinhals nhìn tấm phù hiệu Công binh trên vai viên Thiếu úy. Chỉ về phía cầu, anh đáp:

- Ông ta đang đứng ở đó?

- Cám ơn! - Viên thiếu úy đáp.

Viên sĩ quan nói vọng với tên lính còn ngồi trong xe: “Mày sửa soạn đi nhé!” Vừa nói ông ta vừa chạy lại phía cầu.

Feinhals theo sau viên Thiếu úy. Người đàn ông bạn quân phục màu nâu vừa mới tới, đang bận quan sát cây cầu, ông ta tỏ ý hài lòng, đầu gật lia lịa; ông ta cùng Deussen từ từ trở lại quán mụ Susan. Deussen vội vã lấy hành lý, chiếc chìa khóa siết bù loong vẫn còn nằm gọn trong tay. Chiếc xe màu nâu vút đi thật mau.

Thiếu úy Muck cũng trở lại kèm theo hai xạ thủ đại liên, Thiếu úy Công binh và một Trung sĩ Pháo binh; người này không mang vũ khí, mình mẩy hằn lấm đầy bùn và chả khác nào con thú bị săn đuổi; hắn không mang đồ hành trang, nón kết không thấy có trên đầu; tay hắn luôn luôn chỉ về phía núi rừng với vẻ đầy sợ sệt. Feinhals vừa được biết, qua câu chuyện họ trao đổi với nhau, một đoàn quân xa đang từ từ tiến trên đường cái. Viên Thiếu

úy Công binh vội chạy về phía xe hơi giục dă: “Mau! Mau lên!” Tên lính bước xuống xe tay ôm nhiều hộp bằng tôn sơn màu xám và những miếng các tông màu nâu lại còn thêm một cuộn dây. Viên Thiếu úy liếc nhìn đồng hồ và nói:

- Bây giờ là bảy giờ, chúng ta chỉ còn mười phút (quay sang Thiếu úy Muck). Đúng mười giờ chiếc cầu này sẽ nổ tung. Mình chả cần phản công.

Feinhals chậm rãi bước lên chân thang, thu dọn đồ riêng, rồi đặt trước cửa ra vào cùng với cây súng cá nhân. Anh trở lại trong phòng lần nữa. Hai người đàn bà chưa kịp mặc quần áo tắm tất họ còn cuống quýt chạy từ buồng này sang buồng khác, gấp cái gì quơ cái đó. Cả hai còn gây lộn với nhau, trách chă. Feinhals nhìn bức tượng Đức mẹ hoa đã héo tàn; anh đưa tay nhẹ bứt những cành lá úa, sắp xếp tắm tất những cành còn lại rồi liếc nhìn đồng hồ. Bây giờ tám phút; tiếng xe nổ nghe rõ mồn một, có thể đoàn xe đã vượt qua làng và đang tiến vào trong rừng ở đây mọi người đã sẵn sàng. Thiếu úy Muck cầm cuốn sổ tay để ghi lý lịch của anh Trung sĩ Pháo binh lúc đó đầu tóc bơ phờ và đang ngồi trên chiếc ghế băng với dáng điệu mệt mỏi.

- Schniewind, - Hãn khai - Arthur Schniewind tiểu đoàn 912.

Thiếu úy Muck gật đầu rồi luồn cuốn sổ vào túi xách tay. Đúng vào lúc đó Thiếu úy Công binh và người lính chạy tới. Viên sĩ quan hô lớn: “Mọi người hãy nằm xuống”. Tất cả mọi người vội nằm xuống, thật sát chân tường; chiếc tường xây thành góc độ tiếp giáp dốc cầu. Viên Thiếu úy liếc nhìn đồng hồ: cây cầu sắp nổ tung. Tiếng nổ không lớn lắm, không có miếng văng lên; chỉ nghe thấy tiếng gió rít lên rồi có tiếng lựu đạn nổ tiếp theo, khung cầu rạn nứt và toàn thân chìm xuống dưới nước. Mọi người chờ lệnh của viên Thiếu úy; ông ta nói: “Xong rồi!” Mọi người đứng dậy và nhìn xem sự gì xảy ra: các cột bê-tông vẫn đứng nguyên như trời trồng, phần còn lại lề đường và lối đi được cắt gọn, đầu cầu bên kia còn dính lủng liếng một quãng ngắn.

Tiếng đoàn xe bên kia sông mỗi lúc một rõ hơn. Bỗng nhiên người ta không nghe thấy gì hết; có lẽ đoàn xe ngừng ở bìa rừng.

Viên Thiếu úy Công binh trèo lên xe, cho máy chạy và nói vọng về phía Thiếu úy Muck:

- Kia, anh còn chờ gì nữa? Anh đâu có được lệnh ở lại đây?

Sau đó, ông ta giơ tay chào mọi người và cho xe vọt.

Muck kêu thật to cho mọi người nghe thấy:

- Tập hợp!

Binh sĩ chạy ủa ra xếp hàng ngay trên đường cái. Muck liếc nhìn hai căn nhà đối diện hai bên đường, y chờ đợi sự động tĩnh bên trong, tất cả đều bất động. Người ta nghe tiếng khóc đàn bà: có lẽ là mẹ Susan.

- Đứng trước... bước! - Muck ra lệnh - Thường... bước!

Thiếu úy Muck đi đầu, nét mặt nghiêm nghị, và buồn bã. Hướng mắt của ông xa xăm thật xa xăm nếu ông ta không muốn nhìn lại phía sau, hoặc trở về với nội tâm.

NGƯỜI Ở ĐÂU VỀ

Heinrich Boll

www.dtv-ebook.com

Chương 9

Feinhals ngạc nhiên khi thấy cơ nghiệp họ Fincks quá đồ sộ. Đứng ngoài đường phố người ta chỉ nhìn thấy mặt tiền cũ kỹ nhỏ hẹp treo bảng hiệu có hàng chữ: “Quán ăn và khách sạn Fincks, cha truyền con nối từ 1710”. Hàng hiên bên ngoài đổ nát ăn thông ngay với phòng ăn có trần cửa sổ: bên tay trái một chiếc, bên tay phải hai chiếc. Kế bên cánh cửa sổ thứ hai, tay mặt có cánh cửa rộng lớn thường thấy trong các trang trại dân trồng nho, cánh cửa này sơn màu ve, mỏng manh đủ lọt một chiếc xe bò.

F

Vừa đẩy cánh cửa, Feinhals ngạc nhiên vì cảnh tượng bên trong với một chiếc sân, lát gạch phẳng lì bốn chung quanh có những dãy nhà đất tiền. Trên lầu nhất, dãy lan can bằng gỗ chạy dài bốn chung quanh một hàng hiên, một cánh cửa lớn khác ăn thông sang chiếc sân thứ hai, hai phía có nhà kho, phía bên phải có một căn nhà trệt rộng lớn, có lẽ dùng làm phòng hội. Feinhals đưa mắt quan sát kỹ khắp nơi, tai lắng nghe mọi động tĩnh anh đứng khựng khi trông thấy hai người Hoa Kỳ, họ đang phiêu gác trước cánh cửa thứ hai họ luôn luôn đi tới đi lui, đụng nhau chả khác loài thú bị nhốt trong chiếc chuồng quá chật hẹp mỗi khi xô dịch thường va chạm nhau. Một trong hai người mang kính, môi động đập không ngừng người thứ hai hút thuốc lá. Chiếc nón kết trên đầu họ kéo ngược về phía sau gáy. Trông họ có vẻ mệt mỏi.

Quay về bên trái Feinhals lắc núm cánh cửa bên ngoài có đề chữ “phòng riêng”. Anh liền vội quay sang cánh cửa bên phải có đề chữ “phòng ăn”. Cả

hai cánh cửa đều được khóa kỹ. Anh đành đứng khựng để nhìn hai người lính gác di chuyển qua lại không ngừng. Bầu yên tĩnh thỉnh thoảng bị phá tan bằng vài phát súng, binh đội hai bên chỉ đứng từ xa để trao đổi tạc đạn như kiểu chơi banh; nghiệm ra cả đôi bên đối thủ đều coi nhẹ vấn đề; họ chỉ cần tỏ cho mọi người biết chiến tranh vẫn còn đó, những trái đạn xé gió bay trên không trung, nổ tung bất kỳ chỗ nào gây náo động để báo cho mọi người. “Chúng ta đang thời kỳ chiến tranh, hãy coi chừng, chiến tranh là thế đó!” Tiếng vang của đạn trái phá thật yếu ớt, Feinhals phải lắng tai mới nhận rõ làn đạn chỉ tự phần đất quân Hoa Kỳ bay sang phía địch: quân Đức không hề bắn trả lại. Cuộc pháo kích đó không song phương; thật là một trò chơi không đối thủ: một bên dành ưu tiên đưa từng loạt đạn đều đặn sang phần đất còn lại bên kia sông, một vùng rừng núi.

Feinhals dè dặt từng bước; đầu hành lang, phía trước mặt anh, hơi tối ăn thông sang hai lối bên trái vào hầm rượu, bên mặt tới một cánh cửa nhỏ ngoài có ghi hàng chữ: “Nhà bếp” anh gõ nhẹ lên cánh cửa có tiếng đáp từ bên trong: “Xin mời vào!” Feinhals đặt tay lên núm cửa. Bốn khuôn mặt quay lại nhìn anh; anh ngạc nhiên nhận ra trong đó có hai người có khuôn mặt giống một người mà anh đã được dịp tiếp xúc ở một nơi thật xa, hẳn một mồi đến gần ngất xỉu, giữa một cánh đồng Hung Gia Lợi dưới ánh sáng hoe đỏ, yếu ớt. Hai khuôn mặt đó, một của ông già đang ngồi kế bên cửa sổ hút ống vố, dáng người gầy gầy mắt sáng lên vẻ nhẵn nhụi khuôn mặt ông lão thì giống với con người anh đã gặp; khuôn mặt thứ hai, của một đứa trẻ, lối sáu tuổi đang lê la dưới đất đùa nghịch với chiếc xe kéo bằng gỗ; đứa trẻ ngừng đầu lên, nó cũng gầy guộc mệt mỏi, già giặn và ngoan ngoãn; nó giương đôi mắt buồn nhìn Feinhals rồi thản nhiên đẩy chiếc xe với vẻ nặng nhọc.

Hai khuôn mặt khác, hai người đàn bà đang ngồi gọt khoai trước bàn gồm một lão bà còn khỏe mạnh có nước da ngăm ngăm, vành mặt to với nhiều nét thanh tú của thời thanh xuân; người đàn bà ngồi kế bên, tuy còn thật trẻ, nhưng có vẻ héo hon, hốc hác, mệt mỏi; cô ả cử động các ngón tay

như kẻ mất hồn. Vài món tóc hung rủ xuống trán, xuống mặt cô ả; vành trán và da mặt xanh xao tóc của bà cụ trái lại được vén gọn và kẹp chặt phía sau ót.

- Chào quý vị! - Feinhals cất tiếng chào.

- Chào ông! - Mọi người cùng đáp lại.

Feinhals đóng cửa lại khi lọt qua khung cửa. Anh cảm thấy ngượng ngùng, cất tiếng ho khan; mồ hôi xâm xấp lưng áo và hai bên nách. Người đàn bà trẻ tuổi nhìn anh, cô ả có đôi bàn tay thon nhỏ và trắng muốt. Con thằng nhỏ loay hoay không làm sao đưa bánh xe ra khỏi chỗ nứt của sàn lát gạch nên đành đẩy chiếc xe dọc theo đường thẳng. Không khí trong căn phòng không mát mẻ chút nào lại còn bốc lên mùi thum thum của thức ăn thừa. Bốn chung quanh tường la liệt nào xoong, nào chảo.

Hai người đàn bà liếc mắt nhìn ông lão kể bên khung cửa, mắt đang hướng về phía sân. Ông lão chỉ chiếc ghế, nói với Feinhals.

- Xin mời ông ngồi...

Feinhals ngồi gần bà lão già, anh nói.

- Thưa Bác, tên cháu là Feinhals, từ Weidesheim tới cháu muốn về nhà.

Hai người đàn bà nhướng mắt lên khi ông cụ bật nói như tỉnh cơn ngủ.

- Feinhals, ở Weidesheim? Có phải con trai lão Jacob Feinhals đó không?

- Dạ phải! Chắc Weidesheim vẫn bình yên?

Ông già nhún vai, nhả một làn khói thuốc rồi tiếp:

- Không chọn nhận gì lắm đâu, họ mong muốn quân Mỹ chiếm đóng thị trấn đó, nhưng quân Mỹ lại không tiến chiếm. Quân Mỹ ở đây đã ba tuần rồi mà chẳng tiến xa hơn hai cây số; bên kia quân Đức cũng án binh bất động; vùng này chưa thuộc về bên nào, hình như đôi bên đều chệch có thể vì vị trí địa dư không thuận tiện..

- Thịnh thoảng quân Đức có bắn qua mà? - Người đàn bà cắt ngang lời nói của ông cụ.

- Phải, mọi người đều nghe thấy hết đó! - Ông cụ đáp lại rồi ngoảnh nhìn Feinhals từ đầu tới chân; ông tiếp - Ông từ đâu tới?

- Thưa Bác, phía đối diện. Cháu chờ bên đó đã ba tuần nay mà chưa thấy quân Mỹ qua.

- Phía bên kia hả?

- Dạ không! Tuy ở bên đó thật nhưng chệch về -hướng Nam gần Grinzheim.

- Chà! Ở Grinzheim? Thế ra ông đã qua khu vực đối diện?

- Thưa Bác vâng; nhờ đêm tối; mới hồi hôm!

- Thế ra ông đã thay đồ rồi?

Feinhals lắc đầu.

- Thưa Bác không - Anh đáp - Cháu đã trở về đời sống dân sự từ bên kia; họ đã cho cháu giải ngũ, cùng với nhiều người khác.

Ông lão mỉm cười nhìn người đàn bà trẻ tuổi.

- Trude, nghe thấy không con? Họ cho xuất ngũ rất nhiều người.Ồ! Rồi tha hồ mà vui cười.

Hai người đàn bà ngưng gọt vỏ khoai; người đàn bà nhỏ tuổi cầm chiếc xoong tiến về phía vòi nước trong góc, đổ những củ khoai vào vĩ lược, rồi mở vòi nước để rửa; cô ả vẫn chậm chạp. Người đàn bà lớn tuổi nắm cánh tay Feinhals. Anh quay lại.

- Có phải họ cho nhiều người xuất ngũ? - Bà cụ hỏi lại anh.

- Nhiều lắm, Bác ơi, - Feinhals đáp - có nhiều đơn vị đã cho toàn thể quân nhân xuất ngũ. Những người này đã đồng thanh tập hợp lại tại miền Ruhr. Riêng cháu cháu chả muốn đi nữa.

Người đàn bà đứng kế vòi nước đang khóc thút thít, cố giữ không gây tiếng động, chỉ thấy hai vai nàng rung động.

-... Hoặc khóc, - Ông già bỗng nhiên nói - cười hoặc khóc.

Ông lão nhìn Feinhals:

- Chồng con nhỏ chết rồi; chồng nó là con trai của lão.

Ông lão cầm ống vớ chỉ người đàn bà đang đứng rửa khoai thật chậm chạp và kỹ càng kế bên vòi nước: nàng vẫn chưa ngưng khóc.

- Tại Hung Gia Lợi, - Ông lão nói tiếp - vào mùa thu năm ngoái.

- Phải chi nó còn sống thì hè này nó đã được xuất ngũ rồi, - Bà cụ ngồi kế bên Feinhals lên tiếng - nhiều lần người ta tưởng nó được giải ngũ vì bệnh hoạn; nó bệnh quá trời. Nhưng rốt cuộc cũng chẳng ai lo cho nó cả! Nó còn một chiếc rương.

Bà cụ lắc đầu liếc mắt nhìn nàng dâu, lúc đó vẫn còn đang loay hoay bên vòi nước. Nàng gượng nhẹ đổ khoai vào chiếc nồi sạch bóng, rồi chế thêm chút nước. Vừa làm nàng vừa khóc thút thít, thật nhỏ, khó ai có thể

nghe rõ. Sau khi đặt nồi khoai lên trên lò, nàng lại góc phòng rút mảnh khăn tay bỏ trong túi chiếc “tạp dề”.

Feinhals nhận thấy nét mặt người góa phụ sa xuống. Anh không mấy khi nghĩ tới Finck; thỉnh thoảng cũng có đấy nhưng chỉ thoáng qua rồi lại thôi. Lúc đó Feinhals lại nghĩ đến hần quá nhiều, khiến những gì xảy ra với hần trước đây, hiện rõ trong ký ức của anh: Chiếc va-li nặng quá sức tưởng tượng bị trúng một trái tạc đạn; chiếc nắp xé gió bay đi đâu mất; trong đêm tối, tiếng chai lọ va vào nhau vỡ loảng xoảng, rượu bên trong nhũ xuống đầu cổ hần... Feinhals sống lại giờ khắc đó với tất cả sự kinh ngạc trước cái hình hài nhỏ thó, gầy guộc của Finck, anh lần nắm khắp châu thân hần cho tới khi tay anh va chạm vào giữa vết thương toang hoác, máu me bê bết...

Anh ngăm nhìn đứa nhỏ đang lê la dưới đất. Những ngón tay thon dài và trắng của đứa trẻ thơ đang lôi kéo chiếc xe gập ghềnh giữa những tấm đan hư vỡ, đứa nhỏ chất que củi lên xe rồi lại gỡ xuống, gỡ xuống rồi lại bỏ lên... Đứa nhỏ yếu ớt quá, cũng có những cử chỉ chậm chạp chả kém gì mẹ nó, lúc đó ngồi ở bàn chiếc khăn tay úp trên mặt. Feinhals cảm thấy phiền muộn, chỉ biết ngó quanh và không biết có nên kể lại cho mọi người nghe những gì đã xảy ra. Feinhals cúi gục đầu xuống; chuyện đó chẳng nên nói trong lúc này; thôi đành để dịp khác. Anh sẽ chỉ nói riêng với ông cụ. Hôm ấy, anh đành im lặng; mà chắc họ cũng chẳng quan tâm tới điều tại sao Finck đã xuất viện để mắc cạn tại Hung Gia Lợi. Bà cụ lại nắm lấy cánh tay Feinhals.

- Có gì không ông? - Bà cụ nhẹ nhàng hỏi anh - Ông có đói không? Ông có đau ở đâu không?

- Thưa bác không, - Anh đáp - cảm ơn lòng tốt của bác.

Khi nhận thấy tia mắt soi mói của bà cụ, anh phải nói rõ thêm.

- Thật tình cháu không đói, mà cũng không sao cả. Cảm ơn Bác!

- Vậy ông làm một ly rượu nhé, - Ông cụ nói vọng từ phía cửa sổ - loại rượu mạnh?

- Dạ, cháu xin bác một ly rượu mạnh. - Feinhals đáp.

- Trude con, ông cụ gọi nàng đâu, rót cho ông bạn đây một ly rượu mạnh.

Người góa phụ đứng dậy, bước sang phòng kế bên.

- Chúng tôi ở đây chật chội quá, - Bà cụ nói với Feinhals - chỉ còn căn bếp này và phòng ăn mà thôi. Tôi nghe nói binh lính sắp sửa tiến quân; họ có nhiều thiết giáp xa quá; ngoài ra còn phải di tản tù binh nữa.

- Trong nhà này có tù binh hả bác?

- Có chứ, - Ông cụ đáp - họ bị nhốt ở các phòng kế bên đó; toàn là sĩ quan cao cấp, đang bị lấy cung. Sau đó họ sẽ được chuyển đi chỗ khác. Lão thấy có cả một tướng lãnh nữa kìa! Cháu nhìn xem!

Feinhals tiến gần về phía ông cụ, ông giơ tay chỉ những khung cửa sổ của căn phòng trông xuống cánh sân thứ hai; tất cả các khung cửa sổ đều có song sắt đan thêm nhiều dây kẽm gai.

- Kìa! - Ông cụ làm anh chú ý - Người ta lại dẫn một người khác đi lấy cung.

Lần này đúng là viên tướng mà Feinhals nhận ra ngay: ông ta có nét mặt căng thẳng, trên cổ vẫn còn đeo chiếc huy chương hình chữ thập; ông mỉm cười, thản nhiên bước giữa hai tên lính canh trong tay lăm lăm khẩu tiểu liên. Trông ông ta không có vẻ gì là mệt mỏi tuy nước da hơi vàng, với vẻ bình tĩnh, quả quyết và hiền từ chẳng khác gì một nhà mô phạm, viên tướng không ngớt mỉm cười. Từ cửa lớn đi vào, bọn người chậm rãi bước qua sân rồi bước lên bậc cửa; hai tên lính áp tải vẫn theo sát.

- Đó ông tướng đó - Ông cụ thân sinh ra Finck xác nhận - Lại còn nhiều vị Đại tá, thiếu tá nữa, tất cả đều thuộc bộ tham mưu; tất cả gần ba chục người.

Người góa phụ trở lại căn bếp mang theo vài chiếc ly và một chai rượu mạnh. Nàng đặt một chiếc ly trên bậu cửa trước mặt bố chồng, một chiếc khác trên bàn, trước mặt chiếc ghế Feinhals vừa ngồi; Feinhals vẫn còn đứng gần cửa sổ, từ đó anh có thể nhìn tới cánh sân thứ hai có con đường phố chạy ngang phía sau. Ở đó cũng có hai lính gác trang bị tiểu liên. Feinhals nhận ra tiệm bán hôm trước mặt; anh nhớ trên con đường này có trường Trung học. Một chiếc hòm sơn đen kịt có nẹp bạc đặt trên tấm nỉ đen viền tua bạc, được trưng bày làm mẫu trước cửa tiệm. Có lẽ chiếc hòm đó đã có từ hồi anh còn cắp sách tới trường hồi mười ba năm trước đây.

- Mời ông dùng rượu! - Ông cụ vừa nói vừa nâng ly.

Feinhals vội vã nâng ly và không quên cảm ơn người góa phụ.

- Không dám! Xin mời bác. - Anh nói với ông cụ rồi nhấp môi vào ly rượu.

Rượu mạnh ngon tuyệt.

- Theo ý ông, lúc nào thuận tiện để ông lần về nhà?

- Dù gì ông cũng phải tìm qua những nơi không có lính Mỹ canh phòng; tốt hơn nên theo ngã Kerpel. Ông biết Kerpel chứ?

- Thưa Bác vâng - Feinhals đáp - Ở đó không có lính Mỹ hả bác?

- Không. Đêm đêm tôi thường thấy nhiều người tới đây kiếm bánh mì, họ đều mượn đường Kerpel.

- Ban ngày bọn Mỹ cũng thường xạ kích vào nơi đó. - Người góa phụ xen vào giữa câu chuyện.

- Đúng vậy, - Ông cụ xác nhận - nhưng thỉnh thoảng thôi!

- Cám ơn bác - Feinhals đáp - Cám ơn bác nhiều lắm.

Sau câu nói, anh uống cạn ly rượu. Ông lão đứng dậy và nói.

- Tôi đi lên vườn nho bây giờ đây; tốt hơn ông nên theo tôi cùng đi. Ở đó ông sẽ nhìn thấy rõ hết, ngay nhà của cụ thân sinh của ông nữa...

- Vâng - Feinhals đáp - Cháu xin theo bác.

Anh nhìn hai người đàn bà bắt đầu lột lá cải; họ làm công việc đó thật nhẹ nhàng; mỗi lần lột được một chiếc lá, họ đều xem xét thật kỹ rồi mới sắt thành những nhánh nhỏ và bỏ vào vỉ lưới. Thằng nhỏ chán chiếc xe, ngừng đầu hỏi:

- Cho cháu đi với!

- Ừ - Đi theo ông! - Ông cụ đồng ý với nó.

Ông cụ thân sinh ra Finck để chiếc ống võ trên bậu cửa, ông nói lớn:

- Trông kìa ông, lại có một người nữa sắp đi qua.

Feinhals vội chạy ra cửa sổ; anh nhìn thấy một vị Đại tá có dáng đi yếu đuối có chiếc mặt lưới cày; trông ông ta quá bệnh hoạn đến nỗi chiếc cổ gầy guộc trở thành quá nhỏ so với chiếc cổ áo huy chương vẫn còn lủng liểng trên cổ áo; ông nhắc cao đầu gối mỗi khi cất bước với hai cánh tay lòng thòng.

- Thật xấu hổ, - Ông cụ lầm bầm - thật là xấu hổ!

Feinhals vói tay lên mắc hạ chiếc nón và đội lên đầu.

- Xin kiểu cụ và bà. - Feinhals chào hai người đàn bà.

- Chào ông. - Họ đồng thanh đáp lời chào của anh.

Ông cụ ngoái cổ lại:

- Chúng tôi sẽ trở lại ăn cơm trưa đấy nhé.

* * * * *

Binh Berchem không ưa chiến tranh chút nào. Nghề cũ của anh là bồi bàn trong một hộp đêm. Anh đã nhiều lần thoát khỏi lệnh gọi nhập ngũ cho tới năm 1944. Trong nghề bồi bàn tại hộp đêm đó anh đã học được rất nhiều điều mà anh không thấy mới mẻ bằng một ngàn năm trăm ngày trong quân ngũ giữa thời chinh chiến. Kinh nghiệm trong nghề cho anh thấy đa số đàn ông không chịu được rượu; nhưng họ lại không tin điều đó, trái lại họ còn tự hào là tửu lượng rất cao và còn can đảm cho mình uống rượu rất giỏi, họ thường khoe với đám người cùng đi với họ như vậy. Nhưng thực ra, người biết uống rượu lại chẳng có bao nhiêu, còn người ngồi nhìn kẻ khác uống lại càng hiếm hơn. Chiến tranh cũng chẳng thay đổi được bao nhiêu.

Đa số đàn ông đã mắc lỗi lầm công nhận chút kim khí bóng loáng ghim nơi ngực hoặc tòng teng trên cổ có mãnh lực thay đổi giá trị con người mang nó. Có nó thì kẻ đần độn cũng trở thành người tinh khôn, kẻ yếu như sên cũng trở thành mạnh như hổ. Trái lại Berchem nhận thấy sai, sai ở chỗ nếu có sự gì thay đổi, thì chỉ toàn ở chiều hướng đi xuống mà thôi. Riêng anh, anh không hề biết trước những ai sẽ tới quán rượu, còn những người đã tới anh không hi vọng thấy họ xuất hiện vào những đêm khác. Điều anh biết chắc, mặc dù họ muốn tưởng tượng hoặc tán dóc họ nốc bao nhiêu rượu, ực từng hơi ngày này hay ngày khác, nơi này hay nơi khác, tất cả những người đó không ai là không bị rượu đánh ngã. Nhìn kẻ say chẳng có

gì là đẹp mắt; ấy vậy mà trong một ngàn năm trăm đêm sống trong nghề bồi bàn tại quán rượu đó, anh chưa thấy ai chịu bỏ thời giờ để kiểm soát việc buôn bán chợ đen; có lẽ người ta cho rằng phải có một nơi nào đó để cho các người hùng nơi chiến tuyến có dịp uống, hút và ăn. Tên chủ quán mới hai mươi tám tuổi đầu, khỏe như vâm mà mãi tới tháng chạp năm 1944 chả ai thèm lôi hẫ vào quân ngũ. Hẫ chả cần lưu tâm đến những trái bom đang tàn phá lần lần thành phố; hẫ có một chiếc vi-la xây cất trong rừng với một hầm trú ẩn kiên cố. Hẫ còn chơi chua bằng cách mời các người hùng chiến tuyến mà hẫ ưa thích về tận nhà riêng để nhậu. Hẫ có xe riêng để đưa rước họ, khi tới cũng như lúc về.

Từ đầu hôm sớm mai Berchem quan sát kỹ lưỡng đám thực khách, lắng tai nghe những điều họ nói, vì lương tâm chức nghiệp mặc dù anh nhận thấy những mẩu chuyện giữa họ với họ chán phèo. Họ đã kể cho nhau nghe toàn chuyện chiến tranh nào bao vây, nào tấn công; anh có ý định ghi tất cả vào trong sổ tay, nhưng khốn nỗi nó lại quá nhiều; mấy người hùng nhắc đến chuyện binh biến, thật ra chỉ để giải thích tại sao họ không được ban thưởng huy chương mặc dù họ cảm thấy rất xứng đáng, ít ra cũng được một chiếc, nhưng xét vì... xét vì... Đầu óc Berchem quay cuồng về vấn đề “xét vì... xét vì...” đến nỗi anh chán ngấy chiến tranh. À, mà còn nữa chứ; đến lúc các quan say sưa, các quan chả cần giữ gìn lời lẽ, có gì đều tuôn ra hết, với nhau là lẽ đương nhiên và còn ngay cả với mấy cô nàng, có thể là địch vận đã lặn lội tới đó từ Pháp, Ba Lan, Hung Gia Lợi và Lỗ Ma Ni. Mấy ả này, phần đông lại chịu được rượu. Berchem chịu mấy cô ả đó lắm, nhất là khi họ có thể thù tạc với anh.

Vào giờ khắc đó Berchem đang nằm chúi trong một vựa thóc tại một nơi mang tên Auelberg, trong mình hẫ có ống nhòm, có tập học trò, có viết chì và chiếc đồng hồ đeo tay. Hẫ được lệnh theo dõi tình hình quân sự tại Heidesheim cách hẫ khoảng một trăm năm chục thước, bên kia bờ một con sông nhỏ. Ở đó chả có gì đáng quan sát; tầm mắt của anh một nửa bị hạn chế bởi bức tường gạch của lò bánh kẹo, đã đóng cửa nghỉ việc, phần

còn lại là một khoảng đường phố thừa thớt vài khách bộ hành tiến về hướng tây Heidesheim, rồi vội vã biến dạng trong những ngõ hẻm. Những người đó, thuần là nông dân làm trong vườn nho hoặc vườn cây; Berchem nhìn thấy họ trên đồi cao phía sau Heidesheim không thuộc phạm vi trách nhiệm của anh. Khẩu đại bác anh làm tiền sát viên chỉ được quyền nã bảy trái đạn trong một ngày và phải tiêu thụ hết trong ngày mới được lãnh thêm. Bảy trái đạn trong một ngày có thấm tháp gì với binh đội Hoa Kỳ đang chiếm đóng Heidesheim, một trái bắn sang bên đó, sẽ được đại pháo Hoa Kỳ đáp lễ hàng loạt cả trăm trái liên tiếp; như vậy có bắn đi cũng bằng vô ích, ngoài ra còn cần thiết cấm chỉ vì đạn bay đi không gây tổn thất cho địch mà khi đạn bay về nhột nhật quá. Anh còn cảm thấy ghi chép vào sổ cũng bằng thừa, dù vậy anh vẫn làm công việc đó đều đều: “10g30 chiến xa Hoa Kỳ từ Heidesheim tiến tới căn nhà kế cận lò bánh kẹo; đậu trước lò bánh kẹo; rút lui hồi 11g15” Chiếc chiến xa đó hàng ngày vẫn tới đậu ở đó một tiếng đồng hồ và chỉ cách nơi anh khoảng một trăm năm chục thước. ngày nào anh cũng ghi mà bên anh chẳng bao giờ có phản ứng. Anh lính Thiết giáp binh Hoa Kỳ còn xuống đất vào trong căn nhà đó cả tiếng đồng hồ rồi mới ra đi.

Trưởng khẩu đại bác của Berchem là một viên Thiếu úy mang tên Gracht, trước đó là một mục sư. Berchem chưa hề có dịp quen các mục sư; anh nhận thấy viên Thiếu úy đó rất dễ thương; ông ta cho lệnh tổng bảy viên đạn trái phá vào phần đất lầy lội, lau sậy mọc đầy gần ngã ba sông, bên trái Heidesheim. Dân chúng trong vùng mệnh danh Kerpel, lưu vực con sông đó; đạn trái phá rớt xuống đây chẳng gây thiệt hại gì cho ai, Berchem vì lương tâm chức nghiệp, ghi vào trong tập: “Có sự khuấy động bất thường trong vùng ngã ba sông”. Viên Thiếu úy không tỏ ý phản đối những điều anh ghi, vì hàng ngày anh cứ thấy ông cho lệnh tổng đạn vào vùng lầy.

Nhưng, cách đó hai ngày, trưởng khẩu đại bác được thay thế: người mới tới Trung sĩ nhất Schniewind, anh chàng này có vẻ muốn làm một điều

ngoạn mục bằng cách gióng hướng súng vào những chỗ nào đã kéo cờ trắng. Ồ! Nếu muốn mời quân Hoa Kỳ chiếm đóng thì biết tay anh; khổ nỗi quân Hoa Kỳ không nhúc nhích. Phần đất của xã ở vào một vị trí không thuận tiện, chung quanh bao bọc ba phần nước, để trở thành mục tiêu cho các cuộc pháo kích, trái lại Heidesheim có một vị trí thuận lợi cho cuộc hành quân hơn; có lẽ vì vậy mà quân đội Hoa Kỳ không dự tính tiến chiếm thêm các vị trí khác. Ngoài ra quân đội Hoa Kỳ đã hướng nhiều mũi dùi tiến sâu vào Đức quốc và chiếm gần trọn miền trung bộ; nhưng ở đây Heidesheim, họ lại không nhúc nhích, chần chừ cả ba tuần lễ. Cứ mỗi lần Heidesheim lãnh một trái đạn, quân Hoa Kỳ đáp lễ cả trăm trái. Trung sĩ nhất Schniewind dành bảy trái đạn cho Weidesheim và các vị trí chung quanh anh ta nhất quyết phải phạt đám dân chúng, thiếu tinh thần ái quốc; anh rất khó chịu khi nhìn thấy những ngọn cờ trắng bay phất phới phía trước mặt.

Ngày đó Berchem lại chịu khó ghi thêm vào tập: “19g 00 khuấy động bất thường trong vùng ngã ba sông”. Hồi 10g 15 anh vẫn ghi như vậy: đến 11g 45 anh ghi thêm: “Chiến xa Hoa Kỳ di chuyển từ Heidesheim đến Weidesheim; lò bánh kẹo”. Đúng Ngọ anh rời đài quan sát để đi ăn cơm. Anh sắp sửa xuống thang, Trung sĩ nhất Schniewind từ dưới đất nói vọng lên:

- Đừng xuống vội! Chờ một lát!

Berchem trở vào đứng bên khung cửa sổ trên mái vừa thóc, bắc ống nhòm về phía trước mặt. Schniewind giật chiếc ống nhòm trên tay Berchem rồi nằm xấp xuống sàn ngھnh đầu qua bậc cửa sổ, làm như hăđ đang ở chiến trường. Berchem liếc nhìn hăđ; hăđ thuộc hạng người thực tế thiếu chịu đựng, nhưng lại có ảo tưởng rằng chính họ giỏi chịu đựng và còn thuyết phục người khác phải tin như vậy. Sự nhiệt thành của hăđ mất vẻ tự nhiên khi hăđ nằm bẹp trên ván sàn để nhìn khu vực Weidesheim bất động. Berchem nhìn thấy ngôi sao đđnh trên cầu vai áo hăđ còn mới, mới tinh như

cuốn dây thao uấn theo hình móng ngựa chung quanh cầu vai. Schniewind trả lại chiếc ống nhòm cho Berchem lầu bầu trong miệng:

- Đồ khốn nạn! Thật khốn nạn, chưa chi đã vội kéo cờ trắng; đưa tôi cuốn tập!

Berchem đưa tập cho hắn; hắn đọc những dòng chữ Berchem ghi trong đó.

- Toàn chuyện phịa không à! - Hắn nói - Tôi không hiểu tại sao anh lại ghi bậy bạ như vậy; lưu vực ngã ba sông bùn sình đó chỉ lúc nhúc cóc nhái mà thôi; có gì khác đâu. Nào, để coi lại xem!

Hắn lại giật chiếc ống nhòm từ tay Berchem để quan sát lại khoảng ngã ba sông; anh nhận thấy trên môi hắn còn rành rành vệt nước miếng, nhều xuống thành dây lòng thòng.

- Nào có gì đâu! - Hắn lầu bầu - Chẳng có ma đại nào ở đó cả; anh toàn báo cáo láo không à!

Hắn xé, một tờ giấy trong cuốn tập, móc trong cùng túi áo lôi ra một mẫu bút chì, mắt không ngớt nhìn ra ngoài khung cửa sổ, tay hí hoáy viết.

- Quân khốn nạn! Thật khốn nạn. - Hắn vẫn tiếp tục nguyên rũa.

Hắn xuống thang không thèm chào lại Berchem. Một phút sau Beckem cũng xuống thang kiểm cơm ăn.

* * * * *

Từ trên đồi nho chế ngự toàn vùng, Feinhals mới hiểu tại sao Weidesheim không thể là mục tiêu quý giá cho cả hai phe đối nghịch quân Hoa Kỳ cũng như quân Đức; có chiếm đóng vùng này chỉ uống công vô ích: lèo tèo mười lăm căn nhà và một xưởng làm kẹo mút đã ngưng hoạt

động. Ở Heidesheim có một nhà ga xe lửa xếp; còn một chiếc nữa thì lại ở bên kia sông trong vùng Auelberg thuộc phạm vi kiểm soát của quân Đức. Weidesheim lúc đó được xem như cánh tay đã bị liệt. Heidesheim trái lại, với địa thế ẩn tàng trong hốc đá tay nhỏ hẹp nhưng lại đủ khả năng chứa đầy chiến xa và quân xa nằm chình ình chẳng ai thèm, ngụy trang. Ngoài thung lũng, đồng cỏ và đồi núi đầy hoa tạo thành những đốm trắng, hồng hoặc xanh. Lúc đó đang giữa mùa xuân nên trời mát dịu. Từ trên cao nhìn xuống, cơ ngơi của gia đình họ Fincks hiện ra rõ rệt như một mô hình; hai cánh sân vuông vức tiếp giáp những con phố nhỏ hẹp. Anh nhìn rõ bốn người lính gác; trong cánh sân dành cho xưởng mộc một người đàn ông đang bận rộn bên cạnh một chiếc thùng lớn, hình thù hơi khác biệt, màu vàng lợt; có lẽ đó là chiếc quan tài, nhiều chỗ vừa mới bào nhẵn còn để lộ vân gỗ màu đào. Bà vợ chủ nhân ngồi kế bên chồng và đang nhặt rau.

Ngoài đường phố khá náo nhiệt; mấy bà nội trợ đi tới đi lui, mua bán; vài ba chú lính thả rong; cuối xã, vào giờ tan học, học trò tuôn ra đông nghệt. Ngược lại phía Weidesheim hoàn toàn buồn vắng. Mấy căn nhà gần như ẩn kín dưới tàn cây, nhưng Feinhals đã thuộc sẵn từ lâu, nhà nào của Bergs, nhà nào của Hoppenraths; chúng bị hư hại ra sao, và nhà của cha mẹ anh vẫn được nguyên vẹn. Nhà của cha mẹ anh ở ngay mặt tiền sơn màu vàng mang vẻ cũ kỹ; trên lầu nhất căn nhà, ngay trước cửa sổ căn phòng ngủ của cha mẹ anh, phát phới lá cờ trắng cỡ đại lớn hơn cả nhiều ngọn cờ khác tại các nhà kế cận. Cây ti ơn đã trở lại tốt tươi.

Vậy mà chả có bóng dáng người nào ngoài đường cái; những lá cờ trắng rủ xuống, bất động vì thiếu gió. Cánh sân rộng trong lò bánh kẹo cũng vắng tanh, vắng ngắt; cửa kho đóng kín nhưng ngoài sân chất đống hoặc ngổn ngang, chỗ này chỗ kia thật nhiều thùng.

Feinhals bỗng thấy xuất hiện một chiếc xe hơi Hoa Kỳ từ nhà ga xe lửa Heidesheim xả hết tốc lực qua đồng nội, vườn cây trái hướng về phía Weidesheim. Chiếc xe thỉnh thoảng khuất dưới màu hoa trắng nở khắp trùn

cây rồi lại ló dạng để tiến vào đường phố chính ở Weidesheim. Chiếc xe ngừng trước lò đường.

- Trời! - Feinhals nói nhỏ với ông thân sinh ra Finck, tay chỉ chiếc xe hơi - Thế là nghĩa gì?

Ông cụ ngồi bên cạnh anh trên chiếc ghế băng đặt trước căn lều chứa dụng cụ, thản nhiên lắc đầu.

- Có gì đâu! - Ông nói - Chẳng có gì là quan trọng! Người ngồi trong xe là tình nhân của cô Merzbach. Hàng ngày hẳn thường lui tới đó.

- Một người Hoa Kỳ mà?

- Dĩ nhiên rồi, - Ông cụ đáp - cô ả không dám đến với người Hoa Kỳ đó vì quân Đức thỉnh thoảng lại pháo kích vào vị trí quân Hoa Kỳ. Vì vậy anh chàng đành phải dẫn thân đến tìm nàng.

Feinhals mỉm cười. Chính anh cũng biết rõ cô nàng Merzbach cô ả nhỏ tuổi hơn anh; anh nhớ lại khi anh rời nhà ra đi, thì cô ả chỉ mới độ mười bốn tuổi, gầy đét, chân tay lòng không; cô ả luôn luôn tỏ vẻ bồn chồn. Cô ả chơi dương cầm, siêng năng làm nhưng vẫn quá dở. Anh nhớ lại một chiều chủ nhật trước đây, cô ả đàn ở tầng dưới nhà, trong phòng khách của xưởng bánh; lúc đó anh ở ngoài vườn và đang đọc sách. Sau khi thôi không dạo đàn nữa, cô ả bước tới gần khung cửa sổ, nhìn xuống vườn, mặt mày xanh lét; ánh mắt buồn và không tỏ vẻ hài lòng. Nghỉ chừng vài phút cô ả lại tiếp tục đàn. Vào hồi này, cô ả phải hai mươi bảy tuổi rồi. Anh thấy vui hộ cô ta khi tìm được người yêu.

Feinhals tự nhủ chả còn bao lâu nữa anh sẽ qua bên kia để về nhà, ngay sát vách gia đình họ Merzbach. Rồi ngày hôm sau cũng vào giờ đó, anh sẽ được rõ mặt anh chàng Hoa Kỳ đó. Có thể anh sẽ có dịp trao đổi với hẳn dăm ba câu chuyện rồi nhờ hẳn về việc giấy tờ. Chắc hẳn hẳn phải là một sĩ quan. Cô Merzbach chẳng bao giờ lại chịu yêu một anh bình nhì.

Feinhals nghĩ tới căn nhà nho nhỏ của anh tại thành phố mà anh biết lúc này không còn nữa. Đông lân hàng xóm trước đây đã biên thư báo cho anh biết căn nhà ấy nay chẳng còn, anh cố gắng hình dung căn nhà của anh ra sao mà không được, mặc dù chính mắt anh đã chứng kiến biết bao nhiêu căn nhà khác đã sụp đổ. Căn nhà của anh ở trong tình trạng bi đát đó, thế mà anh không sao mừng rỡ được. Khi được tin nhà anh bị sập, anh lại không về mặc dù thượng cấp anh cho phép; anh không hiểu tại sao anh lại không chịu về để xác nhận căn nhà của anh chỉ còn là đồng gạch vụn. Lần cuối cùng, năm 1943, anh về thăm nhà thì căn phố vẫn còn nguyên vẹn; anh đã lấy giấy bìa cứng để thay thế những khung kính cửa sổ bị bể rồi ra quán rượu gần đó ngồi chờ xe lửa tới. Anh đã ngồi trong quán tới ba tiếng đồng hồ, nói chuyện với gã bồi bàn, dễ mến, chững chạc và nhất là biết lễ phải; hắn còn trẻ, hắn thường bán thuốc lá với giá bốn chục “fennich” và rượu cô nhac Pháp với giá sáu mươi lăm đồng “Mác” giá đó chẳng đắt chút nào. Hắn cũng nói cho anh biết tên hắn nhưng anh lại không nhớ, hắn giới thiệu cho anh một người đàn bà thật đẹp chất phác, sự thật thà chất phác cổ hữu của người Đức. Người đàn bà đó mang tên Grete và mọi người đều kêu bằng “mẹ Grete”. Anh tin lời anh bồi bàn nên đã nói chuyện với người đàn bà khá lâu và uống vài ly rượu ngon. Suốt ba tiếng đồng hồ Feinhals nhận thấy Grete quả tình rất giản dị, tự nhiên; cô ả đã đem chuyện nhà ở Schleswig Holstein kể lại cho anh nghe và còn an ủi anh về những tai họa của chiến tranh. Trong quán rượu đó, Feinhals đã tìm được niềm thơ thối mặc dù, đêm đã tàn, số sĩ quan và binh sĩ say sưa đưa nhau ra ngoài tập cơ bản thao diễn.

Lúc ấy, anh cảm thấy hài lòng được trở về mái nhà xưa để sống ở đó. Anh sẽ sống ở đó thật lâu, chẳng muốn bốn ba nữa và quyết định chờ đợi mọi biến cố. Sau chiến tranh, thiếu gì việc phải làm, nhưng chính anh, anh lại không muốn tự hủy hoại bằng công việc. Anh có thể giúp người này, người khác trong việc gạt hái; kể như thế chả hại chút nào vì anh không tình nguyện như những người khách về quê nghỉ hè phải nắm tay vào chĩa nhọn. Nếu ai nhờ, anh sẽ xây vài căn nhà trong vùng. Anh liếc mắt nhìn

Heidesheim: sao nhiều nhà sập đến thế, suốt một dọc kế cận nhà ga xe lửa và ngay cả nhà ga. Một chuyến tàu vét còn đó; chiếc đầu tàu lỗ chỗ nhiều vết đạn, đổ nghiêng bên cạnh đường rầy, một chiếc cam nhông Hoa Kỳ đậu sát toa goòng chở đầy gỗ; người ta đang chuyển gỗ cây từ toa goòng sang xe cam nhông; những tấm ván vừa được xẻ ra từ các khúc cây làm mọi người chú ý như khi người ta chú ý tới chiếc quan tài trong vườn nhà bác thợ mộc, sáng chói hơn cả nụ bông trên cây.

Feinhals nghĩ tới con đường anh sẽ nương theo. Theo ông cụ thân sinh ra Finck, dọc theo con đường đó, có nhiều toán lính gác Hoa Kỳ; họ còn đặt nhiều đồn bót, nhưng không hề gây khó dễ cho những người nghỉ việc lẻ tẻ ra đồng. Muốn được an toàn hơn anh có thể theo đường nương dẫn nước dài chừng vài trăm thước từ con sông đầy cát. Lúc men theo đường rương đầu nên cúi xuống thật thấp. Nhiều người đã theo lối đi đó bằng cách chui qua bụi rậm của vùng Kerpels len lỏi dưới nương dẫn vào khu vườn ở Weidesheim. Khi đã lọt được vào những khu vườn thì chả còn ai thấy nữa. Feinhals lại rất thuộc đường trong khu vực đó. Anh có thể ngụy trang bằng cách vác trên vai cuốc hoặc mai. Cụ thân sinh ra Finck đoán quyết hăng ngày nhiều người từ Weidesheim đã sang bên này để thăm vườn nho hoặc vườn cây trái của họ.

Feinhals chả mong muốn gì hơn là được về nhà, nằm dài trên giường nghỉ ngơi mà không bị ai phiền nhiễu. Anh tha hồ nghĩ tới Ilona, và mơ đến nàng. Sau đó anh sẽ làm việc. Anh lại tha hồ được ngủ, để cho mẹ anh nuông chiều săn sóc. Chắc mẹ anh sung sướng khi biết anh sẽ mãi mãi ở lại nhà. Anh sẽ tìm lại cái thú được đọc sách và hút thuốc. Cô ả Merzbach chắc vẫn còn chơi dương cầm có thể bây giờ khá hơn trước nhiều. Anh biết chắc trước đây anh không hề để ý tới tài nghệ của cô ả mà chỉ cảm thấy sung sướng khi được đọc sách ngoài vườn và nghe cô ả nện xuống phím đàn. Tới lúc đó anh mới cảm thấy giá trị của cái diễm phúc xa xưa ấy. Anh mơ ước tự tay cất lên căn nhà mà chưa ai cất được và căn nhà đó cũng chẳng khác những căn nhà người khác cất lên bao nhiêu. Anh chỉ là một kiến trúc

sư bức trung; anh biết rõ điều đó lắm, nhưng anh tự mãn vì đã chọn được một cái nghề khả dĩ tạo được những công trình kiến trúc nho nhỏ, bền vững ư nhìn qua phóng đồ và đôi lúc vẫn còn ư nhìn ngay cả khi những công trình đó được hoàn tất. Điều cần nhất là chả nên quan trọng hóa vấn đề; chỉ có vậy thôi.

Con đường anh sắp phải đi có vẻ quá dài, mặc dù chỉ mất khoảng chừng nửa tiếng đồng hồ là cùng, bắt đầu từ khởi điểm. Anh cảm thấy mệt nên đâm lười; phải chi anh có xe đưa qua quãng trống đó, vừa nhanh lại vừa đỡ mệt cho anh; anh chỉ việc nằm ruỗi dài rồi lăn ra ngủ. Qua phòng tuyến Hoa Kỳ đối với anh không phải là chuyện dễ, có khi còn nguy hiểm tới tính mạng. Anh sẽ phải vượt nhiều chướng ngại vật; lúc này anh ngại khó; tất cả đều làm anh chán ngán.

Khi chuông nguyện nhà thờ vừa vang lên, anh vội vã lột chiếc nón kết trên đầu xuống, rồi chắp hai tay vào với nhau. Ông cụ thân sinh ra Finck và thằng nhỏ cũng làm như anh, bác thợ mộc đang bận bào chiếc quan tài buồng vội chiếc bào, mụ vợ lão đẩy xa rễ rau rồi đứng dậy. Cả hai vợ chồng lão cùng chắp tay trước ngực. Chẳng có người nào thấy ngưỡng ngừng phải cầu nguyện giữa nơi công chúng, nhưng riêng anh, anh thấy chướng chướng mặc dù trước đây việc nguyện kinh đối với anh không có gì xa lạ. Từ ngày anh được mục kích Ilona cầu nguyện, nàng tỏ ra quá sốt sắng, ít thấy ở một người đàn bà đẹp, đến đôi giáo hội cũng phải tin tưởng, anh cũng tự động cầu xin; trong thâm tâm anh chả có gì ước muốn nữa: Ilona nay đã chẳng còn thì cầu nguyện để làm gì? Nhưng anh vẫn cầu nguyện để nàng trở lại, vì chỉ có Chúa biết nàng đang ở nơi nào, sẽ giúp anh đến được với nàng. Mục tiêu của anh gần kề rồi mà. Những người chung quanh anh tất cả đều cầu xin để nhìn thấy điều ước muốn của họ được thể hiện. Trái lại, Ilona đã khuyên anh: “Chúng ta phải cầu nguyện để an ủi Chúa!”. Câu đó Ilona đọc cho anh nghe, nàng thấy nó hơi lạ và với anh, khi chắp tay anh, lòng nhủ lòng, không hề cầu xin gì hết; như vậy với anh đó cũng là một cách nguyện cầu. Anh nhủ lòng phải năng viếng nhà

thờ; anh khổ tâm lắm vì phải nghe bài giảng, vì phải gặp nhiều người anh không ưa; anh quyết tâm luôn luôn viếng nhà thờ, xem lễ chỉ cốt an ủi Chúa, an ủi NGƯỜI, vì những tội tở của NGƯỜI. Ý nghĩ đó làm anh mỉm cười, buông thông tay xuống lượm chiếc nón kết đội lên đầu.

- Trông kia, - Ông thân sinh ra Finck gọi anh - người ta bắt đầu di tản tù binh.

Ông cụ giơ tay chỉ về phía Heidesheim. Feinhals nhìn thấy chiếc xe cam nhông đậu trước cửa trại hòe; số sĩ quan từ trong căn phòng hẹp tại căn nhà cụ Finck bước lên xe, ngồi chật ních. Tất cả mọi người đều mang huy chương đầy ngực, sáng chói, từ xa ai cũng nhận thấy rõ. Chiếc xe cam nhông chạy thật mau trên con đường lờn rợn bóng cây; chiếc xe nhắm về hướng Tây trực chỉ; ở đó chưa có chiến tranh...

- Đường như, - ông cụ nói - họ chưa tiến quân. Ông có nhìn thấy những chiếc chiến xa kia không?

- Cháu mong họ tiến chiếm Weidesheim càng sớm càng tốt. - Feinhals đáp lại.

Ông cụ gật đầu đồng ý:

- Chắc cũng chả còn bao lâu nữa. Sau này ông nhớ sang thăm chúng tôi.

- Thế nào cháu cũng sang thăm hai bác.

- Chúng tôi mong gặp lại ông, - Cụ đáp - ông hút thuốc không?

- Cám ơn bác. - Anh đáp lời mời của ông cụ rồi nhồi thuốc vào ống vố.

Ông cụ đốt thuốc cho anh; cả hai người đứng ngắm cánh đồng đầy hoa một lúc lâu; cánh đồng chạy thoải ra mãi tận xa; ông cụ đặt bàn tay lên đầu thằng cháu nội.

- Bây giờ cháu phải đi, - Feinhals bỗng nhiên nói lên ý định - xin kiểu bác; cháu nóng lòng về nhà quá...

- Ờ! Ông về đi; đừng lo sợ gì hết; chả có gì là hiểm nguy đâu. - Ông cụ an ủi vỗ về Feinhals.

Anh chìa tay cho ông cụ.

- Cháu cảm ơn bác thật nhiều, - Anh vừa nói vừa nhìn thẳng vào mặt ông cụ - cảm ơn bác; cháu ước mong được gặp lại bác thật sớm.

Anh không quên bắt tay thằng nhỏ đang hướng đôi mắt đen và rộng về anh, nó nhìn anh có vẻ nghĩ ngợi nhưng không hề nghi ngại.

- Ông nên cầm lấy một cán cuốc, - Ông cụ khuyên anh - như thế tốt hơn.

- Cảm ơn bác. - Feinhals giơ tay đón cán cuốc từ tay ông cụ.

Anh có cảm nghĩ anh đang tiến thẳng tới chiếc quan tài bác thợ mộc đang đóng trong sân; chiếc hòm thật lớn, thật bóng vẫn nằm đó, mỗi lúc một lớn hơn khi anh tiến thẳng tới gần; cảm tưởng đó giống như lúc anh ngẩng nhìn qua ống nhòm. Anh rẽ về tay mặt dọc theo hương lộ; anh nhập đám đông học trò vừa tan trường, cùng đi với chúng tới đầu tỉnh; anh vẫn tiếp tục đi nhưng lúc đó chỉ còn mỗi mình anh trên con đường dẫn tới đường mương thoát nước. Anh thấy khó chịu nếu cứ phải khom lưng mà đi dưới mương vì vậy anh bắt cần, thẳng người đi đại. Anh không khoái lội nước bì bõm trong vùng Kerpel ngoài ra anh thấy kỳ kỳ: tiến về làng bằng hướng bên phải để tới nơi bằng hướng trái. Anh men theo con đường tắt, băng qua đồng, băng qua vườn cây trái cho tới lúc anh đứng đầu với một người khác đi ngược chiều, cách anh vài trăm thước, trên vai cũng có một cán cuốc.

Quân Hoa Kỳ đặt hai người gác ở đường mương. Họ để đầu trần, đứng hút thuốc, nhìn về vườn cây trĩu bông với ánh mắt chán chường; vườn cây

ngăn cách hai vùng Heidesheim và Weidesheim. Họ không để ý tới Feinhals; họ đã gác ở đó được ba tuần lễ và trong hai tuần đầu Heidesheim chưa bị pháo kích lần nào; Feinhals bước qua mặt họ, rất bình tĩnh; anh còn chào họ nữa chứ; họ cũng chào lại anh và không nghi ngờ gì.

Chỉ còn mười phút nữa thì anh tới đích; anh băng thẳng qua vườn cây rồi quẹo về bên trái giữa trang trại của gia đình Heusers và Hoppenraths; chỉ còn qua quãng đường lớn là anh tới nhà. May ra anh gặp được người quen.

Nhưng anh chả gặp được ai, không nghe thấy gì ngoài tiếng động cơ xe vang lại từ xa. Vào giờ đó, chẳng bên nào khai hỏa; mặc dù việc khai hỏa vào giờ khắc nhất định giữa đôi bên vẫn có nhưng lại ngưng vào lúc đó; anh có cảm tưởng cả đôi bên biết sự hiện diện của anh vào giờ khắc đó nên đã ra lệnh tạm ngưng tiếng súng.

Anh chưa chát nghĩ tới Ilona: anh có linh cảm nàng muốn trốn tránh anh, có thể nàng đã chết, có thể nàng không muốn bận vào thân; nếu không lúc đó nàng đã phải ở kế bên anh; nàng phải ở kế bên anh, anh có cảm tưởng như vậy. Chính Ilona đâu có muốn sống kiếp gái già nhưng gấn cuộc sống nàng vào một mối tình mới chớm nở, phù du trong khi trên đời còn có một mối tình khác, một mối tình trường cửu, đối với nàng là một việc chẳng nên làm. Ilona có thể biết rất nhiều, thật nhiều, nhiều hơn cả anh nữa. Anh có cảm tưởng đã bị chiếm đoạt mất một cái gì vì giờ đây anh sắp trở về mái nhà xưa; anh sẽ tiếp tục cuộc sống riêng biệt, đọc thật nhiều và làm chả bao nhiêu; anh sẽ nguyện cầu để an ủi Chúa. Và chẳng hề xin Chúa ban ơn; tình thương của Chúa có bao giờ thể hiện được bằng sự sang giàu, sự thành công hoặc một phương tiện sống bằng cách làm ăn dối trá; trên đời đã nhiều người sống thực mà làm dối; chính anh cũng vậy, anh ăn thực mà làm dối, một kiến trúc sư không thể tạo được những căn nhà cho người khác; kiến trúc sư, loại hạng bét còn làm được hơn anh nhiều.

Anh mỉm cười khi bước qua nhà Hoppenraths cây cối vẫn chưa hề được phun chất lỏng trắng trắng mà cha anh bảo là cần thiết. Cha anh đã thảo luận thật sôi nổi với Hoppenraths về vấn đề này nhưng hẳn đâu có thêm nghe ông... Chỉ còn vài bước nữa là anh về tới nhà. Bên tay trái anh là trang trại của Heusers, bên tay mặt của Hoppenraths; con đường ngăn đôi hai cơ sở đó quá nhỏ hẹp. Anh theo con đường lớn bên trái một thôi ngẩn. Cây cối trong vườn Heusers đều được phun nước vôi trắng xóa. Anh mỉm cười.

Trái đạn bay trước mặt anh; anh vừa kịp nhận ra đã vội nằm xấp xuống đất, nụ cười chưa tắt; quả đạn rớt ngay trong vườn cây Hoppenraths rồi nổ tung, cành, lá bay mù trời đất; hoa trắng rụng đầy vườn, trắng xóa một màn trên nền cỏ. Viên đạn thứ hai trúng gần nhà Bäumers, gần kề cửa nhà cha mẹ anh; trái thứ ba và thứ tư không trúng mục tiêu vì hơi chệch về bên trái; hai trái đạn sau nhỏ hơn. Anh sắp sửa từ từ đứng dậy thì trái thứ năm rớt xuống nữa trúng ngay chỗ các trái trước đã nổ. Cuộc pháo kích ngừng ở trái thứ năm. Anh nằm yên nghe ngóng thêm một lúc; không còn tiếng đạn bay nữa. Anh vọt đứng dậy chạy thật mau. Trong làng chó đua nhau sủa vang; gà vịt trong nhà Heusers bay tứ tung; bò trong chuồng rống lên từng hồi. Anh lẩm bẩm. “Để làm gì nhỉ? Để làm gì nhỉ?” Có lẽ họ ngắm bắn chiếc chiến xa Hoa Kỳ, vì nó vẫn còn đâu ở đó. Khi anh tới khúc quanh của con đường, mới nhận ra chiếc chiến xa đã đi rồi. Đường phố vắng ngắt, chỉ có tiếng chó sủa và bò rống. Chỉ còn vài thước là anh tới nhà cha mẹ. Trong làng chỉ có mỗi nhà anh treo cờ trắng, lá cờ sao mà to thế; có thể người trong nhà đã dùng chiếc khăn trải bàn làm cờ, chiếc khăn đó mẹ anh chỉ dùng khi trong nhà có đãi đằng lớn. Anh vừa mỉm cười thì lại phải nằm xuống mặc dù anh biết đã quá chậm. Anh nghĩ “Bắn như vậy thật vô ích chả ăn thua đâu vào đâu!” Trái đạn thứ sáu trúng ngưỡng cửa nhà anh; cột đá sập, vôi cát bay tứ tung; mẹ anh kêu cứu dưới hầm rượu. Anh trườn bò thật mau vào trong nhà. Trái đạn thứ bảy bay tới anh vừa kịp thốt lên tiếng kêu thì nó đã nổ rồi: Cái chết với anh lúc đó thật không đơn giản chút nào. Người anh bị hất vào trong nhà, cán cờ gãy đôi; tấm khăn trải bàn rớt xuống phủ kín người anh.

HẾT